

NGUYỄN QUANG-LỤC

(LỊCH - SỬ²)

HÀ-NỘI

Những Kinh-Thành có trước HÀ-NỘI :
THÀNH Cồ-Loa, THÀNH LIÊN-LÂU,
THÀNH LONG-BIÊN



QUYỀN NHẤT

NHÀ XUẤT-BẢN
GIÓ VIỆT
218, Lê - Lợi 218
SAIGON



NGUYỄN QUANG-LỤC

(LỊCH - SỬ)



Những Kinh-Thành có trước HÀ-NỘI :
THÀNH Cồ-Loa, THÀNH LIÊN-LÂU,
THÀNH LONG-BIÊN

QUYỀN NHẤT

昧於古者。何以驗今。

« MUÔI Ư CÒ GIẢ, HÀ DĨ NGHIỆM KIM. »
Không biết việc xưa, sao suy-nghiệm được việc nay

Lời dụ của vua Dực-tòng
(KHẨM-DỊNH VIỆT-SỬ THÔNG-GIÁM CƯƠNG-MỤC)

NHÀ XUẤT-BẢN

GIÓ VIỆT

218, Lê - Lợi 218

SAIGON



TUẤA

Sau một thời-kỳ khảo-cứu, ông Nguyễn quang-Luc đã viết nên trang lịch-sử múa thành Cồ-Loa, LIÊN-LÂU LONG-BIÈN, rồi đến HÀ-NỘI, HÀ-NỘI đó là chủ-bút của ông. Ông có lòng yêu, giao cho tôi trọng-trách viết bài tựa.

Tôi biết nói gì được đây? Cái công-phu khảo-cứu tài-liệu sâu-sắc, cách hành-văn phong-phú dồi-dào đã đủ giới-thiệu quyển sách với độc-giả rồi.

Tôi vốn không sành về quốc-sử, nên về phần phê-bình sử-liệu xin nhường các bậc sử-gia lão-thành. Tôi chỉ nói đến một sự ngẫu-nhiên đã giúp tác-giả thành-tựu một công-công-trình tác-phẩm. Tác-giả đã viết : « Vì thời-thế, bước chân giang-hồ ngừng mãi ở Sài-gòn, tôi quay mặt về Bắc, nhìn về Hà-nội. Muốn soạn nên một quyển sách nói vài cảm-tưởng về Hà-nội khác Sài-gòn, tôi không ngờ lại đi sâu vào vấn-dề đến thế »...

Tôi xin thành-thực tán-dương tấm lòng nhớ-nhung của tác-giả, Trong khi biết bao người lấy những lời thống-thiết làm-ly, hoặc mượn chén say-sưa, mượn thú hành-lạc để khuây nỗi ưu-phiền trong tình cách-trớ, thì tác-giả cũng nhớ-nhung, nhưng đã đem tấm can-tràng vào chồng sách cũ, để soạn nên thiên sứ này.

Viết cuốn súp này, tác-giả còn một thâm-ý nữa :
 sựu-làm tài-liệu để chứng-minh dân-tộc-tinh và tinh-thần ĐỘC-LẬP cõi-truyền của người Việt-Nam ta. Phải
 chăng trong lúc toàn dân Việt dương nỗ-lực tranh-dấu
 cho nền Độc-lập của đất nước, tác-giả viết cuốn sách này,
 muốn thêm vài hòn than vào cái lò dương cháy, muốn
 nhắc-nhở cho ai nấy rõ cái chí cương-cửng của dân-
 tộc đã được huy-dúc từ mấy ngàn năm ở trung-tâm-
 điểm văn-hóa nước nhà ; trung-tâm-diểm ấy là thành
THĂNG-LONG tức là HÀ-NỘI ?

Thời tritóc kinh-thành là tiền-biểu của quốc-gia,
 là mục-phiêu của các cuộc tranh-chấp. Đối với nhung
 cuộc ngoại-xâm, kinh-thành còn thi nước còn, kinh-thành
 mất thi dân-lâm tan-rã. Cho nên nói thành Thăng-
 long là trung-tâm-diểm tinh-thần quật-cửng của dân-
 tộc ta không phải là quá đáng, và tác-giả viết lịch-sử
 thành này cũng không ngoài mục-dịch tìm những dấu
 vết của tinh-thần đó.

Viết tại Sài-gòn ngày 9 tháng 12 năm 1952.

VƯƠNG ĐÌNH-THIỆM

LỜI NÓI ĐẦU

Định nghĩa Hà-Nội

Chúng ta là người Nam, chúng ta là người Trung, chúng ta là người Bắc, một khi nhắc đến hai tiếng HÀ-NỘI, ta cùng thấy thầm-thầm đượm lòng.

Bảo rằng Hà-nội là kinh-dò của riêng đất Bắc, lời nói ấy nếu không vô-tinh ich-kỷ, thật là một lời phản lịch-sử.

Từ miền núi Tản-viên phương Bắc cho tới miền sông Đồng-nai phương Nam, ai có can-dảm không nhận mình là con cháu họ Hồng-Bàng, nói cho thi-vị là con cháu « Rồng Tiên » không ?

Chắc-chắn rằng không.

Vậy thì Hà-nội không riêng cho một phương nào, nó là trung-tâm-điểm của nước. « Đường nào cũng hướng cả về La-mã ». Chúng ta là con dân nước Việt đều hướng cả về Hà-nội.

Là vì Hà-nội là kinh-dò nước ta từ hồi Bắc-thuộc, hồi bờ cõi nước ta mới đến Cửu-chân và Nhật-nam. Bấy giờ nước ta còn bị mang cái tên đầy khi-vị « đô-hộ » là Giao-chỉ-quận hay Giao-châu, và Hà-nội còn tên là TỔNG-BÌNH, hay ĐẠI-LA-THÀNH.

Vậy thì ông cha ta hồi xưa là người cõi Bắc, người Hà-nội cả.

Thời-thế đã xô đẩy, vì luật « sinh tồn cạnh-tranh » chúng ta phải dựng cờ « Nam-tiến ».

Từ Hà-nội, chúng ta lan vào chiếm Thuận-hóa. (Đất của Chiêm-thàn-lí). Đặt bước ở Thuận-hóa, chúng ta mưu đồ cuộc mở đất tới miền Nam. (Đất của Chân-lạp).

Ngày nay ta có Huế, có Sài-gòn, ngày xưa ta chỉ có Hà-nội.

Sài-gòn là một tỉnh-thành rất phồn-thịnh, chải-chuốt mầu trang-sức rực-rỡ Âu-châu, vào hồi năm 1919 đã thành kinh-dô nước ta, một kinh-dô mới mẻ của thời-thế.

Huế là kinh-dô nước ta hơn một thế-kỷ. Nhưng khi là nơi biên-viễn, thì nó là miếng đất dụng-võ, còn được gọi là cự-trấn hùng-phiên. Từ hồi làm quốc-dò của một dòng họ, nó đã phủ một màn buồn sướt-mướt, sướt-mướt như những hạt mưa dầm trên Hương-giang.

*« Khô héo lá gan cây đinh Ngự,
« Đầy vời giọt lệ nước sông Hương ».*

Hà-nội, trái lại, từ khi là kinh-dô đã dở những trang lịch-sử bi-hùng oai-hùng- Ta ngâm-ngùi ngâm câu thơ :

*« Mây tòa sen héo, hơi hương ngự.
« Năm thức mây phong nếp áo chàu ».*

• • • • • • • • • • • • •
*« Đá vẫn tro gan cùng luể-nguyệt,
« Nước còn chau mắt với tang-thương ».*

Nhưng ta khoái-trá biết bao khi ngâm tới hai câu thơ của một ông vua nhà Trần xưa :

*« Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch-má »
« San-hà thiên cổ điện kim-đu ».*

(Xã-tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông thiên cổ vững vàng).

(Dịch T.T.K.).

Hà-nội quả là một kinh-thành lịch-sử, cùng lịch-sử khi ngâm giọt lệ, khi nở nụ cười Hà-nội là nơi gắn chặt linh-hồn của đất nước.

Huế! Cái kinh-thành âm-u mỹ-miều này, từ xưa kè cũng có duyên-dáng với cõi đất nước ta, nhưng nó

chỉ là một miếng đất xa-xôi, đặt cã một bài tinh-đố vào lịch-sử.

Người ta bảo miếng đất Huế hồi ấy dñ lấm, nỏ đã nỗi lên nhiều trận phong-hà trãi nhiều « dâu-bè ».

Từ đời thương-cổ, Huế là đất của bộ VIỆT-THƯỜNG (1 bộ trong 15 bộ bắt đầu đặt từ đời Hùng-vương thứ Ba, khoảng năm (2611-2477 trước T. C.) Quyền Địa - dù Nguyễn-Trãi chép :

« Thuận-hóa cõi Việt-thường-bộ ».

Ông Rousseau cũng nói rằng bờ cõi nước ta đời Tân chạy mãi tới phía Nam đèo Hải-vàn. Vì đâu về sau huyện Tượng-lâm lại biến thành của Lâm-Ấp — nước ấy sau đổi quốc-hiệu là Chiêm-thành — và dân-tộc ta không có một hoài-niệm thiết-tha gì về sự thiêt-thời bờ cõi ?

Phải chăng trong thời-dai phong-kiến về đời Hồng-Bàng, chế-dộ cai-trị của các Lạc-vương yếu-đuối không đủ thị-uy với các tù-trưởng, mà miếng đất biên-viễn là bộ Việt-thường kia gấp kẽ tù-trưởng ngang-ngạnh đã tự lập thành một quốc-gia ?

Sử chép rằng về cuối đời Hán, (220 sau T.C.) con chúa công-tào là KHU-LIỀN đã giết huyen-lệnh tự đặt làm vua, đặt tên nước là LÂM-ẤP, đất Lâm-Ấp hồi ấy là HUẾ bây giờ

Rồi trước kia cùng quận Nhật-nam theo một làn sóng văn-hóa từ phương Bắc dỗ xuống, miếng đất Huế đã hữu-ý quay đầu về phương Nam, chịu sự hấp-dẫn của văn-hóa Án-dò.

Vì sự gấp-gõ của hai luồng văn-hóa khác nhau, mà dân-tộc ta và dân-tộc Chiêm-thành đâm ra hiềm-khích nhau, tranh-chấp với nhau, khuynh loát lẫn nhau, để kết-cue đến chỗ một cõi một mất.

Miếng đất Huế thời ấy đã là cái mồi lửa chiến-tranh của hai dân-tộc. Nó như miếng đất Alsace-Lorraine của nước Pháp, nó là đứa con đẻ không giấy khai-sinh, mà vì muốn mở-mang bờ cõi hai dân-tộc cùng muốn kéo về phạm-vi lĩnh-vực mình.

Suốt đời Tấn (265-419 sau T.C.) Huế thuộc Lâm-ấp. Năm Đại-nghị-ep thứ nhất (605) nhà Tùy lấy lại đổi làm quận Ty-cảnh. Cuối đời Tùy nó lại mất về tay Lâm-ấp Đầu đời Đường (618) nó bị đổi làm châu Lâm châu Cảnh, rồi lại bị Lâm-ấp lấy về. Trong khoảng năm 627, 649 nó có tên là ty Nam-cảnh. Nhưng đời Tống, Huế lại thuộc vào Chiêm-thành (960-1276).

Nước mắt máu xương trải bao thế-kỷ, người ta phi-phạm đem thăm rải trên miếng đất biên-cương, máu đoạn-trường cùng với thời-gian thăm-lại.

Gươm giáo giải-quyết vần-dề đất-dai, càng ngày càng thắt giày oan-nghiệt, thì may thay sau này câu chuyện Huế đã trở nên ôn-thỏa bằng khóc mắt của người đàn-bà.

Lịch-sử kể lại rằng vào năm Tân-sửu (1.301) Nhân-tông Thượng-hoàng nhà Trần sang ngoạn-cảnh Chiêm-thành có ước gả HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHỦA cho vua Chiêm là Chế-Mân. Về sau Chế-Mân cứ vin lấy lời ước ấy mà xin cưới. Nhưng ông vua phiền-lhần ấy hẳn cũng hiểu rõ rằng một kẻ man rợ phượng Nam, dầu ở ngai vàng diện báu, muốn cầu-hôn một nàng công-chúa Thăng-long không phải là chuyện dễ. Cho nên ngoài những món sinh-lẽ bằng vàng bằng bạc rất hậu, vua Chiêm-thành đã đem món sinh-lẽ bằng đất-dai để đổi lấy người đẹp. Món sinh-lẽ ấy là châu Ô và châu Lý, đất Huế bây giờ. (A)

(A).— « Trần Anh-tông, Hưng-long thập-tứ niên, già Huyền-Trân công-chúa vu Chiêm-chúa Chế-Mân. Chiêm dĩ Ô, Lý vi sinh-vật, nãi cải vi Thuận-hóa châu » (Hoàng-Việt Địa-dư chí) (Năm Hưng-long thứ 14, vua Trần Anh-tông gả Huyền-Trân công-chúa cho vua Chiêm là Chế-Mân. Nước Chiêm lấy châu Ô châu Lý làm sinh-vật bèn cải làm châu Thuận-hóa).

« Hai châu Ô, Lý vuông ngàn dặm,
 « Một gái Huyền-Trân của mây mươi ».

lời vịnh sứ của Hoàng cao-Khai về Huyền-Trân công-chúa là lời bạc-đức.

Vân hay Chế-Mân cất cõi đất của quốc-gia để làm thỏa lòng tinh-ái là một cử-chỉ liều-lĩnh làm tồn-hương danh-dự Chiêm-thành, đáng để cho dân Chiêm-thành ta-oán. Nhưng Huyền-Trân công-chúa phải rời gót son cung cấm để phai màu nhan-sắc ở nơi xú-lạ bờ-vò, cái duyên-tinh ấy không vê-vang gì cho thành Thăng-long cả. Tình-phụ-lử, tình-xú-sở, lòng kiêu-hanh về dòng giống của một quốc-gia, dưới bước « Quy-Chiem » của Huyền-Trân công-chúa trở nên thồn-thức. !

Tiếng thời-dai đã bao nhè nho-sĩ công-phẫn về cuộc hôn-nhàn ép-uồng ấy. Họ cho đó là sự đầu-hàng của nước ta đối với lân-quốc. Họ vì cuộc vu-quy của người đẹp này như cuộc cống Hồ của nàng Chiêu-Quân nhà Hán xưa.

Thật là đau khổ khi người ta đặt *Lợi* trên *Tinh*. !

Nếu phải tình là dài thì đến muôn châu Ô, Lý cũng không bù lại được tấm tình chua-xót của công-chúa Huyền-Trân !

Nhưng ở đây ta đã nhận được ở sự hy-sinh của người đẹp một vẻ đẹp lịch-sử.

Phải chăng hai châu Ô, Lý đã thấm-thia giọt lệ cảm-tinh của nàng, mà từ đấy đã thuộc hẳn vào đất-dai của ta ? Nếu tình của nàng công-chúa Huyền-Trân không thiêng thì hai châu Ô, Lý còn mãi mãi là nơi xáo-trộn xương máu của hai dân-tộc, nó là cái mầm đau khổ cho biết bao tâm-can !

Cái tinh-trưởng của người đẹp sâu-sắc lâm, khi xưa một giọt lệ thương chòng của một thiếu-phụ làm long lở được Van-lý trưởng-thành, một nụ cười của quý-phụ làm nghiêng dỗ được thiên-hạ. Người đẹp dầu khi đời đã tịch-mịch còn lưu tình man-máu với thời-gian.

« Chau Nam-hai thuyen chim song Thuy-ai,

« Song Tiem-duong co an ben O-giang». (A). .

Công-chúa Huyền-Trân quả đã đem cảm-tình ra kết linh-thiêng hai châu Ô, Lý.

Rồi miếng đất Thuận-hóa trên hai thế-kỷ (từ năm 1303 đến năm 1558) đãm-thảm cái tinh-hoa của đất nước, ấp-ủ tinh-thần độc-lập dũng-mạnh của dân-tộc. Đương là miếng đất hoang-rợ ở biển viễn, nó đã thành miếng đất phồn-thịnh ở phương Nam.

« Hoàng - Việt Địa-dư chí » nói :

« Thuận-hóa bảy giờ phía tây giáp Ai-Lao, phía đông « giáp bờ, phía Nam giáp Quảng-nam, phía Bắc giáp « Nghệ-an, Hoành-son liền rãy làm thành, sông lớn « chắn ngang làm cõi. Núi cao bể rộng thát là một « nước có thể hiềm-trở tự Trời cho. Từ đời Lý, Trần « đến đây phong-hội chửa khai-thông, phong-tục phác- « dã mà quê mùa, dân-cư ít-ỏi mà vắng-vé, một cõi

A).— Hai câu văn này trích trong bài « hát nói » của Tân-Bà thi-sĩ, đầu-de là :

« Đời đáng chán »,

Theo ý thi-sĩ, ở đời cái gì cũng thoảng qua hết, đến cả những tấm kiêu-trung của những nàng liệt-nữ dài-trang như nàng Mỹ-Châu ở bờ Nam-hai, nàng Phan thị-Thuấn ở sông Thúy-ai, nàng Tây-Thi ở sông Tiền-dương, nàng Ngu-Cơ ở bến Ô-giang.

Nhưng thử hỏi các bậc tài-hoa tiết-liệt ấy chết đi bảo rằng thoảng qua như một giấc mộng sao lại còn dấu vết ở sự-vật và lịch-sử cho mãi tới ngày nay ?

Thi-sĩ quả đã vô-tinh dùng hai câu văn hay vào lạc chỗ. Tác-giả mượn hai câu này đặt vào chỗ đúng nghĩa của nó.

« xa-xôi còn là dị-vực. Đến khi thời giờ đã đổi,
 « vận nước mỗi ngày một mới, què-mùa hóa làm
 « anh-hoa, hoang-rầm hóa làm phồn-diễn. Đầu đời Lê
 « đã thành cự-trấn. Sau khi trung-hưng (khoảng
 « năm 1533-1548) thật là một cõi hùng-phiên. Hơn 200
 « năm nay thành một đô-hội lớn. Văn biết thiền-vận
 « tuân-hoàn thật là tự phong-vận một ngày một
 « mớ-mang. »...

Sự trở mình của miếng đất Thuận-hóa thật là
 dột-ngột, dột-ngột nhất từ khi có cuộc trấn-thủ của
 đức NGUYỄN-HOÀNG. Người ta bảo trạng Trịnh là
 nhà tiễn-tri, ở đây ta còn phải nhận ngài là nhà địa-lý.
 Với cái tri thông minh quán-tuyệt, ngài đã nhìn sâu
 vào bao thế-kỷ!

« Hoành-sơn nhắt đái, vạn đại dung thân ».

(Một giải Hoành-sơn là nơi dung thân muôn đời).
 Bởi lời chỉ-giáo ấy, nhà Nguyễn đã gày dược nghiệp
 lớn có công to-tát với nước ta, và miếng đất Thuận-
 hóa đã trở nên miếng đất gày dựng vương-nghiệp.

Mới bắt đầu vào trấn thủ ở cõi đất xa lạ, đức
 Nguyễn-Hoàng dựng dinh ở làng Ái-Tử (thuộc huyện
 Vũ-xương (Quảng-Tri), năm Mậu-ngo (1558).

Năm Canh-ngo, (1570) khi chúa Nguyễn-Hoàng từ
 Tây-dò về Thuận-hóa, dời kinh-dò về làng Trà-bát.
 Rồi năm Canh-tý (1600) chúa Nguyễn-Hoàng lại dời đô
 về phía đông dinh Ái-tử tục bấy giờ gọi là Cát-do inh

Tháng ba năm Bình-dần, (1626) kinh đô của chúa
 Nguyễn — bấy giờ là Chúa Nguyễn-phúc-Nguyễn —
 dời từ Cát-doanh đến xã Phúc-Yên (thuộc huyện Quảng-
 diễn phủ Thừa-thiên), lấy Linh-giang làm cõi. Tháng
 chạp năm Ất-hợi, (1635) chúa Nguyễn-phúc-Lan lại
 dời công-phủ đến xã Kim-Long.

Trong mấy đời Chúa, kinh-thành cứ chịu sự xé-

đi liên-tiếp, phải chăng nó chưa gấp nơi dắc-dịa ?

Trong thời-kỳ kinh-thành ở những nơi ấy, chúa Nguyễn chỉ mới xưng đến : « THÁI-PHÓ QUỐC-CÔNG » đóng ẩn « TỒ VĂN-TRÁN TUỐNG-QUÂN », nhưng từ khi kinh-dò dời hẳn về PHỦ-XUÂN (tháng bảy năm Đinh-mão (1687) là đất Huế bấy giờ, chúa Nguyễn nghiêm-nhiên vào Vương-tước năm giáp-tý (1744). Nếu đất Huế không phải là miếng đất dể-vương sao lại có sự ăn nhịp của lịch-sử như vậy ?

Khi chúa Nguyễn-Hoàng gần mệnh-chung có dặn lại người con kế-nghiệp là chúa Nguyễn phúc-Nguyễn : « Đất Thuận-hoa này bên Bắc có Núi Hoành-son sông Linh-giang, bên Nam có núi Hải-vân và núi Bi-son là « nơi trời dè cho người anh-hù g dụng-võ. Vậy ta phải thương yêu nhân-dân luyện-lập quân-sĩ dè gây dựng cơ-nghiệp mòn đờ ».

Lời dặn ấy chí-lý nhất là vào lúc vận Huế đương lên, thời-cơ đương oanh-liệt.

Năm Quý-ty, (1653) chúa Nguyễn phúc-Tần lỵ đất của Chiêm-thành đặt làm Thái-ninh-Phủ (tức là Khánh-hoa bấy giờ).

Năm Quý-dậu, (1693) Chúa Nguyễn phúc-Chú hoàn-toàn tiêu-diệt Chiêm-thành.

Rồi dần dần theo chính-sách « làm-thực » Chúa Nguyễn đã lấn cả đất Chân-lạp bằng sự di-cư và bằng binh-lực, chiếm cả của Chân-lạp 6 tỉnh miền Nam.

Cái nguyên-nhân NAM-TIẾN mạnh-mẽ ấy há chẳng phải bắt đầu từ Huế, nơi khai-nghiệp của ông tổ nhà Nguyễn là Thái-tồ Gia-dụ Nguyễn-Hoàng (chúa Tiên) ?

Nhưng miếng đất Huế chỉ có một thời lùng-lẫy. Khi nó đã làm tròn cái sứ-mạng chiếm 6 tỉnh

miền Nam thì đang lâm-liệt oai-hùng bỗng trở nên hiền-lành nhu-thuận.

Người ta thường ví nước Việt-nam : Nam, Bắc là hai thung gao ; Huế (Trung) là cái đòn gánh, gánh hai nơi. Không, đấy là một cái cân do thiên-mệnh đã cắt đặt, Huế là cái cân khi nó đã thăng-băng đôi bên không còn muốn thêm bớt chi cho ra phần nặng nhẹ.

Huế là miếng đất của thời-vận, nó đã đặt một thành-công lớn-lao vào cuộc tiến-triển của dân-tộc, và đã trở nên hiền-lành từ vận trung-suy của nhà Nguyễn.

Tuảng chạp năm Giáp- ngọ (1774) Hoàng ngũ-Phúc tướng nhà Trịnh, chiếm được Thuận-Hoa dừng chân ở đây. Năm Bính- ngọ (1786), vua Nguyễn Quang-trung đem quân phạt Bắc, chiếm được Thuận-hoa cũng không muốn cắt bước anh-hùng thêm nữa.

Xưa kia Huế là miếng đất đầy võ-dũng, nâng đỡ yên ngựa anh-hùng, bây giờ bỗng trở nên tinh-trường nhí-nữ. Huế không phải là con cọp có nanh có vuốt nữa, Huế đã là ông tướng trải nhiều trận xông-phá đậm bì-quyện.

NĂM TÂN-DẬU (1801) chúa NGUYỄN-ÁNH lấy được kinh-do cũ. Vì chúa hiểu cái tính-cách của nơi đất-dai ấy mà chỉ đặt Huế làm nơi Cựu-doanh, thi nơi lầu phủ ấy thơ mộng biết bao ! Ở đấy người ta chỉ xây những lăng-tẩm để nó đượm lấy màu phong-cảnh mịn-màng thanh-tú của đất Thuận-hoa, ấp-ủ lấy linh-hồn người thiêng-cồ qua thế-kỷ, đặt tình-tưởng nhớ man-mác vào những cảm-niệm hậu-lai. Rồi bên lăng-tẩm người ta dựng vài cái biệt-thự để những vị vua, sau một thời-kỳ vật lộn với chính-tị về đấy di-duoing tinh-tinh.

Nhưng vua Gia-Long đã đặt Huế làm QUỐC-ĐÔ
trái hơn một thế-kỷ.

Năm Giáp-tý (1804) tháng ba, năm thứ ba triều Gia-long, nhà vua đã tự xem xét địa-thể từ làng Kim-long đến làng Thanh-hà để mở rộng kinh-thành. Kiều kinh-thành là do ông OLIVIER DE PUYMANUEL một viên võ-quan Pháo giúp việc nhà vua vẽ theo mẫu VAUBAN. Kinh-thành xây dựng trên làng PHÚ-XUÂN (1805). Theo luật phong-thủy đó là noi đắc-dịa. Phía trước mặt Hương-giang có núi Ngự-bình. Bên tả kinh-thành có hòn cù-lao là Thanh-long, bên hữu có hòn cù-lao là Bạch-hồ.

Thoạt đầu tường đắp bằng đất. Tường cao 6 thước 12, mặt thành dày 2 thước, chân thành dày 2 thước 52. Hào xung-quanh thành rộng 30 thước, sâu 4 thước. Nhà vua còn sai xây dựng một khu gọi là Thái-bình-đài, năm Bình-thân (1836) đổi tên là Trấn-bình-đài nay là Mang-cá. Thành đắp ròng-rả 8 tháng mới xong.

Công-cuộc xây bằng gạch về mặt Nam, Tây và Bắc khởi-sự và hoàn-thành vào những năm Mậu-dần và Kỷ-mão (1818-1819). Năm Minh-mệnh thứ II Nhâm-ngọ (1822) người ta xây bằng gạch nốt mặt Đông, lăn gạch dày tới 1 thước ruồi. Từ năm Giáp-thân (1824) đến năm Tân-mão (1831) người ta mới xây xong những chòi canh trên cổng thành.

Năm Canh-dần (1830) Minh-mệnh thứ 11, xây cầu Đông-thành Thủy-quan.

Từ năm 1809 đến năm 1831, người ta hoàn-thành công-cuộc xây Kỷ-đài.

Thành Huế mỗi mặt dài 2.800 thước. Có hai cổng đǎng đối nhau. Duy có mặt Đông-Nam thêm hại cổng phụ ở hai bên kỵ-đài.

Năm Nhâm-dần (1842) triều Thiệu-trị và năm Mậu-thân (1848) Tự-dức Nguyễn-niên, có cuộc trùng-tu.

Cái ý niệm của vua Thế-tô Cao-hoàng sai xây dựng kinh-thành Huế, phải chẳng là muốn đặt kinh-dò ở nơi trung-tâm của đất nước, để có thể nom suốt từ Bắc vào Nam ? Hay sau một thời-kỳ vô-công khổ-nhọc, nhà vua đã đặt giường máy cai-trị vào nơi kin-dáo để thủ-hiểm an-bình, ở đấy chỉ cần có văn-trị ?

Vua Thành-tô là ông vua « Khổng-Mạnh ». Vua Hiển-tô là ông vua tầm-thường. Đến lúc vận nước gặp vào lúc nhiều-như-rồng cầu có vô-công lại phát sinh ông vua « từ-chương » là vua Dực-lòng.

Đây là lúc đau thương của thời-dai. Người ta bảo kinh-thành Huế là nơi quá kin-niệm, chấn tắc cả mạch lưu-thông uyền-chuyển của văn-minh hiện-tại đến nỗi làm đồ-ngã cả một quốc-gia.

Vào cuối thế-kỷ 19, văn-minh khoa-học của thế-giới đã bành-trướng. Chiếđộ kỹ-nghệ cơ-khi phát-sinh ra chủ-nghĩa thuộc-dịa. Vì chủ-nghĩa thuộc-dịa, những nước phương Tây đua nhau di tranh cướp thị-trường.

Nước Việt-nam vì biết thuận theo chiều gió, ăn nhịp với sự biến-chuyển của thế-giới thì vận nước mới giữ được toàn-vẹn. Nó phải như con thuyền tuy buông theo giòng nước mà vẫn giữ vững bánh lái tay chèo. Kinh-dò Huế hồi ấy cầm cả vận-mệnh của một quốc-gia, dám cả gan vắt neo đỗ chiếc thuyền nan giữa một vùng bể cả đương nỗi cơn phong-vũ.

Là vì trong khi thế-giới đương tràn lan ánh-sáng rực-rỡ của văn-minh vật-chất, thì Huế cứ cuốn mình trong nép áo từ-hàn, lấy văn-chương ra đối-dáp với thần-công đại-bác, hỏi sao cho thèa được ?

Tháng bảy năm Mậu-ngọ (1858) là năm Tự-dức thứ 11, quân Pháp và quân Y-pha-nho xâm-phạm Đà-

nắng. Đà-nắng mà mất, thì Huế cũng lâm nguy. Ông Nguyễn tri-Phương lập đồn *Lién-tri* từ Hải-châu đến Phúc-n-nhì, đánh lui được hai đạo quân của hai cường-quốc Tây-phương, đó là cái vang bóng một thời của Huế còn sót lại.

Rồi từ tháng giêng tăm kỷ-mùi (1859) đến tháng sáu năm Đinh-mão (1867), sáu tỉnh miền Nam đã lần lần rơi vào tay người Pháپ.

Sáu tỉ h miền Nam xưa là đứa con đẻ của Thuận-hóa. Địa con thơ - ngày ấy chưa đến tuổi thành-niên đã bị cưỡng-hôn, Huế không còn thể làm thế nào hơn là rơi nước mắt, khóc cảnh phẫn-ly trong tinh mâu-tử.

Năm Quý-dậu (1873) ngọn gươm chinh-phục của người Pháp chỉ ra phương Bắc. Khi Hà-Nội bị thất-thủ, và cả phương Bắc cùng nếp mình dười lá cờ Pháp, thì Huế ở vào cái tình-trạng nãu-nùng.

Hòá-ước PATENÔTRE. (1884) ra đời là tiếng khóc thảm-thiết của Huế cáo-chung đời tự-chủ bao thế-kỷ.

Dù có cuộc khởi-công ở Mang-cá của ông Tôn-thất Thuyết để đổi đáp lại sự áp-bức của Thống-tướng De Courcy (năm Ất-Dậu 1885), dù ngai vàng có luân-lạc ra Quảng-trị, cũng không trả được cái nợ đoạn-rường của Huế.

Sau khi vua Hàm-nghi bị coi là một phế-de lưu-trich, Huế quay lại lau ráo ngay được giọt nước mắt cảm-thương để hưởng một cuộc đời vô-tư duyên-dáng. Trong suốt thời dô-hộ, không thấy lúc nào người ta nhắc-nhở đến cái võ-công oanh-liệt của đất Thuận-hóa thời xưa trên đường gươm chinh-phục từ Bắc chí Nam. Lưỡi gươm tranh-dấu đượm khí thiêng-liêng của đất nước, thắm màu huyết-hắn của dân-tộc đã phai rồi !

Bây giờ Huế là nơi phong-cảnh xinh xinh thanh-tú quyến-rũ những tâm-trí bình-thản. Hoàng-cung thâm-u, nom vào đáy, người ta mơ tưởng tới những cung-điện của Bắc-kinh, phong ủ cả một hoàng-triều hoa-lệ. Những lăng-tẩm u-uất nhủ vào lòng người những cảm-giác ngậm-ngùi, Phố-xá Huế không đồ-sộ, nhưng xinh-xắn, nom vào đáy, người ta tưởng tới những tồ uyên-trọng ấm-áp. Cây xanh ngăn-ngắt đượm màu tạo-hoa xinh-xinh, đường uốn dẹp-dẽ đưa dẫn tâm-tinh thơ mộng. Núi Ngự-bình thưốt-tha một màu xinh. Hương-giang ở Huế xinh như bài thơ « Đào-yêu », mặt sông phòng phẳng chỉ lăn-lăn gợn sóng. Phải chăng màu nước trong vắt của sông Hương đã in hình ảnh vào con mắt của những nàng thiếu-nữ Huế ? Con mắt thiếu-nữ Huế sao mà đẹp thế, nó đẹp đến tê-liệt lòng người, nó xanh như ngọc-thạch, lại trong như pha-lê, in tình lưu-luyến.

Xưa kia Huế đã gợi bao tình-cảm của người phuoug Bắc.

« Yêu em anh cõng muôn vó,

« Sợ truồng nhà Hồ, sợ phá Tam-giang ».

cái tình ấy có say nhưng nhất.

Đây là một thứ tình-quả-cảm của một chàng si ở nhà thi-sĩ rượu (Tản-Đà).

« Yêu em anh cõt anh vó,

« Kè truồng nhà Hồ, mặc phá Tam-giang ».

Phong-cảnh Huế xinh, những nàng thiếu-nữ Huế xinh, lời ca Huế buông rầu não-nuột.

Ai có đi qua Huế dừng chân lại Huế, thả thuven trên Hương-giang, nghe câu ca và giọng hò Huế. Người nào ôm chí-khi anh-hùng cứng rắn thế nào cũng phải mềm gan.

« Thương-nữ bắt tri vong-quốc-hận,

« Cách giang do xuong Hậu-dịnh-hoa »!

Nghé giọng hò, câu ca Huế người ta tưởng như vọng những tình ủy-my thiết tha của người Chiêm-thanh khi vào đường diệt-vong.

Ở trong cái khung cảnh xinh-xinh ấy có mùa có nhữug trận mưa dầm liên-tếp. Kỏi ai còn muốn hy sinh hạnh-phúc ấm-áp đi tìm những lý-tưởng cao xa ?

Huế trong gần một thế-kỷ là nơi động những lưu-luyến tình-duyên, là nơi làm mềm chí anh-hùng « Bồ thiên đực i hật ».

Huế chỉ oanh-liệt một thời-gian, rồi trong khi dân-tộc ta đường tiến-triển hăng-hii, nó đã dừng lại khuôn mình trong một khung cảnh xinh-xắn dịu-dàng.

Đứng về phương-diện lịch-sử, ta đã chiêm-nghiệm được sự thịnh-suy của đất Huế, nhưng sự biến-cải của cõi đất ấy làm sao lại không theo đường thăng mà chỉ lui về đường giáng ? Đó cũng là một vấn-dề thuộc về địa-lý nữa.

Hiện đất thần-kinh bây giờ về thủy-đạo chỉ có con sông Hương thông ra bể lại hay bị bể-tắc ở cửa Thuận-an. Về đường bộ thông-thương từ Bắc và Trung và từ Trung và Nam, có nhữug đèo Ba-dọi và đèo Hải-vân rất là bất-tiện. Huế là cõi đất ba mặt bị bao quanh bởi dãy núi Trường-sơn, một mặt là bể. Khi xưa nó rất tốt là một nơi cự-trấn ở biên-giới. Đến khi đức Nguyễn-Hoàng vào trấn-thủ, nó là một lợi-khi thủ-hiem chờ dâng anh-hùng muốn hùng-cử một phuơng, « giang-san nhất khoảnh ».

Vì đường hiềm-trở của sông núi, hồi ấy Huế có thể chống đỡ ở phương Bắc, và khuếch-trương ở phương Nam, dễ tự-tạo nên một lĩnh-vực.

Nhưng khi cõi đất nước ta đã thống-nhứt được từ Bắc và Nam, đường giao-thông thuận-lợi là một

diều tối cần-yếu cho một kinh-thành, thì Huế đã trở nên bất-lực. Chính vì sự hiềm-trở của Huế mà kinh-tế không thể phát-đạt, chính-trị vì vậy cũng ngưng-tụ ; văn-hóa cũng bị kìm hãm không sao tiến-triển được.

Huế chỉ có thể là một kinh-đô trong cõi đất của một lù-trưởng đời phong-kiến. Khi một nước phải mở cửa ra đón gió bốn phương, thì Huế quả là một kinh-thành lạc-hậu không thích-hop với thời-dai nữa.

Chúng ta đã khái-niệm qua Huế, bây giờ ta thử phóng tầm mắt trên kinh thành Sài-gòn, rồi sau mới định nghĩa cho Hà-nội được.

Sài-gòn Người ta bảo Huế là con đẻ của Hà-nội, thì Sài-gòn là con đẻ của Huế. Không có Hà-nội thì không bao giờ có Huế, nhưng không có Huế cũng không bao giờ có Sài-gòn. Ba nơi kinh-đô ấy là ba cái mốc lớn đánh dấu sự tiến-triển của dân-tộc.

Nguyên khi xưa Sài-gòn là đất của Chân-lạp vào khoảng năm 1674, người Chân-lạp vẫn xây thành ở đấy. Vì sự suy-vi của quốc-vận, mà Sài-gòn — ngày ấy còn gọi là Sài-côn, — sau thuộc vào ta thật cũng là một sự đau thương cho một dân-tộc.

Năm Mậu-tuất (1658) ở Chân-lạp có sự tranh-chấp quyền-hành trong Hoàng-tộc, họ sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là Chúa Hiền đã sai quân sang đánh được Chân-lạp, bắt được vua Chân-lạp ép phải xưng là phiên-thần hàng năm triều-cống và phải bảo-vệ cho dân-tộc ta đã sang khai-khẩn đất-đai tại nước đó. Là vì vào thời Trịnh Nguyễn giao-tranh dâu ta muốn tránh loan-lạc, và sự cắn-cõi của vùng Trung-Việt, tìm sang định-cư ở vùng Mỏ-xoài (Bà-rija) và Đồng-nai (nay thuộc Biên-hòa) rất nhiều.

Nhưng vào nội-trị của Chân-lạp được đặc-thể thàt là một dịp rất tốt cho sự bành-trướng sinh-hoạt của dân-tộc ta và cho ta đặt nền thống-trị sau này.

Bài học lịch-sử đã rành-rành viết hàng chữ lớn trên bao thế-kỷ.

Ở nước ta, Trần thiêm-Bình tự xưng là dòng-dõi nhà Trần cầu-cứu quân Minh về đánh Hồ-quý-Lý năm Giáp-thân (1404). Vì vậy mà quân Minh có cờ sang chinh-phục ta, đặt nền dò-hộ làm cho dân-tộc ta phải đem mồ-hôi, lệ và máu thăm trang lịch-sử 10 năm.

Đời Hậu-Lê vua Chiêu-thống đã ngâm hận vong-quốc cui đầu nài van quân Thanh, nên mới có cái vạ Tòn sī-Nghị chiếm đóng Thăng-long-thành.

Song, đối với dân-tộc ta, dân-tộc khác đã nhận thấy hai tính-chất rất đậm-đap : **TÌM SỐNG VÀ BIẾT SỐNG.**

Đối với chính-sách tàn-ác của quân Minh, đã có thanh gươm thần sắc bén của vua Lê-Lợi, và với lòng kiêu-hanh của quân Thanh, có ngọn dao oanh-liệt của vua Quang-trung.

Còn đối với sức tiễn hùng-dũng của ta, Chân-lạp có gì ? Ngày mà ta nhúng vào nội-trị của Chân-lạp là ngày nước ấy đương đi vào con đường suy-vong. Đó là phiên-quốc của ta, đất-dai đều tự tay ta cắt đặt.

Năm Giáp-dần, (1674) có cuộc tranh-chấp ngai vàng giữa hai ngành hoàng-phái : *Nặc ông-Đài* và *Nặc ông-Nộn*. Trong khi *Nặc ông-Đài* di cầu-cứu Xiêm-la thì *Nặc-ông-Nộn* sang cầu-cứu chúa Hiền. Chúa Hiền sai Cai-cơ đạo Nha-trang là *Nguyễn dương-Lâm* và tham-mưu *Nguyễn định-Phái* đem binh sang đánh *Nặc ông-Đài*. Cái kết-quả của cuộc chinh-phạt ấy là quân ta đã phá vỡ được thành SÀI-CÔN. — Sài-còn chính là SÀI-GÒN bây giờ. — Nhờ

cuộc thắng-trận vê-vang này, quân ta tiến-lên vây Nam-vang, gày một cái tang-tốc đau thương và cái sỉ-nhục cho Chân-lạp : Nặc ông-Hài thua chạy bị chết ở trong rừng. Còn Nặc ông-Thu phải ra đầu hàng. Vì Nặc ông-Thu chính là dòng con trưởng-nên ta vẫn cho làm vua đóng-dò ở Long-úc, ta lại đặt Nặc ông-Nộn ở Sài-gòn gọi là Đệ nhì Quốc-vương.

Phải chăng dò cũng là chính-sách « chia mà trị »?

Năm Mậu-dần (1698) chúa Nguyễn là Nguyễn phúc-Chu sai ông *Nguyễn Hữu-Kinh* làm kinh-lược đất Chân-lạp lấy xứ Đồng-nai làm huyện Phúc-long đặt *Trấn biền-dinh* tức là Biên-hòa, đặt Sài-côn làm huyện Tân-bình, ở đây có dinh đặc-sứ của ta là PHIÈN-TPẤN-DINH.

Nguyễn Tân-bình là một phủ thuộc tỉnh Gia-Định. Gia-dịnh là một tỉnh đầu trong sáu tỉnh ta đã chinh-phục được ở miền Nam là : Gia-dịnh, Biên-hòa, Định-tường, Hà-tiên, Vĩnh-long và An-giang. Vì thành Sài-côn ở đất Gia-dịnh nên khi thuộc về ta, nó có tên là Thành Gia-dịnh. Dời Minh-mệnh cải trấn thành tỉnh nó được tên là PHAN-YỀN còn gọi là PHIÈN-AN, đến thời thuộc Pháp là SÀI-GÒN.

Xem vậy thi Phiên-trấn-dinh khi xưa là một nền tảng đầu-tiên ta xây dựng cơ-dồ chinh-Nam. Thành Sài-gòn là cái chìa khóa mở cho ta vào sáu tỉnh

Thành Sai-gòn từ hồi thuộc Chân-lạp đến hồi thuộc nước ta không xè-dịch mấy về vị-trí. Đó là nơi rất tốt cho người anh-hùng dụng-võ. Thành cách xa bờ 83 cây số, là một nơi kin-dáo có thể tương-đối phòng-ngự cuộc xâm-lăng bằng thủy-dạo. Nó ngồi trên miếng đất hình mu rùa. Chỗ cao của thành, cao hơn mặt nước sông 10 thước. Thành Sài-gòn lại như một ngôi sao tỏa ánh-sáng ra bốn mặt : nó chấn các ngả sông như: Nhà-bè, sông Sài-gòn (xưa gọi là Tân-bình-giang.) Soài-rap Long-tạo nó thủ con đường Đồng-nai Sông-bé. Thành Sài-gòn vươn tay về Mỹ-tho và Biên-hòa nắm hết cả mảnh

kinh-tế của Lục-tỉnh. Đó là nơi rất tiện cho công-cuộc tiếp-tế. Đó là cái kho chứa lúa gạo, ở đây, tiến có thể ôm-ấp hết miền Nam, thoái có thể giữ thế-thủ bền-bỉ một thời-gian.

Cho nên về sau loạn *Lê Văn-Khôi* có thể thủ-hiểm thành-trị trong 2 năm dài, và dù-dốc Pháp *Rigault de Genouilly* dựng binh lèn lấy 6 tỉnh, trước nhất lấy Sài-gòn.

Sài-gòn trước là cửa Chân-lạp, vì Chân-lạp suy-nhược, nó thuộc về ta, vì ta lơ-lanh nó lại thuộc về tay người Pháp. Nhìn trang lịch-sử biển-chuyền, chúng ta phải buồn thương cho thế-vận.

Đạo «*Thiên-diễn* » phải chăng vẫn bao-hàm cái công-lệ « sinh tồn cạnh-tranh ». «*Tài giả bồi chí, khuyễn giả phúc chí* ». (Vun sói lên thì trời bù đắp cho, dẽ nghiêng dỗi thì trời đạp díp xuống). Một nước mà quốc-tính bị mờ-ám, tinh-thần quốc-gia suy-dồi thì sự tiến-triển của dân-tộc khó bù duy-trì được. Cuộc bại-nhược của dân-tộc Chân-lạp hồi ấy gây ra cuộc nội-loạn liên-miền là một cơ-hội tốt đón dân-tộc ta vào Lục-tỉnh. Đến hồi nước ta vào thời bấy giờ, vẫn-chương thi-phú hấp-thụ tư-tưởng ôn-hòa của Khổng-Mạnh không dương nổi sự xâm-nhập của văn-minh co-khi thì 6 tỉnh miền Nam của ta lại lọt vào tay người Pháp.

Hai cuộc suy-bại này bao-hàm hai tính-cách khác nhau : cuộc thất-bại của Chân-lạp đối với ta là sự thoái-hóa của một quốc-tính trước sự tiến-thủ của một lân-bang. Còn sự say-vong của ta, trước sự hùng-ciròng của người Pháp chỉ là sự dụng chạm lầm-lẫn của một nền văn-minh tinh-thần với nền văn-minh thực-tế. CHÚNG TA ĐÃ SỐNG, CHÚNG TA BIẾT SỐNG, CHÚNG TA VẪN SỐNG. Hiện nay nước ta thõng nhắt, miền Nam lại về nước ta, dứa con bị cưỡng-hòn lưu-lạc khứ xưa vẫn không quên người mẹ là Tô-quốc.

Ta nèp minh chịu đựng sự sỉ-nhục trong thời suy bã
để ngửng đầu lên nhìn ánh-sáng vinh-quang trong
thời hưng-thịnh.

« Anh-hùng như thể khíc lươn,
« Khi cuộn thi ngắn, lúc vươn thi dài ».

Đến như sự xâm-nhập của dàn-tộc ta khi xưa vào
thành Sài-còn, chẳng khác gì một vết dầu dần dần
ăn loang ra khắp miền Nam không sao chùi sạch được.

Gót chân xâm-lấn ta đặt vào Chân-lạp từ năm
Mậu-tuất (1658) qua năm Giáp-dần (1674) tới năm
Mậu-dần (1698) làn sóng chinh-phục cứ xô đẩy mãi.

Sách Gia-dịnh thống-chi chép :

« Năm Quý-dậu (1753) năm thứ 16 đời Thế-tông,
mùa đông vua sai *Thiện-chinh-hầu* thống-lĩnh binh-
quyền hiệp cùng *Nghi-biên-hầu* *Nguyễn cư-Trinh* làm
tham-mưu coi tướng-sĩ 5 doanh là Bình-khánh, Bình-
thuận, Trần-biên (Biên-hòa), Phiên-trần (Gia-dịnh), Long-
hồ (Vĩnh-long) để dẹp loạn Cao-miên dồn đóng ở
bến Nghé, bây giờ là chợ ĐIỀU-KHIỀN. »

Đến năm Dinh-sửu (1759) thì cuộc chiếm đoạt 6
tỉnh hoàn-thành.

Năm Tân-mão (1771) tháng 10, Trịnh quốc-Anh vua
Xiêm-la, đem binh thuyền sang vây hiếp Hà-tiền. Quan
tổng-binhs là Mạc thiên-Tứ người Trung-quốc thắn-phục
ta, không đương cự nổi chạy về Chân-dốc. Quân Xiêm-
la tiến sang đánh Chân-lạp, làm cho Nặc-tôn là quốc-
vương phải bỏ chạy.

Tháng sáu năm sau, (1772.) Chúa Nguyễn sai quan
tổng-xuất NGUYỄN CỦ-U-DÀM lĩnh chức Điều-khiển, đem
binh-thuyền đi đánh Xiêm-la, đại-thắng quân Xiêm khiến
họ phải chạy về Hà-tiền.

Bấy giờ dồn binh của Đàm ôn-Hầu, tức là Nguyễn

cứu-Đàm-dòng ở Sài-côn. Muốn ngăn quàn Chiêm khỏi xâm-phạm nơi trong-dịa ấy, Đàm Ông-hầu đã sai dắp một cái thành bằng đất, phía Nam từ *Cát-ngang*, phía Tây đến *Lão-huệ-kiều*. Bắc giáp sòng *Nghi-giang*, (rạch Thị nghè) chu vi 15 dặm (9 cây số) vây quanh đồn-doanh.

Thành Sài-côn bấy giờ đã nghiêm-nhiên là một hùng-trấn của nước ta ở phương Nam. Nhưng cũng từ khi thành Sài-côn đã gắn chặt vào bờ cõi nước ta, nó đã đóng góp phần gian-lao vào quốc-biển.

Thật là một điều ái-ngại cho thành Sài-côn nó chưa được hưởng nụ cười thăng-bình đã bị thăm lè loạn-ly cùng với dòng nhà Nguyễn là dòng đã có công khai-thác ra nó, đặt một câu vận-mệnh.

Nếu bấy giờ nhà Nguyễn chưa khai-thác được Sài-côn, mà làn sóng ba quân của Hoàng ngũ-Phúc, tướng nhà Trịnh từ ngoài Bắc tràn vào chiếm Phú-xuân, và sức hùng-dũng của quân Tây-sơn từ Quy-nhon tiến ra cướp Quảng-nam, thử hỏi chúa Nguyễn chạy về đâu?

Năm Bính-thân (1776) chúa Nguyễn bị mất Sài-côn về Tây-sơn trong một thời-gian ngắn, rồi lại lấy được về. Bấy giờ có một người Trung-quốc tên là *Lý-Tài* tôn lập dòng-cung nhà Nguyễn lên làm *Tân chính-vương* lấy đất Sài-côn làm căn-bản để mưu-đồ khôi-phục Phú-xuân, dựng lại vương-nghiệp đã nghiêng dò. Nhưng thật là thiêng-lệ-sử khi người ta thấy cuộc mưu-đồ đó tan-tành trên cái chết thảm-hại của miêu-duệ nhà Nguyễn, *Nguyễn-Huệ* hiệp cùng *Nguyễn-Lữ*, đã đánh bại được quân nhà Nguyễn mới hưng-khổi, hãi-hai cả Thái-Thượng-hoàng và Tân-chinh-vương. Đến đây người ta khóc lich-sử đau thương của một dòng vua, nhưng đất Sài-côn đối với người có công khai-thác ra nó phải chăng đã phũ hết linh-trí-kỷ?

Không, thành Sài-côn không những chẳng phải là nơi tuyệt-diện của nhà Nguyễn, mà trái lại nó còn là miếng đất nhà Nguyễn phải hàm-ân báo-nghĩa. Thành Sài-

còn đã đượm máu và lệ của nhà Nguyễn, nhưng chính những thất - bại đau thương ấy đã mài rũa chí anh-hùng của một ông chúa còn sót lại là NGUYỄN-ÁNH. Xưa nay những bậc anh-hùng xuất-xứ người ta thường thấy ở trong nghịch-cảnh.

Nếu chúa Nguyễn-Ánh không có Sài-côn làm bàn đạp để mưu-đồ thống-nhất giang-san, thì bước chân giang-hồ về sau chưa tắt đã đậu được ở ngôi Cửu-ngũ. Thuận-hóa đã mở bờ cõi Sài-côn, đèn đáp lại Sài-côn đã ôm-ấp Thuận-hóa.

« Tình dưới viền-mao, phản trong giờ-i-trụ » đất Sài-côn là miếng đất có công đầu trong cuộc tống-nhất Nam, Trung, Bắc của đức Thế-tổ Cao-hoàng.

Nhưng trước khi thành - công thống - nhất, chúa Nguyễn-Ánh đã chịu bao gian-nan, nếm nhiều cay đắng.

Năm Đinh-dậu (1777). Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ sau khi đại-thắng quân Tân-chinh-vương và hâm-hại được hoàng-gia ở Sài-côn rồi về Quy-nhon thì chúa Nguyễn-Ánh lại nỗi lèn thu-phục Sài-côn, thành Sài-côn lại về với nhà Nguyễn.

Nhưng năm Nhâm-dần (1782), thủy-quân Tày-sơn rồn-rập vào đánh Sài-côn gày một sự bại-trận thảm-hại cho chúa Nguyễn-Ánh, bước phiêu-lưu lênh-dênh ra mũi dảo Phú-quốc, Hết cái thất-bại này kế-tiếp luôn cái thất-bại năm Quý-mão (1783) cũng ở Sài-côn.

Sài-côn! nơi đất-dai trung-tin ấy sao cứ nhìn thấy mãi sự đỗ-ngã của người anh-hùng dựng nghiệp ? Đó là sự thử-thách, sự rèn đức gan dạ bền-bỉ của thời-thế. Sài-côn là một linh-địa, dành riêng cho người gian-lao khai-sáng. Trái lại đối với nó, Đông-Định-vương Nguyễn-Lữ chỉ là một kẻ vô-duyên.

Năm Mậu-thân (1788) ngày 8 tháng 8, chúa Nguyễn-

Ánh đã hoàn-toàn làm chủ-nhân-ông Sài-còn, đóng ở *Binh-dương*-đồn và đây là nền móng xây nên đế-nghiệp.

Năm Canh-tuất(1790), nhà Tây-sơn đã làm chủ được khắp bờ cõi nước ta, riêng có Sài-còn vẫn trung-thành với chúa Nguyễn-Ánh.

Bấy giờ miền Bắc danh tiếng vua Quang-trung đang lừng-lẫy, ở miền Trung, vua Thá.-đức ngồi yên-đồn trên ngai vàng, chỉ có miền Nam là nơi ướm chi anh-hùng của chúa Nguyễn-Ánh. Sài-còn đã là mót mũi dùi thúc ra để mở cuộc thống-phất sau này.

Ông Bá-đa-lộc giúp chúa Nguyễn-Ánh rất nhiều. Ông xui chúa xây một cái thành kiều VAUBAN dề tính kế trường-cửu. Người vẽ kiều thành Sài-còn hồi ấy là ông OLIVIER (tục gọi là ông Tin) và ông Brun. Nhưng muốn xây cái thành kiên-cố ấy, phải phá nhiều nhà cửa trong thành-phố, và phải cần 3 vạn nhân-công. Người ta không khỏi ta-oán nghĩ đến chế-dộ bắt phu-dịch ngày xưa làm vào chốn Hoàng-thành: Công-cuộc xây đắp Vạn-lý trường-thành dời Tần-thủy Hoàng-dế còn làm cho hậu-thế phải rùng mình ghê sợ(2).

Thành lũy đã được kiến-thiết hoàn-toàn, đủ biết dân miền Nam đối với chúa Nguyễn-Ánh bấy giờ, cảm-tinh thật là nồng-hậu. Cái tâm-lý của dân-chúng bao giờ cũng lướt theo chiều mạnh. Giữ vững được dân-tâm trong thời bình đó là lẽ dĩ-nhiên, nhưng làm cho dân-tâm khỏi biến trong thời-loạn, điều ấy mới là khó. Dân Sài-còn vẫn một niềm trung-thành với chúa Nguyễn-Ánh trong lúc oai-danh Tây-sơn lừng-lẫy khắp nước: cái tâm-tình miền Nam hồi ấy đối với miêu-duệ của một dòng vua khai-thác ra nó tràn-trọng biết bao!

Sự hoàn-thành được lũy Gia-định bấy giờ đủ tỏ được hết sự cảm-phục của dân-chúng. Thành xây trên xóm *Tần-khai* huyện *Binh-dương* vào năm Canh-tuất. (1790)

gọi là BẮT-QUÁI-THÀNH mở ra 8 cửa :

Phia Nam 2 cửa : *Kiền-nghuyên* ; *Lý-minh*.

Phia Bắc 2 cửa : *Khôn-hậu*, *Khâm-hàn*.

Phia Đông 2 cửa : *Chân-hanh*, *Cản-cát*.

Phia Tây 2 cửa : *Tổn-thuận*, *Đoàn-duyệt*.

Bốn phia mở ra 8 cửa có 8 đường ăn thông ra từ Đông sang Tây từ Bắc sang Nam đều dài 130 trượng. 2 thước, cao 1 trượng 3 thước 3 tấc. Chân tường dài 7 trượng 5 thước. Thành hướng về phía Đông-Bắc. Cung điện nhà vua nom ra rạch *Thị-nghè*. Trước mặt có dãy núi *Bà-rija* làm bình-phong che ác-khi, ba mặt vuông nương. Đầu sau nhà vua, xa xa là dãy núi *Bà-der*, bên phải là gò *Cây-mai* bên trái là đồng *Châu-thời*, theo phong-thủy hợp với Thanh-long Bạch-hồ.

Trong thành phia tay trái có nhà *Thái-miếu*. Thành ấy chúa Nguyễn-Ánh đặt là *Gia-dịnh-kinh*. Năm đầu Gia-long, Gia-dịnh phủ đổi làm *Gia-dịnh-trấn*. 7 năm sau cải làm *Gia-dịnh-thành* cai-trị 5 trấn : Phiên-An, Biên-hoà, Định-tường, Vĩnh-thanh và Hà-tiên.

Bấy giờ chúa Nguyễn-Ánh mài nanh rùa vuốt, ở Gia-dịnh lấy chí cương-quyết phẫn-trấn lòng dũng-cảm của ba quân. Rồi một khi quân khi hùng-linh ngọn co chinh-phạt chỉ ra Quy-nhơn, từ Quy-nhơn bước luôn ra Thuận-noá. Đến khi ngọn gươm chiến-thắng tới Thăng-long là công-cuộc thu-phục giang-san đã hoàn-thành.

Miếng đất Gia-dịnh thời ấy đối với nhà Nguyễn cũng như miếng đất Thanh-hoá đối với nhà Hậu-Lê. Đây là miếng đất Kinh-châu của Lưu-huyền-đức đặt chân đê vào lấp Ba-thục. Đó là miếng đất ôm-ấp chí-khi kinh-luân của người anh-hùng, nơi con chim bồng đậu, cánh đê vươn bay 9 vạn dặm.

Nom vào lịch-sử, thành Sài-côn hồi ấy, dựng nên một thời-đại hiền-hách.

Nhưng cũng như Thuận-hoa, Gia-dịnh chỉ có một thời. Thời oanh-liệt sớm đi vào dĩ-vãng. Năm Tân-dậu (1801) khi vua Gia-long lấy được Phù-xuân dỗ nhà Thái-miếu về nơi khởi-nghiệp xưa của nhà Nguyễn, thì Gia-dịnh mất thiêng rồi. Đến thời Minh-mệnh, thành Gia-dịnh đã vào cảnh suy-dồi theo quố-c-vật.

Năm Minh-mệnh thứ 11. (1830) khi ông LÊ-VĂN-DUYỆT làm tổng-trấn Phiên-an-thành, thì thành Phiên-an còn giữ được đôi chút nền-nếp oai-hùng của thành Gia-dịnh cũ, nhưng đó cũng là lúc thịnh-khí đã vào buổi chợ chiều.

Bấy giờ các cửa thành đều phải đổi tên cả. Hai cửa phía Nam gọi là *Gia-lịnh* và *Phiên-an*. Hai cửa phía Bắc đổi là *Cung-thần* và *Vọng-khuyết*. Hai cửa phía Đông có tên là *Phục-viễn* và *Hoài-lai*, hai cửa phía Tây : *Tĩnh-biển* và *Tuyén-hoa*.

Phải chăng thành Gia-dịnh đã thôi là nơi kinh-quyết cũng phải xoá bỏ luôn những tên thuộc về Bát-quái là những tên quý-báu, để nhường chỗ cho những tên đặt xứng-dáng vào một tỉnh-thành ở chốn xa-xôi ?

Thật ra ông Lê văn-Duyệt xây dựng lại thành vào năm 1830 cũng kiên-cố lắm. Thành xây thuận bắng đá ong, thành cao hào sâu, trong thành chưa đầy đủ lương-thực và khí-giỏi. Thành Phiên-an trong thời ông Lê văn-Duyệt là nồng-trấn đã sống trong cảnh thái-bình dưới ơn đức của ông.

Nào có ai ngờ đâu khi ông mệnh-chung, sinh ra cái di-nghiệt LÊ VĂN-KHÔI. Thành Phiên-an kiên-cố, đã là cái lợi-khi của thế loạn bị sút giảm thanh-danh, ông Lê văn-Duyệt, vì đấy cũng ghi một vết « oán » mờ trong thanh-sử.

Cuộc bạo-động của Lê văn-Khôi là một cuộc bạo-động bất-chính. Nhưng truy-nguyễn thủ-hoạ bởi đâu ?

Nếu vua Thành-tổ là bậc minh-quân, nếu quan cai-trị tinh-thành Phiên-ao không phải là người tham-tàn bạo-độc.

Nhà vua đã quá nghiêm-khắc với bậc công-thần khai-quốc là ông Lê-văn-Duyệt, lại dung-tung bọn gian-thần Bạch xuân-Nguyên và Nguyễn chuong-Đạt.

« *Quân chi thị thần như thủ túc, tắc thần thị quân như phúc tâm. Quân chi thị thần như khuyển mã, tắc thần thị quân như quốc-nhân. Quân chi thị thần như thò giời, tắc thần thị quân như khẩu thù.* »

(Vua coi bầy tôi như tay như chân, thì bè tôi coi vua như lòng như bụng, vua coi bầy tôi như chó như ngựa thì bè tôi coi vua như người sơ trong nước, vua coi bầy tôi như đất như cỏ, thì bầy tôi coi vua như giặc như thù.) (Manh-tử Lý-Iầu-hạ).

Thành Sài-côn là nơi vua Thiê-tổ dựng nghiệp lê đâu sờm vỗ phủ-phàng vào tâm-tỉnh vua Thành-tổ như vậy. Sự dã xẩy ra ở nhân kia gây nên quả ấy. Lịch-sử hẳn cũng chứng-minh.

Ông Lê văn-Duyệt vì cuộc loạn Lê văn-Khôi vong-linh đã bị trừng-phạt một cách quá nghiêm-khắc. Nhưng đến năm Tự-đức Nguyên-niên (1847) vua Đức-tông đã minh-sát cho kẻ công-hắn, đèn thờ dâng Tả-quân lại khói hương nghi-ngút.

Năm Bính-thân (1836) vua Thành-tổ sai xây lại thành này ở góc phia Bắc thành xưa, lối kiêu-trúc thuẫn theo kiều ta, có quan giám-thành trông coi.

Ông Schreiner chê thành này xây dựng không hợp với binh-pháp. Nhưng biết đâu Paien-an-thanh do vua Thành-tổ sai xây dắp lại, sở-dĩ bẽ-thế kém phần kiêu-cố, cũng là trọng ý-định của nhà vua. Vì cuộc phiến-loạn của Lê văn-Khôi đã làm cho nhà vua bị những cái giật mình lịch-sử.

Hoa-ước Patenôtre (1884) tháng 5 năm Giáp-thân là tiếng chuông cáo-tang cho sự mệnh-chung của nền độc-lập cả một nước. Người ta khóc Hà-nội, người ta khóc Huế, nhưng trước nhất người ta khóc thành Phiên-an.

Năm Kỷ-mùi (1859) là năm Tự-dức thứ 12, trung-tướng RIGAULT DE GENOUILLY, đã hạ thành Gia-dịnh trong có 2 ngày. Sự dỗ vỡ một thành-trì ở nơi trọng-trấn chóng-vánh như vậy, cũng là cái kết-quá của sự xây dựng cầu-thả.

Thành Gia-dịnh mất, 6 tỉnh miền Nam mất theo gây một quốc-sỉ cho dân-tộc, reo một mối đau thương cho sĩ-phu trong quốc-hiến. Ông VŨ-DUY-NINH tử-tuân ở đây, ông NGUYỄN-TRI-PHUỐNG nuốt hận bại-vong ở đây (1861). Đến ông PHAN-THÁNH-GIÁN đã phải uống thuốc-độc tự-tàn để báo-đáp quân-vương trước cái tình-trạng vô khả nại-hà. (năm Đinh-mão, 1867).

Từ khi thành Gia-dịnh bị dỗ ngã, nó kéo theo luôn cả sự dỗ ngã phong-thê của một thành-trì, nền-nếp của một quốc-gia, văn-hoa của một quốc-ti nh.

Ở Sài-gòn bây giờ người ta còn tìm đâu thấy di-tích kinh-thành thuở trước. Xưa kia có người đàn-bà khóc mất cái trâm cỏ thi trong giữa đám cỏ thi, là vì tiếc cái cũ trong cái mới. Thành Gia-dịnh mất đi để nhường chỗ cho Sai-gòn đặt làm súy-phủ của người Pháp đã đặt một niềm luyến tiếc vào lịch-sử.

Bây giờ ta còn hiết đâu là cửa Cửng-thần, đâu là Vọng-khuyết, đâu là cửa Phục-viễn và Hoài-lai.

Ta mở lịch-sử mới biết :

Gia-dịnh môn thuộc phố Catinat bây giờ, Phiên-an-môn đổi-diện phố Pasteur, Cửa Vọng-khuyết đi ra phố Richaud, và phố Albert 1er, cửa Phục-viễn và Hoài-lai đi ra phố Palanca và Chasse-Loup-Laubat. Cửa Tịnh-biên và Tuyên-hoa cũng đi ra con đường phố Chasse.

Loup-Laubat và phố Lagrandière (bây giờ một nửa cài làm phố Gia-long).

Dấu vết ấy ta chỉ còn thấy trên giấy mực, không còn thấy trên đất-dai đè nhắc nhở niềm hoài-cố vào hậu-thế !

Là vì thành Gia-dịnh khi bị trung-tướng Rigault de Genonilly chinh-phục được đã bị phá hủy hết cả thành bình-dịa ; đó chẳng phải là cái kết-quả của cuộc gắp-gỡ Đóng, Tây quá mạnh...

Sài-gòn từ khi làm súy-phủ của người Pháp, đã là nơi căn-bản để người Pháp chinh Trung phạt Bắc.

Khi xưa thành Gia-dịnh chỉ là một cự-trấn đè ta thu hút hùng-khi một phuong bắng sự tiếp-tế và tích-trữ lương-thực, lập thế thủ-hiểm vị-trí mà trấn-áp lân-bang. Nhưng từ khi thuộc Pháp, cục-diện Sài-gòn đã biến-dổi hẳn. Nó nghiêm-nhiên thành một thương-cảng mở cửa rộng-rãi ra bốn phuong, xuất-cảng nguyên-liệu trong xíu ra đè đón hàng-hoa các thi-trường vào, gây nên một nền đế-quốc tư-bản phồn-thịnh. Vốn là thủ-phủ một miền giàu lúa gạo bậc nhất trong nước Sài-gòn gây nên sự phát-đạt về kỹ-nghệ và thương-mại. Mùa-màng ở miền Nam dưới sức nóng êm-thuận của đường xích-đạo không bao giờ có thiên-tai, thủy-lại đã sản-xuất ra một số gạo rất lớn không những đủ cung-cấp cho cả ba miền Trung, Nam, Bắc, còn có thể xuất-cảng ra ngoài nữa. Huống chi trên đất miền Nam mà Sài-gòn là chìa khoá, có những trại cao-su ngút-ngàn, giúp rất nhiều cho sự phồn-thịnh của nền kỹ-nghệ.

Về thương-mại và kỹ-nghệ, có con kênh ăn ra bể rất là tiện-lợi trong cuộc giao-thông với ngoại-quốc. Ngồi trên một vị-trí cực-kỳ phồn-mẫu, Sài-gòn đã bày ra một vẻ mặt rất tráng-lệ về vật-chất, mà người ta đã tặng cho một tên rất sán-lạn : « Hòn ngọc Viễn-đông ».

Những phố-xá Sài-gòn hoàn-toàn một màu mới.mè

mang lên những người Pháp đã chinh-phục nó. Cây xanh lá tốt làm nổi bật lên những ngôi nhà lầu nghênh-
ngang đồ-sộ, Đường rộng thênh-thang bóng nhoáng ít
thấy vẫn bụi lên không-khi. Bên cạnh đường-cái có
những công-viên đầy vẻ thơ-mộng. Xe cộ như nước
chảy, quần áo phô màu rực-rỡ xa-hoa, bao nhiêu thú
ăn chơi bao nhiêu câu-lạc-bộ, Hà-nội vào thời loạn
chứa hơn 20 vạn người đã thấy chật-chội, Sài-gòn chưa
tới 2 triệu người vẫn thấy rộng-rãi.

Sài-gòn rộng-rãi, Sài-gòn giàu thịnh, Sài-gòn xa-hoa,
như vậy chẳng xứng-đáng là kinh-dò hiện-tại của nước
ta hay sao ?

Sài-gòn là kinh-dò của nước ta bây giờ, cũng như
là kinh-dò của chúa Nguyễn. Ánh thời trước. Nó là kinh-
dò Nam-hàn hiện-tại ở Phú-san. Ở đây người ta
lui bước giữ thế-thủ để định-doạt thế-công sau
này.

Nhưng ta thử hỏi cái dân-tộc-tinh của nước ta ở Sài-
gòn thế nào ? viết đến đây tôi phải ihaps nén hương thơm
kinh-cần dâng lên bàn thờ Tổ-quốc, cảm-on tiến-tò đã di-
truyền cho nòi giống một tinh-tiền thiêng-liêng bất-diệt.
Về sự dụng chạm của lịch-sử thì trước kia vào thời chúa
Nguyễn hành-trường sự khai-khẩn đất-đai ở Chân-lạp,
dân-tộc ta đã trà-trộn với người Chân-lạp và những
người Tàu tản-cư ở miền Nam, chưa được bao lâu lại
phải chịu chế-dộ cai-trị của người Pháp từ phương Tây
dem lại. Vậy mà sự gấp-gõ hồn-dộn ấy không làm biến
được tinh-cách dân-tộc ta, một dân-tộc đầy đủ nghị-lực
cương-cường tự-lập. Phương-pháp đồng-hóa của người
Pháp bị thất-bại lớn-lao làm cho ta hoài-niệm đến
thời xưa kì di Tần-thủy Hoàng-dễ sai 5 đạo quân qua Ngũ-
linh-sơn đặt nền đồng-hóa vào dân-tộc Bách-việt. (3)

Khi xưa người Pháp theo chánh-sách « Chia mà trị »

Nam Bắc vẫn thân-mến một nhà. Hiện-tại đã chứng-minh sự đồng-tâm trong một giống. Giọt nước mắt chua-xót của hội-nghị Đà-lạt xưa dưới chính-phủ Hồ chí-Minh đã được lau ráo thay thế bằng cái nụ cười trước lá phiếu thống-nhất dưới chính-phủ Bảo-Đại (1949) (4).

Nước Việt-nam được THỐNG-NHẤT, Sài-gòn lại về với Việt-nam, đó cũng do sự đồng-tâm nhất-chỉ của dân-tộc miền Nam mà Sài-gòn là thủ-đô vậy.

Người Pháp đã cai-trị Sài-gòn theo chính-sách thuộc-địa trong 80 năm, nhưng chỉ cai-trị bề mặt Sài-gòn không cai-trị được bề sâu Sài-gòn. Sài-gòn mãi mãi là lãnh-thổ của ta lúc nào cũng hướng về Hà-nội.

Hà-Nội Ta đã biết Huế và Sài-gòn rồi, bây giờ đem so-sánh với Hà-nội, mới biết cái địa-vị của Hà-nội xứng-đáng là nơi đế-kinh trong lịch-sử.

Từ hồi ta chưa biết Sài-gòn ở về phương nào, và Huế còn là một miếng đất biên-viễn dị-vực, Hà-nội đã nghiêm-nhiên là kinh-đô của nước ta.

Hà-nội không phải thành-lập từ hồi dựng nước, nhưng nó kết-tinh được cái linh-thiêng của đất nước từ hồi ấy, vì nó ở giữa một bộ gọi là GIAO-CHỈ.

Cứ lấy bằng-chứng chắc-chắn của các nhà kháo-cồ thì nó bắt đầu thành-lập từ hồi có tên là TỔNG-BÌNH (Vào năm 607 đời nhà ùy bên Trung-quốc.) Những ông quan Tầu kế-tiếp nhau xây thành ở đây đặt là LA-THÀNH hay ĐẠI-LA-THÀNH

La-thành vừa có tên trên lịch-sử và là phủ-trị của Trung-quốc năm Đinh-vị (767) thì đến năm Tân-vị (791) đã bị dân-tộc ta đánh chiếm mà người lãnh đạo là PHÙNG.HƯNG (Bố-cái Đại-vương). Rồi vận nước vừa hé được một nụ cười độc-lập yếu-ớt đã bị chìm ngập

ngay vào một bể sầu đồ-hộ buồn thảm. Trên cuộc cai-trị của người Tàu lại chồng-chặt thêm một cuộc xâm-lăng khác là cuộc xâm-lăng của giặc NAM-CHIẾU vào khoảng năm Canh-thìn. (860) và Quý-mùi (863).

Xét hết cuốn lịch-sử thăng trầm của Hà-nội, hồi này là hồi Hà-nội chịu đau thương vào bậc nhất. Và đó cũng là hồi đau-dớn thứ nhất của dân-tộc. Lịch-sử nói giặc Nam-chiếu sau khi chiếm được thành Đại-la đã giết hại dân Giao-châu tới 15 vạn người.

Nếu Hà-nội không phải là nơi quốc-dò linh-thiêng hun-dúc chí hào-hùng của dân-tộc thì tấm màn dĩ-vãng âm-u đã phủ lên nó rồi, và sau một thời-dai Bắc-thuộc dài dằng-dặc hơn nghìn năm, chúng ta bây giờ đã thành dân Lưỡng-Quảng cả.

Trái bao cuộc phần-dấu gian-lao tân-khổ, đến năm Thuận-thiên Nguyên-niên (1010), Hà-nội mới được tắm turói một thứ ánh-sáng rực-rỡ vẻ-vang, thứ ánh-sáng ấy là ánh-sáng ĐỘC-LẬP, và Hà-nội hồi ấy còn có một tên đầy thi-vị là THĂNG-LONG-THÀNH.

ĐỘC-LẬP ! hai chữ ấy đẹp quá, tươi quá, khỏe quá. nghe đến tên nó, người ta say-sra phấn-khổi trong lòng, nhưng chiếm được nó người ta chịu cái giá mắc-mỏ quá. Vì nó mà dân-tộc ta đã phi-tần bao nhiêu xương máu.

Thực ra nền độc-lập bắt đầu dân-tộc ta xây dựng từ hai bà Trưng ở Mè-linh, nhà Tiền-Lý ở Long-biền, nhà Đinh và nhà Tiền-Lê ở Hoa-lư. Nhưng đến đời Lý nó hoàn-toàn vững-trãi ở Thăng-long-thành.

Thành Thăng-long từ đấy là Quốc-đô của nước ta mãi tới triều-dai Gia-long, khi vận nước di vào chỗ rẽ lớn-lao của lịch-sử.

Tám đời nhà Lý là 8 cánh hoa sén, tỏa ra thơm ngát. Bấy giờ vô-công của ta xuất-phát tự thành Thăng-

long, phia Bắc lừng-lẫy tới chầu Ung chầu Khâm của Trung-quốc, (Năm Ất-mão, 1075) phia Nam trấn-dụng thành Phật-thệ của Chiêm-thành (năm Giáp-thân, 1044).

Và khi cầm-cự với quân Tống trên sô 1g Nhữ-Nguyệt ta vẫn giữ được non sông toàn cõi :

« *Nam-quốc sơn hà Nam-dé cư,*
 « *Tiệt-nhiên định phạt tại thiên-thư.*
 « *Nhữ hà nghịch lộ lai xâm-phạm,*
 « *Nhữ đảng hành khan thủ bại hứ.* »

Nhưng vẻ hưng-thịnh của nhà Lý rực-rỡ bao nhiêu thì mà suy-vong lại điêu-tàn bấy nhiêu. Đến lúc dân Thăng-long được xem dám cưới quái-gỗ của *Lý Chiêu-hoàng* với *Trần-Cánh* là lúc thành Thăng-long phải khóc một dòng vua di vào tuyệt-diệt.

Phải chăng đúng trước một buổi chợ chiều của, Hoàng-y, Thăng-long-thành đã cõi-phụ hết ân-tình? Không. Nhà Lý đã phụ Thăng-long-thành, chứ Thăng-long-thành không phụ nhà Lý.

Một quốc-đô là một hòn ngọc quý của dân-tộc nó chỉ xứng-đáng cho kẻ có tài đức tiêu-biểu được cho quốc-dân. Nước là của quốc-dân, quốc-đô không phải là gia-tài riêng của một dòng họ.

Những bắc anh-quân mỏ-mang co-øghiệp làm rực-rỡ quốc-đô làm vẻ-vang cho quốc-thế. Ngán thay những kẻ miêu-duệ ươn-hèn đã làm đỗ ngã công-nghiệp của tiên-quân. Mà cái hưng-suy của một triều-dai xưa nay vẫn theo một công-lệ.

Ông vua đầu một thời-dai là ông vua anh-hùng hiền-hách võ-công kẽ-tiếp là những bắc hiền-quân chau-chuốt văn-trị. Khi một quốc-đô đã nhận được đầy đủ những vẻ đẹp ấy rồi là lúc quốc-vận được hưng-thịnh hoàn-toàn, và cũng là lúc triều-dai vào lúc mặt trời đứng bóng. Những ông vua sau này được thừa-hưởng cái công-

nghiệp dời-dào của ông cha không còn muốn thêm-thất gì vào đây nữa.

Các ông đã nghiêm-nhiên coi sự thịnh-vượng của quốc-dân là gia-tài của kinh-quốc, đem tình iết-kỷ đặt thỏa-mẫn vào sự dâm-dật kiêu-xa, để đi đến một kết-quả ảm-dạm.

Đời nhà Lý ông vua đầu-tiên là LÝ-CÔNG-UÂN anh-hùng bao nhiêu thì ông vua cuối huỗi là Lý Huệ-Tông nhu-nhược bấy nhiêu.

Thành Thăng-long sở-dĩ dứt tình với một dòng vua đã đến thời suy-nhược để tiếp đón một dòng vua anh-dũng chính là để luôn luôn giữ cường-cường cái tình-thần tự-lập của dân-tộc khỏi gián-doạn.

Thành Thăng-long đã là tấm gương rõ-rệt soi vào đáy người ta rõ được những trạng-thái thịnh-suy của thế-hệ, vậy mà ông vua hau-lai lập-nghiệp ở đáy cứ nhắm mắt _hòn-mè, người trước đã ngã người sau lại ngã theo trên một lối.

Đời Trần cũng là đời rực-rỡ võ-công, văn-trị. Những võ-tướng của nhà Trần phần nhiều là những tay tài giỏi văn-chương. Đến võ-công của đại-tướng TRẦN-QUỐC-TUẤN thật là một võ-công thiên-cô kỵ-tuyệt của lịch-sử. Thành Thăng-long hồi ấy đã phải thảm nước mắt đau-thương để đón nụ cười toàn-thắng.

Hồi mà *Ngột-lương Hợp-thái* theo giọng Thao-giang đánh xuống Thăng-long (năm Đinh-tỵ, 1257) và thời Trần-Hưng-dạo phải xa-giá xuống Thiền-trường rồi theo Thủý-dạo vào Thanh-hoa (năm Giáp-thìn 1284) ấy là lúc Thăng-long thành ngầm lê.

Nhưng khi Trần-nhật-Duát phá quân Toa-dò ở Hàm-tử-Quan, Trần quang-Khai đại-thắng quân Thoát-Hoan ở Chương dương-dò, Thành Thăng-long đã nở nụ cười.

« Doại sáo Chương-dương-đồ,
 « Cầm Hồ Hàm-lủ-quan,
 « Thái-bình nghi nô lực,
 « Vạn cỗ thử gian san.

Dó là bài thơ khâm-chiếm của Trần quang-Khai ngâm giữa Thăng-long-thành trong bữa tiệc khao quan tò sứ mừng-võ nơi quốc-đô xưa trải bao gian-lao lại được vê-vang về độc-lập.

Cuộc thăng-tràn ấy được thành-công là do tài diều-khiển của những tay tướng-lĩnh nhà Trần, nhưng một phần lớn là do sự đồng-tâm hợp-lực của quốc-dân, mà cái tinh-thần tự-lập cuồn-cuộn khởi nguồn ở thành Thăng-long vậy.

Trong đời Trần, còn có một đặc-biệt của thời-thế là đối với quân Nguyên miền Bắc, ta hùng-dũng giải-quyết quốc-vận bằng binh-dao, thì đối với Chiêm-thành miền Nam, sau khi biều-dương võ-công với họ vào năm Nhâm-Tý (1252), ta đã lợi-dụng thời-cơ bằng tình-cảm. Vì cuộc vu quy của HUYỀN-TRẦN CÔNG-CHỦA nhà Trần mà ta lấy về được hai châu Ô, Lý, đó là Huế bây giờ.

Huế, bắt đầu từ ngày ấy đã được Hà-nội khai-sinh.

Thăng-long-thành đã được vê-vang qua những ông vua Trần Thái-tông, Trần Thánh-tông, Trần Nhân-tông, Trần Anh-tông, rồi dần dần nét bút thịnh-vượng phai màu. Từ Dụ-tông trở đi, nhà Trần đã di và cuộc suy-biến, xô luộn cả một cuộc dỗi-ngã vào Thăng-long-thành.

Dở trang lịch-sử, ta thấy vào khoảng năm Đinh-ty (1377) — năm Canh-thìn (1380) mấy lần CHẾ-BỒNG-NGA, vua Chiêm-thành đem quân sang tàn-phá Thăng-long, mà lòng ta không khỏi đau-dớn về sự suy-vi của một kinh-thành văn-hiến.

Rồi đến khi HỒ-QUÝ-LÝ miru cuộc thoán-doạt là lúc thành Thăng-long đi vào chỗ rẽ của thời-dai.

Từ Lý đến Trần ta chỉ có Thăng-long-thành làm quốc-đô. Từ khi Hồ quý-Ly làm môt nhà Trần, thi Thăng-long-thành đã biến làm *kiểu-kinh* của Lạc-ấp. Hồ-quý-Ly dời quốc-đô về Thanh-hóa. Từ ngày ấy Thăng-long-thành có tên là ĐÔNG-ĐÔ, dưới sự cai-quản của *Tây-đô* (Thanh-hóa) là nơi quê-hương của họ Hồ.

Lịch-dại thường cho đất Thăng-long là đầu rồng, vùng Sơn-nam và vùng Hải-đông là đuôi rồng, Thanh-hóa là ố rồng.

Điều ấy xác-dáng ở chỗ khi xưa ta chưa có Huế có Sài-gòn, Thanh-hóa là nơi căn-bản cho những bậc quân-vương thất-thế mưu-dồ phục-quốc.

Trần hưng-Đạo trong khi phải cầm-cự với quân Nguyên, hai phen phải rước vua vào Thanh-hóa. Nếu không có cái ố rồng ấy ôm-ấp giòng Cửu-ngũ, thì mõ miện dai ngọc khó mà quay lại nhìn thấy Thăng-long. Vua Lê-Lợi bậc anh-hùng cựu-quốc vốn là người áo vải ở Thanh-hóa. Nhà Hậu-lê phục-quốc bắt đầu cũng phải lấy Thanh-hóa làm căn-bản.

Đất Thanh-hóa là đất khởi-nghiệp của các đấng anh-hùng nhưng nó không thể là quốc-đô một nước vì nó ở sâu vào mãi phương Nam không có cái ưu-thể đứng đối-lập với Trung-quốc. Muốn đóng đô, người ta không thể rời chỗ đầu rồng là Thăng-long được.

Hồ quý-Ly quả đã lâm vào một ngò-diêm lớn-lao khi dời đô-thành từ Thăng-long vào Thanh-hóa.

Sự di-đô của Hồ quý-Ly có ba nguyên-có: cái nguyên-có chính là Hồ quý-Ly muốn làm cho dân-chúng dứt lòng nhớ đến nhà Trần. Nhưng bên cạnh có hai nguyên-có phụ là thành Thăng-long hồi ấy đã bị quân Chiêm-thành tàn phá thảm-hại, và Hồ quý-Ly muốn công-nghiệp để-vương của mình rạng-rỡ ở nơi quê nhà.

Cái lòng ướt-c-nguyễn « Áo gấm về quê » là một dực-

vọng lòn-lao nó ăn sâu rẽ vào tâm-lý người Á-dông. Hai bà Trung bồ Liên-lâu về đóng đô ở Mè-linh, vua Định tiên-hoàng đóng-dô ở Hoa-lư. Nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê tuy đóng đô ở Thăng-long cũng lập cung-diện ở quê nhà là làng Cổ-trai huyện Nghi-dương.

(Mạc rày rõ mặt tiếm-cường,

Thăng-long truyền nước, Nghi-dương dựng nhà).

Người ta lầm khi là bậc anh-hùng cái-thể mà cũng không bỏ được thế-tục thường-tình. Đó là một nhược-diểm mà người muôn gây dựng nghiệp to nên tránh.

Sự di-dô của Hồ quý-Ly chính là cái nguyên-nhàn thời-thế làm cho mất họ Hồ. Hạng-võ dời đô từ Hàm-dương về Bành-thành, vua nhà Chu dời đô từ Kiều-kinh về Lạc-ấp là một bài học rất hay-ho về nguyên-cớ suy-nhuộm của một quốc-gia mà Hồ quý-Ly không để ý đến.

Dân-chúng ngày xưa hiều nghĩa ái-quốc theo nghĩa trung-quân. Ông vua là người tiêu-biểu sự hưng-suy của thời-đại. Kinh-thành là nơi ngưng-lụ vượng-khi của đất nước. Hồ quý-Ly bỏ thành Thăng-long, kinh-thành cổ-truyền, dời đô về Thanh-hóa, đã làm tan-rã hết dân-tâm.

Họ Hồ làm cuộc di-dô, bản-ý muôn dứt lòng dân trưởng-nhờ nhà Trần, trái lại càng làm cho dân thiết-tha hoài-niệm triều-đại cũ.

Từ khi thành Thăng-long bị sụp đổ dưới gót giầy đù-hộ của nhà Minh, dân-chúng Thăng-long bị biết bao đau khổ bởi sự tàn-ác của ngoại-chủng.

Người cứu-vớt thành Thăng-long khỏi cơn tủi nhục là người ANH-HÙNG ÁO VẢI Ở LAM-SƠN. Nhưng chính người ấy lúc hàn-vi đã tìm được kiếm báu ở Thăng-long, khi bình-phục được giang-san, lại đóng đô ở

Thăng-long, giữa Thăng-long trả kiếm (tại Hoàn-kiếm-hồ). Đó chẳng phải cái linh-khi của Thăng-long đã gây thiêng thêm chi-khi người anh-vĩ ?

Nhà LÊ đã mở ở thành Thăng-long một thời-dai rất là diễm-lệ. Võ dã hưng vǎn lại thịnh. Về vǎn sau khi thu hồi được độc-lập, đối với mặt Bắc ta tránh được một sự dụng-chạm lón-lao, về miền Nam ta đã móm-mang được bờ cõi ở công cuộc chiếm đất Chiêm-thành, về vǎn thì còn thời-dai nào trong lịch-sử vǎng-hon đời HÔNG-DỨC.

Vua LÊ THÁNH-TÔNG có thể gọi là ông vua hoàn-toàn vào bậc nhất ở nước ta qua các thời-dai.

Oán thay đến lúc bóng mây chiều phủ trên lóp Hoàng-y vào cuối buổi lại là lúc thành Thăng-long phải chịu đau thương. Đến hồi Lê-triều phát sinh ra những ông vua Lợn (*Trư-vương*) và ông vua Quý. (*Quỷ-vương*) là lúc thành Thăng-long đã đi vào túi nhục.

MẠC ĐĂNG-DUNG đã cướp ngôi nhà Lê, và đã đặt vào thành Thành-long một quốc-sí lón-lao ở sự một quốc-vương phải trần vai áo cui đầu hàng-phục quân Tàu ở cửa ải Nam-quan.

Rồi thành Thăng-long bị đau thương, thành Thăng-long bị tàn phá trong cuộc nội-chiến giữa nhà Mạc và nhà Hậu-Lê từ năm Quý-ty (1532) đến năm Nhâm-thìn. (1592). Một bên cố níu lấy cái mồi thoán-doạt, một bên nhất-dịnh khôi-phục co-dồ.

Nghĩ đến lúc *Trịnh-Tùng* ra khắc phục Thăng-long-thành, san phẳng ba lần tường lũy mà ta phải ta-oán cho kinh-thành lịch-sử.

Xưa nay thành Thăng-long một khi rơi lệ, tiễn đưa một thời-dai ngai vàng vào tịch-mịch cũng là lúc nở nụ cười đón chào thế-hệ mới dựng bình-mình.

Khi nhà Hậu-Lê đã đứt được nhà Mạc rồi, thành

Thăng-long thấm toàn nước mắt. Họ Mạc cướp ngôi nhà Lê, đến khi họ Trịnh đánh được họ Mạc rồi lại cướp quyền nhà Lê. Thành Thăng-long chỉ dỗi màu thoán-doạt. Vua Lê chỉ giữ ngôi bị-vị bọn nhà chúa nắm hết chin-hu-quyền. Triều-dinh bị ném mình dưới bóng Phủ-liêu. Thời-kỳ ấy chẳng khác gì thời-kỳ Mạc-phủ bèn Nhật-bản.

Triều-chinh dưới quyền họ Trịnh không thấy điểm một màu đầm-thắm vè-vang. Ông chúa vũ-dũng như Trịnh-Tùng thì tàn-ác. Từ Trịnh-Giang trở đi, thành Thăng-long sống trong cái không-khi đậm-dật kiêu-xa.

Thời-dai nhà Hậu-Lê là một thời-dai quốc-vận bị mờ-ám. Cuộc nội-chiến giữa nhà Trịnh và nhà Nguyễn chưa hết thì nối tiếp đến loạn Kiều-binh. Chinh-lúc thành Thăng-long đương vào cảnh hoang-tàn chí-khi thi Huế đã làm lợn được một sứ-mệnh quan-trọng thiền-liêng là cuộc chinh-phục phương Nam được kết-quả mỹ-mẫn.

Dân-tộc ta hùng mạnh dũng-tiến. Hà-nội đã khai-sinh ra Huế, để Huế khai-sinh ra Sài-gòn ; Hà-hội ấp-ủ tinh-thần dọc-lập của dân-tộc.

Rồi lúc quốc-gia gần làm vào cảnh dò-hộ của ngoại-chủng, thì Thăng-long-thành đã gọi ở phương Nam về một vị anh-hùng bồ-y « không tiền khoáng hậu » để giải-thoát cho dân-tộc, làm vè-vang cho lịch-sử. Và chính giữa Thăng-long-thành vua QUANG-TRUNG đã đại-thắng quân Thanh một cách rất dẽ-dàng. Võ-công của vua Quang-Trung NGUYỄN-HUỆ là một võ-công đệ-nhất của nước ta đã dựng lại cái tinh-thần bao năm dò ngã.

Bấy giờ vua Quang-Trung đóng đô ở Thăng-long còn ôm một hoài-hảo to lớn là đem Lưỡng-Quảng của Trung-quốc về quyền chi-phối. Rủi thay mộng lớn chưa

thành, thì ông vua anh-hùng ấy băng-hà, kẻ kẽ-nghiệp tām-thường nhu-nhược. Vì vậy vua *Gia-long* ôm chi-lon từ Gia-dịnh ra lấy Bắc-hà, bình-phục được Thăng-long.

Nước ta trong thời-đại *Gia-long* khai-sáng là một thời-đại thống-niết T-ung, Nam, Bắc, bờ cõi lớn-lao từ xưa tới nay chưa từng thấy, Nhưng cũng từ ngày ấy Thăng-long-thành đã thời làm quốc-dò, và Huế đã là kinh-sư của nhà Nguyễn.

Thật ra từ khi Thăng-long thành bị biếm-chuất, quốc-vận gần báo-một cảnh hoảng-hỗn. Vua *Gia-long* không đóng-dò ở Thăng-long, còn coi đó là nơi quan-trọng. Nhà vua đã sai xây thành theo kiểu VAUBAN đặt là BẮC-THÀNH.

Đến thời đại Minh-mệnh vào năm 1831 quân-vương đổi với kinh-thành cũ cảm-tình đã phai nhạt. Bắc-thành đã đổi ra là HÀ-NỘI-TỈNH.

Bấy giờ nước ta đương mắc vào sự giao-thiệp phiền-phức với ngoại-bang, Triều-đình Huế cố lui vào cố-thủ cũng không toàn-vẹn.

Năm kỷ-mùi (1859) người Pháp bắt đầu lấy Nam-kỳ, đến năm Quý-dậu (1873) Hà-nội thất-thủ mang theo cái chết uất-hận của ông NGUYỄN TRI-PHUƠNG, năm Nhâm-ngo (1882) Hà-nội bị thất-thủ lần nữa tống-đốc HOÀNG-DIỆU oanh-liệt tử-tuẫn tại thành-trì.

Cái thịnh của Thăng-long đã oai-hùng cái suy của Thăng-long cũng không kém phần anh-dũng. Người ta ức-đạc rằng kinh-thành Thăng-long vi được làm quốc-dò thuở ấy thì dân-lộc ta không đều nỗi lâm vào quốc-nạn thảm-hại như vậy.

Là vì Thăng-long-thành là một kinh-thành khoáng-đạt mở cánh gió ra bốn phương trời không có cái tinh

cách ho-bo thủ-cựu như kinh-thành Huế.

Rồi *Hô-a-uoc Patenôtre* năm Giáp-thân (1884) ra đời, dìm cả quốc-gia Việt-Nam vào một cuộc đờ-hộ của người Pháp.

Hà-Nội chịu sự cai-trị của người Pháp trong chế-độ canh-tân thế nào ?

Trong khi Huế cuống minh vào đời cố-cựu để giữ lấy cái duyên-dáng quan-chủ cõi-truyền, và Sài-gòn đã nhở-nhơ phô-bộ quần-áo mới Âu-phương thì Hà-Nội vẫn khảng-khai đón lấy luồng văn-minh của thế-giới để bồi-bổ cho cái nền-nếp đại-gia. Hà-Nội theo áu-hoa trong cái tinh-cách di-truyền, và giữ bền-chặt cái tinh-thần độc-lập của dân-tộc.

Trong suốt thời bị Pháp đờ-hộ, Hà-Nội đã gây nên nhiều cuộc cách-mệnh gan-dạ ; cuộc mưu-đồ của Hội *Đóng-kinh nghĩa-thục* (1907) và cuộc *khởi-nghĩa ở Yên-báy* (1930), uyên-nguyên đều ở Hà-Nội.

Đến thời Đại-chiến II 1939-1945 Hà-Nội cũng đóng góp nặng-nề vào vận-mệnh quốc-gia trong thế-giới

Cũng như Sài-gòn và Huế, Hà-Nội đã chứng-kiến sự thoái-bộ của người Pháp trước cuộc xâm-lăng của người Nhật năm 1945.

Quân Tầu sang giải-giáp quân Nhật ở Đồng-dương, Hà-nội cũng dừng mũi chịu sào, mang đau thương vào bậc nhất.

Trong khoảng năm 1945 Hà-nội bị trải qua những tinh-trạng đau-dớn. Từ năm 1946 cho tới ngày nay bao nhiêu cuộc biến-chuyển to-tát cõi-a thời-thế Hà-nội đều chịu đựng.

Trong khoảng năm 1946 đến năm 1951 Hà-nội là

một thành-trì quan-trọng giữ vững khối *Liên-hiép-Pháp*. Từ năm 1952 tới ngày nay Hà-nội đã là một con đê vĩ-đại ngăn làn sóng dỗ ở Đông Nam-Á của Thế-giới tự-do.

Nhìn sơ-lược lịch-sử Hà-nội, ta thấy đó là cả một cuốn lịch-sử của dân-tộc ta từ hồi Bắc-thuộc cho tới ngày nay. Hà-nội theo sự thăng-trầm của vận nước khi hiền-hách lúc suy-vi luôn luôn giữ vững rắn TINH-THẦN TỰ-LẬP của dân-tộc.

Sự hiền-hách của Huế và Sài-gòn là ngọn duốc một thời, sự hiền-hách của Hà-nội là mặt trời mặt trăng qua thế-kỷ.

Tuy nhiên ta phải nhận rằng sự so-le giữa Hà-nội với Huế và Sài-gòn là tiết-tấu của lịch-sử.

Từ khi Huế và Sài-gòn thuộc vào lĩnh-vực nước ta mà chủ-não là Hà-nội, thì ba nơi ấy đã đặt mạch máu lưu-thông với nhau, có cái nghĩa tương-quan tương-hỗ.

Hà-rội đã trải nhiều chiến-công oanh-liệt với quốc-gia, khi đã khai-sinh ra Huế, tất-nhiên trên đường Nam-tiể: phải đè Huế dǎm-đương sứ-inenh. Khi nước nhà ngập vào cuộc tam-phản ngũ-liệt, bờ cõi nước nhà vì cuộc tiến-triển của dân-tộc đã rộng lớn, thì nơi ướm chi hiền-ngang mở đường tiêu-thủ của anh-hùng, không phải là Thanh-hóa nữa mà là Sài-gòn.

Hà-nội là kinh-dô vĩnh-viễn của nước ta. Huế chỉ là nơi cựu-doanh của một dòng vua đã có cõng mồ-mang bờ cõi Sài-gòn là cửa bắc to lớn nhứt nước ta. Sau này ta phải định nghĩa cho «danh chánh ngôn thuận».

Huế là nơi để cho ta chiêm-nghiệm một dòng vua là cái cầu bắc chè ta từ Hà-nội vào phương Nam, Sài-gòn là kho thóc gạo là nơi chứa đựng hàng-hóa của liệt-quốc để tiếp-tố ra Hà-nội. Khi một mạch máu nào trong ta xúi bị cắt đứt, toàn cõi bị đau thương.

Người ta bảo Huế xinh hơn Hà-nội, Sài-gòn rộng lớn hơn Hà-nội. Điều quan-sát ấy rất đúng trước con mắt thiên-cận không cần lịch-sử.

Trong những cuộc tàn-phá đối với ba kinh-đô Huế bị tang-tốc ít hơn cả.

Từ khi vào cuộc đò-hộ, Huế thu hình lại chịu cảnh giang-san nhắt khoảnh thì nó có chải-chuốt mầu hoàng-thành cho diêm-lệ để soi hình tự-ái trên làn nước Hương-giang. Nó có cái xinh-xắn của nàng Tố-Nga, Hà-nội không sánh kịp.

Sài-gòn từ khi khoác cái áo văn-minh Âu-châu, tiện-thị là nơi kỹ-nghệ và thương-mại phồn-thịnh có một không hai của đất nước.

Nhưng Hà-nội giữ linh-thiêng một bộ mặt cổ đế-kinh, thời-gian không xóa được.

Xưa kia, nơi kinh-đô này trong là cung-thành có cung cổ điện của nhà vua, ngoài là Hoàng-thành rồi đến phố-xá. Những phố này chia ra từng phường, vì nỗi phố làm riêng một nghề lại có cái nghĩa đồng-hương.

Hà-nội 36 phố-phường, mỗi phố có cửa cồng ở trên có lầu canh tê đóng lại, để phòng ti-ệm cướp :

« Phố ngoài bọckin thành trong,

« Cửa Nam, Giảm, Bắc, Tây, Đông rõ-ràng »

Từ khi người Pháp lấy Hà-nội, thành-trì do vua Gia-long sai xây dựng theo kiểu Vanban bị phá hủy hết.

Bàv giờ thành Hà-nội bảy ra hai bộ mặt khác hàn
nhau : Từ khoảng giữa hồ Hoàn-kiếm lên tới hồ Trúc-
bạch và Hồ-tây, là những phố-phường của ta còn giữ
những tên cũ : Hàng-bông, Hàng-gai, Hàng-dào, Hàng-
cót v.v. Từ khoảng giữa hồ Hoàn-kiếm đổ xuống
phía Nam, là phố-xá do Tây xếp đặt, mang những tên
tây, mường-tượng một bộ mặt « *địa-trung-hải* ».

Ở những phố ta đường cái phàn nhiều không
được thẳng, nhà cửa phàn nhiều thấp hẹp. Ở
phố Tây thì đường cái thẳng tắp nhà cửa đồ - sộ
nghênh-ngang. Trong khi Sài-gòn chịu trực-tiếp luồng
văn-minh trên làn sóng bể ngoài khơi đưa lại, Huế
quá cuồn mình trong nếp hoàng-y, Hà-nội bảy ra
quang cảnh phố-xá như vậy chẳng phải là nơi dung-
hòa sự gấp-gõ của hai luồng văn-minh Âu, Á ?

Nhiều người hoài-cố còn thương khóc sự bẽ-dầu
của một kinh-thành truyền-quốc. Đâu là cung vua ?
Đâu là phủ chúa ? Đâu là cửa Tuyên-võ ? Đâu là ly-cung
bên làn sóng Hồ-tây ?

Thật ra di-tích Hà-nội còn nhiều.

Huế chỉ nhắc cho ta sự chiêm-nghiệm một Hoàng-
triều, Sài-gòn hoàn-toàn mới-mẻ. Hà-nội đã nhắc ta
từng kỷ-niệm qua thời-dai : một làn sóng nước, một
hòn đá nằm nghiêng, một lối đi, một viên gạch vỡ,
nhất nhì là lịch.sử. Chúng ta không được mãn-nguyễn
ở Huế, chúng ta khao-khát khi-vị cố ở Sài-gòn, thì
đây Hà-nội đã cho chúng ta hoài-cố.

Đi trên đường Quần-ngựa, chúng ta mơ-màng đến
kinh-dô của Cao-Biền xưa, chúng ta hoài-niệm về 8
đời nhà Lý. Làn sóng Hồ-tây đã xúc-động ở ta niềm
hùng-tráng khi ta tưởng nhớ đến chí cái-thể của Hai
Bà

« Cột đồng Đông-Hán tìm đâu thấy,
« Chỉ thấy Tây-hồ bóng nước gương »

Hồ Hoàn-kiếm xanh đục làm cột ta tưởng như còn tăm thần-kiếm. Giữa hồ Hoàn-kiếm có Tháp-rùa. Bên hồ, có tượng vua Lê-Lợi. Trên vòm Bách-thảo ta còn tưởng tới đền thờ vua Lê xưa khi nhìn những con rồng bằng đá còn sót lại sau một cuộc hoang-tan. Ở cửa Bắc có hai vết đạn súng thắn-công kỷ-niệm ngày kinh-thành thất-thủ.

Hà-nội có bao nhiêu kỷ-niệm hùng-tráng và đau thương. Trong thành-phố Hà-nội, còn bao nhiêu noi cỗ-tích.

Hà-nội có chùa *Huyền-thiên Trần-võ*, đền *Bạch-mã Đại-vương*, đền *Ngọc-son*, đền *Viên-minh*, (đền Hai Bà) chùa *Duyên-hựu*, (chùa Nhất-trụ), chùa *Linh-quang*, chùa *Phổ-quang*, chùa *Hồng-phúc*, chùa *Trần-quốc*, chùa *Lý Quốc-sư*, chùa *Hà-khâu*, mỗi chùa đều có sự-lịch và vẻ đẹp cỗ của nó.

Phố-xá Hà-nội bây giờ còn có những phố giữ được những ngôi nhà nhỏ hẹp so-le, như phố Hàng-bạc, phố Hàng-mắm, phố Hàng-bè, phố Mới nó niêm-phong được bộ mặt cỗ-kính làm cho người ta chiêm-nghiệm được tới khi-vị xưa của nơi ngàn năm văn-vật.

Hà-nội đặc-biệt hơn Huế hơn Sài-gòn ở những chỗ ấy. .

Hà-nội đã là một kinh-đô đầy lịch-sử lại là nơi phát-nghiên văn-hoa. Nó là thành-phố ánh-sáng của nước Việt-nam. Xưa nay bao nhiêu danh-nhân đại-tướng đều ở Hà-nội. Giảm có bia 40 ông tiến-sĩ triều Lê, là nơi chính-tử thờ đức Khổng-Tử ở nước ta, đủ rõ cái tinh-thần văn-minh của nơi đẽ-qnyết.

Hà-nội còn là nơi phát-nghiên nghệ-thuật và kỹ-nghệ. Bao nhiêu tay tài kinh-doanh, bao nhiêu tài-hoa nghệ-sĩ ở Hà-nội.

Người Pháp khi lấy được Hà-nội cũng thông-cảm được cái linh-khi của Hà-nội nên đã nghiêm-nhiên coi Hà-nội là kinh-dô của nước ta. Trường Đại-học lập ở Hà-nội, trường Bác-cô to nhất nước ta ở Hà-nội, nhà Hát lớn đẹp vào bậc nhất nhì Viễn-dông cũng ở Hà-nội. Hà-nội có Thư-viện trung-ương đặt vào giữa đường thập-đạo của Trường-thi xưa là nơi sĩ-tử đến đua tài trận bút. Hà-nội có Đông-duong Học-xá rất to lớn để chứa những sĩ-tử ngày nay.

Xưa kia theo thuật phong-thủy tin dị-doan, đắng quân-vương một khi đóng đô ở nơi nào là bởi đã nhận được ở đây những diềm cát-tường hay đã thấy kiều đất có Thanh-long, Bạch-hổ. Hà-nội được gọi là Thăng-long vì ứng vào diềm rồng vàng lên Trời. Thiếu về điều-kiện phong-thủy, thì người ta đắp thêm mấy cái gò dống đặt là Tam-son, Khán-son, Thái-hòa để ăn nhịp với nguồn NÚNG-NHÌ.

Thành Thăng-long là một kinh-thành hùng-vĩ vì địa-thể phải ngoảnh mặt về Bắc để trấn-áp xâm-lăng. Từ khi có Huế và Sài-gòn ta tưởng rằng kinh-dô ở Huế giữa nước là nơi non sông hiêm-trở có cái thể vững-vàng như 9 vạc nhà Chu. Ta lầm, phương Bắc vào thời-dai nào cũng vẫn là nơi gây cho ta nhiều áp-lực ta phải ứng-phó. Huế thủ-hiềm quá, Sài-gòn mở rộng cửa ngõ quá, chỉ Hà-nội là kinh-dô muôn đời của nước Việt-nam ta.

Về địa-lý, Hà-nội là một đô-thành ở trung-tâm Bắc-Việt, tỏa ra hai đường thủy-đạo là sông Thá-binh và sông Nhị-hà, thu hết các đường sắt và đường bộ vào một diềm. Hà-nội là kinh-thành thịnh-vượng chính

trị bởi nó thịnh-vượng kinh-tế.

Về khí-hậu và cảnh-sắc, Hà-nội có cái đặc-biệt của nó. Sài-gòn là nơi học một lớp không-khi nóng dịu và đều-đều, không mẩy khi có thiên-tai thủy-lại, lại là nơi giàu thịnh rất dễ khiếu con người lười-biếng. Sài-gòn không có núi cao, không có sông rộng kich-thích tinh-tinh kháng-khai. Không-khi ở Huế lướt-thuốt trong trận mưa dầm, âm-u ở những mầu xanh tối. Sông ở Huế trong và nông, núi ở Huế thấp. Hà-nội có những trận mưa lớn, có những trận bão to, có những khi nóng sôi người cũng có khi rét cắt da, những điều-kiện thời-khi ấy dễ dục lòng người tiến-thủ. Huống chi mạch sông ở Hà-nội chảy mạnh như sông Hồng-hà, Hà-nội nhìn ra ngọn Tân-viên cao chót-vót.

Sài-gòn bồng-bột, Huế nhu-thuận, Hà-nội khoáng-đạt hiên-ngang. Sài-gòn phóng theo làn văn-minh vật-chất, Huế thu về vẻ e-dè thủ-cựu, Hà-nội canh-tân theo trào-lưu văn-minh thế-giới vẫn giữ nền-nếp thi-thư. Đây là văn-hóa, đây là tài-hoa, đây là lịch-sự.

Các văn-sĩ Pháp đều cực-lực tán-dương Hà-nội.

Ông Masson viết : « Enfin la citadelle de Hanoi n'était pas seulement la principale forteresse du Nord, mais encore le siège de l'administration d'une vaste province, et la capitale historique du Tonkin, dont elle avait abrité la dynastie nationale pendant des siècles ». (Rút lại kinh-thành Hà-nội không những là trọng-trấn ở phương Bắc, lại còn là nơi đặt cơ-quan cai-trị một tỉnh rộng lớn, nó là kinh-thành lịch-sử ở cõi Bắc, là nơi trong bao thế-kỷ đã trải bao đời vua truyền-quốc).

Ông De la Liraye năm 1877 đã ca-tung Hà-nội bằng một ngọn hút đậm-đap :

« Bien que Kê-chợ ne soit plus la résidence royale,

« c'est encore la première ville du royaume, pour les arts, l'industrie, le commerce, la richesse, la population, le savoir-vivre et les études. Il faudrait dire que dans tout le royaume, il n'y a pas d'autres industries qu'à Ké-chợ, et que tout le Tonkin, toute la Cochinchine ne peuvent se passer d'elle. C'est là que viennent les hommes de lettres, les bons ouvriers, les gros commerçants. C'est là que sortent les objets de nécessité et les objets d'art pour le luxe. C'est là enfin qu'est le coeur de la nation ».

(Dù Ké-chợ không phải là kinh-sir nữa cũng là một tỉnh đứng đầu trong nước về nghệ-thuật, về kỹ-nghệ, về thương-mại, về sự trù-mật, về dân-số, về phép lịch-sử, và về văn-hóa. Phải nói rằng trong khắp nước, không kỹ-nghệ đâu bằng Ké-chợ. Cả Bắc-kỳ cả Nam-kỳ không vượt được Ké-chợ. Những khách văn-nhân, những người thợ giỏi, những đại thương-gia đều khởi-nghiệp từ đây. Ở đây sản-xuất những đồ cần-thiết và những đồ nghệ-thuật phù-hoa, nói tóm lại đó là trung-tâm-diểm của nước).

Tôi ở Hà-nội đã qua Huế, đã sống ở Sài-gòn, nghiệm rằng chỗ nào cũng là bờ cõi của đất nước, ở mỗi nơi dăm-thăm một tăm-tinh, nhưng lúc nào tôi cũng hoài-niệm Hà-nội.

Vì thời-thế, bước chân giang-hồ dừng mãi ở Sài-gòn, tôi quay mặt ra Bắc nhìn về Hà-nội. Muốn soạn nên một quyển sách nói vài cảm-tưởng về Hà-nội khác Sài-gòn, tôi không ngờ lại đi sâu vào vấn-dề đến thế.

Từ chỗ muốn vạch vài ngọn bút về Hà-nội, tôi đi đến chỗ muốn tả phong-cảnh và tình-trạng Hà-nội, rồi tôi hoài-niệm về lịch-sử của nó.

Viết lịch-sử Hà-nội, người ta phải lên từ đời Bắc-thập, nhưng vì người ta cứ nhầm Đại-la-thành với

Long-biên-thành, nên lịch-sử Hà-nội không thể bỏ qua được *Long-biên*, Long-biên là một kinh-thành không còn một dấu vết gì để lại, người ta làm-lẫn nó với Liên-lâu-thành. Nói về *Liên-lâu* người ta phải nhắc tới *Cố-loa-thành*.

Nếu vậy thì kinh-thành Hà-nội là cả một cuốn lịch-sử Việt-nam rồi. Vì Hà-nội không những là nột kinh-thành truyền-quốc, nó lại còn là nơi ngưng-tụ tinh-thần độc-lập của dân-tộc. Tôi viết lịch-sử Hà-nội mà lên mãi triều-dai Hồng-bàng, bị đắm mình vào một cuộc khảo sú từ cõi-rõ, thật là một công-cuộc khảo-cứu quá sức mình.

Tôi không phải là một sử-gia, sử-liệu tôi rất ít, ở miền Nam lại thiếu nhiều sách vở để sưu-tầm, một điều cốt-yếu là thi giờ ít-ỏi không cho ngọn bút tôi được rộng-rãi. Đó là những nguyên-cớ sinh ra sự thiếu sót trong cuốn lịch-sử nhỏ mọn này.

Bắt đầu tôi nói qua về *Cố-loa-thành* là một kinh-thành tiêu-biểu chí cường-cường tự-lập của quốc-gia trong một thời-đại. Rồi tôi nói đến Liên-lâu, Long-biên. Từ Long-biên sẽ đến Đại-la-thành, Thăng-long-thành rồi đến Hà-nội.

Đây là một công-cuộc khảo-cứu to lớn, tôi dám lạm-dụng công-cuộc bằng ngọn bút non-nớt, xin chư độc-giả chỉ bảo cho những điều lầm-lẫn, đó là ước-nguyễn của tôi, và đó cũng là làm tròn thêm hộ tôi tấm tình « *Việt Diều* ».

Sài-gòn ngày 28-10-52
NGUYỄN QUANG-LỰC

CHÚ THÍCH

(1) NUỐC LÂM-ẤP.— Nước Lâm-Ấp theo lịch-sử chạy từ phía Nam bờ cõi quận Nhật-nam, bắt đầu từ huyện TƯỢNG-LÂM, vào tới phía Bắc bờ cõi Chân-lạp. Nước ấy thành-lập về cuối đời Hán.

Vào năm 208 trước TC, lịch-sử cũng có nói Triệu-Đà khuất-phục dân-cư vùng núi ở phía Tây-Nam Tượng-quận tức là Lâm-Ấp sau này. Nhưng theo chính-sách « *nhu-viễn* » của ông vua khôn-ngean ấy, chắc rằng dân-cư trong lĩnh-vực huyện Tượng-lâm không bị Triệu-Đà trực-tiếp cai-trị.

Rồi trong mấy thế-kỷ, người ta không nói gì đến huyện Tượng-lâm. Bỗng nhiên vào thế-kỷ thứ II phát-sinh ra một nước LÂM-ẤP hiếu-chiến dũng-mãnh, lấy chiến-tranh làm đe-tài cho sự tồn-vong của dân-tộc.

Người ta nghĩ rằng nước Lâm-Ấp sở-dĩ được khai-sinh là bởi một bọn cướp bê-dòng giống MÃ-LAI đã xâm-nhập vào đất-dai ấy, và đã đuổi những người bản-xứ hiền-lành lên giải núi Trưởng-son. Kinh-thành Lâm-Ấp bấy giờ có tên là *Khu-lật* hay *Khu-túc*, phía Nam có con sông Lur-dung huyện Lur-dung chảy qua, nó ở vào huyện Tày-quyền (tức Huế bảy giờ.) Thành Khu-lật ở giữa hai con sông ba bờ giáp núi, phía Nam phía Bắc gần kề xuống nước, có khe nước chảy ở phía Đông và phía Tây.

Thành này chu-vi 6 lý 170 bộ. phía Tây bẻ ra mươi góc, thành bằng gạch cao 2 trượng, trên xây tường gạch một trượng, nở ra những lô hông hình vuông. Nền gạch có lát ván ở trên làm 5 tầng gác, trên gác lại có nhà lầu cao 7, 8 trượng. Cung điện trong thành đều hướng về phương Nam. Có tới 2.100 gian nhà. Người ở, chợ họp khắp cả xung quanh thành. Thành mở ra 13 cửa. Thổ đất gỗ-ghè hiểm-trở, thành Khu-lật đã là nơi chứa hết cả chiến-cụ binh-kí của Lâm-Ấp.

Năm 1927-1928 trường Bic-cô đào thấy vết-tích thành Khu-túc ở làng Trà-kiệu.

Năm Trinh-quan đời vua Thái-tông nhà Đường, nước Lâm-Ấp đổi quốc-hiệu là *Hoàn-vương*.

Năm Mậu-tý (808) đời vua Hiển-tông nhà Đường vì Hoàn-vương-quốc bị bại-binh với đô-hộ An-nam là Trưởng-Chu lĩnh-vực phải rút lui về phía Nam, (vào địa-giới tỉnh Quảng-nam Quảng-ngãi bảy giờ) và quốc-hiệu được đổi là Chiêm-thành. Kinh-dô của Chiêm-thành là Phat-thệ. Thành Phat-thệ của

Chiêm-thành năm 1028-1054 bị Lý Thái-tông nước ta lấy được, kinh-thành ở gần Hué, (nay là làng Nguyệt-hậu huyện Hương-thủy, Thừa-thien).

Rồi quốc-đô Chiêm-thành là *Đồ-bàn*.

(2) VẠN-LÝ TRƯỜNG-THÀNH.— Vạn-lý trường-thành là một công-nghiệp vĩ-dai nhất và khủng-khiếp nhất thế-giới của một vị đế-vương chuyên-chế nhất của Trung-quốc thời xưa.

Năm 1790 một nhà thòng-thái đã úc-đạc rằng tất cả gạch đá xây Vạn-lý trường-thành có thể dùng xây lâu-dài cả một nước Anh gồm những xứ : Irlaude, Ecosse, Pays de Galles.

Giải thành này khởi-điểm từ miền bắc chạy dài trên những dãy núi cao, thành dài 1800 cây số. Nếu tính tông-quát cả những khúc quanh-co, những góc thành, thì nó phải dài tới 4.000 cây số.

Hai bên chân thành đào xuống hai đường móng, bên nọ cách bên kia 8 thước. Móng đồ đá và gạch. Thành xây cao 6 thước. Ở giữa hai bên trường thành là con đường băng đất nện, ở trên có thể di được xe ngựa. Nền đất còn dắp lên cao trán bức thành, dựng lên một cái bao-lon, cao 1 thước 50 nữa.

Khi làm xong một quãng thành nào, đại-tướng Tần là Mông-Diêm lại đặt các đồn canh, cách xa nhau 180 thước, ở trong có linh mang khí-giới canh-phòng. Cứ tính ra 9 tên linh phòng-thủ 1.600 thước. Phòng-thủ một giải thành dài ghè-góm ấy người ta tính ra phải cần tới 3 triệu linh thường-trực.

Bây giờ ta nom bức thành đồ-sộ thăm-thẳm lấy làm thán-phục cái kỳ-công của nhân-loại. Thế-giới có 7 kỳ-quan, đây là kỳ-quan thứ tám phải kể vào bậc nhất.

Công-trình kiến-trúc to-tát ấy đã tắm những giọt nước mắt đau thương của nhân-loại. Những kẻ tù-đồ là nho-sĩ còn được làm những công việc bót phèn nặng-nhọc, như lụa sạn, lụa đá, khuân vôi, khuân gạch. Hàng vạn trai-tráng phải chịu cảnh vô-cùng cực-khổ. Họ làm việc liên-miên trên một giải rừng âm-u trùng-diệp. Chân không bao giờ được đặt xuống đất băng-phẳng, họ phải kéo những viên đá không-lò dưới lớp mù-hồi nhẽ-nhai, trong hơi thở hòn-hến. Quần áo rách-rưới, thân-thề gầy còm vì đói khát, một cùi-chỉ liều-lĩnh đôi chút là thấy đã

bị vùi xuống chảo thành.

Vạn-lý Trường-thành là một kỳ quan bậc nhất của thế-giới và cũng là hãi tha-ma, trại giam tù dài nhất thế-giới.

(3)— CHÍNH-SÁCH ĐỒNG-HÓA NGƯỜI PHÁP ĐÃ ĐẶT VÀO MIỀN NAM NƯỚC VIỆT.— Một nước di chinh-phục một nước trong chỗ lân-bang thì lấy danh-nghĩa « *diều dàn phật lợi* », ở chỗ Âu Á cách xa nhau thì lại lấy chủ-trương đem « *văn-minh phượng này sang khai-sáng phượng khác* », rút lại không ngoài ý-định trực-lợi. Muốn sự trực-lợi được sống thâm-cẩn, người ta chủ-trương đồng-hóa.

Vậy nước Pháp đã đồng-hóa miền Nam nước Việt ta thế nào và xảy ra tình-trạng ra sao, ta hãy nghe lời viễn-nghuyên-toàn-quyền Đông-dương là Đô-đốc Decoux trong quyển « *À la Barre de l'Indochine* » :

Depuis de longues années, les mouvements en question s'étaient toujours développés en Cochinchine, pays le plus évolué, que notre civilisation avait plus ou moins DÉRACINÉ DE SES CROYANCES ET TRADITIONS ATAVIQUES, et dont la population, éprouvait de ce fait le besoin obscur de retrouver un IDÉAL SPIRITUEL.

« Force nous est de reconnaître ici que si ces sectes ou associations plus ou moins secrètes, avaient ainsi foisonné, surtout dans l'Indochine du Sud, jusqu'à la veille de la dernière guerre mondiale; les faiblesses les erreurs ou les excès de notre politique, n'avaient pas été étrangers à un tel résultat. À l'origine de la conquête, les amiraux gouverneurs, qui s'appuyaient délibérément sur les missions, avaient envisagé l'évangélisation générale de la population autochtone. C'était là une solution qui se défendait. La III^e République n'en voulut pas. Mais ses dirigeants ne comprirent pas qu'en laïcisant systématiquement la masse, ils rejetaient du même coup celle-ci vers les dangereuses activités, dont je viens de parler. En se ralliant à ces mouvements, les indigènes donnaient en effet un aliment, bon ou mauvais à ce besoin secret de spiritualité, qui depuis les premiers âges, dans tous les temps et dans tous les pays, n'a cessé de torturer l'âme humaine » (page 234).

(Dịch : Từ đã lâu năm phong-trào (hội kín) vẫn hành-trường ở Nam-kỳ, đó là xứ tiễn-hóá hơn cả, vì văn-minh của chúng ta dù sao cũng đã làm cho xứ ấy ĐÚT RẼ VỚI NHỮNG TIN-

TUỔNG VÀ NHỮNG TẬP-TỤC TỒ-TRUYỀN, vì vậy dân-chúng ở đây vẫn có một cản-yếu ngầm-ngầm là tìm lấy một LÝ-TUỔNG VỀ TINH-THẦN.

Chúng ta phải bắt-buộc nhận thấy ở đây rằng : sở-dĩ những hội-kìn ở miền Nam Đông-dương nầy-nở như thế mãi tới hồi sắp xảy ra cuộc chiến-tranh thế-giới vừa rồi, cái kết-quả ấy ta cũng không lạ gì là tại sự nhu-nhược, sự lầm-lẫn hay sự thái-quá về chính-trị của chúng ta. Hồi mới bắt đầu chinh-phục, những ông đô-dốc toàn-quyền, dựa được vào các nhà truyền-giáo đã chủ-trương công-giáo-hoa hết cả dân bản-xứ. Điều đó là điều phạm-cấm, Đệ-lam Cộng-hòa không muốn như vậy. Nhưng các nhà dân-đạo không hiểu rằng, lấy phuong-pháp làm tan-rã dân-tâm, là nhà cầm quyền đã đầy dân vào những hoạt-động nguy-hiểm như tôi vừa nói ở trên. Liên-lạc với những phong-trào ấy, tức là dân bản-xứ đã tìm thấy, dù tốt dù xấu, một thứ đồ ăn cần-thiết cho tinh-thần. Sự cần-thiết về tinh-thần ấy từ đời thượng-cổ vẫn làm cho tâm-hồn con người dã băn-khoän, ở thời nào xứ nào cũng vậy).

Ông Decoux đã trách các nhà chánh-trị Pháp trước ông đã lấy văn-minh Á-u-châu làm đòn rẽ văn-minh Á-châu ở dân-tộc miền Nam nước Việt ta, và không thay thế vào đó một chủ-trương gi về tinh-thần, để đến nỗi những dân-tộc ấy đã bị xô đẩy vào cách-mệnh.

Ông Mandel vi dù có mắc một ngộ-điểm tưởng rằng lấy tôn-giáo ra để làm thuỷ mầm chinh-trị ở miền Nam, ai ngờ lại càng vun xót cho nó này nở giữa nền tôn-giáo thì ông Decoux lại còn bị mắc vào một ngộ-điểm to-tát hơn là muốn dập tắt một phong-trào cách-mệnh đang bồng-bột mạnh-mẽ càng làm cho nó phát-triển thêm lên.

« CẮT BỎ MỘT DÂN-TỘC VỚI SỰ TIN-TUỔNG VÀ TẬP-TỤC TỒ-TRUYỀN » (*déraciné de ses croyances et traditions ataviques*) mà người Pháp đã thi-hành với dân-tộc miền Nam nước ta, tức là người Pháp muốn cắt đứt hẳn cái DÂN-TỘC-TÍNH của người Việt ở phuong Nam. Phải chăng những nhà chánh-trị Pháp đã quên, nhìn lịch-sử ? Thủ hối trên nghìn năm đô-hộ của người Tàu ở ngay cạnh nách nước Việt-Nam ta có thể đánh ngã được dân-tộc-tinh của chúng ta đâu, mà 80 năm đô-hộ của người Pháp đã định đi vào một cuộc thi-nghiệm phiêu-lưu ấy ?

Muốn chứng-thực cái sức kiêu-cường của dân-tộc-tinh Việt-

nam, tôi xin trích đây mấy lời nhận xét của ông Paul Mus trong quyển « *Sociologie d'une guerre* ».

« *Ce qui en est résulté n'a nullement été une nouvelle province chinoise, mais bien une NATION INFLEXIBLE DANS LE « SENTIMENT QU'ELLE AVAIT ACQUIS D'ELLE-MÊME.*

• • • • •
 « *C'est ainsi qu'historiquement, tout près de nous, l'avance d'un « front de villages, peuplés de colons militaires, pénaux ou libres « a fait de la Cochinchine, pays khmer, UNE TERRE VIET- « NAMIENNE comme les autres* », (page 20).

(Dịch : theo như kết-quả, thì đất ấy không phải là một tỉnh mới của nước Tàu mà rõ-ràng là một QUỐC-GIA, NÓ CÓ MỘT TÌNH-THẦN RIÊNG CỦA NÓ KHÔNG SAO KHUẤT-PHỤC ĐƯỢC.

• • • • •
 Bởi vậy theo lịch-sử gần đây, những làng (Việt-Nam) hợp thành một mặt trận khai-khẩn đất, có những binh-sĩ, những tù-đồ hay những kẻ tiuh-nguyên, đã làm cho xứ Nam-kỳ, miếng đất của Chân-lạp hóa ra MIẾNG ĐẤT VIỆT-NAM, như những đất, khác vây).

Người Pháp muốn nhận-định sự cải-hóa dân-tộc-tinh của người Việt ở phương Nam, hãy quan-niệm theo sự nhận-định của phóng-viên báo Paris Match là Raymond Cartier về người Nhật dưới sự cải-cách chế-độ của người Mỹ :

« *Théoriquement l'Amérique est satisfaite, Elle a donné au Japon son brevet de démocratie. En fait, il (Le Japon) n'a pas changé. Il est resté une nation hiérarchisée, formaliste, et mystique même à côté de la Chine, sa tutrice en civilisation, qui lui soufflait sous le nez, ses influences égalitaires, individualistes et positivistes. Ce que la Chine n'a pas pu faire en vingt siècles, il n'y a pas la moindre chance que l'Amérique l'ait fait en sept ans.* » (Match № 184 Novembre 1952.)

(Dịch : về đường lý-thuyết. Mỹ thật là thỏa-mãn. Nó đã khiến cho nước Nhật được lĩnh cái bằng-cấp dân-chủ. Thực ra nước Nhật không bao giờ biến đổi. Bao giờ nước Nhật cũng là nước trật-tự, lẽ-nghi và thản-bi, dù nó ở cạnh Trung-quốc là nước đã đem văn-minh ra bao trùm nó, đã truyền sang nó những ảnh-

hướng về bình-dâng cá-nhân và thực-tế. Điều mà Trung-quốc trong 20 thế-kỷ không làm nổi, Mỹ ít có cái may-mắn làm nổi trong khoảng bảy năm).

Nhưng sở-dĩ làm sao sự cương-dũng của tinh-thần tự-lập trong dân-tộc tiềm-tàng rất lâu có khi hàng thế-kỷ mới phát-triển được. Đó cũng là do sự khôn-khéo của chế-độ cai-trị thuộc-công.

Một chế-độ đô-hò đặt vào một nước nào cũng chủ-trường nung chiều bọn tri-thức để dàn-áp bọn lè-dân. Vì vậy một số lớn tri-thức bởi cái lợi ích-kỷ « vinh phì » dễ bị mua chuộc và đồng-hóa. Bọn lè-dân dù có bị đao khổ cũng đành nhẫn-nhục chịu đựng.

(4) LÁ PHIẾU THỐNG-NHẤT NAM-VIỆT.— Việc bàn cãi về Nam-Việt vào phiên chót Chính-trị Uỷ-viên-hội. (Tháng Năm Dương-lịch năm 1946). Lập-trường của Việt-nam rõ-rệt. Nam-bộ phải sáp-nhập vào nước Việt-nam. Về nhân-chủng, về địa-dư, về lịch-sử, về văn-hóa, về tâm-lý, Nam-bộ thuộc hoàn-toàn Việt-nam, những nhà lịch-sử-học và địa-dư-học Pháp đều công-nhận điều ấy. Trong hiệp-ước 6-3, nước Pháp cũng nhận rằng 3 kỳ cùng một dân-tộc-linh, Nước Pháp đã lập với Chính-phủ Hà-nội, một quy-ước cho Nam-bộ quyền tự-quyết. Như thế, dù sao cũng là đã cho Chính-phủ Hà-nội được quyền về tinh-thần với Nam-bộ rồi. Cuộc trưng-cầu dàn-ý trong hiệp-ước không phải là đề chỉ-dịnh giới-hạn nước Việt-nam. Cuộc trưng-cầu dàn-ý không có tinh-cách CHÍNH-TRỊ. Nó chỉ có tinh-cách CAI-TRỊ. Sở-dĩ lập nên cuộc tự-quyết ấy, mục-đich chỉ là định rõ về trình-dộ tự-trị, người Nam-bộ ước muốn tối bậc nào ; Nam-bộ bao giờ vẫn trong lãnh-thổ Việt-nam.

Về cuộc bỏ phiếu này đại-biểu Việt-nam một lòng tin cậy những nhà cầm quyền Pháp, và muốn cho dân-chúng được tự-do phát-biểu ý-kiến, đại-biểu Việt-nam nài xin lập nên một ban Hành-chinh Nam-bộ làm-thời có tinh-cách trung-lập.

Trước thái-dộ ấy, Pháp đã lấy pháp-lý ra đập lại, chứng tỏ rằng người Pháp thiếu thực-nghiệm không hiểu tâm-lý của vấn đề quốc-gia Việt-nam. Đối với Pháp thì những đại-biểu Pháp, người nào cũng phải ràng buộc vào chỉ-thị 14-4. Theo huấn-lệnh ấy nước Pháp rất có lợi khi lập một NHÓM QUỐC-GIA

LIÊN-KẾT càng chia ra nhiều nước càng hay. Ông *Pignon* nói từ bắt đầu ông đã nói với Chủ-tịch *Hồ chí-Minh* rằng Nam-kỳ sẽ định-đoạt lấy số-mệnh đối với nước Việt-nam. Nước Pháp đã hứa chủ-trương cuộc trưng-cầu dân-ý rõ-rệt, thành-thực, không thiên-vị. Nước Pháp giữ lời hứa, nước Pháp không vào phe, nước Pháp đứng trọng-tài. Và nước Pháp nghiêm minh trước ý-chi của dân, nước Pháp chỉ xin kính-trọng cái nguyên-tắc cǎn-bản của quyền tự-nhiên đó. Đối với Pháp cuộc trưng-cầu dân-ý rõ-ràng có tinh-cách CHÍNH-TRỊ.

(Nói tóm lại theo ý-kiến của ta thì Hiệp-uớc 6-3 tiện-thị đã nhận Nam-bộ thuộc Việt-nam. Sở-dĩ có cuộc trưng-cầu dân-ý là để xem dân Nam-bộ muốn theo chính-thể tự-trị thế nào. Nhưng lập-trường của Pháp khác hẳn, Pháp muốn rằng cuộc tự-quyết của dân Nam-kỳ về tự-trị là sự quyết-doán rõ ràng rằng Nam-kỳ có muốn hay không muốn thuộc lãnh-thổ Việt-nam.)

Hai phe Pháp và Nam đều giữ vững lập-trường của mình. Cuộc kết-thúc hội-nghị thật là bi-thảm.

• • • • • : • • • • •

.... Ngày 7 tháng 5 Dương-lịch, Đô-đốc *d'Argenlieu* khiếu ông *Cédile* đầy bác-sĩ *Thinh* ký hiệp-uớc Pháp-Nam-kỳ. Ngày 22-5 thành-phần Chính-phủ *Nam-kỳ* *tự-trị*.

.... Nhưng ở Hội-nghị FONTAINEBLEAU cụ *Hồ chí-Minh* tuyên-bố về Nam-bộ.

“Đây là miếng đất Việt-nam. Đó là thịt ở thịt chúng tôi, máu ở máu chúng tôi.”

.... Công-cuộc điều-dịnh dở-dang ấy đến IIIỆP-UỐC BẢO-ĐẠI-AURIOL 8-3 (1949) kết-thúc một cách rất nhanh-chóng. Cựu Hoàng-dế tuyên-bố chỉ về nước khi Nam-bộ thuộc Việt-nam. Một cuộc hội-nghị Nam-bộ được lập lên trong vòng 3 tuần-lẽ, ngày 10-4 hội-nghị thành-lập gồm 700 Pháp và 1.000 Việt-nam, ngày 23 bỏ phiếu, chủ-trương THỐNG-NHẤT được thắng. Ngày 24-4 vua Bảo-Đại rời Pháp về Việt-nam.

(Thuật theo quyển « *Histoire du Viêt-nam de 1940 à 1952* »)

(*Philippe Devillers*).

HÀ-NỘI

Những trang lịch-sử
có trước Hà-nội

HÀ - NỘI

Những trang lịch-sử có trước Hà-Nội

HÀ-NỘI là kinh-đô của nước ta cũng như kinh-thành *Ba-lé* của nước Pháp, *Luân-đôn* của nước Anh, *Mặc-tư-khoa* của nước Nga, *Bắc-kinh* của Trung-quốc. Nơi kinh-đô xưa nay là nơi khơi mạch sinh-hoạt, khơi nguồn ánh-sáng văn-minh của cả một dân-tộc. Sự thăng trầm vận số của quốc-gia đều ở kinh-đô, mà luật biến-chuyen vẫn là công-lệ của Tạo-hóa. Người ta hâm-mộ nhìn sự lộng-lẫy của một kinh-đô, rồi cũng có phen ngậm-ngùi nhìn thấy cảnh hoang-tàn của nó.

Hồng-nhan bạc-mệnh, tài-hoa phong-trần, kinh-đô bẽ-dâu.

« *Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo,*
« *Nền cũ lâu-dài bóng tịch-dương !* ».

Người ta khóc thành La-mã, (Rome), người ta khóc thành Ca-thái-cơ (Carthage), ngoảnh lại dĩ-vãng, nhiều phen chúng ta phải xót thương Hà-nội.

Thời-gian có sức tàn-phá rất ghê-gớm không gì mạnh-mẽ chống lại được nó. *Vạn-lý trường-thành* xưa kia bền vững bao nhiêu bảy giờ đã ngã. Đến *Đức-thiên*

Đế-thích xưa kia là một nền kiến-trúc tráng-lệ nguy nga của một thời vua chuyên-chế bấy giờ chỉ còn là hòn ngọc vỡ ở miền Đông-Nam châu Á.

Hà-ri-ội ! Nghe hai tiếng ấy bạc-bẽo, nhạt-nhung không có một chút thi-vị. Hà-nội thuộc về địa-dư là tên một tỉnh ở phía bên trong sông Hồng-hà, mới được khai-sinh từ năm Tân-mão (1831) triều Minh-mệnh, đó là một tên bẽ-bàng của một kinh-thành bị thắt-sủng. Nó cũng đã trải nhiều danh-hiệu, như thời nội-thuộc tên là LA-THÀNH, ĐẠI-LA-THÀNH, thời tự-chủ tên là THĂNG-LONG, rồi đổi ra ĐÔNG-ĐÔ. Nhưng có tên Thăng-long là đẹp-dẽ thiêng-liêng hơn cả. Sở-dĩ trong quyển sách này, tôi vẫn đề tên HÀ-NỘI, là theo danh-hiệu của thời-đại. Hà-nội thành vị-trí quan-trọng của nước ta từ bao giờ ? Đó là một vấn-dề đã làm chảy nhiều mực của những nhà thíc-giả. Lắm nhà khảo-cứn Âu-châu trong cuộc tra-xét vội-vàng rất là vỗ-doán. Có người dám lập-thuyết rằng Hà-nội là kinh-đô nước ta từ thời *Kinh-dương-vương* dựng nước (2879-258 trước T.C.) cung-diện thiết-lập ở Hà-khẩu tức là phố Hàng-vải thâm bảy giờ.

Nước ta theo quốc-sử thì lập-quốc từ đời Hồng-bàng. Nguyên vua Đế-Minh, cháu ba đời vua Thần-Nông bên Tầu di tuần-thú đến núi Lĩnh-Nam. (1) gặp nàng tiên kết nhân-duyên sinh ra Kinh-dương-vương; Kinh-dương-vương lấy Long-nữ sinh ra Lạc-long-quân ; Lạc-long-quân lại lấy Âu-cơ là dòng thần-tiên, phong cho Hùng-vương là con trưởng trong 100 con ở đất Văn-lang. Vì dòng-dõi thiêng-liêng cao quý ấy mà ta thường tự-hào là con cháu Rồng-Tiên.

Họ Hồng-bàng làm vua được 18 đời thì mất về nhà Thục. Nhà Thục làm vua chưa lợn một đời bị mất về nhà Triệu. Họ Hồng-bàng, họ Thục, họ Triệu là ba

họ được thi-hành chính-trị ở một nước tị-chủ trước thời đô-hộ nặng-nề của nước Tầu. Trong ba thời-đại ấy người ta chưa thấy kinh-dò Hà-nội được chiếm địa-vị quan-trọng trong lịch-sử.

Hàng - vương đóng đô ở Phong - châu. (Bạch-hạc, Vĩnh-yên) ; Thực An - đương - vương đóng đô ở Phong - khê. (Đông-anh, Phúc-yên) ; Triệu Vũ - đế lại đóng đô ở Phiên - ngung (gần thành Quảng - châu). Ba thời - đại lập ra ba quốc - gia khác nhau về biên - giới, nhưng TÍNH - CÁCH CỦA DÂN - TỘC VẪN LÀ MỘT.

Dân - tộc ta nguyên - lai là giống GIAO - CHỈ. Sứ chép từ đời Đường - Nghiêu bên Tầu, (2353 trước T.C.), có Hoàng - tử Việt - thường đến dâng vua Nghiêu một con thằn - quy có ba chân, trên lưng có khắc lối chữ khoa - đầu, nói về lịch - sử thế - giới từ khai - thiên lập - địa. Vua Nghiêu sai chép lấy đặt là QUY - LỊCH.

Trong Đại - Nam quốc - sứ diễn ca :

« *Thần-quy đem tiến Đào-Đường
Bắc Nam từ ấy giao bang là đầu* ».

Sứ Tầu chép : năm Tân - mão (1109 trước T.C.) đời vua Chu Thành - vương, nước Việt - thường ở phía Nam nước Giao - chỉ sai sứ đem chim Bạch - trĩ sang cống. Ông Chu Công - Đán phải chể ra xe chỉ - nam để đưa sứ Việt - thường về nước. Việt - thường với Giao - chỉ, hai dân - tộc ấy có quan - hệ mật - thiết với nhau về chẽ - độ và phong - tục. Đại - Nam quốc - sứ diễn ca có câu : « *Ngã quốc nguyên hiếu Giao - chỉ* » (nước ta xưa gọi là Giao - chỉ). Ông Ngô sĩ - Liên ở sứ ta có nói : « Đời vua Vũ nhà Hạ sáng nghiệp (từ năm 2205 đến năm 1766 trước T.C.) chia ra chín châu, nước Giao - chỉ gọi là Dương - châu ». Kinh Thư thiền Nghiêu - Điển : « *Mệnh Hi, Thúc trách Nam-Giao* ». (sai Hi, Thúc đến ở Nam - Giao). Sứ - ký Ngũ - đế bản - ký chép : « *Hoàng-Đế chi địa, Bắc chí ur U-lăng*

Nam chí ư Giao-chỉ ». (Đất Hoàng-dế phía Bắc đến U-lăng, phía Nam đến Giao-chỉ).

Theo khảo-sát của ông Rousseau và đây cũng là nhận-định của ông Dao-duy-Anh, thì đời Nghiêu, Thuấn Hả, Thương, những người Hán-tộc còn sống quanh-quần trong lưu-vực sông Hoàng-hà và sông Vị-thủy. Miền Nam ở lưu-vực sông Hoài, sông Hán và sông Dương-tử là nơi địa-bàn của dân-tộc Giao-chỉ cả. Dân-tộc hoa-hạ Trung-quốc thời ấy còn coi những dân-tộc miền Nam là man-di. Dân-tộc man-rợ ấy rất quen lội nước, làm nghề chài-lưới, có tục cắt tóc ngắn và vẽ mình (văn-thân). Cắt tóc ngắn để dễ lặn, vẽ mình cho giao-long (thuồng-luồng) dưới nước nom thấy phải sợ.

Trong địa-giới Nam-man về đời Chu phát-sinh ra ba nước lớn, nước Sở ở lưu-vực sông Giang, sông Hán và sông Tương, nước Ngô ở lưu-vực sông Hoài, tước Việt ở lưu-vực sông Chiết. Ba nước vì cuộc tranh-bá đỗ-vương mà diệt lân nhau. Rồi sau hai nước Ngô, Sở đều đồng-hóa theo Hán-tộc. Còn nước Việt chỉ đồng-hóa theo Hán-tộc một phần. Trăm năm sau Câu-Tiễn, nước Việt lâm vào suy-vi thi người Việt dần xuống ở tản-mạn miền Giang-nam, ở đây xưa đã có nhiều người Việt-tộc tím đến ở. Họ chia ra từng quốc-gia phôi-thai mà người Hán gọi chung là Bách-Việt : Có Đông-Việt hay là Đông-Âu, Mân-Việt, Nam-Việt, Tây-Việt, hay Tây-Âu hay Lạc-Việt. Giống Lạc-Việt ở miền Bắc Việt-nam bây giờ. Theo Từ-quảng và theo khảo-sát của ông Madrolle, thì giống Lạc-Việt ta xưa có quan-hệ mật-thiết với người Mân-Việt ở Phúc-kiến.

Vì sự di-lưu, dân-tộc ta chịu giòng máu của nhiều dân-tộc. Trước thì vì sự đụng chạm với miền Bắc mà có quan-hệ về huyết-thống với người Hán-tộc và người giống Mông-gô-lịch, sau này lại lui xuống miền Nam

mà « *Man-hóa* » với giống người bản-xứ là người *Anh-dò-né*.

Cái tên Giao-chỉ sở-dĩ có là vì những dân-!ộc ở miền Nam nước Tầu, tại lưu-vực sông Dương-tử và sông Hán, sông Hoài thời ấy, sợ giao-long về mình, rồi bởi tục tò-tem lại tự nhau minh là dòng-dõi Giao-long nũa.

Có sách nói dân-tộc ta sở-dĩ có tên là Giao-chỉ là vì có hai ngón chân cái giao nhau. Theo sách Hậu-Hán-thư Nam-man-truyện thì dân-tộc phuơng Nam thuở ấy cùng tắm chung một giòng suối nên gọi là Giao-chỉ. « *Kỳ tục nam, nữ dòng xuyên nhi dục, cố viết Giao-chỉ* ».

Thật ra tên Giao-chỉ là gọi chung những dân-tộc miền Nam nước Tầu như trên tôi dã nói, nhưng rồi sau nó chỉ còn lại gọi dân-tộc ta thôi. Sách sử-ký Tư-Mã-Thiên gọi dân-tộc ta là ÂU-VIỆT. « *Tiễn phát, văn thân, thác tú tả nhẫn, Âu-Việt chi dân dã* » (cắt tóc, vẽ minh, khoanh cánh tay khép tà áo trái, đó là giống người Âu-Việt). Sách Dư-địa-chi có nói rõ về giống Giao-chỉ ta qua các thời-đai xưa : « *Giao-chỉ, Chu-thời vi Lạc-Việt, Tân-thời vi Tây-Âu, văn-thân, đoạn phát tú long* » (Giao-chỉ đời Chu gọi là Lạc-Việt, đời Tân gọi là Tây-Âu, vẽ minh cắt tóc để tránh giao-long).

Tên Giao-chỉ sau này sở-dĩ chỉ riêng gọi dân-tộc ta còn được gọi mãi mãi trong thời nội-thuộc là vì những dân tộc Bách-Việt ở phía Nam giải Ngũ-Lĩnh, trong cuộc chinh-phục của Hán-tộc đã bị ngọn sóng đồng-hóa tràn lấp, riêng dân-tộc ta vẫn giữ được cái bản-tinh của giống Giao-chỉ. Cõi đất nước ta ở về sau lại có tên là Giao-chỉ-quận. Vì sức sinh-hoạt mạnh-mẽ của dân-tộc ta mà giống Giao-chỉ được tồn-tại, như vậy dân-tộc ta chẳng đáng lấy làm憾-diện lắm sao ?

Hà-nội trong thời nřorc ta gọi là Văn-lang dưới triều-đại Hùng-vương, ở vào một bô trong 15 bô, tên là bô GIAO-CHỈ.

Trong Đại-Nam quốc-sử diẽn-ca.

« Hùng-vương đđ ở châu Phong,

« Ấy nřoi Bạch-hạc hợp giòng Thao-giang.

« Đặt tên là nřorc Văn-lang,

« Chia mươi lăm bô, bản-chuorng cung liền :

« Phong-châu, Phúc-lộc, Châu-dién,

« Nhận trong địa-chỉ, vđ miěn Sơn-tây.

« Định-yên, Hà-Nội đổi thay.

« Ấy châu GIAO-CHỈ xưa nay còn truyền.

« Tân-hưng là cõi Hưng, Tuyên,

« Vũ-ninh tỉnh Bắc, Dương-tuyễn tỉnh Đông.

« Thái, Cao hai tỉnh hồn-đồng,

« Ấy là Vũ-định tiếp cùng biên-manh,

« Hoài, Hoan, Nghê, Cửu-chân, Thanh.

« Việt-thường là cõi Tri, Bình trung-châu.

« Lạng là Lục-hải thương-du,

« Xa khơi Ninh-hải thuộc vào Quảng-yên.

« Bình-vân, Cửu-đức còn tên,

« Mà trong cương-giời sơn xuyêñ chưa từng. »

Nhiều sách nřo cũng chép 15 bô như thế. Có chỗ chép khác một đđi chút như bô Phong-châu thì gọi là bô Văn-lang.

Đây xin kê-tường-tận vđ 15 bô trong thời-đại Hùng-vương. (Những bô này phần nhiều thành danh-hiệu từ đời Đường, chỉ có bô Văn-lang và bô Việt-thường là xưa nhất).

1.) Phong-châu hay Văn-lang. (Bạch-hạc).

2.) Phúc-lộc. (Sơn-tây).

3.) Châu-dién. (Sơn-tây ở vùng núi Ba-vì).

- 4.) GIAO-CHỈ. (gồm một phần tỉnh HÀ-NỘI, Hưng-yên, Bắc-ninh).
- 5.) Vũ-ninh. (Bắc-ninh).
- 6.) Dương-tuyễn. (Hải-dương).
- 7.) Vũ-định. (gồm Thái-nguyên và một phần phía Nam Trung-hoa).
- 8.) Hoài, Hoan. (Nghệ-an).
- 9.) Cửu-chân. (Thanh-hóa).
- 10.) Việt-thường. (Quảng-bình và Quảng-tri).
- 11.) Lục-hải. (Lạng-sơn và một phần Quảng-tây).
- 12.) Ninh-hải. (Quảng-yên).
- 13.) Tân-hưng. (Phú-thọ và Tuyên-quang).
- 14.) Bình-văn. (Ninh-bình).
- 15.) Cửu-đức. (Hà-tĩnh).

Xem vậy Hà-nội ở trong bộ Giao-chỉ xưa là tên một bộ mà tiêu-biểu cả dân-tộc. Đó là địa-vị hậu-lai của Hà-nội. Bây giờ tôi nói đến cái tinh-thần nó kết-tinh ở dân-tộc-tinh nước ta, đã giữ vững được sự tồn-tại của nó giống qua những con giống-tổ của lịch-sử, rồi sau này nó ngưng-tụ lại ở Hà-nội, lập Hà-nội thành một quốc-đô vĩnh-viễn. Cái tinh-thần của một quốc-đô có phải một sớm một chiều mà thành đâu. Nó phải uyên-nguyên ở một dĩ-vãng gồm nhiều thế-kỷ.

.

Cương-giới nước ta về thời-đại Hồng-bàng không được chỉ-dịnh rõ-ràng, dân-tộc ta còn bị coi là man-rợ trong đám Bách-Việt mà Hán-tộc đương lấy vũ-lực đồng-hòa.

Năm 58 đời Chu Noãn-vương, nước Văn-lang của Hùng-vương bị Thục-Phán chiếm. Thục-Phán hợp nước của mình vào nước đã chiếm được đặt chung tên là Âu-lạc, tự xưng là An-dương-vương (257 trước T.C.). Nước Âu-Lạc hiện nay chúng ta chưa được rõ-rệt về cương-giới, gốc-tích Thục-Phán ta cũng mơ-hồ. Đại-việt sử-ký

toàn-thư chép rằng Thục-Phán què ở Ba-Thục (Tứ-xuyên) ở ngôi được 50 năm (theo ông Aurousseau thì có 2 năm), đóng đô ở Phong-khê. Theo lập-thuyết của ông Đào duy-Anh, thì sau khi Tần đã diệt được Thục ở Tây-xuyên (sử-ky chép việc ấy vào năm thứ 5 đời Chu Thận-vương 316 trước T.C.) dư-dâng của vua Thục chạy về phía Nam. Thái-tử Thục chết ở Bạch-lộc. Có lẽ một người con thứ vua Thục theo sông Mân vào đất Điền-trì là đất nước Sở mới chiếm rồi lập-nghiệp ở đấy.— Thục-Phán là dòng-dõi của thế-hệ lưu-vong ấy, vì phương Bắc mạnh, quay về chinh-phục Tây-Âu hay Lạc-Việt. Con đường Nam-tiến của Thục-Phán là con đường xe lửa Việt-diễn ngày nay qua Khúc-tịnh, Mông-tự, rồi theo sông Hồng-hà đến Lạc-Việt.

Nhưng sách Khâm-dịnh Việt-sử thông-giám nói: « Nước Thục đời Chu (năm 316 trước T.C.) đã bị nhà Tần diệt, và cách Văn-lang đến 2, 3 ngàn dặm làm sao vượt qua các nước khác mà đến đất ấy chiếm cứ được Ông Trần trọng-Kim cũng lập-luận cho rằng nước Âu-lạc là gồm cả nước của Thục-Phán hợp với nước Văn-lang không lý nào một lần-quốc gần-gibi ấy lại ở mãi tận Tứ-xuyên cách núi non hiểm-trở. Sách Đại-Việt sử-ky toàn-thư cho Thục-Phán là người Ba-Thục là quyền sách do Ngô sĩ-Liên làm ra về đời Hồng-đức ; đó chỉ là một ức-thuyết mà thôi. »

Năm Đinh-hợi tức là năm thứ 44 đời An-dương, vương và năm thứ 33 đời Tần Thủy-hoàng, vua Tần cho rằng vùng Bách-Việt có nhiều hạt-trai, bắt những bọn lưu-vong và bọn lái-buôn đầu quân cho quan hiệu-úy chỉ-huy, chia năm đạo quân xuống miền Nam. Về việc vận-tải lương-thực sứ Giám-Lộc phải đảm-nhiệm khơi kênh LINH-CÙ (2) để tiến sâu vào đất Lạc-Việt.

Sách Hoài Nam-tử chép rằng quân nhà Tần đánh người Việt 3 năm mới giết được vua Tây-Âu là Dịch

đu-Hổng (năm 217 trước T.C.). Sau khi lù-trưởng bị hại, người Việt đều vào trong rừng sâu ăn ở cùng cầm-thú không chịu khuất-phục nhà Tần. Họ cùi người tuấn-kiệt làm tướng đêm đêm ra đánh phá quân Tần, làm cho quân Tần bị chết tới mấy chục vạn. Người tuấn-kiệt ấy, theo Quảng-châu-ký và Giao-châu ngoại-vực-ký là An-dương-vương. Vậy thì An-dương-vương nhà Thục không phải là người Tứ-xuyên mà là người lối-lạc trong dân Việt nổi lên lãnh-dạo dân-chúng trong khi nguy-hiểm. (?)

Dù sao ta cũng nhận được ở đây một điểm lịch-sử quan-trọng rộng lớn. Cái chủ-trương thực-dân to-tát của nhà Tần mưu-dò ở gải đất miền Nam đã thành-tựu được khả-quan. Họ đã đồng-hoa được rợ Đông-Việt, Mân-Việt, Nam-Việt, nhưng đến dân-tộc Lạc-Việt, họ đã gặp một sức kháng-chiến dũng-mạnh, vì đây họ bị lâm vào một thất-bại đau-dớn. Ở đây ta đã nhận được rõ rệt cái dân-tộc-tinh của ta nó đã nung-đúc một CHÍ-KHÍ CƯỜNG - CƯỜNG TỰ-LẬP TỪ BUỒI SƠ - KHAI LẬP QUỐC.

Thế là làn sóng Nam-tiến của Hán-tộc đương bàng-bạc lan-chàn đã bị chặn đứng ở biên-giới nước ta. Nếu dân-tộc ta không có cái tinh-thần vô-cùng cương-quyết thì khi nào còn tồn-tại được đến ngày nay? Và cái tự-hào là con cháu Rồng-Tiên của dân-tộc ta thật là xứng đáng.

Về sau nhà Tần có chia cương-giới Lạc-Việt đặt làm Tượng-quận (năm 214 trước T.C.) về vắn-dẽ quân-sư và vắn-dẽ cai-trị kết-quả thật là ít-ỏi.

Nhưng nước Âu-lạc, sau 50 năm dưới thời-đại An-dương-vương, bị Triệu-Đà ở quận Nam-hải thôn-tinh. Triệu-Đà thống-nhất hai nước đặt tên là Nam-Việt, tự xưng là Triệu Vũ-vương rồi lại tự xưng là Triệu Vũ-dế.

Vũ-đế chiếm được Âu-Lạc tức là đã thành được cái chi của Nhâm-Ngao. Nguyên bấy giờ ở bên Tàu nhà Tần suy, khắp nơi giặc-giã. Nhâm-Ngao ở quận Nam-hải muốn chiếm Âu-Lạc để lập nên một nước độc-lập ở phương Nam. Công-cuộc mưu-dò chưa thành, ông đã mất, để lại binh-quyền cho Triệu-Đà và để lại cả hoài-bão của ông.

Lập-thành nước Nam-Việt, Vũ-đế đã cai-trị một cách êm-thầm, lại còn lập nên công-nghiệp hiền-hách. Năm Mậu-ngọ (183 trước TC), năm thứ 5 đời Hán Cao-hậu, Lã-Hậu chấp-chinh ra lệnh cấm bán đồ đồng đồ sắt và những đồ điền-khi cho Nam-việt, Vũ-đế ngờ cho Trường-sa-vương xui đục, đem binh-mã đánh lấy được mấy quận.

Năm Canh-thân, (181 trước T.C.) năm thứ 7 đời Hán Cao-hậu, nhà Hán sai Long-lân-hầu Lưu-Táo đem quân sang đánh Nam-Việt để báo thù trận Trường-sa, nhưng quân phương Bắc không chịu nổi sức nóng-nực và khi ầm-thấp của phương Nam, bị chết nhiều, nhà Hán phải bãi binh, vì dấy danh-tiếng Vũ-đế càng lừng-lẫy.

Đối với nước Âu-lạc ở phương Nam, Vũ-đế mới chiếm được, nhà vua theo chính-sách « Nhu-viễn ». Không biết có phải chí quật-cường của dân-tộc Lạc-Việt đã làm cho nhà vua e ngại, mà nhà vua đối với dân Tượng-quận rất khoan-dung. Nhà vua không đem chẽ-dở phương Bắc thi-hành ở đấy, ở mỗi quận đặt quan *Điền-Sứ* coi việc dân và quan *Tả-tướng* coi việc quân. Các nhà quý-tộc vẫn được giữ thái-ấp. Trung-tâm-diểm là Loa-thành vẫn để cho con cháu nhà Thục quản-lĩnh xung-vương « Tây-vu-vương ».

Triệu-Vũ-đế đối với sử ta xưa nay vẫn được coi

là ông vua bản-quốc. Theo quan-diễn của ông Đào duy-Anh, thì « Triệu-Đà là người Tàu lấy danh hiệu là « vương hay là để nước Nam-Việt đóng đô ở Phiên-*n*gung, (Quảng-đông) mà gồm chiếm đất Âu-lạc thì « đối với Âu-lạc là kẻ xâm-lược, chí không phải là vua « bản-xít. Vậy sự ta chép nhà Triệu là vua bản-xít e không « được thỏa ».

Ông Ngô thời-Sĩ trong Việt-sử tiêu-án cũng rãi bầy quan-diễn :

« Sứ cũ sau khi An-dương-vương mất, đem quốc-thống « trao cho nhà Triệu tiếp nối và viết lớn mấy chữ Vũ-đế « nhà Triệu. Người sau cứ theo vậy, không biết đó là làm « Xết nước Việt ở miền Nam-hải, Quế-lâm, không phải là « nước Việt ở miền Giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam. Đà « nối dại ở Long-xuyên, dựng nước ở Phiên-*n*gung, « muốn mở-mang bờ cõi mà gồm chiếm nước ta làm thuộc- « quận, đặt người Giảm-chủ để ràng buộc, thực chưa « làm vua nước ta. Nếu lấy lẽ làm vương nước Việt mà « kẻ làm triều vua nước ta thì sau đó có Lâm Sở-Hoàng « nối lên ở Thanh-dương, Lưu-Nghiêm nối dại ở Quảng- « Châu đều xưng làm Nam-Việt-vương cũng có thể buộc « vào sứ ta kẻ làm triều vua được. Đà gồm Giao-châu cũng « như Ngụy gồm đất Thục. Nếu sứ Thục mà có thể cho « ràng họ Ngụy nối lên để nối họ Trần thì sứ ta mới có « thể cho ràng họ Triệu nối lên để nối An-dương-vương. « Nếu không thể thì xin chép làm ngoại-thuộc để phân-biệt « với nội-thuộc ».

Ngo thời-Sĩ còn phản-đối kịch-liệt những nhà sứ ta tán-dương Triệu-Đà là ông vua anh-hùng nước ta và buộc rằng nước ta về sau nội-thuộc Trung-quốc từ Hán đến Đường, suy-nguyên thủ-họa chính là Triệu-Đà.

Họ Ngô luận sứ một cách khắc-nghiệt, cũng như họ Đào không khỏi hép-hồi. Thủ hồi các dân-tộc trên thế-giới có dân-tộc nào được thuần-nhất ? Dân-tộc nào cũng

chịu nhiều giòng máu của các dân-tộc khác trà-trộn. Người ta sở-dĩ gọi là một dân-tộc, một nhóm người cùng chung sống với nhau trong một cảnh-ngộ, cũng như dưới một chế-độ. Một ông vua cai-trị một dân-tộc dù ngoại-lai hay chinh-thống miên là dùng đi ngược lại quyền-lợi ý-chi của dân. Trung-quốc dưới thời-đại Nguyên, Thanh, cũng là chịu sự cai-trị dưới triều-chinh ngoại-lai cả.

Đến như Khâm-dịnh Việt-sử thông-giám cương-mục cũng không nỡ đặt nhà Triệu vào dòng ngoại-lai, và Phục An-dương-vương cũng không được vào dòng chinh-thống. Sách ấy đã hạ bút :

« Đến như Âu-lạc Phiên-ngung chỉ cho vào nước bậc dưới mà thôi » (*Âu-lạc Phiên-ngung hả sài liệt-quốc*).

Chỗ khác sách ấy còn có lời chỉ-trich hai nhà, nhưng chỉ-trich trong phạm-vi nhân - sinh - quan chứ không ở trong tinh-cách dân-tộc-quan.

« Đến như An-dương-vương vốn dòng ngoại-quốc, thừa lục người ta nguy, cậy sức mà thôn-tinh rồi lại tin điều quái-dản để đến nỗi bị mắc vào lừa dối, vừa hung-khổi sớm đã bị tiêu-diệt, có thủy mà không có chung. Triệu Vũ-đế thì chiếm cứ Phiên-ngung kháng-cự nhà Hán sau lại xưng thần ».

« Chỉ ư An dương-vương, hệ tự ngoại-quốc, thủy a tắc phụ lực dĩ tính nhân quốc, kế dĩ thượng quái vi nhân a sở biến, hốt khởi hốt diệt kỳ thủy bất chung. Triệu Vũ- a đế cứ hữu Phiên-ngung dữ Hán kháng-hoành, chung a diệc khứ hiệu xưng thần. »...

Thật ra Triệu-Đà cũng là ông vua eó công với nước ta. Dân Nam-Việt và dân Tây-Âu hay Lạc-Việt rất gần gũi nhau về dòng giống. Triệu-Đà cai-trị dân-tộc ấy đã

nghiêm-nhiên là ông vua bản-xứ, cho nên dân Tây-Âu thời ấy đã lấy làm thỏa-thích dưới chế-độ cai-trị của Triệu-Đà. Ông Rousseau đã chứng tỏ điều ấy trong bài khảo-cứu có giá-trị của ông :

« Les premières conquêtes chinoises des pays annamites ».

« Quoi qu'il en soit, cet hommage rendu par l'*Histoire indigène à la dynastie de Triệu*, semble attester que les « annamites, un siècle durant, vécurent satisfaits sous la « souve ainéé assez large des rois Nam-Viet ».

(Dù sao lòng thành-kinh của dân bản-xứ đối với nhà Triệu dù tỏ rằng dân An-Nam trong một thế-kỷ lấy làm mãn-nguyễn, sống dưới chủ-quyền rông-rãi của những ông vua Nam-Việt.)

Triệu-Đà cai-trị nước ta không có điều gì hà-khắc lại không làm hại gì đến chế-độ và phong-tục của một nước phương Nam. Triệu-Đà là người Trung-quốc, nên bắt đầu từ Triệu-Đà có lẽ dân-tộc ta đã chịu văn-hóa của đất hoa-hạ. Có một điều chắc-chắn là Triệu-Đà đã giữ lĩnh-vực cương-thỗ của ta đối với họa ngoại-xâm là Trung-quốc.

Sử chép Triệu-Đà truyền ngôi cho cháu nội là con Trọng-Thủy và My-Châu, tên là Hồ-Văn. Hồ-Văn lên ngôi tức là Triệu Văn-vương (137-125 trước TC.) Triệu Văn-vương một lòng thờ phục nhà Hán. Khi có vua Mân-Việt tên là Sinh xâm-phạm bờ cõi, Văn-vương cử quân Thiên-tử sang dẹp. Hán-dế sai Vương-Khôi cất quân từ Dự-chương, Hán An-Quốc cất quân từ Hội-khé sang đánh Mân-Việt, quân Hán chưa qua Ngũ-Lĩnh-sơn, thì Sinh tiến quân lên ngăn cản, nhưng em Sinh là Đư-Thiện giết cả nhà anh, rồi hàng Hán. Vương-Khôi liền

dừng binh lại báo tin cho Hán-triều. Hán-dế sai Trang-Trợ sang dụ Văn-vương vào chầu. Văn-vương toan đi dè tỏ lòng thần-tử. Nhưng những tú-trưởng ở trong nước phản-đối :

« Tiên-quân Vũ-dế vẫn khuyên dân ta đổi với Tàu không nên tin cậy, giữ đủ lễ-dộ, chứ không nên thăm-viếng cầu-thân, vì rằng xưa nay ta với Tàu vẫn là đối-lập ».

Xem vậy thì Triệu-Đà sở-dĩ được dân-tộc ta coi là ông vua bản-quốc là vì nhà vua đã biết gìn-giữ cái TINH-THẦN TỰ-CHỦ CỦA DÂN-TỘC đổi với Trung-Quốc. Và ở đây ta càng nhận rõ cái dân-tộc-tinh của ta lúc nào cũng muốn tự-cường, tự-lập không bao giờ chịu một súc đồng-hóa nào lấn-bức.

Sau khi Triệu-Đà mất, lịch-sử còn chép một thiên ái-quốc bi-hùng.

Sử chép khi Triệu Văn-vương chết, năm Bính-thìn, sau khi làm vua được 12 năm. (Năm Nguyên-sóc thứ 4 đời Hán Võ-dế 125 trước T.C.), con Triệu Văn-vương là Anh-Tề đương làm con tin ở bên Tàu về ngồi ngôi là Triệu Minh-vương. Minh-vương làm vua được 12 năm thì chết (113 trước T.C.). Thái-tử Hưng lên ngôi là Triệu Ai-vương. Bấy giờ vua thì còn bé, mà Hoàng Thái-hậu là người ngoại-quốc lại vô-hạnh. Nguyên Cù-thị, (Hoàng Thái-hậu) vợ Minh-vương xưa quê ở Hàm-dan là con gái diêm ở Tân-an-phủ. Trong khi giao-kết với Minh-vương thời ấy còn là thái-tử Anh-Tề, Cù-thị vẫn gắn-vó với một người Tàu quê ở Bá-lăng tên là An-quốc Thiếu-quý.

Bấy giờ, Hán-dế liền sai An-quốc Thiếu-quý sang sứ Nam-Việt, ý muốn lấy tình xưa của kẻ dâng-diêm phá vỡ nền tự-lập của một quốc-gia. Muốn cho cuộc mưu-

đồ ấy chắc-chắn, thành-tựu, vua Hán còn mua chuộc một kẻ huân-thần của nhà Triệu là Lã-Gia. An-quốc Thiếu-quý được sứ-mệnh làm say mê Cù-thị để Cù-thị khuyên con quy-phục, đem giang-sơn dâng nộp cho Hán-triều. Lã-Gia được vua Tầu giao cho tề-chức một bộ máy cai-trị, trong ấy người Tầu làm chủ. Vua Tầu ban cho Lã-Gia một cái ấn bằng bạc. Theo tề-chức cai-trị mà người Hán đã ấn-dịnh, có ba ông quan Tầu chi-phối bộ máy chính-trị Nam-Việt, pháp-luật chế-độ phải theo Tầu cả. Cù-thị xui con thần-phục nhà Hán. Nhưng Lã-Gia không bị mua chuộc, hết sức phản-đối. Nguyên Lã-Gia là một vị thê-thần nhà Triệu, làm quan trải ba triều vua, con cháu tới 70 người đều giữ chức quan-trọng ở trong triều; con trai lấy công-chúa, con gái lấy hoàng-tử, con đầu lòng lấy con vua Tân ở Thương-ngô.

Cù-thị hết sức bất-bình rằng công cuộc mưu-đồ của mình lại bị vấp phải một chướng-ngại-vật là Lã-Gia. Nhận sứ Tầu về nước, Cù-thị dâng một biếu-văn xin thần-phục Hán-triều, ba năm một lần vào chầu, và Cù-thị nghĩ phương - sách hâm-hại Lã-Gia.

Cù-thị sai làm một bữa tiệc, đặt quan mai-phục, mời Lã-Gia đến dự. Lã-Gia đã đoán biết co-mưu, khi đến tiệc đem theo một đạo quân đóng ở ngoài phòng-vệ. Thấy kế-hoạch của mình khó mà thành-tựu, Cù-thị xoay chiến-lược, khích bọn quan Tầu cùng ngồi dự tiệc đấy. Cù-thị hỏi Lã-Gia :

« Nước Nam-Việt được thần-phục Hán triều đó là hồng-phúc, có sao tướng-quân lại ngăn cản? » Nhưng mấy ông quan Tầu đều ngồi im bất-động. Rồi họ đứng cả dậy cáo-thoái. Thì ra-tướng Lã-Gia cũng đứng dậy theo. Bấy giờ Cù-thị thấy mưu-mỏ của mình bị tan vỡ, tức giận đến cực-diểm. Thì ra lúc Lã-Gia quay lưng lai dì ra, Cù-thị liền cầm lấy ngọn sang loan đâm töi,

nhưng Ai-vương vội cản tay mẹ lại.

Lã-Gia về nhà cho quân lính canh-phòng cẩn-mật, một mình đóng cửa ngồi trong phòng nghĩ lại cảnh vừa xảy ra trong đám tiệc vừa giận lại vừa thương. Giận Cù-thị là con đàn-bà dâm-dâng coi tình ô-trọc nặng hơn nghĩa quốc-gia, kẻ ấy nhất-định phải trừ-khử. Nhưng thương cho Ai-vương nhu-nhược biết cản mẹ làm điều ác. Ông đã nhiều phen hội-hợp quan-liệu để nghĩ cách gin-giữ quốc-gia đương gấp nguy-biến. Triều-thần đều đồng-ý nên giết mẹ, nhưng không nỡ hại con. Vì sự dùng-dâng tình-cảm ấy mà công-việc không quyết-định. Thời-gian qua hai tháng đủ cho tin đồn đến tai vua Tầu.

Hán Võ-de sai Hán Thiên-Thu và Cù-Lạc, anh Cù-thị đem hai đạo quân sang hộ-vệ mẹ con Cù-thị vào chầu (3).

Lã-Gia nghe tin ấy liền làm tờ bá-cáo cho quốc-dân tội-lỗi hai mẹ con Cù-thị. « Vua còn ấu-trĩ, Hoàng Thái-hậu dòng-dối Hán-tộc, gian-dâm với sứ Hán, muốn đem dâng nước cho Tầu. Bảo-vật trọng-khi của tiên-quân đều đem biếu sứ Tầu cả. Muốn làm khuất-phục cả một triều-dai, Cù thi không còn nghĩ đến tôn-miếu xã-tắc, giống-nòi ».

Rồi án tử-hình Cù-thị và Ai-vương được nghị-quyết, các quan Tầu cũng phải chết theo.

Sau khi gây một vụ đảo-chinh dây dày máu, Lã-gia sai con rể là Tần-vương hội-hợp văn, võ, tôn hoàng-tử Kiến Đức lên ngôi, Kiến-Đức là con bà Thuật-Dương dòng-dối Việt.

Mùa đông năm Kỷ-Tỵ qua một cách êm-thắm. Bọn quan Tầu sai sang đón Cù-thị và Ai-vương vừa đến kờ cõi thì đượm tin hoàng-gia và những quan Tầu bị hại. Hai tướng Tầu phải quay lại báo tin cho Hán Võ-de biết. Hán-de sai hai tướng sang chinh-phạt Nam-Việt: Phục-

ba tướng-Quân là Lộ Bác-Đức và Hàn Thiên-Thu.

Hay tin, Lã-Gia liền sắp đặt chiến-lược. Ông dù đạo quân Lộ Bác-Đức vào nơi hiểm-trở không tiện đường tiếp-tế, ngày ngày rải quân ra đánh những trận du-kích lẻ-tẻ. Rồi ông mang trọng-lực tập-trung ở Phiên-ngung bắt-thần đánh dồn xuống đạo quân thứ hai, làm cho đạo quân ấy tau-nát, Hàn Thiên-Thu đại-tướng chỉ-huy bị tử-trận.

Thấy vậy vua Tàu thịnh-nộ, lập tức phát 5 đạo quân sang đánh phục-thù ; quân tràn như nước chảy.

Đạo quân thứ nhất vẫn là Lộ Bác-Đức, Phục-ba tướng-quân vào lối Quế-dương xuống sông Hoàng-hà.

Đạo quân thứ hai là Lâu-thuyền tướng-quân Dương-Bộc vào Dự-chương xuống chi-lưu Hoàng-giang vào Hoàng-phố.

Đạo quân thứ ba do Qua-thuyền tướng-quân Nghiêm chỉ-huy qua Linh-lăng băng đường sông Ly-thủy đến bờ Hạ-lại. (4)

Đạo quân thứ tư do đại-tướng Giáp chỉ-huy xuống lối Thương-ngò.

Đạo quân thứ năm do Hầu Quý ở Trì-nghĩa cầm đầu xuống lối sông Giang-hà.

Tất cả đều phải hợp-tập ở Phiên-ngung.

Trong 5 đạo quân ấy, đạo quân thứ hai là đạo quân Dương-Bộc được thành-công lớn-lao.

Dương-Bộc đã cướp được lương-thực của quân Lã-Gia ở Thạch-môn, đánh tan đám quân ấy bắt được 20.000 tù-binh. Cuộc thắng-trận lừng-lẫy ấy đã làm tan vỡ hết chi tranh-dấu của quân Nam-Việt. Dương-Bộc chờ Lộ Bác-Đức đến cùng dừng binh lên lấy Phiên-Ngung.

Bấy giờ Lộ Bác-Đức đóng quân ở phía Bắc và Tây kinh-thành, Dương-Bộc đóng quân ở phía Nam và phía

Đông. Dương-Bộc sai quân bắn tên lửa vào đốt những nhà trong kinh-thành làm cho dân-chúng hoảng-sợ. Một mặt, Lộ Bác-Đức dung-nạp những người trong thành trốn ra, rồi lại thả cho vào thành để dỗ dân trong thành ra đầu-hàng.

Thấy cơ nguy, đang dè n, Lã-Gia đem vua di trốn, bên mình chỉ có 200 quân túc-vệ. Dân thấy vua và quan thừa-tướng đã trốn, liền mở cửa ra hàng.

Thành Phiên-ngung không phải đánh mà lấy được.

Dương-vương túc thái-tử Kiến-Đức bị một kẻ bội-phản, phải bắt ở nhà quan Hiệu Tư-mã Tô-Hoàng. Vua và Lã-Gia đều bị hại.

Nhà Triệu làm vua được 97 năm đến đây là hết. Bấy giờ nước Âu-Lạc phái hai sứ-giả đến đem 100 con trâu, 1.000 chung rượu khao quân Lộ Bác-Đức và nộp số dân đinh hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân, tỏ lòng quy-thuận. Lộ Bác-Đức phong cho hai sứ-giả làm Thái-thú và cai-trị hai quận theo như nền-nếp cũ.

Đến đây ta thấy dân-tộc ta bắt đầu vào ách nô-lệ của người Tầu. Nhưng trước khi ngã dân-tộc Lạc-Việt đã cùng hợp sức với dân-tộc Nam-Việt, chống-chọi ráo-riết với sức xâm-lăng của Hán-tộc và cái CHỦ-NÃO TRANH-ĐẤU ĐỘC-LẬP BẤY GIỜ CHÍNH LÀ THỦ-A-TƯỚNG LÃ-GIA. (5) Lã-Gia về sau bị hại, dân-tộc Nam-Việt bị đồng-hóa, nhưng dân-tộc Lạc-Việt sau này giữ được thế-lực vững-chắc trong một lĩnh-vực quốc-gia ở phương Nam.

Xem cái tinh-thần độc-lập của dân-tộc ta thời-đại nào cũng tỏ ra mạnh-mẽ sáng-sủa. Chúng ta ở cạnh một nước lớn, cõi đất rộng gấp trăm lần nước ta, lúc nào cũng tìm cách lẩn nuốt nhì cái hổ to muốn nuốt cái ao nhỏ, cây đại-thụ muốn lấy một vùng bồng rợp làm ủa hẳn một cây non mới mọc. Vậy mà chúng ta đã đương-cự được với sức lẩn bức ghê-gớm ấy, nghiêm-nhiên gác nền một quốc-gia tự-cường tự-lập, sau này dựng nên một kinh

thành rất vẻ-vang là kinh-thành Thăng-long.

Thăng-long tức là Hà-nội, sở-dĩ thành-lập được là vì đã kết-hợp được cái tinh-hoa độc-lập bao thế-kỷ đã di-sản lại. Cho nên trước khi nói đến Hà-nội, tôi nói đến cái tinh-thần ấy không phải là thừa. Và tôi cũng không nỡ bỏ quên kinh-thành Cồ-loa, nó tiêu-biểu cho một quốc-gia tự-lập về thời-dai ấy.



CHÚ-THÍCH

(1) NÚI NGŨ-LĨNH HAY NAM-LĨNH.— Núi Ngũ-Lĩnh hay Nam-Lĩnh này là biên-giới của Hán-tộc phân với Việt-tộc tức là Bách-Việt, nó là bờ cõi chia Nam-Bắc thời xưa, hồi Bách-Việt chưa bị Hán-tộc đồng-hoa. Sử chép vua Đế-Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế-Nghi làm vua phuong Bắc, phong cho Kinh dương-vương làm vua phuong Nam, phải chăng là vùng đất-dai từ giải Ngũ-Lĩnh đồ xuống, tức là cõi đất của cả dân-tộc Bách-Việt?

Theo khảo-cứu của ông Rousseau, khi Tần Thủy-hoàng thống-nhất nước Tàu (255-206 trước T.C.) chia nước làm 36 quận, thì địa-giới nước Tàu chỉ có từ giải Nam-Lĩnh-sơn hay Ngũ-Lĩnh-sơn trở về Bắc. Từ giải Ngũ-Lĩnh về phuong Nam là địa-giới Giao-chỉ gồm những dân-tộc Bách-Việt.

Giải Ngũ-Lĩnh này bắt đầu từ Thành-đô qua phia Nam Trùng-khánh, Tây-dương Tư-nam, Lê-bình, Tinh-huyện, Lâm-châu, Nam-xương và Chiêu-hưng rồi ra bể. Đó là cửa ngõ của nước Tàu vào địa-giới Bách-Việt. Trong Tiền-Hán-chú và Sử-ký có nói về giải Ngũ-Lĩnh.

Sử-ký nói :

« *Nam hưu Ngũ-Lĩnh chi thú* » (phía Nam có giải Ngũ-Lĩnh là nơi đồn-thú.)

Nhưng Tần Thủy-hoàng thật khờ-khạo đặt những quận miền Nam, về phía Bắc lấy giải Ngũ-Lĩnh làm địa-giới. Một ông vua chư-hầu muốn hùng-cử một phuong chỉ đem một đạo quân bit các ngả ở đèo Ngũ-Lĩnh để súc kiềm-chế được cuộc xâm-nhập của miền Bắc.

Triệu-Đà đã khôn-khéo theo phuong-pháp đó, và đã được kết-qnả mỹ-mẫn.

Nhà Hán rút kinh-nghiệm không đặt giải Ngũ-Lĩnh làm địa-giới miền Nam nữa, mà cho các quận miền Nam đều là quận huyện của chính-quốc.

(2) LINH-CỦ.— Năm Đinh-hợi năm thứ 44 đời An dương-vương tức là năm thứ 33 đời Tần Thủy-hoàng (năm 221 trước TC) vua Tần đánh Bách-Việt sai quan úy tên là ĐÔ-THỦ chỉ-huy năm đạo quân, sai quan sứ tên là GIÁM-LỘC phụ-trách về việc tiếp-tế cho quân-dội.

Đạo quân thứ nhất đến Quảng-tây đi qua ngọn núi thứ năm của Ngũ-Lĩnh-sơn.

Đạo quân thứ hai qua ngọn núi thứ tư vào biên-thùy Đông-Bắc tỉnh Quảng-tây.

Đạo quân thứ ba qua ngọn núi thứ hai vào Quảng-châu một cách dễ-dàng.

Đạo quân thứ tư qua ngọn núi thứ nhất, lấy hết cả phía Bắc Quảng-dông.

Đạo quân thứ năm chiếm được ngay Phúc-kiến đặt thành quận Mân-châu (221 tr. T.C.)

Năm đạo quân chinh-phục, những đạo đánh Phúc-kiến Quảng-châu và Quảng-tây thành-công được dễ-dàng : những đạo quân về phía Tây Quảng-dông phía Nam Quảng-tây và vào nước ta, mặc phải nhiều trở-lực.

Muốn minh-dò cuộc xâm-nhập nước ta, Đồ-Thư và các tướng phái công-nhận rằng không có đường tiếp-tế bằng thủy-dạo, công-cuộc không sao thành-tựu được.

Lộc vốn người giống Việt, có tài kiến-tạo. Ông ngắm ngọn suối về phía Dương-sơn (thuộc Phiên-ngung) đến phía Bắc sông Tương, chảy vào sông Sở-dung hợp nên hạ-lưu sông Tương-kha, rồi chảy về phía Nam ra bể, cuộc vận-tải lương-thực rất là vất-vả. Ông liền khởi cuộc xây một cái kênh. Con kênh này nối sông Tương với sông Ly, chính bảy giờ nó là con kênh đào nối Dương-tử-giang với Tây-giang. Phương-pháp khơi kênh của Giám-Lộc rất là kỳ-diệu, cho nên cái kênh ấy có tên là LINH-CỦ.

Ông sai đắp đá tròng lên nhau ở trên cát thành một cái kênh. Ông làm cách ngăn giòng nước cho cái kênh ấy có thể chảy được lên cao. Phương-pháp của ông như thế này : Ông chặn đường chảy xuôi của sông Tương, khơi một lối cho sông Tương chảy ngược lại 60 dặm. Trong khoảng 60 dặm, có 36 cái thủy-môn. Mỗi khi thuyền đi qua một cửa nào thì lại đóng cửa ấy lại cho nước út lên. Bởi vậy thuyền có thể đi quanh núi được

Khi thuyền xuôi xuống nhô ở những cái rãnh xếp bằng ngôi và súc nước đưa đi. Người ta bảo có lẽ cách sáng-tạo ấy đã cho người ta cái sáng-khiến làm đường xe lửa sau này. (200 trước TC, người Á-Đông đã có cái óc khoa-học tinh-nhị!)

Nguyên con kênh này gần ngọn núi thứ năm giải Ngũ-Lĩnh, ở vào phía bắc Quảng-tây, thuộc Quế-lâm-dao, theo ông Auroussau ở ngay phía bắc huyện Hưng-an. (Theo Thái-binh Hoàn-vũ-ký, con ngòi ấy ở 20 dặm về phía Nam Hưng-an.) Vì tên quận ấy nên bây giờ người ta gọi kênh ấy là kênh HƯNG-AN. Con kênh ấy đào vào năm 219 trước T.C. khi xưa người ta phải đi bằng đường bộ hoặc đường thủy từ Hà-nam đến Quảng-tây, hoặc ra Quảng-châu bằng đường sông Quế-giang hay Tây-giang, hoặc vào nước ta bằng đường Tầm-châu, Nám-ninh, Long-châu và Lạng-sơn. Do sông Hưng-ан người ta có thể đi tắt từ Dương-tử-giang đến Tây-giang và sự tiếp-xúc với miền Nam rất tiện-lợi.

Đời Tần thì nhờ con sông ấy mà Hán-tộc chinh-phục được Việt-tộc.

Đời Hán, Phục-ba tướng-quân Mã-ViỆn cũng do con kênh này đem quân xâm-nhập nước ta (năm 42).

Rồi đến đời Đường và các đời sau này mỗi khi có cuộc Nam-chinh của Hán-tộc, cuộc tiến quân và vận-tải lương-thực tiếp-tế đều do giòng sông này cung cấp.

Gần đây giặc Cờ đen cũng nhờ con kênh này tiện-lợi cho đường tiếp-tế mới có đủ lực-lượng quấy rối miền Bắc nước ta hồi ấy gọi là Bắc-kỳ.

Con kênh Hưng-an này quả là con sông lịch-sử.

• • •

(3) HÁN VĂN-ĐẾ VÀ HÁN VÕ-ĐẾ.— Khi Triệu-Đà xưng Đế-hiệu, Lữ-Hậu qua đời, Hán Văn-đế lên ngôi, đưa thư cho Triệu Vũ-đế, trong thư có những câu như-nhường đầy nhân-nghĩa... « Ngày trước nghe nói nhà vua cho quân sang quấy rối a chốn biên-cương, e sợ hãi mãi không thôi. Quận Trường-*« 越* vĩ à kh, Nam-quận lại càng khốn lấm. Mà riêng nước nhà « vua là nước nhỏ, có lợi được một mình không? Tất-nhiên « phải đa sát-sĩ tốt, tồn-thương lương-tướng, làm cho vợ người « góa, con người cô, cha mẹ thành người cô-độc. Được một « mắt mèo, Trảm chẳng nhẫn-tâm làm việc ấy. » « Tền nhát

« vẫn vương phát binh ư biển, vì khẩu-tai bắt chỉ, Trường-sa
 « khở, chi Nam-quận hoàn thám, duy vương chi quốc-dung dọc
 « lợi hò ? Tắc da sát sĩ tốt, thương lương-lương, xỉn quả nhân
 « chí thê, có nhân chí tử, dộc nhân phu mẫn, dắc nhất vong-thập,
 « Trẫm bắt nhẫn vi dã. »

Và đoạn cuối thư. . .

« Nhưng nhà vua cứ xưng Đế-hiệu, hai bên cùng là Đế-
 « quốc, mà không sai sứ giao-thông, thế chẵng hóa ra ganh nhau
 « ư ? Ganh nhau mà không nhường thì người nhân không thèm
 « làm. « Tranh nhì bất nhượng nhân-giả bất vi dã » . .

Trước lời nói ấy, Triệu-Đà đã trả lại bằng những lời
 thần-phục :

« Nam-Di đại-trưởng lão-phu thần, Đà là kẻ ngu-muộ
 đến chết còn lạy dâng thư lên Hoàng-đế bệ-hạ : »

. . . « Lão-phu ở đất Việt đã 49 năm nay, bây giờ đã có cháu
 « rồi, nhưng mà sớm khuya dắn-dọc, ăn không ngon ngủ không
 « yên, mắt không dám nom sắc đẹp, tai không dám nghe đàn
 « vui, là chỉ vì có không được phụng thờ nhà Hán.... »

Thế là lời nói lẽ-phép của một đẳng nhân-giả đã hiếp-
 phục được một ông vua đương hùng-cử một phương.

Triệu-Đà thần-phục nhà Hán chỉ bằng danh, Hán Văn-đế
 cũng chỉ cần cái danh ấy thôi không cần thực. Cái cử-chỉ quân-tử
 ấy khác hẳn với cái cử-chỉ quá « thực-tế » của Hán Võ-đế.
 Khiến cái tình dâm-dãng để cướp nước người, lấy chế-dộ pháp-
 luật ra để khuôn-khổ dâng buộc người, rồi lại đem quân tàn
 phá nước người, phải đâu đó là hành-dộng của người nhân-
 giả ?

. . .

(4) NHỮNG TÊN PHONG THUỘC VỀ NƯỚC.— Phục-ba
 tướng-quân, (Ông tướng áp-phục được lấn sóng.) cái tên này
 phong cho những đại-tướng sang đánh nước ta, phải chăng
 cũng là vì Hán-tộc vẫn gồm sợ Việt-tộc về tài thủy-chiến ?
 Nguyên dân-tộc Việt ta xưa tài lội nước hay nghè đánh trên
 nước. Người Hán thường bình-phẩm người Việt hiếu-chiến, lấy
 thuyền làm xe, lấy chèo làm ngựa, đi nhanh như gió.

Những tướng Tầu xưa sang đánh nước ta, trước, có Lô-
 Bác-Đức được phong là Phục-ba tướng-quân. Cảnh Phục-ba

tướng-quân có Lâu-thuyền tướng-quân Dương-Bộ, Qua-thuyền tướng-quân Nghiêm. Trăm năm sau, chúa Phục-ba tướng-quân được tặng cho Mã-Viện. Cạnh Mã-Viện có Lâu-thuyền tướng-quân là Đoàn-chí.

Đánh nước ta quân Tàu phải đánh bằng đường thủy nhiều, và ác thay cũng chỉ thua về thủy-chiến. Ngò-Quyền phá được quân Nam-Hán trên sông Bạch-Đằng (938) Lê Đại-Hành phá quân Tống trên sông Bạch-Đằng (981). Rồi lại chinh trên sông Bạch-Đằng Trần Hưng-Đạo đại phá quân Nguyên (1288).

«Đằng-giang tự cõi huyết do hồng »

(Mạc dĩnh-Chi)

Còn Lý thường-Kiệt cầm cự với quân Tống trên sông Nhữ-nghệt khiến Tống phải bãi binh.

Mà từ xưa cho tới nay, cuộc Nam-chinh của Hán-tộc phải nhờ sự tiếp-tế lương-thực bằng đường thủy là kênh Hưng-an mới thành-tựu được.

Về sau những ông tướng sang đánh nước ta không hay lấy tên thuộc về nước nra.

..

Lâu-Thuyền : cái thuyền có lầu. Theo Ứng-Thiện thì đánh Việt phải đánh bằng đường thủy, nên làm thuyền có lầu.

Qua-Thuyền : thuyền ở đây có cǎm mũi mác, để phòng ngừa những giao-long khôi hại. Trong sách Ngũ-Tử-Tư cũng nói về qua-thuyền dùng để chở quân-nhu.

Nguyên nước Việt thời xưa, mà Câu-Tiễn là bậc vua anh hùng đệ-nhất, trong cuộc thủy-chiến dùng nhiều thứ thuyền : thứ thuyền nhỏ gọi là *Linh*, thuyền nhỏ dài gọi là *Dĩnh*, thuyền lớn gọi là *Tu-Lý* thuyền có lầu gọi là *Lâu-Thuyền*, thuyền có cǎm mũi qua ở đáy gọi là *Qua-Thuyền*.

..

(5) LÒNG ÁI-QUỐC CỦA LÃ-GIA. — Lòng ái-quốc của Lã-Gia kiên-trung là thế mà hậu-thế có người còn chê-bai là không được ôn.

Sứ-thần Lê văn-Hưu có lời trách :

« Lã-Gia can ngăn Ai-Vương và Cù Thái-hậu khiến dùng
 « cầu làm chư-hầu nhà Hán, dùng trù bồ quan ải ở biên-cương
 « có thể là người biêt trọng nước Việt. Nhưng ngăn mà không
 « nghe, thì theo lẽ phải, Lã-Gia nên đem quân-thần vào tận triều-
 « đình bày tỏ tận mặt về cái iợi, hại, một đảng làm tội nhà Hán,
 « một đảng làm vua nước Việt (!)

« Bằng chảng thì theo việc cũ Y-Doãn Hoắc-Quang đã làm,
 « riêng lừa lấy một người con của Minh-Vương cho thay lên nối
 « ngôi, khiến Ai-Vương cũng như Thái-Giáp, Xương Ấp-vương,
 « giữ loạn được tinh-mệnh thì lui tới đều không lỗi.

« Nay Lã-Gia thi vua để thỏa lòng oán giận riêng (?) lại
 « không hay cố chết mà giữ nước, khiến nước Việt phải tan-rã
 « mà làm tội nhà Hán, thì Lã-Gia không tránh sao cho khỏi
 « tội chết ».

Lời bình-luận này thật rõ hết cả sự cầu-nệ của một
 nhà nho cõi-hủ. Nếu Lã-Gia khuyên được Cù Thái-hậu, thì không
 dài gì Lã-Gia lại phải dùng đến giải-pháp đồ máu. Theo sử-gia
 Lê văn-Hưu thì Bao-Tự đời Chu, Đát-Kỷ đời Ân, Tày Thái-hậu
 đời Thanh đều có thể can-ngăn được cả. Nhưng nếu Bao-Tự
 mà can ngăn được thì không đến nỗi mất nhà Chu. Đát-Kỷ mà
 can ngăn được thì Tỷ-Can không bị mồ, Tày Thái-hậu mà can
 ngăn được thì không đến nỗi nhà Thanh phải đi vào đường đỗ
 ngã ngai vàng.

Đương khi ở trong nội-cung, nầy mầm nội-loạn, ở ngoài
 ngoại-tộc tìm cách lẩn bức, sử-gia Lê văn-Hưu còn xui Lã-Gia
 từ-chức, thật là một thất-sách lớn, hay là một hành-dòng cõi-hủ
 không thể tha-thứ được. Ta phải hiểu rằng cái tinh-thần quốc-gia
 của toàn nước Nam-Việt thời bấy giờ gồm cả quốc-gia của
 dân-tộc Lạc-Việt, chung-dúc hết cả vào một vị tề-tướng lương-
 đồng là Lã-Gia. Lã-Gia trốn nhiệm-vụ tức là để dân-tộc Việt đi
 vào chỗ diệt-vong. Ai dại gì muốn đem gánh nặng đặt lên vai.
 Lã-Gia phải gánh cái trách-nhiệm nặng-nề ấy cũng là vì phải
 làm tròn một sứ-mệnh thiêng-liêng.

Kẻ sĩ theo đạo Khổng-Mạnh nè vào chủ-trương « vô khả,
 vô vật khả » phần nhiều dàm ra hương-nguyện. Cái tinh-thể của
 Lã-Gia bấy giờ đặt vài câu : « Kiến nghĩa bất vi, vô dũng giã ».
 Còn như khuyên Lã-Gia làm cái công-nghiệp của Y-Doãn, Hoắc-
 Quang lại là một lời bàn không hiểu thời-thế lắm nữa. Mỗi
 thời thế một khác, thì người anh-hùng quốc-sĩ cũng phải xử-

sự một khác. Hoắc-Quang Y-Doãn làm thành được các công-nghiệp thánh-nhân là vì quyền chính-trị bấy giờ đã thâu tóm được cả trong tay. Còn như Lã-Gia tuy là thế-thần nhà Triệu, nhưng trong triều-dinh nhà Triệu bấy giờ Cù-thị không phải là không gây được một thế-lực tương-đối. Suy như một cuộc tổ-chức mai-phục hâm hại Lã-Gia do Cù-thị chủ-trương. Huống chi bên cạnh Cù-thị còn có những viên quan Tàu tìm hết phương-lược yêm-hộ. Đối với những âm-mưu sâu-sắc guy hiểm ấy không phương-kế nào hơn là lấy vũ-lực ra dàn-áp đối-phương. Người anh-hùng cứu-quốc gấp thời-thế đáng làm thì phải làm không dám nghĩ đến điều thành, bại để trốn nhiệm-vụ. Vả chăng sự thành, bại cũng « không luận nỗi chi-khi anh-hùng ».

Làm việc lớn, thành ra ấy là dựng được công-nghiệp cho hậu-thế, bại chăng nữa cũng là gây được cái tinh-thần phấn-dầu cho hậu-thế. Há cứ phải tính-toán biết chắc thành-công mới làm, không thì hãy dành chịu thúc-thủ đâu? Nếu ai cũng nghĩ như vậy thì cái công-nghiệp anh-hùng không bao giờ có.

Có Lã-Gia thuở ấy mới có Hai Bà Trưng sau này. Có Hai Bà Trưng rồi mới có nhà Tiền-Lý, nhà Ngô nhà Đinh. Luận-bàn anh-hùng phải có tinh-thần khoáng-đạt mới là hợp-lý.

Đây lại là lời bàn của sứ-thần Ngô thời-Sĩ :

« *Lã-Gia cầm quyền một nước nắm giữ việc binh, từ trong lối ngoài cung-phủ, đâu đâu chẳng thuộc quan trung-tề thống-trị. Giả-sử Lã-Gia là một kẻ sáng-siết, cho canh-phòng cẩn-mật xết-lết gắt-gao, những lời ở sứ-quán không được lọt vào cung, những hạng dâng-lần không được lọt ra khỏi cửa, rồi hậu-lễ dè tiếp sứ-giả, nhún lời để đáp vua Hán, bè ngoài tỏ lòng kính-thờ nước lớn, bè trong làm vũng công-cuộc phòng-bị để chống cuộc chinh-phục của nhà Hán, khiến họ biết trong nước có người tài, thì dù họ có muốn thôn-tinh chăng nữa, tự khắc phải dõi đường toan-tinh, mà từ đó mỗi binh-tranh cũng đến phải ngừng.*

« *Vậy mà Lã-Gia để cho Cù-thị và Thiếu-Quý gặp nhau, bèo truyện dâng-ô ra khắp trong nước, để cho cùng làm thành cái mưu phụ-thuộc nhà Hán. Lại còn chùng-chình ngày tháng, biểu qua, thư lại đợi đến khi họ sửa-soạn hành-trang mới có thư ngắn cản, tiệc ritqu không lành mới tinh đến việc nỗi loạn. Kịp đến lúc, quân Hán kéo vào cõi, không còn biết xoay mưu*

« chửng ra sao bên thi vua giết hậu, để di gấp đến bước diệt-vong. Đầu lại có hàng người lo nước như vây, mà làm nên « công-chuyện được. Vậy thấy cái cuồng của Cù-hậu và cái ngu « của Lã-Gia mà biết cuộc bại-vong của họ Triệu đã gầy nền xây « móng ngay từ lúc Anh-Tề lấy vợ và phong-tước kia rồi. »...

Những lời bàn khuếch-khoảng của một nhà Nho không hiểu thời-thế ấy chỉ đúng trong lý-thuyết không thể thành-tựu được ở thực-hành. Đối với cái mưu tiêu-nhân của Hán Võ-Đế thời ấy đã rắp tâm thôn-tinh nước ta, nếu Lã-Gia cứ lấy lời lẽ quân-tử ra để ứng-tiếp sứ-giả nhà Hán, khác nào đem đàn mà gẩy tai trâu.

Còn như bão khiến quân canh phòng ngăn cấm không cho An-quốc Taiếu-Quý gặp-gỡ Cù-thị là một điều vi-lẽ, rất khó thực-hành trước khi tội-trạng của Cù-thị chưa tỏ ra rõ-rệt. Làm thế trước khi phải làm tức là lẩn-bức Hoàng-gia.

Huống chi trong cuộc giao-thiệp với sứ Hán này, bắt đầu Lã-Gia đã lâm ngay vào tình-thế rất khó xử, là chính Lã-Gia cũng bị nhà Hán tim đường mua chuộc. Nếu ông tỏ lòng chinh-trực ngay buổi đầu thì lập-tức ông bị hăm-hại, và nhà Hán cũng đã chinh-phục được Nam-Việt một cách dễ-dàng không phải cần tới 5 đạo quân sau này.

Trước cái bả « vinh-phì » mơn-trớn, Lã-Gia một lòng phủ tá nhà Triệu, thế chẳng phải là Trung ?

Để cho tội bán nước vi-kỷ của Cù-thị gầm đú tang-chứng mới tuyên-bố với quốc-dân, để kết-thúc nhân-tâm thế chẳng phải là Tri ?

Đã đến lúc không sao dừng được nữa mới phải giết Ai-vương và Cù-thị thế chẳng phải là Nhân ?

Còn ra cái bại-vong của Lã-Gia có làm cho giảm tiếng anh-hùng của Lã-Gia đâu.

Ngô-thời-Sĩ đã dùng những lời nghiêm-khắc đối với một vị trung-thần nhà Triệu. Nhưng ở chỗ khác ông có cởi mở cho Lã-Gia :

« Lã-Gia là thế-thần họ Triệu trong lúc chưa thơ-ấu nước « nguy-nghi, đối với nước lớn không biết lây lể mà thờ, toan-tinh « giữ nước mình cho sinh tồn thì phương-lực lại lầm-lở, ở trong không « cái được mưu Cù-thị, ở ngoài chọc giận vua Hán, rồi không « lượng sức tự làm cho chóng bại vong. Phiên-ngung không giữ

« được, rồi thế như dẫu lở, không sao cứu nổi đến nỗi mất hết « cả phần dẫu cũ của An-dương-vương trước, khiến cho cái khu « vực của Hòa-Trọng đóng cũng phải thuộc về người Tàu từ « Hán đến Đường hàng năm sáu trăm năm. Truy-nghuyên đến cái « vạ ban đầu thì Lã-Gia tránh không khỏi tội.

« Song đó là những việc « đã rồi ». Gia không lấy ân-tín « nhà Hán làm vinh, giữ vững cái thuyết cho nội-phụ là không « tiện, không thể bảo là không Trí. Giết Thiếu-Quý giết Thiên-Thu, « gởi trả sỉ-tiết nhà Hán, dàn quân giữ những nơi hiềm-yếu, « rửa sạch cái tặc giận cho liên-quán ở dưới suối vàng không « thể bảo là không Dũng. Bỏ một vua này lại lập một vua khác, « chỉ biết có con cháu Vũ-dέ, xã-tác họ Triệu, liêu sống chết để « giữ lấy, chứ không dám nghĩ đến chuyện khác, không thể bảo « là không Trung.

« Quân-tử bàn người nên lấy lòng dốt một. Đến như bỏ « hiềm-yếu và làm mất nước, dành rằng Gia được lợi với nhà « Triệu. Nhưng từ nhà Triệu đến nay (Ngô thời-Sĩ triều Lê) chưa « có bao giờ thu trọn được cả dẫu Ngũ-Lĩnh, nhìn thẳng tận mặt « đê tranh với Trung-quốc thì là chuyện còn phải đợi đến những « tay thánh-hiền hào-kiệt sau này, cũng không đủ cho đó là tội « của Lã-Gia được. (Đại Việt sử-ký.—Bản dịch của báo Tri-Tân).

..

Dầu sao lòng ái-quốc trung-chính của Lã-Gia không ai còn chối cãi, và bao giờ dân-tộc Lạc-Việt ta cũng tò lòng kính-trọng.

Theo sách Sử, Triệu-Đà đóng đô ở Phiên-ngung, tức là Quảng-châu bây giờ. Con cháu nhà Triệu đều đóng đô ở Phiên-ngung cả. Vậy mà theo tục-truyền, dân-tộc ta lấy làm vinh-dự nhận rằng Lã-Gia bị hại ở vùng Nam-định. Bây giờ ở vùng núi Côi Nam-định, có đền thờ Lã-Gia làm thành-hoàng.

Có câu truyền :

« Làng Côi thờ dầu,
« Làng Hầu thờ cõi,
« Làng Hồ thờ chén.

(Có bốn làng Côi là : Côi-son, Văn-côi, Văn-côi, Mỹ-côi. Làng Hầu tức là làng Hầu-kiệt còn làng Hồ là Hồ-son).

Do khẩu-truyền thi tể-tướng Lã-Gia khi bị quân Hán đuổi đánh, chạy đến làng Côi bị chém đầu mà còn giữ thủ-cấp về tội

Hỗn-sơn mới ngã vật xuống chết. Đó phải chăng là một câu giai thoại để bào chữa một cái chết thảm-hại đầu một noi, mịnh một nோ.

Ở làng Thầy, chân núi Sài-sơn. (Phủ Quốc-oai, Sơn-tây) cũng có đền thờ. Dàn vùng ấy kiêng tên húy của nhà ái-quốc xưa gọi nước lă là nước lõ.

Trên Sài-sơn trước cửa đền Khải-thánh trông ra, bên mộc ngọn núi bích-lập, có một khoảng đất phẳng rộng độ một sào, cư-dân vẫn cho nơi ấy là nhà đọc sách của Lã-Gia. Xung quanh nhà trồng trúc, Cho nên về sau người ta gọi là vườn trúc.

Có bài thơ chữ Hán vịnh Vườn trúc của Lã-Gia, do một người túc cảnh :

Đọc thư sơn-xá trúc phong thanh.

(Cái nhà đọc sách gần núi có tiếng gió rung cành trúc).

Thủ địa thiên thu Lã-tường danh.

(đây là nơi ngàn thu còn lưu danh quan tề-tường họ Lã).

Ai-quốc tư diệu thần Hán-vị.

(Một lòng yêu nước há thắn phục nhà Hán).

Tiêm Cù nghĩa thư tuyệt Khương-kinh.

(Muốn dứt cái tình giống như nàng Tề-Khương ngày xưa nên vì thủ-nghĩa phải diệt Cù-thị).

Kiến-nguyên võ-liệt tam phong-chiếu.

(Nhận thấy cái võ-liệt của dòng giống, lấy làm hẹn mà nhận chiếu phong của nhà Hán hiệu Kiến-Nguyên).

Trần, Lý nhung-công thuộc ứng-biuh.

Nhà Trần nhà Lý về sau thành-công trong cuộc chống ngoại-xâm cũng là do ảnh-hưởng khởi-nghĩa này của Lã-Gia),

Thạch khiếu phong hào thảm-dạ ác.

(Trong hang đá đêm khuya tiếng gió gào thét).

Đường nền truyền hịch xuất quân-thanh.

Tưởng như năm nào có tờ lịch truyền, quân-sĩ nô-nức kéo ra).

**THÀNH
CÔ - LOA**

THÀNH CÔ-LOA

THÀNH CÔ-LOA ở Phong-khê, nay thuộc huyện Đông-anh tỉnh Phúc-an, cách xa Hà-nội 16 cây số, gần con đường số 3 từ Hà-nội đi Phúc-an. Tục truyền vua Thục An-dương-vương sai xây thành mãi không được. Vào hôm 7 tháng 3 nhà vua sai lập đài trước cửa hoàng-cung cầu-đảo, chợt thấy bên sông đi lại một ông cụ già tự xưng là « *Thanh-giang-sú* » (sú-giả ở giòng sông trong). Ngày hôm sau, cũng phia ấy đi lại một con rùa vàng, nói tiếng người, am tường thiêng-văn địa-lý. Vua hỏi :

- Thầy là ai ?
- Tôi chính là Thanh-giang-sú.

Vua liền sai đặt con kim-quy lên xe rước vào thành rồi vua hỏi về cái duyên-có thất-bại của cuộc kiến-trúc kinh-thành.

Kim-quy nói :

— Xưa kia đất này là nơi dân lành sinh-cơ lập nghiệp. Đời vua sau cưỡng-đoạt của dân còn rắp tâm dâng nước cho địch. Dân vì vậy không chịu, đều trốn lên núi *Thất-diệu*. Trong núi *Thất-diệu* này hiện nay có hai con yêu quái : một con yêu vốn xưa là ca-kỹ, hài-cốt đã chôn ở đấy nhiều thế-kỷ, một con yêu là con gà trống trắng (*kết-tinh*). Gần đây có một quán nước có một ông già tên là

Ngô-Công mở. Con gái Ngô-Công lấy kê-tinh. Những con yêu-quái ấy thường kết-hợp với nhau để giết hại những hành-khách đêm đến ký-túc ở quán, và chúng đã phá hoại công-cuộc xây thành, vì chính thành đương xây trên hãi-cốt người ca kỹ thành tinh kia.

Rồi Kim-quy xin vua trừ hại.

Nhà vua liền ăn mặc giả làm một lữ-khách đến xin ngủ trọ ở quán nước một đêm, trong khi đó thì Kim-quy đã nấp sau cửa. Nhưng Ngô-Công đã thành-thật bảo nhà vua :

« Nơi này là nơi nhiều yêu-quái đêm đến hay hại người, xin ông hãy sang hàng khác nghỉ chân.

Vua cười đáp :

— Mạng ta ở thiên-mệnh, ma quỷ há làm gì được ? Nếu số ta không chết thì ta không sợ gì ma quỷ.

Đêm, bọn ma quỷ hiện lên định hâm-hại nhà vua. Kim-Quy nấp sau cửa liền xông ra thét lớn :

— Các người thử dò tà-pháp ra đọ với ta xem, Ta quyết làm cho các người, không còn ngoi-ngóp được nữa. Rồi hai bên đấu-pháp. Đến gà gáy thì bọn ma quỷ thua, liền vội-vàng chạy trốn. Vua và Kim-Quy đuổi đến núi Thất-diệu thì chúng biến mất, vua liền quay về quán.

Sáng hôm sau, ông chủ quán cứ tưởng vua đã chết rồi, cho người vào chôn mới hay vua còn sống. Vua xin chủ-quán giết con gà trống trắng đi. Con gà trống trắng vừa chết xong thì con gái chủ-quán cũng chết liền. Vua liền sai khai-quật núi Thất-diệu thấy hãi-cốt người ca-kỹ, sai lượm lấy đốt đi rồi vất xuống sông. Buổi chiều nhà vua cùng Kim-Quy trèo lên núi Việt-thường thấy một con cù 6 chân, mỏ dương ngâm sách-thuật, đậu trên cành cây thiêng ; đấy chính là hồn con kê-tinh. Tức thi

Kim-Quy giả làm con chuột bạch leo lên cắn chân con cú, con cú đau quá phải nhả sách-thuật ở mỏ ra. Vì việc trừ yêu ấy nhà vua mới hoàn-thành được công-cuộc kiến-trúc kinh-thành.

Sau khi xây thành xong, Kim-Quy còn ở với vua An-dương-vương 3 năm, khi làm biệt, vua bịn-rịn hỏi :

« Thành này sở - dĩ xây dựng được cũng là nhờ thần che-chở cho. Bây giờ thần bỏ qua-nhân mà đi. Từ nay biết cậy ai bảo-vệ. »

Kim-Quy nói : « việc trị, loạn là do ý Trời, nhưng nhà vua cứ tu nhàn-chinh thì Trời cũng giúp cho ». Câu dặn-dò ấy chẳng phải là một châm-ngôn cho kẻ làm chính-trị muôn đời. Nó hợp với câu kinh Dịch : « Thiên hành kiện, quân - tử dĩ tự cường bất tíc ». Mệnh trời vẫn dành là có, nhưng trời hoạt-dộng mạnh người phải tự-cường.

Theo cõi sử, thành này rộng 1.000 trượng, quanh co khuất-khúc có chín tầng, vì thành hình ruột ốc cho nên gọi là LOA-THÀNH. Có người lại ví nó như một cái giây vòng di vòng lại cho nên đặt tên là KHẨ LŨ-THÀNH. Người thì cho nó ẩn-hiện như con rồng nên kêu là TƯ-LONG-THÀNH. Người nhà Đường gọi thành ấy là thành CÙN-LUÂN vì nom nó cao như ngọn núi Côn-Luân bên Tầu.

Khi thành xây xong, Kim-Quy còn biểu vua An-dương-vương một cái móng chân. Vua sai Cao-Lô chẽ ra một cái nỏ lấy móng kia làm lẫy đặt tên là LINH-QUANG KIM - TRẢO THẦN-NỎ, Tương truyền mũi tên trên thần-nỏ bắn ra chẽt hàng vạn người (1)

Rồi có cuộc chinh-phục vĩ-đại của Tân-Thủy-hoàng vào đất Âu-lạc, sự tiếp-tế quân-lượng bằng sông Linh

cù. Nhưng cuộc chinh-phục ấy bị thất-bại, sú-mệnh truyền lại cho Nhâm-Ngao và Triệu-Đà.

Năm Tân-mão năm thứ 48 đời An-dương-vương tức là năm thứ 37 đời Tần Thủy-hoàng (năm 209 trước T.C.) bọn Nhâm-Ngao đem một đạo quân gồm những bọn du-dũng và lái-buôn khỏe-mạnh vượt qua biên-thùy không gặp một kháng-cự nào. Họ dừng chân lại ở *Tiên-du-sơn*. (2) Vua An-dương-vương ở Cô-loa ra đón Nhâm-Ngao dàn một hàng thuyền trận trên sông Cà-lồ. Triệu-Đà dẫn một đạo quân lập dinh trại, xây thành-quách gần Tiêu-du-sơn. Cuộc giao-tranh chong-vánh có mấy phút đồng-hồ. Vua An-dương-vương bắn ra 3 phát tên, ba vạn quân địch chết. Bên kia thua to tức thì phải thoái-binh lui về Tiên-du-sơn. Xây Nhâm-Ngao bị bệnh phải về, rồi ông chết, truyền lại hoài-bão cho họ Triệu.

Bấy giờ Triệu-Đà xây thành ở trước núi Tiên-đu và Vũ-ninh. Giải thành lũy này 2.000 năm trước có thể che-chở cho nửa triệu người, nó còn để lại hình-tích mãi tới bây giờ trên con đường Bắc-Ninh-Hà-nội vào khoảng sông Đuống và núi Vũ-ninh sau phủ Từ-sơn.

Chúng ta rất lấy làm lạ rằng nỗ-thần của An-dương-vương có sức thiêng-liêng kỳ-diệu như vậy, mà nhà vua phải nhường cho Triệu-Đà một giải-bờ cõi từ phía bắc Bình-giang trở lên. Giải nhượng-địa này to lớn lắm. Sông Bình-giang tức là Thiên-đức-giang tức là sông Cà-lồ ở gần Bắc-ninh. Con sông này ăn vào Lô-giang (Hồng-hà) qua huyện Đông-ngạn chia ra hai nhánh chảy vào sông Bình-than ta còn gọi là sông Đông-ngạn.

Nhưng Triệu-Đà đánh mãi cũng không hạ nổi Loa-thành. Truyện xưa còn để lại một thiên tình-sử về cuộc thất-thủ kinh-thành kỳ-diệu này : Nguyên Triệu-

Đà-dò hỏi biết An-dương-vương đã có thành-lũy kiên-cố còn có nỏ thiêng, bèn lập mưu kế sai sứ sang giao-hiếu xin bỏ thù cũ gây nghĩa thông-gia. Vì Triệu-Đà có con trai là Trọng-Thủy, Thục An-dương-vương lại có con gái là My-Châu. Sau khi Trọng-Thủy đã lấy được My-Châu rồi liền ở luôn gửi rề. Chàng khéo-dỗ được vợ cho xem thầm-nó, và chàng đã nghĩ ra gian-kế dối lấy nó.

Nỏ mất thiêng, An-dương-vương bị mất Loa-thành, nước Âu-lạc phải vào tay họ Triệu. Trọng-Thủy sau khi đã làm tròn sứ-mệnh vì đạo hiếu, biết mình đê lụy cho tình, nên vừa đem quân vào thành Loa đã vội đi tìm vợ. My-Châu thì quá ngây-thơ vẫn không biết tội mình cùa rút lông ở áo nga-mao rất đường cho Trọng-Thủy. My-Châu bị cha giết ở núi Mộ-dạ về tội phản-bạn, Trọng-Thủy thấy vợ chết cũng nhảy xuống cái giếng ở Loa-thành tự-tử cho cảm tấm tình. Rồi máu nòng My-Châu ở dưới bể kết thành ngọc trai, nước giếng nơi Trọng-Thủy tự-tử rửa ngọc trai sáng ngọc.

Bây giờ ở Cô-loa còn dấu vết kinh-thành. Cung-diện ở giữa, xung-quanh có ba lớp tường thành, lớp nọ cách lớp kia 200 thước, xưa đào sâu xuống thành hào bảy giờ lấp thành ruộng cả. Người ta bảo thành ấy xưa kia cao tới 12 thước, ở trên thượng tùng đắp tùng ụ đất, cao hơn mặt thành mấy thước ở đáy đặt những vọng-lâu làm bằng gỗ nom ra 4 phía.

Chu-vi lớp thành ngoài đo gần được 8 cây số ; từ phía Đông sang phía Tây đo được 2.800 thước ; từ phía Bắc xuống phía Nam đo được 2.000 thước. Lớp thứ nhì, 6.500 thước, lớp này không bị hư-hỏng mấy, Quang thành về phía Bắc còn gần nguyên-vẹn. Trước kia có ba cửa mở ra ở lớp thành này, nay đã bị lấp. Nơi ấy bây giờ chỉ còn ba ngôi miếu nhỏ ghi dấu vết xưa. Lớp trong

cùng đo được 1.600 thước. Vương-thành khi xưa đóng ở đây trên đỉnh một ngọn đồi nhỏ.

Bây giờ đền thờ vua An-dương-vương xây ngay nơi cung-diện cũ. Vua An-dương-vương hiện làm thành-hoàng làng Cô-Loa.

Chính-diện ở giữa, hai bên giải-vũ. Ở Chính-diện có cái hoành đè « Chính-pháp-diện », vàng son còn phô mầu tươi đẹp mới. Tiền-diện, nội-diện rồi phương-dinh ở trung-tâm, hai bên tả-hữu là dịch-dinh. Cung-diện này mới tái-tu vào khoảng 50 năm nay mô-phỏng lối kiến-trúc cung-diện cũ. Nghe những kỷ-lão ở làng Cô-Loa thuật lại thì lối kiến-trúc xưa thấp hơn và rộng hơn nom ra có chín tầng. Có một ngự-đạo lát đá đi thẳng vào trung-tâm. Chính-tầm đóng kín mit các cửa, đó là nơi dựng bài-vị của vua An-dương-vương. Cai bài-vị đó bằng gỗ đàn-hương. Ở cuối gian bên phải trên bàn thờ dựa vào tường là bài vị Thái-Thượng-hoàng. Còn bàn thờ Hoàng-hậu đặt ở gian bên. Ở Chính-diện vào bày la-liệt hai bàn thờ. Cái bàn thờ thứ nhất mang bài-vị của vua đặt trên ngai sơn son thiếp vàng đè chữ « An-dương-vương Hoàng-đế ». Còn bàn thờ thứ hai có một cái bàn cao dựng những đạo sắc xưa truy tặng cho vua và những sắc xá thuế cho dân.

Trong đền thờ có tượng vua An-dương-vương bằng đồng cao bằng người thật, mình mặc áo long-còn, đầu đội mũ binh-thiên ; đôi tay chắp lại dang trước cầm hốt. Cái tượng này dúc vào năm đền thờ được trùng-tu có mấy tấm thạch-bi khắc những đạo chiếu chỉ các đời vua tha thuế-má tạp-dịch cho dân làng Cô-Loa.

Đạo chiếu cõi nhất vào năm thứ 5 niên-hiệu Hoằng-dịnh đời vua Kinh-tông nhà Lê (1.605). Hoành-phi câu đối trong đền phần nhiều mới cả ở gian

giữa có treo một bức hoành, ghi một bài minh về năm thứ tư triều Thiệu-trị :

« Để tinh san-hà, thiên sinh hùng-vĩ. Âu-lạc khải
 « phong, côn-luân triều-địa, Uy chấn Viêm-Giao côn
 « thùy thanh-sử. Thành quách do tồn, nhán-lá n vò dì
 « miếu-mạo nguy-nga. tràng lưu thiên-địa. »

(Làm để cai quản san-hà, trời sinh ra (ngài) hùng-vĩ. Mở-mang nước Âu-lạc, dựng thành Côn-luân. Uy danh trấn động Viêm-Giao, công-đức còn ghi thanh-sử. Tái sóc thành Tư-long dân Hải-nam sùng - bái. Thành quách hãy còn đây, dân-tâm không khác trước. Nơi miếu-mạo nguy-nga còn lâu dài với trời đất).

Đây là lời ca-tung vĩ-đại công-nghiệp oanh-liệt của một triều vua. Nhưng đây mới là lời triết-lý hưng, suy thảm-thia lòng người. Đó là bức đè của một đại-bút là ông Nguyễn-tư - Giản, khiến người chiêm ngoạn cõ-thành phải ngâm-ngùi suy-nghĩ :

« Trắc giáng cửu thiên-linh, nhập kỵ môn do tưởng
 « thần-cung bảo-kiếm, Hưng vong thiên-tái hận, quá kỵ
 « địa giả do kiến cõ-mộc hàn-nha.

(Ngài lên xuống ở chỗ chín tầng linh-thiêng, khi vào cửa tưởng tới thần-cung bảo-kiếm. Thể hưng, vong đè lại hận ngàn năm, qua nơi đất này chỉ thấy quạ kêu buồn trên cây cõ-thụ).

Cài linh-khi của người anh-hùng vẫn hay là bất-diệt, nhưng thể-vận hưng, suy đã là những nếp áo thời-gian, nó lật cho ta xem những vẻ huy-hoàng, còn lật cho ta xem những mầu tàn-tạ.

Bên phải cung-điện An-dương-vương có một đồi đất cao gọi là *Tịch-diền*. Đó là nơi xưa vua An - Dương vẫn đến làm lề tể trời. Trên đỉnh núi ấy người ta dựng

một dài kỷ-niệm bằng cầm-thạch, bốn phía đều ghi tích chuyện Cồ-Loa bằng chữ Hán.

« *Đại việt từ Tiên-tử, đệ nhất Cồ-Loa từ dã.. Thành-tổ An-dương-vương Hoàng-đế, ngũ vận trực-nhân, đệ nhất sơ hiền-thánh, phụng thiên tru Hùng-thị, cách Vănlang dắc địa đô Phong-khé hiệu Âu-lạc.*

(Trong bốn nơi Tiên-tử ở nước Đại-Việt ta thì đền thờ Cồ-Loa vào bậc nhất...)

Thánh tổ An-dương-vương trong ngũ-vận trực-nhân bắt đầu hiền-thánh, vâng mệnh trời diệt Hùng-thị, đánh nước Văn-lang được dắt, đóng đô ở Phong-khé hiệu là Âu-lạc).

Gần đền An-dương-vương còn miếu thờ nàng Mỹ-Châu. Đây cũng có câu đề vịnh của nhà nho Nguyễn-tư-Giản, nhưng lời hàn nghiêm-khắc đối với tấm chung-tinh chan-chứa của nàng công-chúa xưa đối với người iệp ý.

« *Thiên tài thương, thị gia phi, thùy năng biện chí, Quy-tráo nô-cơ truyền ngoại-sử. Ngũ-luân trung, phu dĩ phu, quả thực thâm dã? bang thai Tinh-thủy, đốc thâm-tinh.* » (Ngàn đời sau ai biện-bach được lẽ phải lẽ trái, chuyện móng rùa và lẫy nở còn truyền ở ngoại-sử. Trong đạo ngũ-luân thì cha và chồng ai là thân hơn mà con trai kia chỉ ngậm khói chung-tinh với nước giếng ngọc mà thôi)?

Trước cửa đền có một cái hồ, giữa hồ có một cái giếng gọi là Ngọc-tỉnh. Tục-truyền trong cuộc cống Tầu khi xưa, bên lề-vật ta vẫn phải đem theo một hồ nước Ngọc-tỉnh, cho mãi đến đời Lý (1009-1225), tục kỳ-dị này mới gián-doạn.

Ven Ngọc-tỉnh còn có hòn cù-lao xinh xinh là Ngọc-dối.

Gần đền thờ An-dương-vương là đình làng Cồ-Loa

có đè chữ « Ngự triều di-quy » đó là nơi khi xưa bá-quan triều-hội.

Trong xóm Hương-nhai có một nơi gọi là « Ngự xa-đài » là nơi vua An-dương-vương xưa thao-luyện thần-nỗ.

Theo thuật phong-thủy thì nơi Cô-Loa-thành này cung-diện đặt vào đầu rồng, thành lũy là khúc rồng, ở cạnh mỗi một lối đi có hai khoảng đất hoắm xuồng thành lòng chảo là mắt rồng, bờ nước là miệng rồng, ngọc-đôi là hòn ngọc rồng ngậm trong miệng.

Về đời Tự-đức, có tên giặc Trần đến đóng ở làng Cô-Loa làm suy-sụyễn nhiều bảo-vật trọng-khi, Đến năm Tự-đức thứ 21, Ninh-thái Hộ-đốc Tôn-thất Thuyết và Tân-lý Trương Đăng-Đệ đã dẹp được giặc và tin rằng có thần-uy trợ-lực. Khi giặc yên, hai ông có tặng đèn thờ một đôi câu đối, hiện nay dân làng Cô-Loa vẫn giữ làm bảo-vật.

« Tắc đáo Loa-thành tùy diệt một.

« Điện vò quy-nỗ dù uy linh. »

(Giặc đến thành Loa phải tiêu-diệt, điện-dinh không có nỏ rùa lại càng linh-thiêng hiền-hách).

Thàch Cô-Loa đến thế-kỷ thứ 10 (939-944) còn là kinh-dô của Ngô-Quyền. Bởi vậy có người cho rằng thành Cô-Loa có lẽ là công-nghiệp của Trung-quốc hay của Ngô-vương hơn là của An-dương-vương. Dù sao ở Cô-Loa bây giờ người ta chỉ nhắc đến vua Thục không hề nhắc tới vua Ngô, người ta đã hiền-dương eái công-nghiệp anh-hùng của một triều vua quá-khứ. An-dương-vương nếu đúng về phương-diện chủng-tộc khắc-nghiệt thì chí là một kẻ ngoại-lai lấn đất. Nhưng trên tẩm thanh-bi ở tịch-diền có câu « Phụng-thiên tru Hùng-thị » dù tỏ ra nhà vua đối với lịch-sử đã vào dòng chính-thống. Lịch-sử đã ca-lung nhà vua, và tình kỷ-

niệm của quốc-dân đã suy-tòn nhà vua vào bậc thánh-quân.

Về sau thành Cô-Loa bị dỗ-ngã một cách đau thương. Ở đây đã đượm một mầu uất hận của một ông vua vong-quốc, thấm giọt nước mắt oan-tình của nàng thiếu-phụ quá tin-chồng, kết một nỗi tình xót-xa của một chàng thanh-niên vì hiếu dã hối-hận đau duyên. Nhưng trước khi suy-vong, thành Cô-Loa đã chứng kiến một sự-nghiệp anh-hùng rực-rỡ đầu tiên của dân-tộc Lac-Việt. Vào thời Cô-Loa-thành, 1 đạo trong 5 đạo quân Tân Thủy-hoàng đã xâm-nhập nước ta như tôi đã nói ở trên ; đó là lần đầu tiên Hán-tộc khởi cuộc xâm-lăng Việt-tộc. Họ ngờ đâu rằng họ đã vấp vào một thất-bại lớn-lao, sự thất-bại ấy đã cho họ cái đư-vị chua cay mãi mãi. Về sau này có hồi ta bị những cuộc đô-hộ dài hàng mươi thế-kỷ mà rồi sau ta lại chỗi dậy được đó cũng là nhờ cái tinh-thần cương-cường tự-lập của dân-tộc đã biếu-lộ sáng-lạn từ buổi đầu nó soi sáng sâu xa vào bao thế-kỷ.

Vì có cuộc kháng-cự anh-dũng của dân-tộc Lac-Việt thuở ấy mà về sau này, ông vua anh-hùng như Triệu-Đà là người Trung-quốc cũng phải đem mình ra « *bản-xứ-hoa* ». Vì có Loa-thành thuở ấy, dân-tộc ta mới đời đời có dù sác dũng-mạnh đương-cự với Tàu. Vì vậy thành Hà-nội sau này mới lập được nên thành kinh-dô vĩnh-viễn của nước Việt-nam ta. Cái hệ-thống tinh-thần nó ràng buộc liên-tiếp với nhau không thể lấy thời-gian ra giới-hạn được.

Cho nên chúng ta nói đến Hà-nội, trước-nhiên chúng ta hãy nói đến Cô-Loa. Nếu luật hung-vong nó như ngọn nước thủy-triều thăng, giáng, thì bây giờ ngâm đến câu « *hung vong thiên tài hận* » mà nhìn tới Cô-Loa-thành chúng ta cũng lấy làm buồn. Bây giờ qua Cô-Loa, chúng ta phải ngậm-ngùi một giọt lệ cảm-hoài :

« Thành-quách còn mang tiếng Cô-Loa.
 « Trái bao gió lấp với mưa sa.
 « Nở thiêng hờ-hững giây oan buộc,
 « Giêng ngọc voi đầy giọt lệ phai.
 « Hoa cỏ vẫn cứ ai bao-nênh.
 « Cung-linh chưa sach nợ phòn-hoa.
 « Hứng, vong biêt chưa người kim cỗ.
 « Tiếng cuốc nấm canh, bóng nguyệt tà.

(Trần-tuấn-Khai)



CHÚ THÍCH

(1) VỀ VIỆC XÂY THANH CÔ-LOA.— Tôi chép việc xây thành Cô-Loa đượm mùi thần-quyền là theo ngoại-sử. Xưa nay những công-cuộc vĩ-đại người ta làm thành được phần nhiều hay dinh thần-quyền. Song sức thần-quyền chi-phối công-việc của con người ở Âu-châu không mạnh bằng ở Á-châu.

Thực ra cái thần-quyền ấy chính là cái trí xuất-thần của nhà sáng-tạo. Nhà họa-sỹ vẽ nên được một bức tranh đẹp, nhà văn-sỹ tạo nên được một áng văn hay, nhà khoa-học phát-minh ra được một công-cuộc gì mới lạ đều đưa dắt bởi trí xuất-thần.

Có lẽ những bậc tri-thức lớn-lao ở Á-dòng thấy trí xuất-thần phát-hiện ra trong lòng như một ánh hào-quang kỳ-dị, không dám nhận là của bản-ngã mình mà tưởng là do một nguồn gốc thần-quyền nào đưa tới.

Có lẽ An-dương-vương cũng là một người trong bọn tri-thức lớn-lao ấy. Nhà vua có tài kiến-trúc thành-quách đã thâu nhập được phương-pháp xây dựng Loe-thành trong một lúc xuất-thần. Rồi chuyện Kim-Quy thần-nỗ phát sinh ra.

Còn một lẽ nữa mà những bậc xuất-chủng Á-Dòng làm nên công-nghiệp lớn hay dựa vào thần-quyền là muốn lấy thần-quyền ra để thiếp-phục dân-tâm hay mê-tín.

..

(2) TIỀN-DU-SƠN.— Theo sách An-nam-chí của Cao Hùng-Trung thì núi Tiên-du này còn tên là *Lan-Kha*. Nguyên trên núi ấy có bàn cờ tiên, thường vẫn có tiên xuống đánh cờ. Tục truyền có một tiều-phu lên núi hái củi, mải xem hai vị tiên đánh cờ, chống cán búa mà cán búa mục lúc nào không biết.

Về núi Lạn-kha sách Tàu cũng chép đài Tấn có người tiều-phu tên là Vương-Chất vào núi đốn củi, đứng xem hai ông tiên đánh cờ, xem hết một ván mà cán rìu cầm tay đã mục.

Tiên-du-sơn ở nước ta quả là một vết đau thương về chiến tranh của Lịch-sử.

Năm 209 trước TC. Triệu-Đà ngăn được quân An-dương-vương ở Tiêu-du-sơn, Năm 43 sau TC. Mã-Viện đánh bại quân Hai Bà Trưng ở Tiên-du-sơn Phải chăng dân-tộc Lạc-Việt xưa nay chỉ quen thủy-chiến không được thành-thạo về lối đánh ở nơi đồi núi. Cho nên sông Bạch-dằng làm sán-lẹn lịch-sử thi núi Tiên-du quả đã dở mẩy trang lịch-sử ám mờ.

THÀNH LIÊN-LÂU

và

THÀNH LONG-BIÊN

THÀNH LIÊN-LÂU

VÀ

THÀNH LONG-BIỀN

Trong ba thời-dai thuộc cõi-sử, nước ta chưa lập kinh-dô ở Hà-nội. Nhưng sau cái tan vỡ của đế-quốc Triệu-Đà, nước ta bị đô-hộ, phải chăng kinh-thành Hà-nội đã bắt đầu xuất-hiện? Chỗ này những sử-gia và những nhà khảo-cô đã lập nên những ức-thuyết mâu-thuẫn nhau.

Những nhà làm sử ta chủ-trương rằng từ bắt đầu cuộc Bắc-thuộc là bắt đầu có kinh-thành Hà-nội. Trái lại, những nhà Đông-phương-học Âu-châu xác-nhận rằng kinh-thành Hà-nội thành-lập vào thời-kỳ cuộc đô-hộ của Trung-quốc sắp cáo-chung. Nói rõ ra Hà-nội bắt đầu xuất-hiện từ Long-uyên-thành theo các nhà sử ta. Theo các nhà khảo-sử Âu-châu như Maspero, Madrolle thì nó bắt đầu bằng tên Đại-la-thành.

Theo sách sử ta như Đại-Việt sử-ký, Khâm-dịnh

Việt-sử thi khi *Lô Bác-Đức* và *Dương-Bộ*c đã chinh-phục được nước Nam-Việt, nhà Hán chia cõi đất nước Nam-Việt ra làm chín quận :

- 1.— *Nam-hải*. (Quảng-đông).
- 2.— *Thương-ngô*. (Quảng-tây).
- 3.— *Uất-lâm*. (Quảng-tây).
- 4.— *Hợp-phố*. (Quảng-đông).
- 5.— *Giao-chỉ*. (Bắc-Việt).
- 6, 7.— *Cửu-chân* và *Nhật-nam*. (mấy tỉnh phía Bắc Trung-Việt).
- 8, 9.— *Châu-nhai* và *Đàm-nhĩ*. (Đảo Hải-nam).

Chín quận ấy gồm lại gọi là *Giao-chỉ-bộ*, đặt dưới quyền giám-thị của một quan thứ-sử tên là THẠCH-ĐÁI. Bộ-đường Thạch-Đái bấy giờ đặt ở LONG-UYÊN, Long-Uyên là LONG-BIỀN, tức là Hà-nội bây giờ.

Những nhà Đông-phuơng-học Âu-châu như Maspero, Madrolle, Claeys, A. des Michels, không cho chủ-trương ấy là phải. Theo các nhà khảo-cứu ấy thì phủ-trị của Giao-chỉ-bộ dời Tây-Hán không phải đóng ở Long-uyên hay Long-biên và Long-biên cũng không phải là kinh-thành Hà-nội.

Vậy kinh-thành của Giao-chỉ-bộ thời ấy chính là & Liên-lâu-thành.

THÀNH
LIÊN-LÂU

THÀNH LIÊN - LÂU

Thành Lién-lâu là kinh-thành rất xưa của nước ta mà Việt-sử không hay nói đến. Chỉ thấy tên Long-biên được nhắc-nhỏ đến luôn.

Ông công-sứ Bắc-ninh là *Wintrebert* hồi Pháp-thuộc có nhắc đến di-tích một kinh-thành cũ ở phủ THUẬN-THÀNH (Bắc-ninh) cho đó là địa-diểm của Lién-lâu-thành xưa, mà Lién-lâu-thành cũng là Long-biên-thành. Ông nói : Sĩ-Nhiếp xưa được phong tước Hầu ở Long-biên (Long-dò-dinh-hầu) và hiện ở vùng Lién-lâu-thành còn có một xóm tên là Long-biên ở xã Tam-á, nơi đất có phẩ-i-mộ của Sĩ-Nhiếp.

Ông Madrolle bác-bỏ lập-thuyết ấy, cho rằng hai thành có hai tên khác nhau và ở hai địa-diểm khác nhau.

Nguyên Giao-chỉ bộ có chín quận như tôi kể trên một trong 9 quận ấy là quận Giao-chỉ vào thế-kỷ thứ nhất đời Hán gồm có 10 huyện là : LIỀN-LÂU, An-định, Câu-lâu, Mê-linh, Khúc-dương, Bắc-đái, Ké-lử, Tây-vu LONG-BIỀN và Châu-diên : Lién-lâu là một huyện đặt đầu 10 huyện, và Long-biên là một huyện kế gần về cuối.

Có lẽ thành Lién-lâu có từ thế-kỷ thứ III trước đờ Hán. Nó cách Cô-Loa thành về phía Tây-Bắc 20 cây số

Kinh-thành này ở giữa nơi ruộng đất phi-nhiêu có gò, đống, sông, núi, thật là nơi rất tốt cho người anh-hùng dựng-võ. Ở phía Bắc có giòng Bắc-giang lại có núi Tiên-du làm bình-pheng che những ác-khi ở phương Bắc.

Xem sách địa-dư xưa cũng nói đến hai giòng sông chảy về phía Liên-lâu-thành và Long-biên-thành khác nhau.

Ở Việt-trì con sông Hồng-hà ăn vào bên hữu con sông Đà và bên tả con sông Lô thành ra 3 nhánh gọi là Tam-giang, rồi lại hợp vào với nhau, xưa gọi là sông Mê-linh, rồi lại ăn rẽ ra 5 nhánh sông là :

- 1.) *Tả-thủy,*
- 2.) *Nam-thủy,*
- 3.) *Cụ-thú nhứt-thủy.*
- 4.) *Trung-thủy,*
- 5.) *Nam-thủy.*

Nhánh thứ nhất là *Tả-thủy* qua phía Nam Vọng-hải, (Xưa Mã-Viện đánh được Hai Bà Trưng chia huyện Tây-vu ra làm Phong-khê và Vọng-hải) phía đông chảy về phía Bắc Long-biên hay Long-uyên. nối vào giòng Nam-thủy.

Giòng *Nam-thủy* này từ phía Đông Mê-linh chảy xuống qua phia Bắc Phong-khê, rồi về phia Đông chảy ra Lãng-bạc. Nhánh thứ ba là *Cụ-thú nhứt-thủy* về phia Đông chảy qua mặt Nam huyện Phong-khê, về phia Tây Nam qua phia Nam huyện Tây-vu, rồi về phia Đông qua phia bắc Liên-lâu.

Nhánh sông này về phia Đông còn qua Bắc-dái rồi qua huyện Kê-tù ở đây nó bắt gặp con sông Kinh là

con sông từ trên núi huyện Long-biên chảy xuống vào phía Đông-Nam huyện Kê-tù, rồi nhập vào giòng *Trung-thủy*. Giòng *Trung-thủy* về phía đông đi qua huyện Liên-lâu.

Sách Lâm-ấp-ký nói ở Giao-chỉ đi về phía Nam có giòng nước *Đò-quan-tái-phố* chảy từ Liên-lâu ra, đó là giòng *Trung-thủy* qua Đái-trường-giang ở phía bắc huyện An-dịnh.

Theo sách *địa-dư* bấy giờ di-tich kinh-thành Liên-lâu ở phu THUẬN-THÀNH tại phía Nam sông Đuống cách bờ sông Hồng-hà 30 cây số tức là cách Hà-nội 75 dặm về phía Đông. Sách Nguyên-hòa quận huyện chí, (sách *địa-dư* đời Đường) nói thành ấy ở cách Tống-hình (Hà-nội) về phía tây 75 dặm. Đó có lẽ là một điều lầm. Xưa nay thành-trị phải lập ở nơi tiện đường tiếp-tế, thuận-lợi cho cuộc cai-trị. Bảo rằng thành Liên-lâu ở cách sông Hồng-hà 75 dặm về phía Tây tức là bên kia con sông Đáy ở vào nơi rừng-rú. Người Tầu sành thuật phong-thủy, có óc cai-trị lẽ nào lại lập kinh-thành ở nơi hẻo-lánh tuyệt-địa như vậy.

Thành Liên-lâu ông Wintrebert đã tả rõ. Theo ông kinh-thành ấy ở cạnh con sông tên là sông *Dâu*.

Ở trên khoảng đất phủ Thuận-thành có hai con đường. Một con đường chạy từ phía Tây-Tây-Nam về phía Đông-Đông-Bắc và một con đường đi từ Nam-Tây-Nam đến Bắc-Đông-Bắc. Những đường đó gặp nhau ở xã *Khuong-tụ*. Con đường trên vào hồi Pháp-thuộc là con đường số 182, theo tục-truyền thì con đường đó thành-lập lâu đời từ thuở quân Tầu bắt đầu sang chinh-phục nước ta, qua Đông-triều và Phâ-lại. Con đường thứ hai là đường từ phía Nam lại, có lẽ xưa nó là con đường hệ-trang nối giải Trung-châu lên miền Bắc. Còn

đường này bấy giờ hoang-phế thành một tiêu-lộ đậm ra sông Đuống.

Canh sông Đuống có làng Á-lữ ở đây còn mà Kinh-dương-vương là dòng-dõi Đế-Minh.

Trong khoảng đất ở chõ hai con đường gặp nhau gần sông Đuống còn nhiều chùa đình ghi dấu vết nơi đô-hộ trù-mật xưa ở những làng Công-hà, Đại-tự, Khương-tự, Lũng-khé và Tư-thế.

Về phía Tây con đường thứ nhất một cây số nỗi lên những gò đống ngòn-ngang, theo dân ở đây là dấu vết thành xưa. Cứ theo con đường ấy về phía Tây hai cây số nữa, người ta đến nơi phần mộ Sĩ-vương. Sĩ-vương xưa là người hiếu-học, hiếu đạo thánh hiền cai-trị Giao-châu được tiếng là nhân-giả. Như trên tôi đã nói Sĩ-Nhiếp được phong là Long-đô dinh-hầu, nhưng theo ông Madrolle thì Sĩ-Nhiếp có duyên với Liên-lâu-thành hơn là Long-biên-thành. Dân ở vùng Liên-lâu-thành sau này được hưởng đặc-ân của các triều vua như dân ở Loa-thành. Những làng Khương-tự Tư-thế và Lũng-khé xưa dưới các triều vua đều được miễn sưu thuế tạp-dịch. Những tảng thạch-bi còn lại ngày nay minh-chứng việc ấy. Có một tấm bia đá cổ nhất dựng lên từ năm 1687 ở trong một nếp nhà lối kiến-trúc rất xưa, Nếp nhà ấy cách cái cầu lợp lá ở đầu trường hương-học Tư-thế độ hai ba trăm thước. Dân làng đây bảo chính đó là nhà Sĩ-vương. Nhà ngoảnh về hướng Tây giữa một khoảng đất vuông 4 góc có 4 cái diềm canh bằng gạch.

Đó là những vọng canh của thành Liên-lâu hồi trước. Thành này thuộc địa-hạt Lũng-khé từ Nam tới Bắc do được 300 thước, từ Tây đến Đông 1.000 thước. Yết mặt Tây giữa địa-diểm ngôi nhà Sĩ-vương có một cái cổng lợp nón rất cổ-kính, trên có vọng-lâu giống

như những vọng-lâu ở nơi cõi thành-quách.

Vào nhà Sĩ-vương phải qua một cái cầu bằng đá, cột đá lâu ngày nứt mòn-mỏi nom lỗ-chỗ cong-quco như những thân cây gỗ một dực. Trên cột lim ngôi nhà còn treo những bức hoành đà chữ Hán tò nơi ấy là nơi cõi-kinh-thành.

Liên-lâu-thành đã trải nhiều biến-cố của thế-sự, nhuộm màu gió sương của thời-gian. Qua nhiều thời-dai nó cũng có nhiều tên gọi. Người ta gọi LIỀN-LÂU-THÀNH phải chăng để chỉ một giải thành-quách xây dựng trên một nơi có những gò đồng nối nhau liên-tiếp ? Ông Maspero giải nghĩa chữ Liên đây là hoa sen. Liên-lâu-thành là cái thành có những vọng-lâu xòe ra như những cánh hoa sen. Có người lại gọi thành ấy là LIỀN-THỌ. Người ta còn gọi là LUY-LÂU-THÀNH để chỉ một thành-quách đã đổ nát. Nhưng ít lâu sau cuộc đổ nát, nó lại được trùng-tu, vì vậy nó được tên là DOANH-LÂU-THÀNH.

Thành Liên-lâu là nơi đã gây nhiều cuộc khởi-nghĩa trong quận. Dân trong quận mỗi khi quan Tầu lập phủ-trị ở đây, đã coi nó là nơi tập-trung chế-dộ đô-hộ của ngoại-tộc. Mỗi khi có cuộc cách-mệnh của dân bản-xứ, quan thú-sử hay thái-thú lại nghĩ đến sự xé-li co-sở guồng máy cai-trị.

Năm 111 (trước T.C.) thú-sử Hán-triều đã đóng phủ-trị ở thành Liên-lâu. Đến năm 142-143, sau khi *Châu-Xưởng* dẹp được cuộc khởi-nghĩa của dân Việt-tộc phải dời châu-trị về *Long-biên*. Đó là lần thứ nhất Liên-lâu-thành bị mờ tên trên lịch-sử và lần thứ nhất Long-biên-thành xuất-hiện.

Những mà bên Tầu hồi ấy luôn luôn có cuộc rối-loạn về chính-trị, ở Giao-châu cũng nhiều cuộc rối

reng. Bấy giờ quận Giao-chỉ đã được đổi thành Giao-châu. Nguyên dưới triều Thuận-đế nhà Hán, thái-thú Giao-chỉ là Châu-Xưởng đã dâng biếu xin cải quận thành châu, nhưng lời đề-nghị của ông không được chấp-thuận. Mãi đến năm Kiến-an thứ 8 đời Hiển-đế, thái-thú Sĩ-Nhiếp cùng thứ-sử Trương-Tân lại làm một tờ biếu xin cuộc cải-cách ấy lần nữa. Lần này thì lời yêu cầu được toại-ý. Chính Sĩ-Nhiếp có rất nhiều công với Liên-lâu-thành. Sĩ-Nhiếp không những là người rất tận-tụy trong cuộc truyền Khỏng-giáo ở Giao-châu, ông lại để cho đạo Phật được bành-tiường. Trong thời ông cai-trị, nhiều đình, chùa được lập nên, như những ngôi chùa làng *Mân-xá*, *Đông-cốc*, *Phương-quan*, *Khuông-tự*, *Lũng-khé*, *Thanh-tường*, *Bút-tháp*, và *Tam-á*. Trong những ngôi chùa ấy có những ngôi ở làng KHƯƠNG-TỰ và MÂN-XÁ được là nơi cổ-lịch nỗi tiếng.

. . .

Chùa *Bút-tháp*, ở gần sông Đuống, lối kiến-trúc cổ-kinh. Nó còn có tên là *Nhạn-tháp*. Thường thường người ta vẫn gọi là chùa *Tháp-thọ* hay *Long-tháp*. Vì trong chùa có cái tháp tên là *Cửu-phẩm liên-hoa*. Chùa thờ 6 vị thần, có tượng đức Phật-bà Quan-âm nghìn tay và đức Phổ-Hiển cưỡi lên mình voi.

Ở Đông-cốc có chùa *Thanh-đạo* thờ đức *Pháp-vũ*, ở Thanh-tường có chùa *Phi-tuong* thờ đức *Pháp-lôi*, ở Phương-quan có chùa *Tri-quả* thờ đức *Pháp-điện*. Còn như ở Lũng-khé có đền thờ Sĩ-Nhiếp được tôn làm « NAM-GIAO HỌC-TÔ ». Ở Tam-á có cái đình, Chính-tầm thờ Sĩ-Nhiếp được tôn làm *Sĩ-vương*, ở đấy có ngôi mộ ông, hình tròn đường hán-kinh do được độ 7 thước, xung-quanh cây-cối rườm-rà bóng che rợp mát. Hàng năm từ ngày 7 đến 15 tháng giêng âm-lịch, người ta lại mở

hội kỷ-niệm người hiền-giả xưa.

.. .

CHÙA PHÚC-NGHĨÊM

—o—

Ở Mân-xá có ngôi chùa tên là *Phúc-nghiêm* xưa Sĩ-Nhiếp sai xây-dựng lên đê thờ *Man-nương*. Trong sự-tich *Tú-pháp liệt-thánh* có câu chuyện nói về vị nữ-thần ấy.

Nguyên vào năm 187 có nhà sư Tây-trúc (Ấn-độ) tên là *Khâu-Đà-La* phi-hành tới Liên-lâu là nơi châu-trị của Sĩ-Nhiếp. Ông là dòng dõi Bà-la-Môn là một hang người cao-quý nhất trong hốn hàng ở Ấn-độ. Người tu-dạo có nhiều phép mầu, lấy chòm cây hốc đá làm nhà tiêu-diêu tự-tại. Bấy giờ ở Mân-xá có nhà sư *Tu-Định* người Chàn-lạp đến tu-dạo là người chịu nhiều khổ-hạnh, biết hô-phong hoán-vũ, người trong vùng vẫn coi là bậc tôn-sư. Nhà sư Tu-Định là người khoáng-đạt không câu-chấp lẽ-nghi thường-tục, vậy mà đối với Khâu-Đà-La, một lòng kinh-phục, coi như một bậc Bồ-tát. Tu-Định có một người con gái tên là *Man-nương* mới 12 tuổi mà đã tỏ ra là một bậc thông-minh dĩnh-ngộ, tâm-hồn cao-khiết, không chút chi vướng lụy phàm-trần. Nàng thông-cảm đạo Phật, xin Khâu-Đà-La quy-y. Mới chịu truyền đạo 7 ngày, nàng đã hiều thấu phép mầu, bao nhiêu phép bí-ẩn của đạo, Khâu-Đà-La truyền cả cho nàng, đặt tên nàng là *A-man tién-nương*. Nhà sư cho nàng một cái gậy trúc và dặn nàng rằng: « khi nào trời làm đại-hạn, con cứ lấy cái gậy này cắm xuống đất lúc nhô lên tự-nhiên có nước phun ra cứu mùa-màng của dân-chúng ».

Nàng vâng lời, lĩnh gậy thiêng. Ba năm sau, trong xứ quả-nhiên gấp hời đại-hạn. *Man-nương* mới đem

linh-bỗng của tôn-sư ra thi-nghiệm, quả-nhiên trong vùng được nhờ ơn lệnh-láng. Thái-thú Sĩ-Nhiếp thấy vậy triệu nàng đến hỏi. Nàng cứ sự thực trình bày nói rằng bao nhiêu phép là đều chịu ở tôn-sư Khâu Đa-La cả. Thái-thú cho người triệu Khâu Đa-La nhưng hạc nội mây ngàn còn biết đâu mà tìm. Nguyên khi gần có trận Cam-vũ, nhà sư đã cưỡi mây bay đi rồi. Cách đấy ít lâu gặp hôm giông-tổ có một cây da bị nước cuốn trôi, đến gần rẽ ngay trước cửa thành Liên-lâu. Thái-thú sai 300 người đến nhổ mà không được. Sau A-man tiên-nương đến, chỉ bằng một bàn tay nhỏ hé, nàng đã nhổ được rễ cây thần. Nàng thưa với Sĩ-Nhiếp rằng cây ấy là một cây thiêng. Muốn dân trong vùng được thịnh-vượng, xin đem cây thiêng xé ra làm tượng đặt thành thần Mưa, thần Mây, thần Sấm, thần Chớp, đó là những vị thần Pháp-Lôi, Pháp-Vân, Pháp-Vũ, Pháp-Điện các chùa kia vậy. Rồi đến hôm 17 tháng giêng sau khi các pho tượng hoàn-thành, nàng cũng cưỡi mây lên trời. Sĩ-Nhiếp nhờ công-đức nàng sai tạc tượng nàng thờ ở chùa Phúc-nghiêm làng Mẫn-Xá.

CHÙA PHÁP-VÂN —o—

Ở Khương-Tự có ngôi chùa Pháp-vân là ngôi chùa có tiếng xưa nay, ở trong ấy thờ đức Pháp-Vân. Ngôi chùa làm ngay ở Châu-thành. Trước cửa tam-quan có cái cầu lợp lá có chín dãy bắc ngang qua con sông Dâu. Trong sân chùa có dựng nhà tịnh-xá. Chùa này tên chữ là Điện-írng, đời Lý gọi là Thiền-định, dân làng theo thông-tục gọi là Chùa Dâu. Chùa này làm vào cuối thế-kỷ thứ II đã là nơi thuyết pháp của những bậc tu-đạo có danh như TI-NI ĐA-LUU-CHI (580) Quan-Duyên và đồ-dệ là Pháp-Hiền (thế-kỷ thứ VI) Vô-Ngai và đồ-dệ là Sùng-Phạm, (thế-kỷ thứ XI).

Năm 592 Cao-dế nhà Tùy là người sùng đạo Phật, sai Lưu-Phương tìm ở Giao-châu một nơi tịnh-địa để đặt làm nơi bảo-tàng Phật-cốt. Nhà sư Pháp-Hiền tâu rằng chỉ có chùa Pháp-vân là nơi thiêng-liêng bậc nhất. Tùy-dế sai dựng ở đấy một tịnh-xá đặt tên là Hòa-phong-pháp, (vào cuối thế-kỷ thứ 6). Nơi tịnh-xá ấy bảy giờ còn giữ được nguyên-vẹn ba tầng lầu không tầng nào bị hùy. Sự thiêng-liêng của ngôi chùa ấy đã ứng-nghiệm qua các thời-dai trong những vụ cầu-dảo khi trời làm đại-hạn. Năm 1073 có cuộc cầu-dảo của Lý Nhân-tông, năm 1169 Lý Anh-tông thản-bàn hủi đến chùa Pháp-vân cầu-dảo và sai rước tượng về chùa Bảo-thiên ở Thăng-long. Năm 1434, có cuộc cầu-dảo của Lê Thái-tông. Đến năm 1448 Lê Nhân-tông sai thái-úy Lê-Khả đến chùa rước tượng Pháp-vân về Bảo-thiên-tự ở Thăng-long lần nữa.

..

Qua thời Sĩ-Nhiếp, thành Liên-lâu được làm châu-trị mãi đến đời Sĩ-Huy. Năm 229 sau khi Sĩ-Huy bị Lữ-Dại giết chết, thành Liên-Lâu dưới con mắt Lữ-Dại không còn là nơi thành quách vững chắc. Ông đã dời Châu-trị từ Liên-lâu-thành về Long-biên-thành.

Đến thời nhà Tiền-Lý gây dựng tự-chủ ở nước ta, Lý Phật-tử đã một lần chiếm đóng thành Liên-lâu.

Nhưng người Tầu cai-trị nước ta thay đổi cờ-sở cai-trị luôn luôn mà không tránh được cuộc khởi-nghĩa của dân-tộc Việt. Đời Tùy, người Tầu đã dời phủ-trị từ Liên-lâu-thành về Long-biên-thành; rồi lại từ Long-biên dời về Tống-bình (tức là Hà-nội).

Năm 627 Lý Đại-Lượng nhớ lại nơi châu-trị xưa lại dời bản-phủ từ Long-biên về thành Liên-lâu.

Trong đời Đường, hồi La-thành bị quân Nam-chiếu uy-hiếp nặng-nề, Liên-lâu-thành lại một lần được làm phủ-trị quận Giao-chỉ, bấy giờ đã cải làm An-nam đô-hộ-phủ. Cho mãi tới khi Lý Nguyên-Hỷ làm thứ-sử mới đóng phủ-trị hẳn ở Tống-bình (824) từ đấy người ta không còn nói đến thành Liên-lâu nữa.

Xét lịch-sử thành Liên-lâu mà một phần lớn tài-liệu tôi đã rút của ông Madrolle trong quyển « Le Tonkin ancien », tuy có nhiều cuộc khởi-nghĩa của dân-tộc, song những cuộc khởi-nghĩa ấy chỉ mong-mạnh như bọt nước rất mau tan vỡ và không còn để lại một chút vang bóng vào thời-đại. Tựu-trung trên quãng thời-gian tăm-tối mènh-mông trùm phủ kinh-thành bị áp-bức nảy ra được hai luồng ánh-sáng chói-lọi, nó là dấu vết lịch-sử làm vể-vang cho thành Liên-lâu. Một là cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng nó iỏi rõ chí quật-cường đòi độc-lập của dân-tộc Lạc-Việt dưới ách đô-hộ của Hán-tộc. Hai là phong-trào văn-học gây nên bởi nhà chính-trị có tài là Sĩ-Nhiếp.

CUỘC KHỎI-NGHĨA CỦA HAI BÀ TRUNG HAY LÀ SỰ ĐÁNH CHIẾM LIÊN-LÂU-THÀNH

Năm Canh-tý, (40 sau T.C.) ở qnận Giao-chỉ có cuộc cách-mệnh do HAI BÀ TRUNG nồi lên đánh đuổi quan thái-thú tên là Tô-Định. Theo sử ta thì cuộc cách-mệnh của Hai Bà sở-dĩ phát-khởi, nguyên-nhân chính bởi Tô-Định đã hạ-sát chồng bà Trung-Trắc tên là THI-SÁCH. TÔ-ĐỊNH vốn là viên quan Tầu tàn-ác đã gây lòng oán-giận của dân-chúng. Vì vậy bà TRUNG-TRẮC cùng em là TRUNG-NHỊ đã thành-tụu được cuộc kết-thúc nhân-tâm và đánh bại được Tô-Định một cách dẽ-dàng để trả thù cho chồng. Như vậy phải chăng giữa cuộc cách-mệnh đẹp-dẽ hào-hùng vì nghĩa chung đã điểm một vết tinh riêng rộng lớn ?

Trong bài « Etudes d'Histoire d'Annam », ông Maspero không nói đến cái chết của Thi-Sách, và nói ngay đến cuộc âm-mưu lật đổ chính-quyền từ lúc Thi-Sách còn sống, và chính cuộc lật-đổ chính-quyền ấy do Thi-Sách chủ-trương.

Sự thực cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà có một uyên-nguyên sâu-xa.

Nguyên từ khi nhà Tây-Hán phá vỡ được Đế-quốc Triệu-Đà, chính-sách của nhà Tây-Hán đối với dân bị đỗ-hộ còn lỏng-lẻo ; quận nào châu ấy vẫn được giữ y-nguyên chính-thể, phong-tục của dân-tộc. Sự thần-phục của dân bản-xứ, với triều-dinh chỉ cần danh-nghĩa là đủ.

Nhưng vào quãng năm thứ II thứ III đầu thế-kỷ thứ nhất, đời vua Bình-vương nhà Tây-Hán, có quan Thái-thú tên là TÍCH-QUANG bắt đầu đặt bàn tay

chặt-chẽ vào quận Giao-chỉ.

Trong cuộc cai-trị cải-cách của Tích-Quang có vài điểm nhàn-chinh như mở trường dạy dân lẽ, nghĩa ; song chính-sách của Tích-Quang còn hàm một chủ-ý đêng-hóa theo khuôn-khổ thực-dân. Ông đã bắt dân bị-trị theo phong-tục Trung-quốc, chỉ chủ-lâm đào-tạo nên những bọn quan-thuộc ha-cấp tùy theo phương-tiện. Nói tóm lại Tích-Quang là người đầu-tiên muốn làm biến-tinh dân-tộc Lạc-Việt ta.

Có lẽ viên quan cai-trị này cũng là người khôn-khéo, và có lẽ dân-tâm cũng bắt đầu ham-thiết cải-cách. Nhưng sau, bọn tù-trưởng thấy sự cải-cách của quan thái-thú càng ngày càng xâm-phạm đến quyền-lợi của mình thì họ không khỏi nỗi lòng công-phiền.

Tuy nhiên suốt thời-kỳ cai-trị của Tích Quang được êm-thầm không xảy ra một cuộc biến-dộng nào.

Năm Giáp-ngo (34) là năm Kiến-võ thứ 10 đời Hán Quang-Võ, Tò-Định được cử sang làm thái-thú quận Giao-chỉ. Tò-Định chỉ là một nạn-nhân của thời-dai. Hắn đã phải giờ đầu ra hừng lấy trận bão táp của những tù-trưởng dân-tộc Lạc-Việt, mà Tích-Quang đã reo ngọn gió đầu-tiên.

Chắc-chắn Tò-Định cũng là người tàn-ác, nhưng sự tàn-ác của hắn chỉ làm cho cuộc cách-mệnh của dân-tộc Lạc-Việt chớp phát-khởi mà thôi.

Bấy giờ bọn tù-trưởng đã âm-mưu lật đổ Tò-Định. Muốn cuộc cách-mệnh khởi đỗ máu, tù-trưởng Châu-diên tên là Thi-Sách có đưa cho Tò-Định một lá thư khuyễn-giới, trong thư có những lời thống-thiết :

« Loát nhĩ Nam-phuong, úc vạn sinh-linh diệc giai
« triều-đinh xich-tử. Thìra lưu tuyên hóa, tất dĩ ái dân

« vi tiēn,

« Tỷ kỉm vi chinh, trung-ngôn gia-mưu giả kiến tội, bôn
 « tâu thừa thuận giả kiến thường. Cơ-thiếp đặc dì lòng-
 « chinh, biến-bé đặc dì thiện-quyền. Tuy ái-dân chỉ thuyết
 « vó thời vó chi, nhí tồn hại chi tâm dù nhát dù liệt.
 « Tuần dân cao dì phong kỳ tài, kiệt dân-lực dì cung
 « kỳ dục. Tự thị phú cường, lâm dì Thái-A chi thế, bắt
 « tri khuynh bại, thi như chiêu lộ cki nguy. Nhí bắt tê
 « chi dì khoan, tắc nguy-vong cắp chi hý ».

(Dịch : Tất cả ức vạn sinh-linh ở phương Nam đều là con đẻ của triều-định.

Nay ngài làm chính-trị, kẻ nói thẳng gia-mưu cho ngài thì bị tội, kẻ luôn cùi theo chiêu thì được thường. Kẻ hầu thiếp được lòng-chinh, kẻ nịnh-nợt được nhiều quyền. Miệng nói thường dân, lòng tàn-ác càng ngày càng tệ-hại, rắn mồ dân làm giàu, làm kiệt dân-lực, đề cung cho lòng sở-dục. Càng mình giàu có thanh gươm sắc bén oai hùng, không biết cái thế khuynh, bại nó chóng vánh như giọt sương buỗi sớm. Nếu không mau sửa đổi lại, mỏ lượng khoan-hồng, thì cái cơ nguy đến nơi đó).

Đứng trước mối nguy-cơ đe dọa, Tô-Định xử-tri thế nào ? Đã trót cưỡi đầu voi dữ, Tô-Định không còn chính-sách nào hơn là chính-sách thẳng tay. « Sát nhất nhân, vạn nhân cự » Tô-Định đã giết Thi-Sách để thị-uy. Bàn tay cứng rắn của Tô-Định không ngờ lại gấp súc cương-cường của dân-tộc Lạc-Việt.

Vốn dòng lạc-tướng là dòng quý-tộc, bà Trưng-Trắc là vợ ông Thi-Sách cùng em là Trưng-Nhị liền kết-hop các tú-trưởng khuyển-khích dân-tâm đem quân đến đánh chiếm phủ-thành của Tô-Định. Xem vậy thì trước khi ông Thi-sách chết, trong công-cuộc mưu-toan

khởi-nghĩa của ông, khi nào không có ý-kiến của Hai Bà vốn là người có nhiều tài thao-lược. Và dù ông Thi-Sách không bị-hại, cuộc cách-mệnh cũng bùng lên. Nhiều nhà văn-sĩ Âu-châu ví Hai Bà như là Jeanne d'Arc bên Pháp. Thực ra hai bên gấp nhau ở chỗ KHÍ anh-hùng, nhưng khác xa nhau về CHÍ khởi-nghĩa. Công-cuộc cách-mệnh của Hai Bà là công-cuộc có dự-tinh hồn-hoi, có chương-trình tiến-thủ ở ý-chí già-giắn. Sự chiến-thắng của Hai Bà ở lòng cương-quyết phục-thù, và ở tài diều-hình khiêu-tướng. Bà Jeanne d'Are ở Pháp sở-dĩ gây được một chiến-công oanh-liệt, chỉ là nghe theo tiếng gọi của « Thượng-dế » trong lúc xuất-thần. Đó là một cuộc khởi-nghĩa liều-linh của cô gái chấn-chiên chất-phác.

Nhưng phủ-thành của Tô-Định bấy giờ ở đâu? Theo những nhà sử ta, thì phủ-trị nhà Đòng-Hán bấy giờ đóng ở Long-biên. Quốc-sử diễn ca có một đoạn tả về cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà rất là lùng-lãy :

« *Bà Tương quê ở châu-Phong,*
 « *Giận người tham-bạo, thù chồng etắng quên.*
 « *Chị em nặng một lời nguyền,*
 « *Phát cờ « Nương-tử » thay quyền tướng-quả.*
 « *Ngàn tay nỗi áng phong-trần,*
 « *Ấm-ấm bình-mã tới gần LONG-BIÊN.*
 « *Hồng-quần nhẹ gót chỉnh-yên,*
 « *Đuổi ngay Tô-Định, dẹp yên BIÊN-thành.*
 « *Đô-kỵ đóng cõi Mè-linh,*
 « *Lĩnh-Nam riêng một triều-định nước ta.*
 « *Ba thu gánh vác san-hà,*
 « *Trước là báo-phục, sau là bá, vươnj.*

Phải chăng cuộc cách-mệnh của hai vị nữ-anh-hùng nước ta thành-công ở Long-biên? Mà Long-biên lại chính là kinh-thành Hà-nội? Nếu vậy kinh-thành Hà-

nội càng thêm vỗ-vang trong lịch-sử.

Nhưng theo các nhà khảo-cứu Âu-châu thì thủ-phủ trước ta bấy giờ chưa phải là Long-biên. Nó chính là Liên-lâu-thành, nơi chũ-não hà-chính của Tô-Định. Và chính Liên-lâu-thành đã làm mất địa-vị thái-thủ của hòn, mà mở cửa tiếp đón sự toàn-thắng lừng-lẫy của Hai Bà.

Ông Maspero và Ông Patris nói phủ-trị quận Giao-chí bấy giờ ở Liên-châu phía Nam tỉnh Hà Đông trên bờ sông Nhuệ. Theo nhiều minh-xác của các nhà khảo-cứu, ta hãy nhận thành Liên-lâu là thủ-phủ nước ta xưa.

Vậy thì Hai Bà Trưng đã đến đánh thành Liên-lâu thế nào ? Theo dã-sử khi Hai Bà dùng quân để kéo đến đánh Tô-Định, tuy mới chịu tang chồng mà bà Trung-Trác và em là bà Trung-Nhị ăn-mặc rất là lộng-lẫy. Bà giải nghĩa cho quân lính hiểu rằng Hai Bà ăn-mặc thế để tráng quan-chiêm. Vả về binh-pháp tha-hồ quyền-biển, sự trang-sát của hai bà còn có một bẩn-ý làm rối tri quân địch. Nhưng về sau trong đền thờ Hai Bà tại HÀ-LỘI là nơi quê nhà ở Mê-Linh, phàm đồ thờ kỹ án, nhất nhì cái gì cũng son den, tuyệt-nhiên không có sắc đỏ, cả dàn vùng ấy cũng không dám mặc quần áo màu điều để tỏ lòng kính-cần đối với hai vị cùu-quốc nữ anh-hùng. Phà mai đến hành lễ ở đền thờ Hai Bà có vận áo màu điều cũng phải thay trước khi đặt chân vào đền.

Vậy Hai Bà Trưng đã thành công rực-rỡ trong cuộc khởi-nghĩa. Hai Bà đã dời đô về Mê-linh là nơi quê nhà và đã lập được một quốc-gia lự-chủ trong 3 năm. Thực ra — theo ông Maspero — quốc-gia của Hai Bà hồi ấy không được thống-nhất. Bọn tù-trưởng sau khi

dồng-tâm hướng-ứng với Hai Bà trong công-cuộc đánh đuổi quan cai-trị của Hán-tộc, không chịu thua-phục dưới chế-dộ chính-trị của Hai Bà. Cho nên khi Mã-Viện sang đến Giao-chỉ, cũng như César vào đất Gaule xưa, đã gặp nhiều dân bản-xứ giúp đỡ.

Cái dân-tộc-tinh xem ra thật là phực-tập, nó ao-ước hoài-niệm nền độc-lập tự-do, lại nép phục a-dua theo sức mạnh.

Mã-Viện vốn là tay tướng tài của nhà Đông-Hán. Mùa đông tháng chạp năm Tân-sửu (41) tức là năm thứ 17 kiến-võ đời Đông-Hán, MÃ-VIỆN phụng-chức Phục-Ba tướng-Quân, cùng với Lưu-Long là phó-tướng, Đoàn-Chi làm Lâu-thuyền tướng-quân cất quân sang đánh nước ta. Mã-Viện bấy giờ có 8.000 quân chính-quy mỏ ở những quận Trường-sa, Quế-dương, Linh-lăng và Thương-ngô. Ông lại mỏ thêm 12.000 quân phụ-lực ở những quận thuộc tỉnh Quảng-dông bây giờ. Đội bộ-binhh của Mã-Viện phải luôn luôn liên-lạc với đội thủy-quân là đội lâu-thuyền của Đoàn-Chi đảm-nhiệm công-cuộc tiếp-tế. Rồi thay Đoàn-chi chết ở giữa đường. Mã-Viện di đường bộ nương theo bờ biển qua vùng Ô-Hura, trên đường tiến binh phải hạ tới 1.000 dặm cày-cối. Đến đất Giao-chỉ rồi, Mã-Viện tinh cuộc đem quân lên Mê-Linh đánh Hai Bà. Cuộc tiến binh này của Mã-Viện không sach nào chép tới. Có lẽ Mã-Viện đã đi dọc theo chi nhánh về phía Bắc của con sông Thái-bình, men theo sườn núi tiến lên. Là vì bấy giờ nước thủy-triều đương bao phủ miền hạ trung-châu. Ông đến thẳng Mê-linh rồi đến thẳng Tây-vu không gặp một síc kháng-chiến nào. Mới bắt đầu giao-binh quân Hai Bà đánh rất hăng, Mã-Viện thua quân phải lui về Lãng-hạc gần Tiên-du-sơn. Cuộc thua trận này của Mã-Viện không biết có phải là sự thật, hay đó chỉ là một chiến-thuật.

Vâ chặng quân Mã-ViỆn sang về mùa đông, bấy giờ bắt đầu thiêu lùa hạ, quân Tàu lại không chịu được khí-hậu nước ta. Chắc rằng tâm-tư của viên danh-tướng ấy cũng nhiều phen tan-nát. Bấy giờ ông mới nhớ lại lời khuyên của người em họ ông là Sa-Du : thà làm chức quan nhỏ (*trung-ân*), còn hơn làm nén hiền-hách mà lầm phen phải tan gai nát ruột.

« Phú quý tràng trung dị bạch đầu ».

Nhưng rồi ông lấy lại ngay được nghị-lực. Ở LĂNG-BẠC là chỗ ông đã lui quân mở ra một cuộc tranh-chấp binh-dao to lớn nữa. Mà lần này là lần quyết-liệt. Hai Bà đã thua và Mã-ViỆn được toàn thắng. Thế là tất cả vùng trung-châu đã lọt vào tay viên lão-tướng ấy. Về tên Lăng-bạc là nơi xảy ra cuộc chiến-tranh giữa ta và Hán-tộc thời ấy làm nhà làm sứ muôn cho nó là hòn Lăng-bạc ở Thăng-long-tire Hà-nội bây giờ. Hòn Lăng-bạc còn có tên là Dâm-dảm. Trong lập khảo-cứu của viện Bắc-cô, số 2 ông Trần hâm-Tân trợ-bút viện Bắc-cô Hà-nội cũng nhận có trận thủy-chiến ở hòn Lăng-bạc. Điều lập-thuyết này không khỏi làm cho người ta tức cười, số-dữ cuộc thủy-chiến xảy ra là khi cuộc tiến hay lui binh của đội bến đều lợi về thủy-dạo. Không lẽ hòn Lăng-bạc là một cái hòn ở Thăng-long-thành không có một chi-nhánh con sông nào quan-trọng dâm vào, đương dung người ta lại bầy ra ở đây một đội chiến-thuyền để định-doạt được thua.

Vậy địa-hạt Lăng-bạc gần Tiên-du-sơn vẫn là sú-liệu hợp-lý hơn.

Mã-ViỆn sau khi đã thắng được Hai Bà ở Lăng-bạc cho quân an-đ nghỉ qua mùa hạ. Vì rằng trong trận đánh về mùa Hạ vừa rồi, Mã-ViỆn đã mất một tay tướng

tài là *Hàn-Vũ*, bị bệnh chết. Bấy giờ *Lưu-Long* gồm cả binh-quyền của *Hàn-Vũ*. Mã-Viện giao cho *Lưu-Long* quyền tiếp-chiến với Hai Bà. Vẫn theo ông Maspero thì *Lưu-Long* đánh với Hai Bà nửa năm trời nữa. Hai Bà bị thua lui về Cẩm-khé hay Kim-khé, rồi bị chính-pháp với mấy ngàn tù-binh, thủ-cấp bị gửi về Lạc-dương. Sách Nam-Việt-chi tác-giả là *Thâm-Hoài-Viễn* cũng chép rằng bà Trung-Trác thua chạy vào hang Kim-khé trọn hai năm thì bị bắt. « *Trung-Trác* tẩu nháp Kim-khé huyết trung, nhị tuế đắc-chi ». Sách *Thủy-kinh-chú* cũng nhận Kim-khé là nơi ăn náu cuối cùng của Hai Bà. Kim-khé ở vào Tây-Nam Mè-linh địa-hạt phủ *Vĩnh-tường* (tức là huyện Bạch-hạc tỉnh *Vĩnh-yên* bây giờ). Có chỗ chép là Cẩm-khé. Ông Maspero cũng nói đến Cẩm-khé cho là thuộc Yên-bái Bắc-kỳ. Sách *Đại-Việt sử-ký* toàn thư và sách *Đại-Việt sử-ký* đều chép là Cẩm-khé.

Ý hẳn Hai Bà sau khi thua quân lui về đóng giữ Mè-linh. Rồi thế địch bức-bách, Hai Bà phải lui qua Mè-linh lên mãi tận Cẩm-khé, nơi này cách Mè-Linh một thời đường túc là làng Cẩm-khé (bây giờ thành thôn Cẩm-khé thuộc xã Cẩm-viên tổng Nhật-chiêu, huyện Yên-lạc, tỉnh *Vĩnh-yên*).

Theo trong-truyền, Hai Bà sau khi bị thua chạy về tử-tuần trong giòng sông Hạc-giang (sông Cái) hay Hát-giang (sông Đáy). Tục truyền rằng sau khi trẫm minh trong giòng sông Hạc, hai vị nữ anh-hùng cùu-quốc ấy hóa thành tượng đá, ngồi xổm trên giòng nước, đêm đêm tỏa khói sáng lên trời, thuyền bè của dân sờ-tại lấy làm kinh-dị. Một đêm chiếc thuyền chài đậu bên sông vắng-vắng nghe tiếng hét : « Thuyền bay ô-uế, lui xuống hạ-lưu ».

Thời ấy thuộc dời Anh-tông nhà Lý. Ở *Thăng-long* bấy giờ nhà vua nghe chuyện là, sai người ra dón rước

mà không được. Dân Đồng-nhân-châu (xã nay thuộc tổng Thanh-trì, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông, nay thuộc vào Hà-nội), dám vải dò ra dón bọc tượng đá dám vào thì thấy tượng đá cao lớn và nặng, đầu đội mũ trù, thân mặc áo giáp, hai tay trô lên trời, một chân quỳ, một chân ruồi. Vua truyền cho dân làng Đồng-nhân lập đèn thờ Hai Bà ở bên sông, việc này vào năm Đại-định thứ ba (1142) có ghi trong Đại-Nam nhât-thống-chi. Hiện nay đèn thờ Hai Bà ở Hà-nội cạnh nhà nấu rượu « Phong-Tèn » gần Lò-dú.

Sách Việt-diện u-linh kề Hai Bà sau khi bại trận mất tích, dân số-tại xã Hát-môn lập đèn thờ Hai Bà ngay tại xã ấy. Hai Bà rất linh-thiêng thường ứng-nghiệm trong cuộc cầu-dǎo của dân. Có sự-tích kề hai vua họ Trưng lên ngôi Thiền-tử từ năm Canh-tý đến năm Nhâm-dầu, (10-12). Nhân sau một cuộc tranh-chấp, Ngự giá di chơi núi Hy-son, trời bỗng mây mù, hai Ngài biến mất, không biết di về đâu. Quân tròng kéo nhau về thành Hát-môn, sirc cho dân dựng miếu thờ Hai Ngài. Sách Biệt-lục cũng chép Hai Bà thua quân lên núi Hy-son biến mất. Theo ông Patris thi bà Trưng-Nhị chết trận, bà Trưng-Trắc chạy lên núi My-son rồi hóa (có lẽ đó chính là núi Hy-son mà ông Patris đã chép nhầm). (1)

Cái chết của Hai Bà Trưng đã làm chấn bao nhiêu mực của hậu-thế ! Nhưng cái chết ấy không kém phần oanh-liệt trước một cuộc thua quân. Mã-Viên sau khi thắng được Hai Bà đặt một chính-sách dò-hộ rất là cay-nghiệt đối với dân bản-xứ. Mã-Viên đã dày dạn chế-độ phong-kiến, dứt quyền của các tù-trưởng, (*lạc-hầu*) mà ông cho đấy là mầm loạn, cắt nước ta ra thành quận, huyện, sửa đổi hết cả cách cai-trị. Công-cuộc cải-cách chính-trị phải mất một năm mới xong nền móng.

Tháng chạp năm 44, Mã-Viện có biểu tâu về Hán-dinh : « *Thần thâm-nhập đất Giao-chí, quân số có 12.000 quân phu-lực, kẽ cả quân chính-quy là 20.000, và 100 chiến-thuyễn, eօng việc hiện dã hoàn-thành* ».

Mã-Viện cho quân sĩ nghỉ-ngơi hết năm 44, rồi cho quân vào đánh tận Cửu-chân để diệt cho hết dư-đảng của Trung-vương.

Ông còn thâm-nhập vào Lâm-ấp để hiên-dương thành-thế nhà Hán. Ông có dựng cột đồng ở nước ta khắc chữ « *Đồng-trụ chiết, Giao-chí diệt* », (2) ý chừng muốn lưu mãi mãi công chiến-thắng của mình vào nước đô-hộ. Nhưng than ôi ! Bây giờ người ta không còn tìm đâu thấy cột đồng của Mã-Viện, đến chỗ dựng cột đồng người ta cũng không còn biết nơi đâu mà treo đoán nữa. Xét ra nước ta từ bị đô-hộ, bắt đầu đặt bàn tay đồng-hóa khởi tự Tich-Quang, nhưng chính - sách khắc-nghiệt của ông quan thái-thú ấy còn diễm vài nhàn hậu. Mã-Viện là người đầu tiên khởi đường cải-cách sầu-sắc vào văn-hóa dân-tộc Lạc-Việt. Ông Maspero cho rằng Mã-Viện là người đầu tiên thâm-nhập văn-hóa Trung-quốc vào nước ta. Nước ta sau này phải ở trong phạm-vi văn-minh Trung-quốc kể chủ-trương bắt đầu từ Mã-Viện. Có lẽ không có cuộc chinh-phục của Mã-Viện đường lối văn-hóa của nước ta không hướng về Trung-quốc. Lập-thuyết ấy không khỏi có phần quá đáng. Một điều mỉa-mai: ông Maspero cho rằng sô-dù Mã-Viện về sau được dân-tộc ta tôn-sùng cũng bởi Mã-Viện đã đem văn-minh Hán-tộc vào cho văn-hóa Việt-tộc (?). Một sự thực cay-dắng là vì sự uy-hiếp văn-hóa của Mã-Viện, mà về sau này nước ta không gày nên được một nền văn-minh độc-lập của một nước phương Nam. Về sau văn-hóa nước ta cứ bị cõm mãi không bầy nên được những bêng hoa sán-lạn ; trước tội-lỗi lòn-lao với lịch-sử ấy ta phải nhìn vào Mã-Viện.

Nay xét về cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà ta thấy ghi một điểm quan-trọng vào lịch-sử. Vẫn hay dân-tộc Lạc-Việt là một dân-tộc tinh-thần tự-lập rất dũng-mạnh. Hán-tộc đã nhìn thấy sự quật-cường của dân-tộc ta từ đời An-vương-vương và cuối đời Triệu, nhưng trong thời bắt đầu vào Bắc-thuộc, sau hơn một thế-kỷ, có cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà. Sau cuộc khởi-nghĩa ấy 10 thế-kỷ nữa, ta mới thấy dũng-nên được ngọn cờ độc-lập. Trong Khâm-định Việt-sử thông-giám có lời bình-luận về Hai Bà : « *Nhị Trưng dĩ quần thoa chí lưu, nãi năng hùng-làm nghĩa-cử, chấn động Hán-dinh. Tuy thế nhược thời quai, diệc túc dĩ hưng khởi nhân-tâm, lưu huy sùr sách, bỉ tu-my nam-tử nhi liêm nhẫn sự nhẫn, bất diệc hậu nhẫn quý tử hò* » ? (Hai Bà Trưng là dòng quần-thoa mà có hùng-tâm một khi nghĩa-cử chấn-động Hán-dinh. Dù sao thời-vận có ngả nghiêng cũng dù hưng khởi nhân-tâm lưu vể sáng vào sử sách, kê nam-nhi, mà khép vạt áo thờ người, chẳng cũng mặt dày thẹn đến chết được sao) ?

Trong Việt-sử lịch-đại tổng-luận có lời tán : « *Trưng-nữ-vương vị phu phục-thù, dã muội khởi binh, nhai cử nhi lược định lục-thập- ngũ thành, tự lập vi-vương, cái diệc nữ-lưu chí anh-kiệt dã.* »

(Bà vua họ Trưng vì chồng báo thù cùng em gái khởi nghĩa, một phen nỗi lên, định được 65 thành tự-lập làm vua, người con gái mà được như thế cũng là đáng anh-kiệt vậy). Những lời phè-bình ấy kề còn chúa xíng dáng.

Cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà, đã đặt một hòn đá vào biên-giới Việt-tộc đã cho Hán-tộc biết rõ một dân-chi biết đòi tự-lập. Trong tục-ngữ ta có một câu xuất-xứ từ thời khởi-nghĩa của Hai Bà, nó đã tỏ lòng yêu Tô-quốc chắc-chẽ ngày ấy :

« *Nhiều điều phủ lấy giá gương,*
 « *Người trong một nước thì thương nhau cùng.* »

Sự cay-nghiệt của Mã-Việt sau này dầu có sâu-sắc, chỉ được cái kết-quả là gây thêm uất-hận trong lòng người Việt. Cuộc cách-mệnh của Hai Bà đã mở đường cho những thời-dai sau như nhà Tiền-Lý, nhà Ngô và nhà Đinh.

Hoàng cao-Khai một tay tùy-thời bậc nhất, giữa thời Pháp-tì-uộc cũng phải nén mình dưới bóng cao cả của hai vị nữ anh-hùng.

« *Tượng đá trời Nam rải tuyết sương,*
 « *Nghìn năm công-dárc nhở Trưng-vương.*
 « *Tham-làn trách ở quan gác biển,*
 « *Oanh-liệt khuê thay gái dị-thường.*
 « *Liễu với non sông hai má phấn,*
 « *Giành nhau nói giỗng một da vàng.*
 « *Cột đồng Đông-Hán tìm đâu thấy,*
 « *Chỉ thấy Tàu-hồ bóng nước gương.* (A)

(*Hoàng cao-Khai*)

(A). — Bài thơ vịnh « Hai Bà Trưng » của Hoàng cao-Khai sờ-dĩ tôi chép vào đây là vì nó có một khí-vị xương-kính dĩnh-dạc. Thật ra trong bài thơ ấy họ Hoàng đã mắc vào hai ngõ-diểm về lịch-sử và phê-bình.

Về lịch-sử, họ Hoàng đã hiền-dương còng-trạng Hai Bà ở hai câu kết :

« *Cột đồng Đông-Hán tìm đâu thấy ?*
 « *Chỉ thấy Tàu-hồ bóng nước gương.* »

Ta có thể tha-thứ được. Là vì hiện đến bây giờ người ta cũng còn ngờ về tên Lãng-Bạc không biết nó gần Tiên-du-sơn hay gần Hà-nội.

Nhưng câu : « *Tham-làn trách ở quan gác biển* », và

câu : « Giành nhau nòi giống một da vàng », thật quả Hoàng cao - Khải làm - lẩn. Họ Hoàng đã cho rằng nguyên - nhân cuộc khởi - nghĩa của Hai Bà Trưng là sự tham - tàn của Tô-Định, vì Tô-Định đã giết chồng bà Trung-Trắc. Như thế họ Hoàng chỉ biết có ngọn không biết gốc. Và họ Hoàng cho rằng Hai Bà Trưng tranh giành nòi giống với Hán-lộc là vì họ Hoàng không hiểu cái chi quật-cường ưa chuộng độc-lập của dân-tộc Lạc-việt sớm phát-khởi từ thời Tần-Thủy-hoàng sai khơi Linh-cử để mưu cuộc thực-dàn ở đất Tây-Âu.

Còn về phê-bình, trong câu thực Hoàng cao-Khải dám hạ :
 « Oanh-liệt khen thay gái dị-thường »!

Thật là hồn. Đó là lời bè trên khen bè dưới. Đối với một vị cái-thể anh-hùng đứng đầu thanh-sử mà họ Hoàng dám có những dòng « dài-các » ấy. Chẳng hay đối với kẻ đã hâm hại bao nhà ái-quốc vì chủ-nghĩa cắn-vương, họ Hoàng sẽ hạ bút thế nào ?

Đến như câu : « Liều với non sông hãi mà phẫn », thật là tầm-bậy. Hai Bà đánh Tô-Định có mưu-cơ chiến-lược hẫu-hoi. Phải đâu đó chỉ là huyết-khi bồng-bột trong một lúc ?

Tuy nhiên xem toàn bài ta cũng nhận được lòng kính-cảm của Hoàng cao-Khải đối với Hai Bà, đó là sự công-minh hoảng-đại đã thiếp-phục được lòng quỷ-quyết gian-tà.

SỰ HẤP-THỤ VĂN-MINH TRUNG-QUỐC CỦA NƯỚC TA DƯỚI THỜI SĨ-NHIẾP CAI-TRỊ THÀNH LIÊN-LÂU.

Sĩ - Nghiệp tên chữ là UY-NGÂN sinh năm 137 mất năm 226, hưởng thọ gần 90 tuổi ở đất Giao-chỉ. Dòng-dõi ông vốn ở nước Lỗ là nước chuộng lẽ-nghĩa, quê-hương của ông tổ đạo nho là đức Khổng-Tử.

Thời Vương-Mãng thoán-vị (6-23) tông-tiên ông sang tỵ-nạn ở đất Quảng-tin quận Thương-Ngò. Đến đời thân-sinh ông là 6 đời. Sở-dĩ có cuộc di-cư ấy là vì dòng-dõi nhà ông thi-thư muôn giữ cho toàn cái danh-nghĩa trong trắng của kẻ sĩ.

Ông thân-sinh Sĩ-Nghiệp là Sĩ-Tú làm Thái-thú quận Nhật-nam. Sĩ-Nghiệp còn bé được cha nuôi thầy dạy học rất là cẩn-thận, lại cho về kinh-sư du-học.

Lớn lên, Sĩ-Nghiệp được dỗ hiếu-liêm và được bồ thượng-thư-lang, rồi ông phải gián-đoạn với hoạn-đồ, — có người bảo ông bị cách quan — về chịu tang cha. Rồi Sĩ-Nghiệp lại thi đỗ mậu-tài. Năm 187 Sĩ-Nghiệp được bồ làm thái-thú Giao-chỉ. Ông sở-trường về kinh Xứ-thu Tả-truyện, rất thông hiểu nghĩa tinh-vi của đạo thành-nhân.

Thái-Thú Sĩ-Nghiệp đến trọng-nhậm nước ta vào giữa buổi loạn-ly ; bèn Trung-quốc có sự rối loạn về chính-trị. Ba nước Ngụy, Thục, Ngô tranh nhau vạc Hán, Hán-đế phai quyền, thiên-hạ tam-phân. Cuộc rối-reng bèn Trung-quốc cũng reo sự hỗn-dộn vào đất Giao-châu. Bấy giờ Châu-Phù làm thủ-sứ đã bị giết. Vì Châu-Phù tàn-ác đã dung-túng kẻ trưởng-lại lấy thuế dân một con cá huỳnh-ngưu một hộp gạo. Dân phản-uất nỗi loạn đem

lại cái chết cho quan thứ-sử. Trương-Tân sang thay Châu-Phù là người tăm-thường không thiết-tâm đến chính-trị, chỉ ham mê thuật-pháp, ngày ngày chắt khẩn dỗ cầu thần-liêng, vì vậy bộ-tướng Trương-Tân lại giết Trương-Tân. Quan mục Châu Kinh tên là Lưu xin cho Lại-Cung huyền-lịnh Linh-lăng sang làm thứ-sử. Ông này vì bất-hòa với thái-thú Thương-Ngô là Ngô-Cự, nên bị Sĩ-Nhiếp đuổi về Linh-lăng, (có sách nói chính Ngô-Cự đuổi Lại-Cung).

Hồi ấy giải Linh-nam đã thuộc về Ngô. Năm Canh-dần Kiến-an thứ 15 vào tháng chạp mùa đông Bộ-Trạc được đổi sang làm thứ-sử Giao-châu. Bộ-Trạc khuyến-kích việc nông-nghiệp đem lại sự an-ninh cho dân thì lại bị gọi về.

Giao-châu thay đổi thứ-sử liên-liếp, chỉ có quan thái-thú cung-cố được địa-vị, quan thái-thú ấy là SĨ-NHIẾP. Đối với Trung-quốc, đất Giao-châu hồi ấy là giải đất biên - viễn, đường giao - thông với đất hoa-hạ rất khó-khăn, vậy mà suốt một thời-dai cai-trị của SĨ-NHIẾP, 10 năm được êm-thảm, không nỗi lên một cuộc cách-mệnh nào, không phải là người có tài cai-trị không sao được thi.

Sau khi Trương-Tân bị hại, nhà Hán có gửi cho ông một tờ chiếu tố một tẩm-tinh tri-kỷ biết thâm-tài : « Châu Giao là nơi hẻo-lánh, muốn đến nơi ấy phải qua sông qua bờ. Vì ăn-ba của triều-định không tưới khắp được, nhiều giặc-giã nỗi lên. Nay phong người làm thái-thú châu Giao thản coi 7 quận ».

Theo sách *Ngô-Chi - Châu-Phù*, Giao-châu hồi ấy bị loạn-lạc cứ-ráp bóc lột, SĨ-NHIẾP dâng biểu xin cho em là Nhirt làm thái-thú Hợp-Phố, em thứ hai là Vĩ làm thái-thú Cửu-chân, Võ làm thái-thú Nam-Hải. Cả gia-

tộc Sĩ-Nhiếp đều được hiễn-quý. Sĩ-Nhiếp đi đến đâu quân hầu nghi-vệ, xa-mã rợp đường, các tỳ-thiếp di trong xe buông rèm kín-dáo, dân-chúng đều dong khánh, khua chuông đón rước.

Theo sách Ngò-chi bôn-truyện thì Sĩ-Nhiếp trước là bồ-tai nhà Hán, sau dắt Giao-châu thuộc Ngò ông lại về Ngò; nhiều người cho thế là hoạt-dầu. Lời bình-phẩm quá bạo ấy, chúng ta không dám biết rằng chân hay ngụy. Có một điều rõ-ràng là địa-vị hiễn-quý của ông nhờ ở tài cai-trị một phần, một phần nhờ ở tài ngoại-giao khôn-khéo. Sĩ-Nhiếp đã cho con tên là Hâm sang làm con tin bên Ngò. Tôn-quyền cho Hâm làm thái-thú Võ-xuong. Các con Sĩ-Nhiếp ở miền Nam đều được phong Trung-lang-tướng. Em là Nhứt thái-thú Hợp-phố được phong chức Thiên-tướng-quân, Đô-hương-hầu. Sĩ-Nhiếp vì Ngô-chủ khiến Ung-khai và những lệnh-tộc ở châu Ích cầm quyền cai-trị dân, vì vậy bờ cõi của nhà Ngô ở phía Đông được mở-mang. Tổ tinh tri-ngộ, Ngô-chủ phong Sĩ-Nhiếp tước « Long-đô-dinh-hầu » (tước hầu ở Long-biên). Phải chăng châu-trị Giao-châu bấy giờ đóng ở Long-biên? Ông Madrolle chủ-trương rằng năm 142 thủ-phủ có dời từ Liên-lâu về Long-biên. Nhưng đến đời Sĩ-Nhiếp ông lại dời từ Long-biên về Liên-lâu. Bấy giờ kinh-thành Liên-lâu đã dồ-nát, người ta gọi là LUY-LÂU, Sĩ-Nhiếp khởi cuộc trùng-tu. Tên Luy-lâu đã được cải là DOANH-LÂU. Sĩ-Nhiếp rất có công với Doanh-lâu-thành về văn-hóa và kiến-trúc. Về văn-hóa ông đã mở-mang dân-trí bằng Khòng-học và Phật-học, về kiến-trúc ông đã sai xây dựng nhiều đình-chùa như tôi đã nói ở trên. Nhà ông ở đấy, phần-một ông cũng ở đấy. Hiền-hách ở Liên-lâu-thành và tịch-mich cũng ở Liên-lâu-thành. Cái sống của con người ấy được hiễn-vinh, nhưng cái chết cũng không kém phần tươi đẹp. Người ta kể chuyện rằng sau khi Sĩ-Nhiếp chết

được 600 năm, đến đời Tấn-mạt, Lâm-ấp sang xâm-pham nước ta. Mả ông bị khai-quật. Người ta kinh-ngạc xiết bao khi nhìn thi-hài ông vẫn tươi như lúc còn sống. Thiên-tử cho đó là thần-nhân sai lập đèn thờ tôn làm Sĩ-vương-tiên.

Chúng ta chỉ buồn có một điều là đời sống hiền-hách tưng-bừng của Sĩ-Nhiếp để lại cái sầu-thảm tối-tăm cho anh em con cháu.

Sau khi Sĩ-Nhiếp chết, vua Ngô nối chau Quảng vào Hợp-phố, cho Lữ-Đại làm thứ-sử. Còn chau Giao ở phương Nam cho Đái-Lương làm thứ-sử Trần-Thời làm thái-thú. Bấy giờ Sĩ-Huy con Sĩ-Nhiếp đã tự-lập làm thái-thú Giao-châu, khi ấy bọn quan Tần cũng vừa đến Hợp-phố.

Nghé tin, Ngô-chủ sai bọn quan-liêu mới sang thay, cho mình, Sĩ-Huy bất-khẳng đem quân ra chặn đường. Đái-Lương nghe tin phải dừng chân lại ở Hợp-phố. Có một gia-thần của Sĩ-Huy lập được nhiều huân-công từ thời còn Sĩ-Nhiếp, quỳ xuống can xin Sĩ-Huy bỏ ý phản-nghịch mà hàng Ngô. Huy tức giận lấy roi đánh viên gia-thần ấy đến chết. Em viên gia-thần ấy tức giận họp bọn gia-tướng lại đem quân đánh Huy. Hai bên giao-chiến trong mấy tháng trời bắt phân thắng bại. Từ cuộc chiến đành đến cuộc hòa.

Phía bên quan-liêu nhà Ngô Lữ-Đại thấy Đái-Lương đứng bước truyền cù tiến quân, và lập mưu bắt Sĩ-Huy. Ông khiến trung-lang-tướng Sĩ-Khuông (em Sĩ-Huy) phải đến khuyên Huy cải tà quy chính, một là đầu hàng hai là giao trả lại chau, kéo nứa binh thiên-tử không dung kẻ bạn-thần. Khuông vâng lời đến, khuyên nhủ Huy, Huy thuận theo. Nhưng khi Khuông vừa cất gót, Lữ-Đại đến theo liền. Nghé tin Lữ-Đại đến một cách đột-ngột như

vậy, anh em Huy đều giật mình kinh-sợ, tưởng như nghe thấy tiếng sét bất-thần không kịp bung tai. Huy sai các em ra đón Lữ-Đại lấy tư-cách là tù-nhàn, trùn vai áo lạy phục xuống đất. Lữ-Đại lấy lời ngọt-ngào phủ-dụ sai mặc áo lại chỉnh-tề tò cho hay rằng cuộc thăm viếng của ông hàm một chủ-trương nhân-tử không có một định-ý ác-nghiệt. Ông nhập thành sai trang-hoàng một căn-phòng rất lộng-lẫy, hôm sau sai vời anh em Sĩ-Huy đến, theo thứ-tự mời ngồi. Rồi một tờ chiếu được rút ra đọc. Tưởng rằng đó là tờ chiếu khoan-hồng ai ngờ nó là tờ chiếu cáo-chung đòi Sĩ-Huy. Sĩ-Huy bị chém đầu, thủ-cấp gửi cho Nhứt ở Võ-Xương. Các em Huy đều bị bắt giải về kinh cǎ. Chỉ có Hâm trước làm con tin bên Ngô bị truất xuống làm thí-nhàn, còn Nhứt, Vĩ, Khuông đều được vua Ngô tha tội. Nhưng lâu dần nhiều kẻ gièm-pha, Nhứt Vĩ, đều bị án tử-hình, Khuông có bệnh chết từ trước nên khỏi bắt đắc kỵ-tử.

Khi Hâm chết rồi có 2 người gia-tướng, của Sĩ-Huy nổi lên đánh Lữ-Đại để báo thù cho chủ. Nhưng vì quân yếu thế cò cả hai người đều bị hại.

Lữ-Đại trước đánh đến Cửu-Chân được phong chức *Giao-châu-mục*, đánh đến Lâm-Ấp được phong *Trấn-Nam tướng-quân*, nay dẹp được loạn được phong tướng *Phiên-ning-hầu*.

Về cuộc tàn-hai cả nhà Sĩ-Huy, hậu-thế nhiều người chê Lữ-Đại là gian-ác hẹp-hòi. Nhân-sĩ Ngô sỹ Liên nước ta tặng Lữ-Đại hai chữ «bất-tin». Sách nho có câu «*Tín giả thiên-hạ chi đại-bản*». Lữ-Đại cầm quyền cai-trị dân đã phạm vào điều gốc ấy. Vẫn hay trái mệnh vua là có tội nhưng giết kẻ hàng-thần còn có tội hơn. «*Tử tể với người xa, giúp đỡ kẻ gần*»

như thế phải làm sao cho người ta tin cậy. Lữ-Đại đã lấy lời gắn-vó với Sĩ-Khuông để lấy lòng tin của Khuông, anh em Khuông lại đến trần minh tạ tội. Lữ-Đại đã giết Sĩ-Huy còn làm tội cả nhà Sĩ-Huy. Người nhân-giả khi nào có hành-động tàn-ác như vậy.

Cái hiền-hách của Lữ-Đại chỉ được một thời cái xấu-xa của Lữ-Đại còn ghi lại muôn thuở,

. . .

Sau khi đã rõ lịch-sử Sĩ-Nhiếp, chúng ta hãy xét đến công-nghiệp của ông về văn-hóa đối với Giao-châu dưới ấy.

Nhiều nhà làm sử thường cho văn-hóa nước ta bắt đầu thành lập từ Sĩ-Nhiếp, và đền thờ ông có chỗ đề « Nam-Giao học-lò ». Điều ấy chẳng phải có phần thiêng-vi ?

Trái lại, nhiều người chủ-trương rằng nước ta đã tiêm-nhiêm văn-hóa Trung-quốc từ đời Triệu Vũ-dế. Người khác cho Tích-Quang Nhâm-Diên là người đầu tiên khai-hóa nước ta. Theo ông Maspero, nước ta hướng về văn-minh Trung-quốc từ hồi Mã-Viện là người đầu tiên lấy hà-chính ra cưỡng-gian văn-hóa. Thật là một điều muộn-màng khi người ta nhận Sĩ-Nhiếp là ông tổ khai đạo ở nước ta.

Nay ta thử xét cái trình-độ văn-hóa nước ta từ đời Hồng-bàng đến thời Sĩ-Nhiếp mới định-đoạt được cái công-nghiệp văn-hóa Sĩ-Nhiếp gây nên ở đất Giao-châu.

Theo sử cũ, nước ta lập-quốc vào đời Đường-Nghiêu bên Tàu. Là dòng dõi Trung-quốc, ta tự-nhận là giống Rồng. Tiễn đem văn-minh của nước mình sánh

ngang với văn-minh Trung-quốc, Từ rất sớm ta đã bước được một bước văn-minh khá dài là thoát-ly mâu-hệ bước sang phụ-hệ. Sử-ký chép: « *Thế thế dĩ phụ truyền tử viết phụ-đạo* ». Quốc-sử diễn ca:

« *Một dòng phụ-đạo xưa nay,*
 « *Trước ngang Đường-đè sau tày Noản-vương* ».

Triều-dinh 18 đời Hùng-vương quả là triều-dinh có tồ chức chính-trị.

Nhưng theo những nhà khảo-cố, thì cái văn-minh của nước Văn-lang thời ấy không chiếu được một ánh-sáng nào mỹ-kệ. Ông Rousseau nói dân-tộc ta man-rợ ở tràn-truồng. Trong Lâm-Ấp-ký có nói ở phía Nam một huyện trong quận Nhật-Nam có một dân-tộc dã-man gọi là Văn-lang dã-nhân không biết làm nhà, ở trên cây, ăn cá và thịt sống, làm nghề bán hương-xá. Những điều nhận xét ấy không khỏi có phần quá đáng. Có lẽ dân-tộc ta thời ấy chưa bô thức theo khuôn khổ nghi-lễ của Khổng-Mạnh lại sinh ở xứ nóng, cách ăn mặc quen dản-dị.

Trong Tam-quốc-chi quyển 51, khi Tiết-Tôn làm quan ở Giao-châu, có dâng sớ về triều, nói người Giao-châu, búi tóc và đi chân không. Trên những đồ đồng tìm thấy ở Đông-sơn, người ta thấy một người búi tóc ở sau gáy có một cái khăn ngang hai mõi thắt vào nhau xõa xuống lưng, ở mõi tai đeo một cái vòng lớn. Hár-thur chép rằng người Giao-chỉ không biết phân trường, ấu, không biết đạo cha con vợ chồng, chỉ theo đám-hiếu. Tiết-Tôn cũng nói người Giao-chỉ và người Cửu-chân còn giữ chế-dộ « anh chết thì em ruột phải lấy chị dâu ». (lévirat) (diều này có người cho rằng đó là di-tích của chế-dộ mâu-hệ. Thật ra đây cũng là phong tục của người Do-thái).

Ta nên hiểu rằng đối với Trung-quốc thời ấy, các nước khác đều bị coi là man-di cả. Ta cứ xem đời vua Lê Đại-Hành, nước ta đã bước sang một giai-đoạn văn-minh rạng-rỡ. Nhà vua đã lừng-lẫy tiếng-tăm ở cuộc đánh bại quân Tầu, bình-phục nước Chiêm. Tiếp sùi Tầu nhà vua mặc áo *hồng-bào rực-rỡ*, đội mũ *bình-thiên bằng ngọc thật*, vậy mà khi đi câu cá, lội xuống nước di chân đất, sứ Tầu cũng lấy điều ấy làm chè-bai. Sau này Mạc-Đăng-Dung tài lăn nước bắt cá cũng là câu chuyện hoạt-kê đối với người Tầu, cho đó là không hợp lẽ-nghi.

Phải chăng văn-minh chỉ ở nơi diêm-dùa không ở nơi giản-dị ?

Xét ra dân-tộc Giao-chỉ hồi xưa là dân-tộc văn-minh sớm nhất so với những nước phiên-thần của Trung-quốc thời bấy giờ. Bảo rằng dân-tộc ta là miêu-duệ của Việt-tộc ở vùng Chiết-giang xưa thì dân-tộc ấy không kém phần oanh-liệt.

Trong thời Nghiêu, Thuấn, Hạ, Thương, ở miền Nam lưu-vực sông Hoài, sông Hán và sông Dương-tử, dân-tộc Giao-chỉ đã sớm dậy văn-minh, tuy làm nghề đánh cá còn biết làm ruộng bằng đồ điền-khi thô-so, biết chế đồng đồ đồng xanh. Đến đời Câu-Tiễn, nước Việt hùng-cường, Câu-Tiễn biết theo lời khuyên của Phạm-Lãi dùng kẽ phú-quốc cường-binh của Kế-Nhiên là người Hán-tộc ở phương Bắc. Dân-tộc Việt làm nghề chài-lưới và làm nông-nghiệp bằng đồ làm ruộng đơn-giản cũng biết pha đồng với thiếc để chế đồng xanh, giỏi thủy-chiến tinh nghề làm thuyền, biết làm nhà sàn nhà gác bằng gỗ hay bằng tre. Theo khảo-cô-học và Việt-tuyệt-thư, người Việt còn sành xây mộ và thành-lũy

bảng đá. Khi nước Việt suy-vi, một phần người Việt đến ở nước ta tức là Bắc-Việt bây giờ, dù có man-hoa theo người bản-xứ ở đây là người Anh-dô-nê, trong mạch máu còn di-tích cái văn-minh phương Bắc. Vậy thì nước Văn-lang từ cỗ-so dù chưa bị dò-hộ cũng đã chịu sự chi-phối của văn-minh Hán-tộc. Theo Giao-châu ngoại-vực-ký, nước Văn-lang xưa còn trong chẽ-độ phong-kiến, tổ-chức chính-trị như người Mường bây giờ. cũng giống như cuộc tổ-chức chính-trị bên Âu vào thời Trung-cổ. Đất-dai chưa bị chia thành quận, huyện. Ruộng đất Văn-lang phì-nhiêu gọi là Lạc-diền, dân cày-cấy theo mực lén xuống của nước thủy-triều. Các quan cai-trị gọi là Lạc-tướng, trên hết có vua gọi Lạc vương. Nam-Việt-chi nói rằng đất Giao-chỉ phì-nhiêu phong - khi hùng - hậu nên gọi là Hùng-dịa, ông vua nước ấy gọi là Hùng-vương.

Vậy thì trên khoảng đất-dai mầu-mỡ ấy tuy dân-tộc ta theo tập-tục làm nghề đánh cá, nhưng đã thịnh nghề làm ruộng. Sự canh-tác còn chậm tiến có lẽ người ta chỉ thấy ở quận Cửu-chân, cho nên mới có chuyện thái-thú Nhâm-Diên dạy dân cày bừa và lê-nghi về giá-thú.

Điển-khi của dân-tộc Lạc-Việt thời ấy là những cái cuộc đá. Nhưng hồi ấy dân-tộc Lạc-Việt đã biết nấu đồng, và làm mũi tên bằng đồng tẩm độc. Lâm-ấp-ký chép rằng người Lạc-Việt còn làm thuyền bằng đồng nữa (3).

Bây giờ ở vùng Hà-dông, Sơn-tây, Bắc-giang và Hưng-yên người ta đào được những cái cuộc đá là đồ điển-khi của Việt-tộc xưa, chứng tỏ rằng người Việt biết làm ruộng từ trước khi nội-thuộc Trung-quốc. (Hiện nay những người Mọi ở đây núi Trường-Sơn còn dùng lối

làm ruộng cõ-kinh ấy).

Những đồ về kỹ-thuật người ta đào được ở Đông-son như đồ gốm tượng-tự với đồ đào được ở Chiết-giang. Đồ bình-khi thì có mũi thương mũi qua giống đồ bình-khi đào được ở vùng Chiết-giang và vùng Giang-Hoài. Cái trống đồng Ngọc-lữ bây giờ bày ở nhà Bảo-tàng Hà-nội, chính là nghệ-thuật Đông-son, nó cùng loài với cái trống Mã-Viện đã lấy ở quận Giao-chủ đem về Trung-quốc để đúc tượng đồng.

Nói tóm lại Văn-minh Lạc-Việt từ đời Văn-lang đã đến một mức khá cao, về sau trên cuộc tiến-triển nó đã sát với cái Văn-minh Ngô, Việt là Văn-minh chịu của Hán-tộc.

Đời An-dương-vương nhà Thục, nước ta bị nhà Tần xâm-lăng. Đó là khai-nguyên cuộc dò-hộ của Hán-tộc đối với Việt-tộc.

Tuy cuộc mưu-đồ này mang lại sự thất-bại cho Hán-tộc. Nhưng cái di-tích thực-dân của họ để lại rộng lớn.

Theo khảo - cứu của ông Rousseau, vì muốn đánh Lạc-Việt, nhà Tần phải khai kênh Linh-cù để tiện đường tiếp-tế cho quân-sĩ. Kênh Linh-cù khai ba năm mới xong thì cuộc chinh-phục theo đấy mới thành-tựu. Những dân bản-xứ đã kháng-chiến, đã đánh quân Tần chết tới hàng vạn, vì vậy phải có viện-binh là những bọn tù-đồ và những bọn lái - huôn sang bồ - khuyết vào chỗ bị hao-tồn. Bọn này đã nghiêm-nhiên sinh-cơ lập-nghiệp ở xứ ta, họ đã du-nhập vào nước Âu-lạc cách cầy ruộng bằng bùa và bằng trâu. Thế là văn-hóa nước ta căn-nguyên ở Trung-quốc lại càng thêm-nhiêm văn-hóa nước ấy.

Người ta kể chuyện lại rằng có một nhàn-vật kỳ-dị ở nước ta vì phản-chi sang du-học đất Tàu, dỗ đến hiếu-liêm, làm quan hiền-hách một thời ở bên Trung-quốc. Người ấy là Lý ÔNG-TRỌNG, quê ở làng Thụy-hương, gần Hà-nội bây giờ, (hiện ở đây ngày nay còn có đền thờ ông, (4).

Khi nước Âu-lạc bị xáp-nhập vào đế-quốc Triệu-Đà, thì Triệu-Đà chính là dòng-dối Hán-tộc, Triệu-Đà cai-trị dân ta tuy không lấy chế-dộ Trung-quốc đặt vào thay thế chế-dộ của dân Âu-lạc, (5) nhưng ánh-hưởng của hai dân-tộc dung chạm nhau há chẳng có những điều gần-gỗi ?

Sau này ta lại bị thuộc Hán, bọn Tich-Quang Nhâm-Diên chỉ là những người bón tưới cho mầm văn-hóa Trung-quốc ở dân-tộc Việt chong nẩy hoa kết quả. Tich-quang có óc đò-hộ giúp vào công cuộc thực-dân ấy. Trong thời Tich-quang, có một cuộc di-cư đối với dân-tộc ta rất là hệ-trọng.

Nguyên trong thời Tich-quang cai-trị Giao-chỉ, ở bên Tàu, Vương-Mãng cướp ngôi, bọn quý-phivol không chịu thản-phục kẻ thoán-vị, trốn sang ta rất nhiều. Trong bọn thế-gia lưu-vong ấy có một tay danh-nhân tên là Hồ-Cương, đã ngang-nhiên treo ấn từ quan đê sang lánh nạn ở Giao-chỉ (về sau Lý-Bí nhận mình là dòng-dối Hồ-Cương).

Xem vậy, dân-tộc ta từ đời lập-quốc đã liên-lạc về hệ-thống với Hán-tộc. Từ Tần Thủy-hoàng đã xuống càng tiếp-xúc chặt-chẽ với Hán-tộc về phong-tục và văn-hóa. Huống chi mỗi lần có cuộc chinh-phục của Hán-tộc, những bọn quân-nhân lưu-trú ở xú ta khỏi sao lập gia-dinh ở đây và liên-quan với dân-tộc ta về

dòng giống.

Văn-Hóa nước ta chịu ảnh-hưởng Trung-quốc rất nhiều, nhưng lúc nào cũng tìm cách thoát ra ngoài khuôn khổ, gầy nền móng độc-lập.

Mã-Viện là người đầu tiên đem văn-hóa Trung-quốc lấn bức văn-hóa Giao-chỉ. Chính-sách của triều-dinh nhà Hán là chỉ đào-tạo nên những bọn lai-thuộc tùy theo phuơng-liện. Nhưng sức hành-trường của văn-hóa nước ta rất mạnh, lay động được Hán-dinh. Về đời vua Linh-dế (168-189) đã có những người Giao-chỉ làm quan được đến chức Tư-lệ hiệu-úy như Lý-Cầm, có người bản-xứ được làm thứ-sử ngay tại đất nước như Lý-Tiển. Có người đỗ mậu-tài đi làm quan ở Hạ-dương, người làm quan lệnh ở Lục-hop.

Văn-hóa nước ta trước thời Sĩ-Nhiếp đã rực-rỡ, văn-học mở-mang thịnh-vượng. Trong thời Tich-Quang có nhiều trường dạy học mở ra ở Giao-châu. Người ta đợi Sĩ-Nhiếp mới gán cho tên « Nam-Giao học-tổ » thật là thiên-lệch. Tuy vậy ta cũng phải biết cái công-nghiệp lớn-lao của Sĩ-Nhiếp về văn-hóa ở nước ta phát-nguyên ở Liên-lâu-thành là nơi ông trọng-nhậm.

Ông là người hiếu-học am-hiếu kinh Xuân-thu và Tả-truyện. Một cái nhân-thân ông đã dù làm khuôn-mẫu cho hết cả dân-chủng trong chau. « Vì din chi mộc-dạc », ông muốn đem đạo thánh-hiền truyền-bá mà trong tay lại cầm chính-quyền thì sự truyền-bá còn gì mạnh-mẽ bằng. « Nhân-dạo chính vi đại », đire Khổng-tử xưa kia lẩn-lóc ra làm chính-trị để thi-hành cho mạnh-mẽ đạo thánh-nhân, mà suốt đời chỉ Ngài không được đạt để đến lúc chết còn hàm hận. Sĩ-Nhiếp hiều đạo thánh-nhân, lại đạt được cái chí của thánh-nhân. Ta có thể nói thời Sĩ-Nhiếp là thời văn-học nước ta toàn-thịnh.

Vào thời ấy ở Liên-lâu-thành, không những Khổng-giao được vun tươi phồn-thịnh, Phật-giáo cũng được phát-huy rực-rỡ. Vào thế-kỷ II thời nhà Hậu-Hán, đạo Phật đã được truyền-bá sang ta và được sùng-bái trong dân-chúng. Theo nhà sư Thông-Biện thì khi đạo Phật du-nhập vào Trung-quốc, người ta đã lập hàng 20 nhà tinh-xá ở Liên-lâu-thành, có tới 500 tín-dồ và 15 cuốn kinh được dịch. Năm 187 là năm Sĩ-Nhiếp bắt đầu được bồ-niệm thái-thú Giao-chỉ, có nhà sư Khâu-Đà-La người Ấn-dộ đến Liên-lâu-thành. Mấy năm sau có nhà sư tên là Mật-Tử.

Sĩ-Nhiếp quả là người có công rất lớn về văn-hóa ở nước ta. Suốt thời Bắc-thuộc, thời Sĩ-Nhiếp là thời văn-học rực-rỡ vào bậc nhất, nó hàn-dịu được vết thương Mã-Viện đã gây cho dân tộc ta.

Bởi vậy về sau ta tôn-sùng Sĩ-Nhiếp không phải là vô cẩn-cứ.

CHÚ-THÍCH

ĐỀN THỜ HAI BÀ TRƯNG

Đền thờ Hai Bà Trưng ở những nơi này :

1.)— Làng *Đồng-nhân-cháu*, trước thuộc tông Thanh-trì, huyện Thanh-trì tỉnh Hà-bông, nay thuộc Hà-nội, ở giáp Nhị-hà. Trong đền thờ làng Đồng-nhân có tượng Hai Bà. Năm Nguyên-hòa thứ nhất triều Lê, vua sắc phong Hai Bà : « *Quảng giao viễn minh linh-thạch Trung-vương Phật* »: Hàng năm cứ ngày 5 tháng 2 dân họp nhau rước kiệu nhà thành ra sông Nhị lấy nước giữa giòng về làm lễ mộc-dục, và mở hội ngày 6, 7.

2.)— Ở xã *Hát-môn*, huyện Phú-thọ tỉnh Sơn-tây nom ra sông Hát. Đền này cổ nhất không lưu-truyền về tượng đá. Có một tấm thạch-bi, cổ nhất từ năm Tân-dậu đời Vĩnh-tộ (1621). Trên tấm thạch-bi ghi việc ruộng thờ. Trong-truyền đền rất linh-íng trong cuộc đảo-vũ của những vua thời xưa và của dân số-lại. Vua Lý Auh-tông sắc phong Hai Bà : *Trinh-linh nhị phu-nhân*. Năm Trùng-hưng thứ tư (1288) phong : *Chế thắng nhị phu-nhân*. (A) Năm Hưng-long thứ 21 bà chỉ được phong : *Thuần-trinh bà em* : *Hựu-thuận*.

3.)— Ở Hạ-lôi, thuộc Mê-linh. Trước ở trên miếng đất nơi này, Hai bà có xây một cái thành giữa thành có cung điện tên là

(A). — Chức phu-nhân là chức những ông vua ngày xưa phong cho vợ những ông quan nhât-phâm. Thật là một điều túc cười và cũng là một điều láo-xược, một ông vua hậu-thể dám phong cho một bậc đế-vương dụng nước có cái công đội đá vá trời cái chức hèn tủi : phu-nhân. Cái chức « *kǎn yém* » ấy làm cho người ta nhớ tới câu vịnh sử của Hoàng-cao-Khai. « *Oanh-liệt khen thay gái dị-thường!* ». Phải chăng đó cũng là do thủ-tục trọng nam khinh nữ của người Á-châu.

Đầu-bằng-thượng, sau người Tàu phá đi. Đền thờ Hai Bà bây giờ ở làng Tràng cõi-lôi. Đó là một ngôi đình gần một ngôi chùa. Trong đình chính-tảm có những tượng thếp vàng là tượng Thi-Sách và vợ là Trưng-Trắc. Đầu chân đẽ hòn ấn. Ở trước là bài-vi Trưng-Nhị. Đèo thờ toàn màu đen. Dàn làng cũng không mặc màu đỏ để tỏ sự cung kính với hai vị Nữ Anh-hùng.

4.)— Ở Hi-sơn là nơi Hai Bà đã hóa.

5.)— Ở Cẩm-khê, ở đây có hai pho tượng lớn.

..

Thơ văn vịnh cái chí-khi oanh-liệt của Hai Bà rất nhiều. Trên hai cột trụ ở cổng đều xã Hát-môn có đôi câu đối :

« Đồng trụ chiết hoàn, Giao-lĩnh trĩ ».

« Cẩm-khê doanh hác, Hát-giang trường ».

(Cột đồng-trụ gãy hoàn-toàn mà núi Giao-chỉ vẫn cao. Nơi Cẩm-khê khơi con sông Hát-giang chảy man-máu).

Có một bài đè đền thờ Hai Bà bằng quõe-âm :

« Một bụng em cùng chị.

« Hai vai nước với nhà.

« Thành Mẽ khi đẽ, bá,

« Sông Cẩm lúc phong-ba.

« Ngựa sắt mờ non Vẽ,

« Cờ lau mờ động Hoa.

« Ngàn năm bia đá tạc,

« Công đức nhớ Hai Bà. (A)

(A) Bài này tác-giả cũng thấu-triet cái nghĩa sâu của cuộc khởi-nghĩa Hai Bà đã chủ-trương.

Hai câu luận :

Ngựa sắt mờ non Vẽ,

Cờ lau mờ động Hoa.

rất hàm-xúc và khâm-phá. Cái hồi Phù-dòng Thiên-vương cõi ngựa sắt binh giặc Ân đã quá xa rồi. Và đó chỉ là chuyện mơ-hồ. Nhưng ngọn cờ lau sau nay mờ dòng-doi nhà Đinh & Hoa-lư, và khơi mạch tý-chủ cho những thế-hệ sau, cái công lớn khai thác lòng ái-quốc, ta phải chịu một phần lớn ở Hai Bà.

(2) CỘT ĐỒNG MÃ-VIỆN.— Về di-tích cột đồng Mã-Viện bây giờ tam sao thất bản toàn ức-doán cả :

1.)— Mã-Viện đã dựng hai cột đồng ở bắc ngạn sông Lâm-Ấp, bên phía Nam tròng sang cột đồng ông có đê lai 10 gia-dinh quân-nhân. Những quân-nhân ấy đều lấy họ là Mã. Người Cửu-chân cho bọn ấy là bọn tù-dò bị lưu-trúch nên gọi là *Mã-Lưu*. Ngày nay những gia-dinh ấy có tới 200 người. Họ lấy lẫn nhau và còn giữ những di-lực của Trung-quốc. Những cột đồng kia đã bị lấn xuống ngọn đồi-ha của bờ khơi rì. Bây giờ người ta chỉ còn nhìn thấy những gia-dinh kia mà phỏng-doán di-tích cột đồng xưa. (Maspero),

2.)— Theo sách Thủy-kinh của Lý Đạo-Nguyễn thì Mã-Văn-Uyên (hiệu của Mã-Viện) tròng cột đồng để phân địa-giới về phía cực Nam.

3.)— Theo Tùy-thư thì Lưu-Phương đi đánh Lâm-Ấp phải đi qua cột-dồng Mã-Viện mới đến Lâm-Ấp. Giữa năm Nguyên-hòa đời Đường Mã-Tông đô-hộ An-Nam dựng hai cột đồng vào chỗ cột đồng Mã-Viện trước.

4.)— Thái-bình Hoàn-vũ-ký nhìn nhận cột đồng Mã-Viện ở chỗ phân chia địa-giới đất Lâm-Ấp với rợ Tây-đồ. Trong sách Thông-diễn Đô-Hựu cũng cùng quan-diểm. Theo ông, cột đồng ấy ở phía Nam Lâm-Ấp 2.000 dặm. Sách Lâm-Ấy-ký cũng nói Mã-Viện tròng cột đồng ở phía Nam Nam-Linh để phân chia địa-giới Nam Hán-tộc và nước Tây-đồ vào năm Kiến-võ thứ 19 (44).

5.)— Theo Tân Đường-thư thì khi xưa Mã-Viện đã dựng cột đồng trên một trái núi phía Nam châu Đà-lăng thuộc Lâm-Ấp nom ra bờ. Bây giờ ngọn núi ấy có tên là « *Ngũ-dòng Quế-sơn* ». Núi hơi nghiêng, phía Tây là vực thẳm, phía Đông là bờ.

6.)— Theo Đại-thanh nhất-thống-chí, thì tục-truyền rằng cột đồng Mã-Viện xưa chỉ hình-dung bằng một ngọn núi tên là Cồ-sum ở châu Khâm. Trong động Cồ-sum, Mã-Viện đã sai khắc một lời nguyền « (Đồng-trụ chiết, Giao-chỉ diệt). Dân Giao-chỉ khi đi qua đấy mỗi người ném vào chân núi một hòn đá, khiến núi ấy phải lấp phẳng đi.

7.)— Theo Dã-sử trên bờ phía Nam con sông Đà-diễn ở Phú-an, có hòn núi tên là *Thạch-bi-sơn*. Chu-vi vung ra 10 dặm.

Phia Tây tiếp-cận một lối hẻm có một hòn núi đứng chờ-vờ chui cá cây-cối. Núi cao 10 trượng rộng 7 trượng, trên núi ấy xưa kia có dựng cột đồng Mã-Viện, nhưng qua năm tháng, thác nước lăn lăn chảy xiết đã làm đổ ngã cột đồng xuống bờ rìa.

Nhưng ngọn núi trơ-trọi ấy theo những bản-dân xung quanh đây khó có thể là nơi Mã-Viện dựng được cột đồng,

8)— Những cột đồng Mã-Viện trên bờ sông Lương.

9)— Những cột đồng Mã-Viện theo đồi Đường ở biên-giới An-nam đô-hộ-phủ.

10)— Năm 751, người ta cho cột đồng Mã-Viện gần Nam-chiếu túc là ở trong quận An-ninh, phía Bắc biên-giới Vân-nam bây giờ.

11)— Năm 827-831, Vị Công-Cán thấy cột đồng Mã-Viện ở Ái-châu. Ông muốn đem cột đồng ấy đúc ra, nhưng vì dân không thuận nên dự-dịnh không thành (?)

12)— Theo khảo-sát của ông Đào Duy-Anh mà ông cho hợp với Ngô-lục và Tùy-thư và đây cũng là khảo-cứu của ông Nguyễn văn-Tổ, thì cột đồng Mã-Viện có lẽ ở núi Thành, hay Lam-Thành, cũng gọi là Đồng-Trụ, tên chữ là Hùng-Sơn ở địa-phận làng Nghĩa-Liệt và Phú-Điền phủ Hưng-Nguyên tỉnh Nghệ-An. Ngọn núi ấy còn có tên là Tuyên-Nghĩa.

Sao lại có tên là Tuyên-Nghĩa ? Nguyên xưa trên đỉnh núi Hùng-son có một cái thành do Trương-Phụ sai đắp, thành cao 6, 7 thước ta (vào gần 3 thước tây) chu vi một dặm. Gần đây có một đống đá cao 4 hay 5 thước ta, tương-truyền đó là cột cờ của Trương-Phụ. Bấy giờ tướng nhà Minh là Thái-Phúc đóng ở thành ấy. Khi vua Lê Thái-tô khởi binh từ huyện Đỗ-Giai (tức là huyện Hương-son tỉnh Hà-Tĩnh), Thái-Phúc ra trận cự địch bị chết. Vua Lê Thái-tô cho là trung nghĩa gọi ngọn núi ấy là Tuyên-nghĩa-son.

Ông Đào Duy-Anh lại có một nhận-thuyết nữa là cột đồng Mã-Viện ở Khâm-Châu.

Nói tóm lại có 2 thuyết :

1)— Cột đồng Mã-Viện ở Khâm-Châu có núi Phân-Mao

làm giới-hạn cho nước Tàu và nước ta. Sách Tàu : Đại-địa kỷ-thắng, Đường-thư thống-chi, sách ta : Đại-Việt sử-ký toàn-thư, Đại-Việt sử kí tiền-biên. An-Nam chi-lược chủ-trương thuyết này.

2) — Cột đồng Mã-Viện ở phía Nam Lãm-ấp gần bờ cõi rợ Tây-dồ. Sách Tàu : Ngô-lục, Tùy-thư, Thủy-kinh-chú, Tự-Trí thông-giám, Lĩnh-biều lục-dị, Lĩnh-ngoại đại-dáp, Thông-diễn, Thái-bình Hoàn-vũ-ký ; sách ta : Khâm-định Việt-sử, Tiền-biên dã-sử, Nghệ-an thi-tập của Bùi tòn-Am, Văn-dài, ngoại-ngữ của Lê quý-Đôn chủ-trương thuyết này.

— Có người cho cột đồng ở Quảng-ngãi.

— An-Nam chi-nguyễn. Đại-Thanh nhất-thống-chi đều công-nhận cột đồng Mã-Viện ở cả hai nơi : ở Khâm-Châu giáp bờ cõi nước ta, và phía Nam Lãm-apse.

Thực ra thì người ta không biết cột đồng Mã-Viện ở đâu.

Năm Nhâm-thân (1272), năm thứ 15 hiệu Thiệu-long đời Thành-tông nhà Trần có Ngô-Lương là viên Khâm-sai của Nguyên-triều sang ta hối-nơi chôn cột đồng xưa. Ngô kinh-Phu được cử ra tiếp sứ có nói rằng cột đồng Mã-Viện vì đã lâu năm không còn biết ở chỗ nào.

Năm Ất-dậu (1315), năm thứ 5 hiệu Thiệu-phong đời Dụ-tông nhà Trần Nguyên-dế sai Vương Sĩ-Hành sang hỏi chỗ cũ của cột đồng. Phạm sự-Mạnh được cử sang Tàu để biện-luận nghĩa là nói sao cho chôi rằng không biết đâu là di-tích cột đồng Mã-Viện.

. . .

Xem vậy, công chiến-thắng của Mã-Viện ghi ở cột đồng đối với dân-tộc ta, cũng cùng chung số-phận với cột đồng qua thế-kỷ.

Chuyện cột đồng Mã-Viện đã là đề-tài cho nhiều cuộc « trả miếng » văn-chương giữa nước ta và Trung-quốc. Người ta kè chuyện lại rằng khi xưa ông Mạc đĩnh-Chi di sứ Tàu bị người Tàu ra cho một vố cầu đồi định làm nhục quốc-thề của nước Đại-Việt :

« Đồng-trại chí kim dài vị lục »

(Cột đồng đến bây giờ vẫn chưa xanh rêu).

Ông Mạc dĩnh-Chi đổi lại tờ rõ cả cái hùng-khi của người phuơng Nam :

« Đẳng-giang tự cõi huyết do hồng ».

(Sông Bạch-dắng từ xưa huyết vẫn đỏ).

Đối với ta, Mã-ViỆn là thù-dịch, nhtrng đối với Trung-quốc là một vị công-thần.

Sau khi Mã-ViỆn chết, người Trung-quốc còn muôn phô-trương cái oai-danh của hắn để thị-oại với ta. Bây giờ ở Thủy-khẩu ngang Lao-kay còn thấy tấm biển đề, « Phục-ba-nhai », Ở Đông-hưng ngang Mong-eáy có đèn thờ Mã-ViỆn trong có tượng to lớn...

Có một người Việt sau khi đi thăm đền Mã-ViỆn về đã cảm-khai một bài :

*« Trèo non, vượt bờ biêt bao trùng !
« Một trận hồ Tây chút vẫy-vùng.
« Quắc-thước khoe chi mình tóc trắng,
« Cắn, dai dọ với khách quẩn hồng.
« Gièm chè luống những dày xe ngọc.
« Công-cán ra chi dụng cột đồng.
« Ai dò chép công, ta chép oán,
« Công riêng ai dò, oán ta chung »,*

(3) VĂN-MINH NƯỚC TA SO VỚI VĂN-MINH ÂU-CHÂU.— Theo ông Patris, ở Á-châu thời-kỷ dùng đồ đồng cũng ngang với thời-kỷ dùng đồ đá nhẵn, không phải như bên Âu-châu trong thời-kỷ ấy hoàn-toàn chỉ biết dùng đồ đá nhẵn.

« On sait en effet que l'âge de bronze a été presque contemporain en Asie de celui de la pierre polie, durant un temps où cette dernière seule était employée en Europe » (Essai d'Histoire d'Annam-Patris — page 39).

Có một điều chắc-chắn rằng trước T.C. ta đã biết nấu kim-khí, trong thời-kỷ ấy thì dân-tộc Âu-châu còn ở trình-độ ấu-trú. *« Il est certain que les annamites d'avant d'être chrétienne, savaient fondre des métaux à une période où les peuplades les plus civilisées d'occident en étaient peut-être encore fort éloignées »* (Essai d'Histoire d'Annam Patris- page 39).

(4) LÝ ÔNG-TRỌNG.— Lý ông-Trọng quê làng Thủy-hương

huyện Từ-liêm thuộc quận Giao-chỉ (làng này tục gọi là làng Trèm ở phía Bắc gần Hà-nội).

Thuở thiếu-thời còn hàn-vi, Ông-Trọng phải đi làm lại (có người nói đi làm xâu) ở Huyện. Một hôm bị quan trên đánh, Ông-Trọng lấy làm sỉ-nhục than rằng :

« Làm tài trai mà phải thế này ư ? »

Rồi ông trốn sang Tàu chuyền làm học tập, thông lầu tú-thư Ngũ-kinh thi đỗ hiếu-liêm (khoa thi thời xưa bằng cử-nhân bảy giờ).

Bấy giờ là đời Tần-thủy Hoàng-dế. Ông làm quan dưới triều Tần, lập được nhiều công lớn, được phong đến chức *Tư-lệ hiệu-úy*.

Ông vốn người khoẻ mạnh sức vóc cao lớn, cao hai trượng ba thước. Vua Tần cho ra trấn-thủ Lâm-dao, (đời Tần thuộc Lũng-tây, đời Thanh thuộc Thiểm-tây, bảy giờ là phủ Lâm-Đào), — rợ Hung-nô phải khiếp sợ. Khi ông mất, vua Tần cho là kỳ-nhàn, sai thợ dúc cái tượng hình ông đặt trước cửa Tư-mã tại Hàm-dương. Tượng to lớn, trong bụng rỗng có thể chứa được vài chục người. Khi sứ-thần Hung-nô tới Hàm-dương vua sai người chui vào trong bụng tượng làm cho tượng cử động. Rợ Hung-nô tượng Lý ông-Trọng còn sống không dám sang quấy rối bờ cõi nữa.

Đến đời Đường khi Triệu-Xương xây thành Đại-la có năm mươi lăm Lý ông-Trọng, cùng nhau giảng bàn về Tả-truyện và Xuân-thu.

Triệu-Xương sai sửa-sang lại đèn thờ ông ở quê cũ (làng Trèm).

Ở Quốc-sử diễn-ca có một đoạn nói về cuộc gặp-gỡ của hai người trong mộng.

« Kẽ từ dô-hộ Triệu-Xương,
 « Thành La xây lại vĩnh-vàng hơn xưa,
 « Thuyền chơi qua bến sông Tà,
 « Giác nồng dầu bồng tinh cờ lụa.
 « Thấy người hai trượng dài cao,
 « Bản kinh giảng truyện khác nào văn-nhân,
 « Cùng nhau như gửi tâm-thần,
 « Tỉnh ra mới hỏi nguyên-cùn tổ tượng :
 « Lý ông-Trọng ở Thụy-hương.

« Người dời vua Thục mà sang thi Tần.
 « Hiếu-liêm nhẹ bước thanh-ván,
 « Làm quan hiệu-úy đem quân ngự Hồ.
 « Uy-danh dã khiếp Hung-nô,
 « Người về Nam-quốc hình dồ Bắc-phương.
 « Hâm-dương dúc lượng người vàng.
 « Uy thừa còn giúp Tần-hoàng phục xa.
 « Hương-thôn cõi-miễn tà tà,
 « Tíu nay tu-lý mới là phong-quang ».

Hồi Cao-Biền đánh quân Nam-chiếu, Ông-Trọng cũng hiến-linh giúp sức. Cao-Biền cũng sai lập đèn thờ ông, gọi là đèn thờ Lý Hiệu-úy.

Lý Ông-Trọng là một kỳ-nhân của nước ta, nhưng đối với đất nước không có công-cán gì. Cái công-lao to-lớn ông lập được lại ở nơi đất khách cho nên vẫn mang tiếng đem chuông đi đầm nước người.

Ta có câu tục-ngữ ché-bai :

« Gáo vàng đem mức giếng Tây.
 « Khôn-ngoan cho lầm tờ thầy người ta ».

(5) VÀI PHONG-TỤC DI-DÃ CỦA NUÓC TA.— Dời nhà Triệu nước ta đã văn-minh lắm, đã biết gieo mạ, cấy hai mùa, dùng đồ dien-khi bằng sắt, nhưng vẫn còn giữ nhiều tục dã-man của xứ-sở, như tục anh em chồng lấy chị em dâu, khi người chồng mệnh-một (lévirat).

Tục đa-thê thì là một thường-tục có hầu hết ở các nước Á-Đông. Nhưng đến khi văn-minh, người ta chỉ định-doат cho một người đàn-bà trong gia-dinh là chính-thật, là nội-tướng, người ấy được gọi là thê, những người lấy sau là thiếp cả Nước ta về cõi-sơ, không phân-biệt hai tiếng thê, thiếp lắm. Năm 970, vua Đinh Tiên-hoàng còn lập tới 5 bà Hậu, sứ-gia Lê-văn-Hữu lấy điều đó làm đáng châm-biếm.

Những phong-tục « lạc-hậu » dần dần theo đà tiến của văn-minh hết đi.

Còn một phong-tục di-dã nữa là tục vẽ mình mãi đến đời Trần mới bỏ.

Thời ấy vua Anh-tông lên ngôi (1293-1314) rồi mà vẫn

chưa chịu theo di-tục của tổ-tiên là tục vẫn-thần. Nhàn-tông Thượng-hoàng bảo vua Anh-tông :« Dòng-dõi nhà mình có tục về mình để nhớ gốc xưa, nay nhà vua phải theo tục ấy ».

Anh-tông tuy vâng mệnh, nhưng vẫn tìm cách lẩn tránh. Từ đấy những vua ta không có tục về mình nữa, mà trong dàn-dã, tục ấy cũng mất đi.

Thật ra chính bấy giờ là thời-đại rất vẫn-minh mà thế-giới vẫn còn giữ một phong-tục di-dã. đó là tục đeo hoa tai. không biết tục này đến ngày nào mới mai-một.



TH^ANH

LONG - BUÎN

THÀNH LONG-BIÊN

Sau khi ta biết lịch-sử thành Liên-lâu rồi, bây giờ ta đi đến thành Long-biên. Thành LONG-BIÊN nay thuộc địa-hạt nào, có phải là vị-trí cũ của kinh-thành Hà-nội không? Đó là một câu hỏi, chưa có câu trả lời xác-đáng. Người ta bảo vì thành Long-biên kiến-trúc sơ-sài chịu nhiều cuộc xé-di, nên sau khi hết là vị-trí quan-trọng của đất nước, liền bị xóa nhòa di-tích trên dải-dai, bị mờ-ám luôn di-tích trên giấy mực.

Theo sử ta, Long-biên-thành có tên từ đời nhà Tùy-Hán, thuở THẠCH-ĐÁI làm thứ-sử 9 quận, Long-biên chính là nơi Thạch-Đái đặt cơ-quan cai-trị. Long-biên tức là TỔNG-BÌNH, mà Tổng-bình là HÀ-NỘI bây giờ. Tổng-bình sau này là Hà-nội điều ấy đã được lịch-sử nhận-dịnh. Nhưng người ta chưa dám quả-quyết có phải Long-biên là Hà-nội hay không.

Theo Nguyên-hòa quận huyện-chi, năm 590 nhà Tùy bỏ huyện *Tổng-bình* và *Bình-đạo* thuộc Giao-châu đổi huyện *Vũ-bình* (cũng thuộc Giao-châu) làm *Sùng-bình*, lấy một phần huyện Vũ-bình họp vào huyện Thái-bình, đặt tên là *Long-bình* chia huyện LONG-BIÊN đặt huyện *Giao-chỉ*.

Theo Thái-bình Hoàn-vũ-Ký, thứ-sử Giao-châu

dời Hán làm việc ở Long-biên. Khâm-định Việt-sử dân Phương-dư ký-yếu của nhà Minh nói : « *Huyện Tống-binh ở phía Nam phủ Tống-binh là đất huyện LONG-BIỀN dời Hán* ».

Như vậy phải chăng Tống-bình với Long-biên cũng là một ? Và theo Địa-dư-chí của Nguyễn-Trãi (1435) thì Long-biên tức là Hà-nội, là nơi xưa Cao-Biền sai đắp Đại-la-thành.

Trước những lập-thuyết xác-nhận ấy có nhiều thuyết phủ-nhận.

Trước hết ta hãy kể ông Maspero, ông Yves Claeys rồi đến ông Madrolle. Theo ông Maspero và Yves Claeys thì LONG-BIỀN-THÀNH ở vào vùng Bắc-ninh gần sông Đuống. Theo khảo-cứu của ông Madrolle, huyện Long-biên là một huyện trong 12 huyện thuộc quận Giao-chỉ thành-lập vào năm 111 trước T. C., chính là năm Lộ Bác-đức và Dương-Bộc nhà Tây-Hán bình-định được nước ta, đặt bờ cõi Bách-Việt làm Giao-chỉ-bộ. Địa-thể huyện Long-biên phía Tây là dãy núi Tiên-du và huyện Phong-khê, phía Bắc là sông Cà-lồ và Yên-thể, phía Đông là huyện Khúc-dương phía Nam là giòng Bắc-giang hay sông Đuống.

Hiện đến mãi ngày nay người ta vẫn chưa biết đích-xác vị-trí thành Long-biên. Nay giờ ta hãy xét lịch-sử thành Long-biên theo nhân-sự.

Theo nhiều nhà khảo-cứu xác-nhận, thì dời Tây-Hán phủ-tri Giao-chỉ-bộ không phải là Long-uyên hay Long-biên như trong Việt-sử. Từ dời Võ-đế cho đến hết dời Tây-Hán sử ít nói đến Giao-chỉ.

Hồi CHÂU-XƯỞNG trọng-nhầm Giao-châu-thành

LONG-BIỀN bắt đầu xuất-hiện ; đó là năm 142-143, vào cuối đời nhà Đông-Hán, sau khi Mã-Viện chiến-thắng Hai Bà gần một thế-kỷ.

Cuộc thay đổi quận-thành có đem lại kết-quả gì tốt cho những quan đô-hộ.

Năm Đinh-sửu (144) mùa hạ, có rợ Tượng-lâm ở quận Nhật-nam hợp sức với dân Cửu-chân cùng khởi-nghĩa. Nhưng cuộc khởi-nghĩa này bị mềm-yếu trước cách cư-xử khôn-khéo của quan thứ-sử Giao-chỉ là Hạ-Phương.

Khi Hạ-Phương đi thái-thú Quế-Dương, Lưu-Tảo thay thế ông ở Giao-chỉ thì cuộc khởi-nghĩa lại bùng-bùng nồi lên.

Theo Hậu-Hán-thư, vì quan huyện Cự-phong tham-tàn, dân trong quận nồi lên khởi-nghĩa giết quan huyện, rồi quan thái-thú Cửu-chân cũng chung số-phận. Bấy giờ Hán-định phái sang một võ-tướng là Ngụy-Lãng phong chức Đô-ý Cửu-chân để dẹp loạn-dảng. *Ngụy-Lãng* là tay tướng tài-thắng được mấy trán, nhưng gươm sắc của ông không nén nỗi lòng công-phẫn của dân-chiến. Dảng khởi-nghĩa càng ngày càng nồi lên to thanh-thế. Hán-định đâm lo lại phải phái Hạ-Phương sang làm thứ-sử lần nữa. Và lần này cũng như lần trước, chính-sách mềm dẻo làm dịu được lòng dân.

« *Hạ-Phương án-trạch thảm-nhudson,*
« *Một châu tiết viet, hai lần thừa-tuyên* ».

(Q.S.D.C.).

Năm Mậu-ngọ, (178) lại có loạn ở Giao-chỉ. Theo Hậu - Hán - thư ở mục Tây Nam-di truyện thì thời bấy giờ ở phía Nam châu Quảng và phía Bắc châu

Giao có một giống rợ ở vùng Ô-húra (Lạng-sơn) tinh-tinh rất là hung-tợn.

Chúng thường núp mình ở chỗ khuất, rình người đi qua bắt mà ăn thịt. Năm Mậu- ngọ (178). Quang-hòa thứ I đời vua Linh-đế nhà Hán tháng giêng về mùa xuân rợ Ô-húra khởi loạn. Trong quận nhiều người theo loạn-dảng di đánh phá các huyện trong quận. Bấy giờ loạn - dảng quân - số lùng - lây có tới 10.000 người Quan mục trong quận tên là *Châu-Ngu* không sao đương nổi. Trật-tự trong quận dâm rối-loạn.

Năm Tân-dậu (181). Năm Quang-hòa thứ IV vào mùa hạ, *Châu-Tuấn* được lệnh chức thứ-sử Giao-chỉ *Châu-Tuấn* là người khôn-ngoan có mưu-lược. Trong khi di nhậm chức qua các huyện, ông mờ được 5 ngàn quân. Gần đến bờ cõi Giao-chỉ ông đóng binh lại cho người di dò thám tình-hình bên địch. Một mặt ông làm tờ hịch truyền khắp trong địa-hạt Giao-chỉ để làm lung-lay chí phẩn-dẫu của địch và làm nỗi thanh-thể « thiền-binhh ». Rồi ông cho quân tràn vào 7 quận giết được tên đầu của loạn-dảng lập chiến-công rực-rỡ với Hán-dinh.

Sau đây 3 năm, năm Giáp-tý (184) tháng năm mùa hạ ở quận Giao-chỉ dân lại nỗi lên giết *Châu-Ngu* rồi phái đại-biều sang trấn-tỉnh trước triều-dinh nhà Hán, nói rõ về sự tham-tàn của các quan thứ-sử và thái-thú gày nén tai-vụ. Hán-dinh cho là phải không hỏi đến tội giết quan cai-trị nữa.

Cái bệnh lũng-doạn dân bi-trị cho thỏa lòng tham-lam xưa nay vẫn là cái bệnh hay mắc của kẻ sĩ trong đám quan-trưởng. Một ông quan được cai-trị một địa-

hạt nào, tức là cầm cả vận-mệnh của dân địa-hạt ấy trong lòng sở-hiếu, sở-õ của mình. Quyền lập-pháp, quyền hành-chinh đều ở trong tay ông, ông có quyền sinh sát dân. Trái lại, dân đối với ông chỉ có một bỗn-phận phục-tùng. Dân là con, quan là cha mẹ, « *dân chi phụ mẫu* ». Quan có quyền tuyệt-đối với dân và dân chỉ là con vật hy-sinh cho lòng thị-dục của quan. Như vậy muốn làm cho lợn một công-nghĩa, ông quan chỉ có trước mặt một con đê rất mong manh để chống giữ tinh-thần khỏi vỡ-lở. Đó là « danh-giáo ». Còn như mong ước lời kêu-ca của dân bị áp-bức lên đến tai vua là một điều rất khó thành-tựu của dân bị xấu số.

Song ở gần tai mắt triều-dinh, kẻ hoạn-giả còn dở phần tham-nhũng. Kẻ đi trấn-dịnh một giải đất xə-xôi ở nơi biên-viễn, gấp bao nhiêu yếu-tố xúc đầy lòng tham. Đất Giao-chỉ ta xưa là một giải đất phì-nhiều, có hạt trai, có hương xạ thơm, có ngà voi, có sừng tê-ngưu. Dân Giao-chỉ lại không được coi như người Hán-tộc, mà chỉ được liệt vào hạng man-di. Kẻ quan-liêu được trọng-niệm trên đất Giao-chỉ thấy mình rõ-ràng như ông vua một nước. Cái tình-thể rất thuận-tiện cho lòng tham-nhũng nảy-nở khó tránh cho kẻ trị-dân khỏi sa-ngã. Triều-dinh Trung-quốc am-hiều như vậy, nên một ông quan được phái sang cai-trị Giao-chỉ phải luôn luôn gọi về đổi di nơi khác. Đó là cái tiếc và cũng là cái đại-phúc cho họ, vì nếu họ cứ ở lâu với hà-ehinh thì sớm muộn thế nào cũng bị quân bản-xứ giết chết.

Lần này trước lời trấn-tình của dân Giao-chỉ, Hán-dinh càng phải chú-trọng đến sự chọn-lọc quan cai-trị.

Bấy giờ có *Giả Mạnh-Kiên*, người Liêu-thành huyện

Đông-khê, đồ hiếu-liêm làm quan doãn ở kinh-thành là người được tiếng thanh-liêm. Triều-dinh đ𝐞-cử ông, xin cho ông làm thứ-sử Giao-chỉ.

Giả đến xứ mới, chiêu-tập dân lại hiếu-du, hỏi về tinh-cảnh khi xưa. Dân đều ta-oán về sự tham-tàn của các quan-lại trước. Kinh-quyết thì xa, dân không còn biết kêu vào đâu được. Giả lấy lời ngọt-ngào úy-lạo, ra lệnh xá thuế cho dân, những quan thuộc-hạ đều được chọn trong các bậc thanh-liêm. Dân trong quận lấy làm kinh mến Giả, làm bài hát để ca-tụng vị quan nhân-đức gọi là « Giả-phủ ».

*« Thuần-lương lại có Mạnh-Kiên,
« Khúc ca Giả-phủ vang miền trung-châu ».*

(Q.S.D.C.)

Sau Giả Mạnh-Kiên đến thời Lý-Tiến được làm thứ-sử ngay trên đất nước.

Lý-Tiến và một người nữa là Lý-Cầm là người đầu-tiên được ở chức cao trong ngách quan-liêu Trung-quốc. Theo Bách-Việt tiền-hiền thì Lý-Tiến quê ở Cao-hưng quận Giao-chỉ. Ông là người thông-minh lầu thuộc kinh-sử làm quan còng-tào lên đến chức Ky đô-úy. Ông cùng bạn là Lý-Cầm là người khai sơn phá thạch cho các người bản-xứ được nhẹ bước thanh-vân trong triều đình Hán-tộc.

Là vì ông là người đầu-tiên lấy nhiệt-tâm ra tranh-đấu quyền-lợi cho người bản-tộc, lời lẽ ông thõng-thiết cảm-động được Hán-dinh.

*« Trong bốn bề không đâu là không phải dân con
của triều-dinh. Vậy mà từ xưa tới nay chỉ có người Hán-*

tộc mới được vè-vang khoa-hoạn. Những xứ xa-xôi không được nhuần-thẩm ân-ba... ».

Từ năm 142-143 đến thời Lý-Tiển làm thủ-sử Giao-chỉ, bao nhiêu tao-loạn nỗi lên trong xứ, bao nhiêu quan cai-trị đổi thay, thành Long-Biên trải bao nhiêu sóng gió !

Nhưng thành Long-Biên làm sao lại có cái tên đẹp-dẽ ấy ?

Theo Thủy-kính, năm thứ 13 Kiến-an đời Hán, lúc gần xây thành, người ta thấy ở hai bên bờ sông, chỗ sang dò về phía Nam và phía Bắc có hai con rồng nằm uốn khúc — (đó là con Giao-long, tục gọi là con thuồng-luồng hay cá sấu).

Có người còn giải nghĩa rằng khi xưa thành ấy có tên là Long-uyên, vì Uyên là tên húy của hoàng-tử đời Hán. Bởi vậy mới có sự cải-cách : Long-uyên-thành Long-biên. Sự cải-cách ấy mãi đến đời Tấn (420-479) mới thi-hành triệt-đè.

Trong đời Châu-Phù làm thủ-sử Giao-chỉ, bên Tầu có loạn Tam-quốc, Năm 187 Châu-Phù bị hại, năm 197 Trương-Tân sang thay được cải quận thành châu. Rồi Trương-Tân cũng bị cảnh-ngộ như Châu-Phù. Năm 199, ông bị viên đại-tướng là Khu-Cảnh giết chết.

Khi Lưu-Biễn lấy Nam-hải, chọn quan cai-trị là Lại-Cung, ông này cũng bị chuất nốt. Trong thời-kỳ ba quan thủ-sử liên-tiếp bị hại, ở Long-biên-thành, quan thái-thú là Sĩ-Nhiếp vẫn được dân kính-mến. Sĩ-Nhiếp đã dời châu-trị từ Long-biên về Liên-lâu. Châu-trị đóng mãi ở đấy tới hồi Sĩ-Huy ngộ nạn (năm Bình-ngo 226).

Lữ-Đại sau khi đã bình-định được đất Giao-châu vào mùa thu tháng bảy lại đem châu-trị từ Liên-lâu về Long-biên vì ông cho Liên-lâu không phải là châu-thành thích-

hợp cho sự cai-trị nőa.

Năm Giáp-thân (263), Nguyên-hưng nguyên-niên, vua Ngô chia địa-giới : lấy đất Nam-hải, Thương-ngò, Uất-Lâm làm Quảng-châu, châu-trị ở Phiên-ngung, lấy đất Hợp-phố, Giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam làm Giao-châu châu-trị là Long-biên.

Thế là nước Nam-Việt của Triệu-Đà hay Giao-chỉ-bộ thuộc nhà Tùy-Hán đã bị phân doi, và từ đây Long-biên-thành có tinh-cách đặc-biệt là kinh-dô của nước ta.

Năm Ất-dậu (265) bên Tầu nhà Tấn cướp ngôi nhà Ngụy cho người sang cai-trị đất Giao-châu. Nhà Ngô cũng phải quan sang nhậm chức. Giữa hai nhà Tấn, Ngô có sự tranh-chấp bờ cõi. Cuộc tranh-chấp ấy kéo dài từ năm 265 đến 272, và thành Long-biên lại trải nhiều trận can-quá.

Nguyên năm Quý-mùi (263) thời ấy bên Tầu vẫn còn triều-chính Tam-quốc. Tháng năm mùa hạ, thứ-sử Giao-chỉ là *Tôn-Tư* sai bắt 1.000 phu gùi về Kiến-Nghiệp. (Nam-kinh). Dân lấy làm bất-mẫn. Rồi đến *Đặng-Tuân* do vua Ngô sai sang lại bắt dân đem nộp 100 con công để gùi về Mạt-lăng (1) (cũng là Nam-kinh). Vì lòng công-phẫn đến cực-dộ, dân nổi loạn. Bộ tướng của Đặng-Tuân là *Lữ-Hưng* nổi lên giết chủ-tướng rồi hàng Ngụy. Dân quận Cửu-chân và Nhật-nam đều hưởng-ứng. Ngụy phong *Lữ-Hưng* chức An-nam-tướng-quân giữ việc binh-bị trong châu, bèn cạnh có bọn Đỗng-Nguyên giúp việc.

Năm Ất-dậu (265) là năm suy tàn của nhà Ngô và năm dựng nghiệp của nhà Tấn. Tấn Võ-dế sai *Mã-Dung* người Ba-tây sang làm thái-thú Giao-chỉ. Mã-Dung bị bệnh chết, *Dương-Túc* sang thay. Nhà Ngô cũng sai *Lưu-Tuân* sang làm thứ-sử. Lưu-Tuân hưng

binh đánh Dương-Tắc ba phen đều bị thất-bại. Lần sau chót, Dương-Tắc cho bốn tướng-tá đem quân từ Thục dỗ xuống, đánh tan-nát đạo quân Lưu-Tuấn.

Năm Kỷ-sửu, (269) mùa thu vào tháng chạp, vua Ngô lại sai một đạo quân nữa sang đánh Dương-Tắc phục-thù.

Đạo quân này theo hai đường thủy, bộ cung tiến.

Bộ-binh có Ngu-Phiếm, Tiết-Hu và thái-thú Thưong-Ngô là Đào-Hoàng, cất quân từ châu Kinh. Thủy-binhs có bọn Lý-Húc khởi từ Kiế-an. Bọn này đã thoái-bộ trước cuộc tiến quân khốc-khăn, bị vua Ngô gọi về chỉnh-pháp. Còn bọn bộ-binh thì Ngu-Phiếm và Tiết-Hu không phải là tướng tài.

Năm Tân-mão, Đào-Hoàng, Ngu-Phiếm, Tiết-Hu ánh-sứ quân Dương-Tắc ở Phồn-thủy. Nhưng vì yếu thế Đào-Hoàng phải lui binh về Hợp-Phố. Trong cuộc lui quân này Đào-Hoàng lại mất một viên danh-tướng. Tiết-Hu thấy vậy lấy làm tức giận :

— « Ông dâng biểu về triều quả-quyết phá được giặc, vậy mà bây giờ, một khi ra quân sớm bị hao binh tổn tướng, kẻ thần-tử thờ vua há thể là phải đạo » ?

Đào-Hoàng đáp :

— « Tôi sở-dĩ phải lui quân là vì không có tướng-lệnh trong tay không sai bảo được tướng-sĩ.

Nhưng Tiết-Hu hiểu ý-kiến của Đào-Hoàng muốn trong tay có tướng-ấn để thi tài tri.

Trong cuộc thua quân huỗi mới, Tiết-Hu đã ngại-ngùng muốn thoái-bộ.

Nhưng ĐÀO HOÀNG đã lập được một chiến-công

oanh-liệt và vì trận chiến-thắng lừng-lẫy ấy mà ông đã giữ vững được lòng Tiết-Hu, phán-khởi được chi phẩn-đầu của ba quân và nhất là đã cầm được tướng-lệnh trong tay để thi-thố tài-năng, vì trước kia ông chỉ là tùy-thuộc trong hàng tướng.

Tối hôm ấy Đào-Hoàng chỉ đem vài trăm quân đến cướp trại Đồng-Nguyên. Sự đánh bất-thần ấy đã làm cho Đồng-Nguyên đại-bại. Đào-Hoàng đại-thắng lấy được rất nhiều đồ quý chở thuyền đem về.

Một trận đánh quá táo-bạo ấy đã tóm hết được trí dũng-cản của tài đại-tướng. Tiết-Hu liền phong luôn Đào-Hoàng làm đô-dốc châu Giao.

Đào-Hoàng vào châu Giao men theo đường bè.

Trong cuộc binh-định châu Giao này ta càng rõ được tài làm tướng của Đào-Hoàng. Nên tiến thì tiến, nên lui thì lui không bao giờ mất một dịp thủ-thắng.

Nguyên khi Đào-Hoàng đem quân vào châu Giao, Đồng-Nguyên là tướng của Dương-Tắc đem quân ra cự-dịch. Trong khi dàn trận, các tướng-tá của Đào-Hoàng đều khuyên ông, nhân lúc nhuệ-khi ba-quân đương nỗi, đem quân tràn lấn lên. Nhưng Đào-Hoàng đã xem rõ địa-thể đã tính toán cuộc bài-binh, bố-trận. Ông thấy phía cầu bên sông là nơi rất tốt cho cuộc phục-binh của địch. Trước khi tiến quân, ông cho một đạo quân giáo dài nấp sẵn đó để phòng sự bất-trắc. Quả-nhiên Đồng-Nguyên giả tháo chạy để cho bọn phục-binh phía cầu đồ ra đánh tập-hậu, không ngờ rằng đạo phục-binh ấy đã bị đạo phục-binh của Đào-Hoàng tiêu-diệt rồi. Trận này Đồng-Nguyên hoàn-toàn thất-bại và bị giết. Đào-Hoàng được một thuyền đầy vàng bạc châu báu và một nghìn tấm lụa. Những của cải ấy ông cho cả tên tướng thô-dân để đánh đổi lấy 10.000

quân.

Cách cư-xử của người anh-hùng xưa nay vẫn vậy. Cái-hoài -bão là làm nên một công-nghiệp gì vĩ-dai « bồ thiêng dực nhặt » danh lưu hậu-thế, chứ không phải là tham-vọng về tiền của, vor-vét cho đầy túi tham. Đồng hay Tày, người anh-hùng cũng là một. Xưa kia khi bắt đầu di chinh-phục thiên-hạ, vua Alexandre le Grand chia hết cả của-cải cho các hàng tướng-tá, cái bản-ý cũng là như vậy.

Bấy giờ Dương-Tắc cho Vương-Tổ thay Đồng-Nguyên làm tướng giữ thành. Vương-Tổ có một tên dũng-tướng tên là Hẹ. Đào-Hoàng bèn lập mưu phản-gián, giả vờ cho người đưa một mật-thư cho Hẹ, khi ra quân lại chỉ tiến lên một cái xe « hự tả », quân hầu nghi-vệ ròn-rã quân huyễn, hình như có ý muốn đánh rước Hẹ. Vương-Tổ thấy vậy lấy làm nghi-tâm, đem giết Hẹ. Đào-Hoàng thấy vậy liền thúc quân đánh thành, chẳng bao lâu hạ được thành bắt được cả bọn Dương-Tắc. Ông liền cho giải về Kiến-nghiệp. Về đến Hợp-phố thì Dương-Tắc bị bệnh chết, bọn kia đều bị vua Ngô chinh-pháp cả.

Sau khi Đào-Hoàng đánh được bọn Dương-Tắc, được phong làm Tiền-tướng-quân Giao-châu-mục, thân coi các quận.

Đào-Hoàng là người hào-mại thiệp-thể hay cứu giúp kẻo nghèo khổ, nên dân trong xứ ai cũng kính mến. Sau vua Ngô phong cho ông làm đô-đốc Võ-Xương, cho thái-thú Hợp-phố sang thay. Nhưng vì đâu-tâm nhiệt-liệt ái-mộ người nhân-chính, vua Ngô phải đe Đào-Hoàng ở lại chức cũ.

Đầu năm Thái-khang, ông vua cuối cùng nhà Ngô là Tôn-Hạo hàng Tấn, thân viết một bức thư cho Đào-

Hoàng, khuyên Đào cũng nên bỏ giáp. Đào - Hoàng bắt được bức thư của cố-quân khóc-lóc thảm-thiết ba ngày.

Ai biết nòng-nỗi tam-tử cho kẻ viễn-thần thuở ấy ? Nho-giáo rất trọng chữ « Nghĩa » trong đạo quân-thần. Nước mất vua bị nguy, kẻ thần-tử chỉ còn lấy cái chết đèn đáp : « Trung-thần bất sự nhì quân ». Nhưng nhà Ngõ mất, chính vua Ngõ cũng hàng giặc. Thủ hối Đào-Hoàng còn có thể tỏ lòng trung-nghĩa với ai ? Không läng thi không biết quyền-biển, mà hàng thi khỏi sao tu-sỉ. Sau một cuộc tan-nát tam-can, Đào-Hoàng gửi trả lại cả ấn-tin về Lạc-dương, cái thân vong-quốc không còn thiết gì danh-vọng.

Vụ Tấn cũng cảm-tình tri-kỷ của Đào-Hoàng cho Đào ở nguyên chức cũ.

Bấy giờ lè nhà Tấn là rút bớt quân ở các châu, các quận về, Đào-Hoàng xin cho giữ nguyên số quân như cũ thì mới giữ nổi Giao-châu, vì Giao-châu là nơi hiểm-yếu hay có loạn. Lời yêu-cầu của Đào-Hoàng được vua Tấn chấp-thuận.

Sự hàng Tấn của Đào-Hoàng phải chăng cũng giống như sự hàng Ngõ của Sĩ-Nhiếp ? Sĩ-Nhiếp hàng Ngõ, ta còn nom được ở đáy lòng ham-thiết công-danh, tình-cảm gắn-vó với miếng đỉnh-chung ở Liên-lâu-thành. Nhưng Đào-Hoàng hàng Tấn quả là sự bất-đắc-dĩ của người quân-lử. Long-biên-thành là cái túi tham của quan cai-trị tàn-ác nhưng là nơi phải thi nhân-chính của người nhân-giả. Và sự thao-thủ của người quân-tử lồng-lộng như mặt trời mặt trăng. Cầm được chinh-quyền trong tay thì cố làm cho rạng-rỡ công-nghiệp, khi phải bỏ chức-vị thì rũ áo đứng dậy, coi miếng đỉnh-chung nhẹ như chiếc lồng hồng.

Sĩ-Nhiếp cai-trị Giao-châu được 40 năm yên-đồn. Đào-Hoàng cũng cai-trị Giao-châu được 30 năm êm-thắm. Sau con cháu Sĩ-Nhiếp bị hoạn-nạn vì miếng công-danh, con cháu Đào-Hoàng được an-hưởng phú-quý 4 đời.

Cái công-nghiệp của họ Đào đối với Giao-châu không phải là không to lớn. Bấy giờ chau-trị của Đào-Hoàng vẫn ở Long-biên-thành.

Xét ra Long-biên-thành từ năm 142-143 đến Đào-Hoàng đã trải bao quan thái-thú, chịu bao cuộc biến-chuyen. Đất Giao-châu hồi ấy là miếng đất đô-hộ của Hán-tộc. Long-biên-thành là trung-tâm-diêm của chẽ-dộ đô-hộ, nhưng nó vẫn giữ nguồn linh-thiêng của đất nước. Nó chôn chết bao quan thái-thú hay thủ-sứ tham-làn và cũng không đủ làm vững lòng những người thi-hành nhàn-chinh.

Đào-Hoàng là người có ân-nghĩa với dân mà không lúc nào khôi canh-cánh lo âu về sự khởi loạn của người bản-xứ. Các ông quan Tầu hay tin thuật phong-thủy, cho kinh-thành rất có ảnh-hưởng đến chính-trị.

Vì vậy nên vào thế-kỷ thứ III Đào-Hoàng đã sai di chau-thành Long-biên về phía tây 14 dặm.

Sau 30 năm tại chức, Đào-Hoàng chết, dân Cửu-chân lại nổi loạn đuổi quan thái-thú. Bấy giờ có Ngò-Ngạn chức viên-ngoại-lang tán-ky thường-thị, làm đô đốc miền Nam và thủ-sứ chau Giao. Ông giữ chau Giao yên-đồn 25 năm. Hết Ngò-Ngạn đến Cố-Bí cũng là người hiền, Cố-Bí chết có con nối-nghiệp là Cố-Tham. Khi Tham chết Thọ xin lên kế-vị anh, vì Thọ đa sát nên bị giết. Sau đó, Đào-Uy là con Đào-Hoàng được đặt lên cầm quyền-binh. Ẩn-phù Giao-châu ở trong tay Đào-Uy yên-đồn 30 năm. Rồi Đào-Thục Đào-Tuy nối-nghiệp.

Năm Quý-vi (323), đầu năm Thái-ninh đời Tấn Minh-dế, Vương-Lượng làm thủ-sứ châu Giao, đánh nhau với loạn-dảng; kinh-thành Long-biên bị uy-hiếp nặng-nề rồi bị vỡ. Khi loạn-dảng đã xâm-nhập được vào thành, bốn bề lửa cháy mà Vương-Lượng vẫn khur-khur giữ ẩn-phù trong tay. Loạn-dảng chém đứt cánh tay ông, ông còn nói: « ta thà chết không chịu chạy ». 10 ngày sau Vương-Lượng chết.

Bấy giờ bên Tầu sai Đào-Sĩ-Hành sang dẹp loạn Giao-châu. Thành công. Đào-Sĩ-Hành được phong chức Chinh-nam-đại-tướng quân, Giao-châu thủ-sứ.

Năm Quý-sửu (353) đời vua Mục-Đế nhà Đông-Tấn thủ-sứ Giao-châu là Nguyễn-Phu đánh vua Lâm-Ấp là Phạm-Phật, phá được 50 đồn-lũy.

*« Nguyễn-Phu tài tri có thira.
« Phá 50 lũy tảo trừ giặc Man ».*

(Q.S.D.C.)

Đó là một chiến-công đê-nhất của thành Long-biên đối với cuộc xâm-lăng của người Chiêm-Thành. Những giống người Lâm-Ấp là giống hiếu-chiến, đời nào cũng nuôi tham-vọng chinh-phục nước ta. Mà đó cũng là một đặc-diểm của lịch-sử.

Sau Nguyễn-Phu có Đỗ-Viện lại đánh bại được Lâm-Ấp. Nguyễn Đỗ-Viện là dòng-dối Kinh, Triệu, sang lập-nghiệp ở Giao-châu đã lâu. Theo sách truyện đời Tống thì đầu năm Canh-thìn (380), Đặng-Độn được phong chức Giao-châu thủ-sứ. Lý-Tổn thái-thú Cửu-chân nồi lên chiếm châu Giao. Khi nghe Đặng-Độn đến, Lý sai các con di chặn đường ngăn cản. Đường thủy đường bộ đều được canh-phòng cẩn-mật.

Đỗ-Viện ở Long-biên thấy sự tiếm-lộng rất lấy làm

bất-bình. Ông chiêu mộ quân-sĩ, đem quân đánh bại Lý-Tổn. Cuộc thắng-trận ấy đã làm danh ông lừng-lẫy, ông được phong chức Long-tướng-quân.

Năm Kỷ-hợi (399), theo Lương-thư thì vua Lâm-ấp là Phạm Hồ-Đạt đánh Nhật-nam, giết quan thái-thú lại tàn-phá Cửu-đức. Đỗ-Viện sai tướng đánh lui được quân Lâm-ấp. Vì trận này Đỗ-Viện được phong làm thủ-sứ châu Giao.

Năm Tân-hợi (411), có cuộc tranh-chấp giữa LU-TUẦN và ĐỖ TUỆ-ĐỘ. Song Đà Tuệ-Độ là người tài-trí đã thắng được Lư-Tuần. Nguyên Lư-Tuần xưa chỉ là một tên tướng phiến-loạn cắp giáo theo Tôn-Ân. Khi Tôn-Ân chết, Lư-Tuần hàng Tấn được phong chức thủ-sứ châu Quảng.

Năm Tân-hợi (411), Lư-Tuần lại khởi-loạn, bị đánh thua phải trốn sang châu Giao. Bấy giờ Đỗ-Viện đã chết, con là Đỗ Tuệ-Độ được kế-nghiệp cha, giữ ẩn châu Giao. Chiếu-chỉ phong Đỗ Tuệ-Độ chưa đến thì đã có tin Lư-Tuần đánh chiếm được Hợp-phố đem quân tràn vào châu Giao. Đỗ Tuệ-Độ đã ngăn được quân địch ở Thạch-kỳ.

Bấy giờ quân của Lư-Tuần có 3 ngàn, thêm dư-binh của Lý-Tổn và 5 ngàn quân của Lý-Liêm xáp-nhập. Lư-Tuần dựng thủy-binh lên áp bức Long-biên.

Thành Long-biên là một địa - điểm quan - trọng cho sự tranh-chấp của hai vị quan Tầu, ai chiếm được Long-biên tức là làm chủ được tinh-thể, giữ được ẩn-phù Giao-châu.

Đỗ Tuệ-Độ biết là mình đã đặt cả tinh-mệnh tài-sản công-nghiệp vào một canh bạc lớn. Ông đem hết cả của-cải khao-thưởng các hàng tướng-sĩ và ba quân,

Mọi người đều phán-khởi. Thái-thú Giao-chỉ, thái-thú Cửu-chân đều được lệnh cho thủy-quân tiến đánh.

Đỗ Tuệ-Độ trèo lên một chiếc thuyền lớn, hô quân ráp trận. Nhờ sức gió ông truyền quân phóng mồi lửa sang thuyền địch. Lửa cháy mênh-mang lan tràn dập tắt một khúc sông. Đỗ Tuệ-Độ cho quân siết chặt vòng vây, chỉ tên bắn vào chiến-thuyền của Lư-Tuần. Quân Lư-Tuần vỡ-lở tan-nát. Lư-Tuần bị ngã xuống sông chết đuối.

Đỗ Tuệ-Độ sai quân-sĩ vớt xác Lư-Tuần lên chặt lấy tay-cáp, và chặt că đầu tướng của Lư-Tuần gửi về Kiến-khang, vợ con Lư-Tuần đều bị hại.

Xét cuộc tranh-thủ Long-biên này Đỗ Tuệ-Độ là thắng-giả, và trước sau Đỗ Tuệ-Độ vẫn giữ Long-biên. Theo khảo-cứu của ông Madrolle, thì Lư-Tuần hồi làm thứ-sử Long - biên đã đem kinh - thành dịch về phía Tây 20 dặm. Phải chăng Lư-Tuần đã một phen làm chủ Long-biên-thành? Hay đương khi cự-dịch với Đỗ Tuệ-Độ, Lư-Tuần đã lập một thành Long-biên thứ hai để làm thế cầm-cự với đối-phương?

Thành Long-biên hồi ấy may-mắn đã thoát được tay Lư-Tuần.

Đỗ Tuệ-Độ là một quan cai-trị liêm-khiết, ăn cơm rau mặc áo vải cùng chung vui chung buồn với dân. Năm trời làm đói kém ông xuất lương hồng của mình ra cứu-cấp kẻ nghèo khổ, cấp-dưỡng người ốm đau. Ông săn-sóc việc nước như việc nhà, ai cũng kính-trọng ông. Dân được ông cai-trị đều an-cư lạc-nghiệp đêm đến hở ngõ cửa không trộm cướp, của rơi ở ngoài đường không ai nhặt.

Năm Canh-thân (420), là năm nghiệp Tấn đã cáo chung, nhà Tống dấy nghiệp, năm ấy là năm Nguyên-

hỉ thứ 2 dời Tǎn Cung-dế và năm thứ I dời Tǒng Võ-dế Đô Tuệ-Đô đã lập được chiến-công lừng-lẫy là đánh bại được quân Lâm-Ấp, khiến Lâm-Ấp phải triều-cống. Khi ông mệnh-một, Đô Hoảng-Văn được cử lên thay cha. Đô Hoảng-Văn cũng là người nhân-dức có àn-huệ với Long-biên-thành.

Năm Đinh-mão (427), năm Nguyên-gia thứ IV dời Tǒng Văn-dế, tháng tư mùa hạ, Hoảng-Văn đương ốm nặng, sức tiếp được chiếu-chỉ của vua Tǒng triệu về triều nhận chức Đinh-úy, Hoảng-Văn được chiếu-chỉ rất là mừng-rỡ, sai sắp xa-mã di ngay, có người khuyên. Ông đợi ngày khỏi bệnh. Ông nói: « Ba đời nay nhà ta lúc nào cũng mong ước làm quan tại triều, chầu-chực bên bệ Rồng. Huống chi ngày nay nhận được chiếu-chỉ há ta không túc-tốc di ngay » ? Ông là một kẻ sĩ lòng trung hợp với đạo Nho. « Nghe thấy quân-mệnh không kịp đợi sửa xe ngựa ». Nhưng vì ông ốm, về đến Quảng-châu thì chết.

Từ khi Đô Tuệ-Đô mất, Hoảng-Văn về Trung-quốc, vua Lâm-Ấp là Phạm Dương-Mại luôn luôn đem quân sang quấy-nhiều Cửu-chân và Nhật-Nam, giết người cướp của làm nhiều sự tàn-ác rất là ghê-gớm. Năm Tân-vi là năm Nguyên-gia thứ 8 dời Tǒng, Phạm Dương-Mại đem 100 lâu-thuyền đến phá-phách trên sông Bát-tứ-hội. Cuộc chinh-phạt của thư-sứ Giao-châu vò hiệu-quả. Ông đã sai một viên tướng đến đánh tại thành Khu-lật, nhưng không thành-công lại phải kéo quân về.

Năm Quý-dậu (433), là năm Nguyên-gia thứ 10 dời Tǒng lại xảy ra một sự bất-hòa, giữa Thiên-triều và Lâm-Ấp, nhân đó có chiến-tranh, kết-cục phần toàn-thắng về nhà Tǒng.

Nguyên vào tháng 5 mùa hạ, năm Quý-dậu, vua Lâm-

Ấp ỷ sức hùng-cường sai sứ sang xin nhà Tống cai-trị châu Giao. Trong khi hai nước đang có cuộc bang-giao thì vua Lâm-ấp vẫn phóng quân ra cướp phá châu Giao ý muốn lấy sức mạnh uy - hiếp. Lẽ dĩ-nhiên là vua nhà Tống không thuận, nhưng cũng tìm điều hợp-lý ra từ-chối, nói rằng đường-sá xa-xôi, việc giao-thông khó-khăn không tiện cho sự cai-trị của Lâm-apse. Rồi nhà Tống phải luôn thú-sử sang cai-trị Giao-châu.

Năm Bình-tuất (468), tháng ba mùa hạ, vua Tống sai ĐÀN-HÒA-CHI sang làm thủ-sử châu Giao và giữ tước-đệ chinh-phạt Lâm-apse. Sự thành-công của Đàm Hòa-Chi một phần lớn nhờ ở tài đại-tướng của TÔNG-XÁC. Nguyên Tông-Xác người đất Nam-dương vốn dũng-dõi thi-thư mà chỉ hán-thiết cung-kiếm, muôn vùng-vây thanh Long-toàn ngoài trận-dịa hơn là vờn vẽ ngọn bút lông thỏ trên tờ giấy trắng. Bấy giờ trong cuộc chinh-phạt Lâm-apse, Tông-Xác lĩnh chức tiên-phong.

Phạm Dương-Mại thấy quân nhà Tống kéo đến, khi-thể mạnh-mẽ cùng có ý ngớp sợ. Dương-Mại cho sứ-giả sang dâng hàng-thư xin giao trả hết thảy những người đã bị bắt ở quận Nhật-nam, xin dâng một vạn lạng vàng 10 vạn lạng bạc. Đàm Hòa-Chi dâng biểu về Tống-triều đề vua Tống nghị-quyết. Cuộc cầu-hòa này cũng na-ná giống cuộc cầu-hòa xưa kia của vua Darius nước Ba-tr với vua Alexandre le Grand nước Macédoine.

Nguyên sau trận Issus và trận Arbèles vua Darius từ cuộc chiến liền tính đến cuộc hòa với kẻ thắng. Lần trước cậy nước giàu bờ cõi rộng, nhà vua xin thuộc Hoàng-gia với một số vàng có thể mua được cả nước Macédoine, lần sau xin dâng công-chúa làm thê-thiếp và xin chia nửa giang-san. Nhưng vua Alexandre

le Grand không thuận, lấy lẽ rằng mình là một bậc đế vương không bao giờ lại trọng tài khinh nghĩa, kỳ thật một phần lớn là vì nhà vua đã chinh-phục được nửa nước Ba-tư rồi. Đắng này cuộc cầu hoa của Phạm Dương-Mại rất lợi cho vua nhà Tống, trong khi nhà Tống chưa thiệt một tên quân phi một mũi tên nào, chưa chiếm được một mảnh đất Lâm-ấp. Vậy thì Tống-Dinh không còn lẽ gì là không ưng-thuận. Vua Tống hạ chiếu cho Đàm Hòa-Chi nói nếu quả thực Lâm-ấp bằng lòng như vậy thì nên chấp-thuận. Nhưng sự bằng lòng của vua Lâm-ấp không phải là sự thỏa-thuận của quân-dân tướng-sĩ Lâm-ấp. Nội-bộ Lâm-ấp có sự bất-hòa, nên khi Đàm Hòa-Chi phái hai sứ-giả sang thương-thuyết liền bị giữ lại. Đàm Hòa-Chi tức khắc dùng quân lên đánh thành Khu-lật, giết được tướng giữ thành là Phù-Long. Phạm Dương-Mại đã phái một đạo quân đến cứu thành, nhưng đạo quân ấy đã bị Tòng-Xác tiêu-diệt. Tháng năm thì Đàm Hòa-Chi hạ được thành Khu-lật. Bấy giờ Phạm Dương-Mại đã đến lúc cùng-đồ đem tận số quân-sĩ ra quyết một trận thư hùng xưa đi trước một đàn voi xông trận.

Tòng-Xác nói: « sứ-tử còn là chúa muôn loài », rồi sai làm hình sứ-tử cho quân-sĩ đội vào xung-phong, quả-nhiên voi thấy sứ-tử quay đầu lại chạy. (2)

Theo Tống-sử, nước Lâm-ấp có những tượng bằng vàng 10 người ôm không xuề. Sau khi Đàm Hòa-Chi đã đại-thắng quân Lâm-Ấy làm chủ được kinh-thành Lâm-ấp, quân-sĩ cướp được của-cái rất nhiều. Đàm Hòa-Chi vì mang tiếng rằng đã cướp được nhiều tượng vàng mà bị cách quan. Riêng Tòng-Xác, con người anh-hùng hiên-ngang ấy không hề lợi ám lòng, không thèm lấy gì về vàng bạc cả.

Năm Mậu-ngo (478), là năm Thái-Thị thứ IV đời

Tống Minh-dế, tháng ba mùa xuân có một người bần-xứ ở Giao-châu tên là *Lý trưởng-Nhân* tự-lập lên làm thứ-sử.

Sự chiếm-doạt chau-trị ấy là vì hai quan thứ-sử Tống-dinh phải sang đều chết cả. Nhân co-hội, Lý trưởng-Nhân sai sứ sang Tầu xin quy-thuận

Năm Kỷ-mùi (479) là năm suy-tàn của nhà Tống, cũng là năm dựng-nghiệp của nhà Tề, tức là năm thứ 3 đời Tống Thuận-dế, và năm Kiến-nghuyên thứ nhất đời Tề Cao-dế, tháng bảy mùa thu, Lý trưởng-Nhân chết.. Quyền thái-thú Võ-bình là *Lý thúc-Hiền* sai sứ sang nhà Tống xin cho làm thứ-sử. Nhà Tống cho Trầm-Hoán thái-thú Nam-hải làm thứ-sử cho Lý thúc-Hiền làm tư-mã. Phải chăng cái chức tư-mã chưa làm thỏa được lòng tham-vọng của Lý mà Lý đã xúi dân nổi loạn chống quan thứ-sử mới đến nhậm-chức, đến nỗi Trầm-Hoán không dám đến chau mới, phải ngừng chân ở Uất-lâm và chết ở đấy.

Theo trong lịch-sử Lý là người lừa-lọc man-trá. Khi được phong tư-mã thì đã âm-mưu tranh chức thứ-sử, đến khi được chiếu-chỉ làm thứ-sử lại quên cả đồ cống-phảm phải dem nộp thiên-triều.

Năm Ất-sửu (485), vua Tề phong đại-tư-nông Lưu-giai làm thứ-sử đem quân đi đánh kẻ loạn-thần. Lý thấy vậy hoảng sợ cho người sang Tề-dinh xin nộp 10 đội binh nón bạc cắm lòng công. Tề-dinh không chấp-thuận. Lý sợ bị đánh bắt-thần, di tắt đường Tương-châu (bây giờ là Hồ-nam) sang Tề xin nộp cống-phảm. Lần này vua Tề thuận cho, nhưng cho Lưu-Giai đóng quân trong xứ phòng phản-trắc.

Năm Mậu-thìn (488) là năm Vĩnh-minh thứ 6 nhà Tề,

tháng sáu mùa hạ, triều-đình phong Phòng Pháp-Thùra sang làm thứ-sử châu Giao thay Lưu-Giai.

Phòng Pháp-Thùra là người hiếu-học ham thích văn-chương, khi đến trọng-nhậm châu mới không thiết gì trong nom đến việc chính-trị, cả ngày chỉ đọc sách. Baø nhiêu việc trong châu quận đều giao cho một tay Phục Đăng-Chi là túy-thuộc coi-sóc. Sự quá tin cậy để làm cho kẻ giữ trọng-trách lộng-quyền, công-văn giầy tờ không một tí gì đến tay ông. Sau có người đến mách Phòng Pháp-Thùra sự lấn quyền của Phục Đăng-Chi, ông liền nổi giận sai bắt Phục Đăng-Chi bỏ ngục. Nhưng nhờ ở sự khôn-khéo, Phục Đăng-Chi đã đút lót được em rể Phòng Pháp-Thùra mà thoát ngục. Lập tức họ Phục hò-hào đồng-dâng đem quân đến vây châu-thành, phá vỡ thành, bắt được Phòng Pháp-Thùra. Lần này thì ông thứ-sử văn-chương bị làm tù-binh, bị nhốt vào một nơi hẻo-lánh quang-cảnh rất là tiên-sắt. Vì buồn-bã quá, Phòng Pháp-Thùra xin cho ít sách để đọc. Lời yêu-cầu ấy không những không được chấp-thuận, lại còn bị đáp lại bằng lời chê-nhạo về cái thích đọc-thư của mình.

Rồi Phục Đăng-Chi tâu về triều nói Phòng Pháp-Thùra bị « tâm-bệnh » không eoi được việc cai-trị. Thế là kẻ gian-ngoan được thay thế, và ông họ Phòng này bị gọi về đến nửa đường thì chết.

Năm Ất-dậu (505), bấy giờ nhà Tề đã suy, nhà Lương đương dấy nghiệp. Lý Nguyên-Khai lĩnh sứ-mệnh của Tề làm thứ-sử châu Giao thay Phục Đăng-Chi. Lý Nguyên-Khai xui hết cả dân trong châu nồi dậy chống Lương. Rủi thay chính kẻ trưởng-lại là Lý-Thốc đã giết Lý Nguyên-Khai mà đầu Lương. Lương cho Lý-Thốc làm thứ-sử châu Giao.

Cuộc bại-vong của Lý Nguyên-Khai vào năm Bính-

tuất (506), năm Thiên-giám thứ 4 nhà Lương tháng 11 mùa đông, các đồng-dảng Lý Nguyên-Khai đều bị chém.

.. .

Xét lịch-sử thành Long-biên từ hồi bắt đầu thành lập (142-143), hồi Châu-Xưởng làm thủ-sử về cuối đời Đông-Hán, trải qua thời Tam-quốc là thời hỗn-loạn, đến Tấn, Tống, Tề, Lương đã xảy ra bao nhiêu nhiêu cuộc biến-động. Sự yên-đòn chỉ là tương-đối trong một thời-gian ngắn để tiếp đến cuộc khởi-nghĩa liên-miên của dân trong xứ mà những ông quan cai-trị Hán-tộc cho đó là những cuộc khởi-loạn.

Vậy thì trang lịch-sử thành Long-biên chỉ chép toàn những cuộc khởi-nghĩa hay khởi-loạn. Hết cuộc này đến cuộc khác, bao nhiêu quan cai-trị tham-tàn phải bỏ mạng, những ông thi-hành nhân-chinh cũng phải chùng gân.

Khi vua Tấn định rút bớt quân ở các châu quận về. Đào-Hoàng đã dâng biểu về triều nói về sự cường-bạo của dân bản-xứ. Đại-khai ông nói những tù-trưởng trong khoảng đất 700 dặm giáp-giới Lâm-Ấp đều hung-tợn, nhung-nhúc như gấu như ong, lúc nào cũng nỗi lên cướp phá. Trong ba điều thuận-tiện cho nhà chính-trị là « thiên-thời, địa-lợi và nhân-hòa », thì họ được rõ-rệt hai điều thiên-thời và địa-lợi.

Núi sâu, rừng thẳm là sào-huyệt của họ, khí-hậu ẩm-thấp hay sinh tật-bệnh cho những người lạ thủy-thô là cái lợi-khí cho họ cự-dịch. Thời-dai Đào-Hoàng là thời-dai thăng-bình bậc nhất mà không quá 5.000 nóc nhà quy-thuận, còn tới mấy vạn nóc nhà không chịu phục-tùng.

Trước những sự kháng-cự chế-dộ chính-trị hiện-hữu, những quan cai-trị Hán-tộc cho rằng đó là do những tính-tình man-rợ của dân bản-xứ chưa được thuần-thục theo « vương-hòa » (!) Họ nồng cạn không hiểu rằng đó là uyên-nguyên sâu-sắc ở tinh-thần độc-lập của dân-tộc ta.

Cái tinh-thần độc-lập của dân-tộc Lạc-Việt trong thời nội-thuộc lúc nào cũng tìm cách bộc-lộ rõ-rệt. Nó đánh một dấu vết oai-hùng rộng lớn vào lịch-sử từ hồi Tân-thủy Hoàng-đế mưu-đồ đặt nền thuộc-dịa ở phương Nam, nó càng khuếch-trường ở thời Tây-Hán dụng-tâm lệ-thuộc Nam-Việt.

Trong thời nội-thuộc nhà Đông-Hán, cái tinh-thần độc-lập của đất nước ngưng-tụ ở hai vị nữ anh-hùng Mê-linh là Hai Bà Trưng.

Từ khi Hai Bà bị thất-bại bởi bàn tay thao-lược của Mã-Viện, nước ta lại bị Bắc-thuộc, nhưng cuộc khởi-nghĩa không lúc nào ngót đột-khởi.

Nói về tinh-thần độc-lập của dân-tộc ta, những nhà khảo-sử Âu-châu đều thán-phục.

Ông Patris trong quyển « Essai d'Histoire d'Annam đã phải ngợi-khen cái tinh-thần độc-lập bền-bỉ ấy : « Celle-ci (l'indépendance) ne fut point perdue de vue au cours de cette longue période. Elle fut au contraire le rayon lumineux vers lequel se tendirent toutes les volontés des annamites asservis ».

(Cái tinh-thần độc-lập trong thời-kỳ (đô-hộ) dài dằng-dặc ấy không lúc nào bị sao-nhãng. *Trái lại nó là một thí ánh-sáng chói-loi mà ý-chí của những người an-nam bị đô-hộ không lúc nào ngớt theo rồi.*

Ông Schreiner cũng nói :

« Pour un millier d'années (de 110 avant J.C. jusqu'en 931 de notre ère) le pays d'Annam va sous la tutelle chinoise. se révoltant mais en vain, durant les premiers temps ; plus tard se résignant tant bien que mal à son sort. Incapables pour des siècles de se ressaisir, il conserve néanmoins de fortes attaches nationales, et si l'éducation chinoise l'instruit, le police, lui donne le goût des arts et des lettres, elle ne réussit point à détruire ses aspirations de races, elle ne le désannamitisera pas. (Nhà nước An-nam bị người Tàu đô-hộ tới 1.000 năm (từ năm 110 trước T.C. đến năm 931 sau T.C. mới đầu còn bất khẳng, rồi sau dù hay dù dở cũng phải nhẫn-nhục theo số-phận. Trải qua bao nhiêu thế-kỷ không đòi được quyền tự-lập tuy-nhiên họ vẫn giữ được giây liên-lạc rất mạnh-mẽ với đất nước. Và dù nhờ sự giáo-dục của người Tàu rèn-luyện mà người Việt trở nên văn-minh, biết ham nghệ-thuật và văn-học, nhưng nền giáo-dục của Tàu không thể làm tiêu-diệt được cái hoài-bão của nói giỗng. Người Tàu không thể làm cho họ mất cái tính-cách người Việt-Nam ».

Ông Rousseau trong quyển « Les premières conquêtes chinoises des pays annamites » nói :

« Ayant enfin rejeté pour toujours le fardeau de leur passé, les annamites, quelques siècles après notre ère seront adaptés au régime chinois. Régime salutaire, et bien-faisant malgré de lourdes épreuves, puisque ceux qui le subissent, surent y puiser avec le goût de l'ordre et de la cohésion, cet esprit national et ces forces disciplinaires, qui devaient leur permettre de s'organiser progressivement, de triompher dix siècles plus tard des maîtres qui les avaient instruits en les dominant et de donner la vie à une des plus puissantes nations de la péninsule indochinoise ».

(Mấy thế-kỷ sau Tày-lịch, người An-nam đã cũ sạch cái gánh dĩ-vãng nặng-nề, thâu-nhập chế-dộ Trung-quốc Dù chế-dộ ấy có trải nhiều hả-khắc cũng lợi cho dân-tộc An-nam. Vì kẻ chịu chế-dộ ấy đã khéo đoàn-kết trật-tự, *gây được một tinh-thần quốc-gia có sức mạnh có kỷ-luat, khiến 10 thế-kỷ sau đã thắng được kẻ giáo-huấn mình, cai-trị mình, và lập nên được một quốc-gia rất hùng mạnh trên bán-dảo Đông-duong*).

Ông Launay trong quyển : « Histoire ancienne et moderne de l'Annam ».

« Cependant toutes les révoltes successives, dont nous avons parlé, avaient donné au peuple annamite un esprit d'indépendance difficile à contenir. Les gouverneurs augmentèrent les tributs multiplièrent les corvées. espérant ainsi affirmer leur autorité, et forcer le peuple, à courber la tête. Ils se trompaient, l'heure approchait où l'Annam allait être délivrée du joug de la Chine ».

(Tuy-nhiên người An-nam cứ khởi-nghĩa liên-tiếp, khiến họ có một tinh-thần độc-lập không sao cản-trở được. Những quan cai-trị Tầu tăng thuế-má, bắt phục-dịch muôn củng-cố quyền-hành và bắt dân cứ đầu chịu phục. Họ lầm. *Đã đến lúc người An-nam tháo ách nô-lệ của Trung-quốc*).

Gần đây ông Paul Mus một tay có óc thuộc địa tinh-niệm trong quyển « Sociologie d'une guerre », sau khi ca-tụng tinh-thần độc-lập của dân-tộc ta có một đoạn nói về cái bền-bỉ của tinh-thần ấy :

« Dès que commence le Viêt-Nam, le maître mot de ses problèmes historiques paraît justement se trouver dans cet esprit de résistance, qui associe de façon paradoxalement à d'étonnantes facultés d'assimilation, une

irréductibilité nationale à l'épreuve des défaites des démembrements et des conquêtes ». (từ khi bắt đầu có nước Việt-Nam, điều căn-bản trong vấn-dề lịch-sử thấy ở trong chỗ tinh-thần kháng-chiến, tinh-thần kháng-chiến ấy kỳ-dị ở chỗ có bản-năng đồng-hóa rất tài-tinh, mà lại có một *tinh-cách quốc-gia* trải bao phen bị thất-bại, bị chia-xé bị chinh-phục, mà không hề bao giờ *suy-giảm*).

Nói tóm lại, những nhà thíc-giả Âu-châu hầu hết phải công-nhận cái tinh-thần rất dũng-mạnh của ta.

Nhưng từ hồi Long-biên-thành thành-lập đến khi đổi-phế, có bao nhiêu cuộc khởi-nghĩa nỗi lên chống quan cai-trị Tầu, mà không có cuộc khởi-nghĩa nào được thành-tựu vẹ-vang. Lắm khi cái thai-nghén cách-mệnh chưa thành hình đã bị đọa-lạc, nguyên-nhân bởi vì đâu ?

Cái nguyên-nhân thứ nhất là người Tầu sớm văn-minh hơn ta, địa-giới Tầu rộng lớn gấp trăm địa-giới ta, những quân-sĩ Tầu được tổ-chức quy-cù, có khí-giới sắc bén được điều-khiền dưới quyền đại-tướng có tài thao-lược. Trái lại quân lính Giao-chỉ dã kém về lượng lại kém luôn cả về phàm. Quân-số không được đông bằng Tầu, khí-giới thô-sơ, tổ-chức quân-dội lại hồn-dộn. Cho nên đất Giao-chỉ, khí-hậu có nặng-nè, tật-bệnh dễ phát-sinh, người Tầu vẫn không chịu thua ta về quân-sư.

Cái nguyên-nhân thứ hai là bởi dân-tâm Giao-chỉ không được nhất-chi.

Hồi bấy giờ dân-tộc ta còn ở đông-dúc trên vùng cao-nguyên. Vùng trung-châu là nơi bùn lầy, cây cỏ hoang rợ ướp nhiều khi độc, nơi nào thấp thì có nước

thủy-triều lên xuống. Trong vùng cao-nghuyên, dân-tộc ta ở trà-trộn với những dân-tộc « lạc-hậu ». Những dân-tộc ấy ở miền Bắc có rợ Thái trắng, ở dọc sông Hồng-hà có rợ Liêu, ở vùng Lạng-sơị có rợ Ô-Hùa rất hung-dữ có thú-tinh hay ăn thịt người. Những dân-tộc này chỉ vì lợi không biết nghĩa, tinh-tinh luôn luôn biến-đồi, rất bạo-lợn trong lúc hành-quân thủ thắng, nhưng cũng rất dễ tan vỡ trong lúc thua quân. Họ có cái đầu chịu ta cai-quản, nhưng cũng nhiều phen phản-phúc làm cho ta đau-dòn.

Hai Bà Trưng sở-dĩ thua lớn ở Lạng-bạc vì trận ấy mà tan-nát cơ-đồ, cái nguyên-nhân chính cũng là vì sự dễ tan-vỡ của một đội-quân « ô-hợp ».

Sau hai nguyên-nhân trên nay chúng ta kể đến nguyên-nhân thứ ba là sự không được đoàn-kết của các tù-trưởng.

Các tù-trưởng ở đất Giao-chỉ bấy giờ không muốn bị Hán-tộc đè-hộ, nhưng người nào nào cũng muốn hùng-cử một phương, khi cõi đất lâm vào Bắc-thuộc người Tàu lại muốn sự chia rẽ của các tù-trưởng đến triệt-dễ, đất-dai bị chia năm xé bảy, khi Hai Bà Trưng đánh Tô-Định phải hạ tới 65 thành, và các tù-trưởng đồng-tâm với Hai Bà trong khi chống địch, tìm đủ cách kháng-cự Hai Bà khi Hai Bà đặt nền-móng quốc-gia thống-nhất. Cho nên Mã-viện vừa đặt chân vào đất Giao-chỉ đã có kẻ phụ-họa.

Ba nguyên-nhân tội vừa kề trên gây nên sự thất-bại của dân-tộc trong những cuộc khởi-nghĩa ở Giao-châu.

Song những cuộc khởi-nghĩa ấy sở-dĩ không vaot được những sự khó-khăn kia là bởi cái tinh-thần độc-lập của dân-tộc phát-sinh hầy còn yếu-ót, chưa đến lúc đột-khởi mạnh-mẽ, nó chưa tìm thấy cái nghĩa chận-

chinh trọng-dai của nó.

Trong thời phong-kiến, dân phải thuận theo mệnh-lệnh của bọn tù-trưởng, nhưng bọn tù-trưởng chính là đại-biều của dân-chúng. Cho nên đạo Khổng-Mạnh phát-sinh ở thời-dai phong-kiến Trung-quốc, dạy về chính-trị có câu : « *dân khủ xỉ do chi, bắt khủ xỉ tri chi* » (dân chỉ cần cho thuận theo không cần cho phải biết) nhưng lại có câu : « *Thiên cảng vu dân, dân chi sở dục dân tất tòng chi* ». (Trời thương dân dàn muôn gì Trời theo nấy).

Cầm đầu cuộc khởi-nghĩa trong thời-dai thành Long-biên, bắt đầu ta phải kể những bọn tù-trưởng bắt thuận « vương-chính ». Rồi đến bọn chính là người Hán-tộc, hoặc là bọn quý-phái nhân vi cuộc ty-nạn, ở đây đã lâu đời, hoặc là bọn tù-dò xưa sinh cơ lập nghiệp ở Giao-chỉ đã làm chủ được nhiều ruộng đất. Những bọn này hợp với dân-chúng gày nên phong-ba trong đất Giao-chỉ, nhưng mục-dich của họ phần nhiều vị-kỷ không theo đường chính-nghĩa.

Cuộc khởi-loạn của Lý truwong-Nhân và Lý thúc-Hiền chủ-dịch không ngoài cái ham-thết vinh-thản phi-gia. Cuộc nổi-loạn khởi-nghĩa trong thời Lưu-Tảo dưới thời Hạ-Phương, và trong thời Tôn-Tư, Đặng-Tuân là những cuộc nổi loạn vô lối chóc. Nó chỉ có sức mạnh của ngọn lửa rơm.

Còn như Đào-Hoàng đánh Dương-Tắc là sự tranh-chấp thuộc-dịa giữa hai nhà đối-lập, Đỗ Ta-Độ đánh Lư-Tuần là sự tranh địa-vị của một viên quan Tầu này đối với viên quan Tầu khác.

Những cuộc binh-đao xói trộn Giao-châu chỉ nhắm vào cái bùa danh-lợi to lớn: chức thứ-sử Long-biên-thành.

Phải chăng suốt thời-dai thành Long-biên trên năm

thể-kỷ, chỉ có những cuộc khởi-nghĩa với tinh-cách hép-hồi như thế? Nếu vậy lịch-sử thành Long-biên chẳng phải là thiền sú vong-quốc đáng buồn cho dân-tộc, để lại đau-dớn cho những tấm lòng ái-quốc sau này? May thay về cuối thời-đại thành Long-biên có một cuộc khởi-nghĩa lớn-lao, ôm mang một chinh-nghĩa của dân-tộc, đó là sự nỗi dậy của nhà Tiền-Lý.

Trong thời-đại Liên-lâu-thành có cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng là tiêu-biểu cho tinh-thần độc-lập của dân-tộc, thì trong thời-đại thành Liên-lâu, có cuộc khởi-nghĩa của Lý-Bi.

Hai cuộc khởi-nghĩa ấy khác nhau về thời-đại và thể-tài, cùng chung một mục-đich. Hai Bà Trưng đã trải bao khó-khăn trong công-cuộc hung-biùh ngoài chống ngoại-xâm, trong kết-hop tù-trưởng thi nhà Tiền-Lý trong cuộc củng-cố độc-lập cũng không kém phần vất-vả.

Đây tôi xin dành riêng một chương nói về nhà Tiền-Lý

THÀNH LONG-BIÊN VÀ NHÀ TIỀN-LÝ

LÝ-BÝ còn có tên là LÝ-BỘN và LÝ-PHẦN vốn quê ở huyện Thái-bình thuộc Phong-châu. (bấy giờ thuộc địa-hạt Sơn-tây, nhưng người ta không biết rõ ở về nơi nào). Tổ-tiền Lý-Bí vốn người Tàu, về dời Tây-Hán vi cuộc loạn-ly đã trốn sang Giao-chỉ lập-nghiệp. Đến đời Lý-Bí đã được 7 dời, Lý-Bí nghiêm-nhiên là người bản-xứ. Bấy giờ Lý-Bí làm quan với Lương-triều coi giữ Đức-châu (Hà-tĩnh). Quan thứ-sử Giao-châu đóng giữ ở thành Long-biên bấy giờ là Vũ-lâm-hầu Tiết-Tư vốn là người độc-ác, dân Giao-chỉ ai cũng có lòng oán ghét. Chi-khí độc-lập dũng-mạnh chảy trong mạch máu dân-tộc Lạc-Việt, chỉ tim cơ-hội bột-phát, lại gặp được người có tài kiêm văn, võ là Lý-Bí lãnh-dạo. Dân muốn nỗi lèn trừ quan thứ-sử tham-tàn, Lý-Bí thê-tất được lòng dân và làm trọng được sứ-mệnh.

Nhưng xưa nay hai chữ « anh-hùng » và « thời-thế » vẫn phải bồ-khuyết cho nhau. Thời-thế không có anh-hùng chỉ mang thai-nghén không sinh-nở được, anh-hùng không gặp thời-thế dành ôm hận một đời. Trong lúc dân đang oán-ghét quan-lại tham-tàn, Lý-Bí ra lĩnh chức *điều dân phạt tội* lại gặp ngay dịp dưa dẩn đến thành-công.

Nguyên Lý-Bí bấy giờ dẫu có tài nhưng chưa có sức: Có một người là *Tinh-Thiều* là một nhân-tài lối-lạc, nhà giàu tinh-tinh hào-mại. Tinh-Thiều có đền Lương-triều cầu công-danh, vì Tinh-Thiều không phải dòng dõi trâm-anh, sủ-bộ nhà Lương là *Sái-lô-n* chỉ cho làm chức *Quang-dương mòn-lang* (chức quan lang giữ cửa Quang-dương). Thiều cho thế là xấu-hổ bỏ chức về quê kết-nap với Lý-Bí bàn cuộc đầy binh. Bấy giờ Lý-Bí cũng đương mộ quản ở Đức-châu để đồ việc lớn. Sự

hợp-tác của Tinh-Thiều đã là một nền tảng chắc-chắn để Lý-Bi lấy làm bàn đạp kết-hợp nhau-lâm. Sau Tinh-Thiều, các tù-trưởng đua theo về Lý-Bi rất nhiều, trong bọn ấy có Triệu-Túc ở Châu-Diên có tài thao-lược.

Nhưng Lý-Bi đã đánh chiếm thành Long-biên thế nào?

Theo sử-ký năm Tân-dậu túc là năm Đại-dồng thứ 7 đời Lương Võ-Đế. (541), thành-thể Lý-Bi nồi lên to lớn. Tiêu-Tư thấy vậy lấy làm sợ-hãi phải dứt tiền Lý-Bi để trốn thoát về Tàu. Vì đó Lý-Bi chiếm được thành Long-biên một cách rất là nhẹ-nhang không phải dùng đến binh-đao. Chỗ này ta thấy rõ sự khôn-ngoan của Lý-Bi. Người anh-hùng xuất-xứ không bao giờ lại đặt chí-hướng ở chỗ nhỏ hẹp tham vàng. Nhận của dứt của một viên quan Tàu thất-thể cầu toàn-mạng, lẽ dĩ-nhiên chỉ là một cớ cho hắn trốn thoát. Đó là đường lối chính-trị mềm-dẻo của một nước nhỏ đối với nước lớn mà các vua ta sau này trong thời-đại củng-cố độc-lập vẫn hay dùng đến.

Năm Kỷ-sửu (1289), Trần Nhâm-tông giả dạng tha Ô Mã-Nhi, sau trận Tuy-dòng năm Bình- ngọ (1427) vua Lê-Lợi cho Vương-Thông cầu-hòa, chủ-trương chính-trị trước và sau cũng là một. Một nước nhỏ chỉ lo sao giữ cho tròn được cái nghĩa tự-vệ là may, còn hơi sức đâu ôm-mang tham-vọng tranh-chấp với người.

Ấy cũng vì sự mềm-dẻo của Lý-Bi mà thành Long-biên đương từ chẽ-độ đô-hộ bước sang giai-doạn độc-lập không phải chịu sự đỗ vỡ, và dây vào dây bao xương máu.

Nhưng Tiêu-Tư được trốn thoát về Tàu không lấy làm ân lại kết vào dây một mối oán-cừu sâu-sắc.

Năm Nhâm-tuất (542), tức là năm thứ 2 từ khi

nước ta đã lấy lại được độc-lập (năm Đại-đồng thứ 8 đời Lương Võ-dé) vì Tiêu-Tư cầu xin viện-binh phục-thù, vua Lương sai Tôn-Quýnh thái-thù Cao-châu, Lư tử-Hùng thái-thù Tân-châu, cất quân sang đánh Lý-Bi. Tôn-Quýnh tàu vua xin đợi xuân qua rồi hãy động binh, kéo bấy giờ dương mùa xuân có nhiều bệnh dịch phát-sinh, mà đất Giao-châu là một miếng đất biên-viễn rất nhiều khí độc. Hầu Tân-Du không chấp-thuận lời xin ấy một phần cũng tại Tiêu-Tư dương nóng phục-thù. Nhưng đạo quân viễn-chinh bắt đầu chủ-tướng tỏ ý ngã lòng thì còn khi nào thành-công được. Nó thật đã dí vào con đường tự-diệt. Lư Tử-Hùng đến Hồ-bắc thì quân số đã mất 7 phần mười. Chủ-tướng bắt buộc phải thoái-binh với con số còn sót lại.

Tiêu-Tư lấy làm tức giận rằng sự ra quân lầm-lở ấy không rửa được thù còn khiến hấn phải hàm hận, liền làm một trá-biều nói hai tướng không chịu tiến-binh khiến hai người cùng phải tội tử-hình.

Đạo binh Trung-quốc hồi ấy không xâm-phạm nước ta, vì vậy Lý-Bi không phải đương đầu, nhưng Lý-Bi không phải vì đấy không vững-vã. Trong lo kết-nạp uân-tâm, ngoài đối với phương Bắc khỏi binh-dao, nhưng với phương Nam phải đối với cuộc gây hấn của Lâm-Ấp.

Năm 543, năm Qui-hợi tức là năm độc-lập thứ 3, Lý-Bi sai tướng là Phạm-Tu đem quân đánh Lâm-Ấp vì quân này đã quấy rối quận Nhật-nam. Phạm-Tu đã đánh bại được quân Lâm-Ấp ở Cửu-đức.

Sau trận này một thứ ánh-sáng huy-hoàng chiếu rọi vè-vang trên thành Long-biên, một thứ ánh-sáng quý-hoa làm rạng-rỡ một kinh-thành trên 5 thế-kỷ bị chìm ngập trong bóng tối, cái ánh-sáng rực-rỡ ấy là ánh-sáng ĐỘC-LẬP.

Xưa kia thành Long-biên và thành Lién-lâu cũng vậy, dẫu vẫn giữ vững tinh-thần độc-lập của dân-tộc trong một lĩnh-vực rộng lớn, cũng chỉ là một quận-trị châub-trị hay dò-hộ-phủ của người Tàu. Bấy giờ Long-biên đã nghiêm-nhiên thành kinh-dô một nước.

Năm Giáp-tý (544), Lý-Bi được toàn-thắng tự xung là Nam-Việt-dέ, sửa-sang chính-trị đặt nước là Vạn-xuân, thiết triều, phong Triệu-Túc làm thái-phó, Tịnh-Thiều làm tướng văn, Phạm-Tu làm tướng võ, đặt niên-hiệu là Thiên-Đức. Thiên-Đức là niên-hiệu đầu-tiên của nước ta, kể từ đời Hồng-bàng đến thời-đại ấy.

Bấy giờ bờ cõi nước ta do Lý-Bi cai-trị, phía Bắc gồm bờ cõi của rợ Thái trắng và vùng Ô-hira, (Lạng-sơn) dọc theo bờ sông Hồng-hà và sông Lô gồm rợ Liêu, cả một giải Bắc-Việt, chạy mãi vào tới Đức-châu, giáp với ranh-giới nước Lâm-Ấp. Đó là toàn cõi Giao-châu sau khi đã bị ly-dị với châu Quảng, và trên cõi đất ấy ta đã lập được nền tự-chủ mạnh-mẽ để Nam-tiến sau này.

Nhưng trong thời-kỳ Lý Nam-đé cai-trị nước nhà, cuộc sửa-sang chính-trị của nhà vua không được mấy bởi loạn-lạc xảy ra liên-tiếp. Dưới niên-hiệu Thiên-Đức thành Long-biên chỉ được yên-đն 4 năm.

Năm Ất-sửu (545), tháng sáu mùa hạ, Lương-triều sai DƯƠNG-PHIỀU làm thứ-sử Giao-châu, TRẦN BÁ-TIỀN làm Tư-mã; hai người phải hợp-lực đem quân đánh Lý-Bi.

Về đường tiếp-viện lương-thực, Tiêu-Bột là thứ-sử Định-châu phải đảm-nhiệm.

Nhưng đất Giao-châu xưa nay vẫn là nơi urom khi-dọc là mồ chôn bao nhiêu vạn quân-sĩ Trung-quốc. Đạo quân nhà Tần xưa đã trải một sự thiệt-hại lớn

lão, đạo quân của tay tướng tài là Phục-ba tướng-quân Mã-Viện cũng suýt bị tan vỡ vì khí độc. Gần đây Lư tử-Hùng chưa đến bờ cõi Giao-châu đã phải chùng gót lui binh. Tiêu-Bột hiếu sâu-xa cái tâm-lý binh-sĩ bấy giờ không muốn đem thân vào một cuộc phiêu-lưu viễn-chinh đầy nguy-hiểm. Ông bèn lấy điều dối-trá giữ Dương-Phiêu lại.

Có một cuộc hội-nghị quan-trọng giữa các tướng-lĩnh. Trần Bá-Tiên hăng-hái nói :

« Dân Giao-châu nổi loạn thế là phạm tội với triều-định. Nó lại quấy rối các quận. Tôi thật đáng chết Quan thứ-sử Định-châu chỉ muôn hòa-bình. Ông không biết tôn-trọng lời vua ban-phán sai đi trừng-phạt kẻ phạm tội. Lệnh vua đã xuống dù sống chết ta cũng phả tiến quân, sao ta lại dừng lại không cất bước. Thế là gây nanh-vuốt cho địch và làm nản bụng quân ta ».

Lời hùng-dũng của Trần Bá-Tiên làm phẫn-chấn lòng ba quân, ngọn cờ phất, ba quân đều tiến. Trần Bá-Tiên lĩnh chức tiên-phong. Đạo quân của Trần Bá-Tiên đi qua Đông-triều men sườn núi dọc sông Thái-hình tiến lên, không gặp một súc kháng chiến nào. Với hai vạn quân, Lý Nam-dế đợi Trần Bá-Tiên ở Châu-diện (gần Hải-dương). Sở-dĩ nhà vua đóng quân ở đấy là để chặn đường Trần Bá-Tiên, che-chở Long-biên-thành. Một trận quyết-liệt này đặt hết cả vận-mệnh quốc-gia vào sự còn-mất, nó nhắm vào mục-phiêu còn, mất của Long-biên-thành. Trận này mà thua túc là Long-biên mất. Thành Long-biên mất, sự đỗ-ngã của nó kéo luôn cả sự đỗ-ngã của một quốc-gia còn trứng nước. Trận này cũng giống như trận Mã-Viện đánh Hai Bà Trưng ở Lãng-bạc. Trần Bá-Tiên và Lý Nam-dế đã giao-binh ở Hải-dương, và Trần Bá-Tiên đã bại được nhà vua, Lý Nam-dế phải bỏ thành Long-biên chạy về phía tây.

Lý Nam-đế đem tàn-quân về ăn ở bờ bên kia sông Hồng-hà, mưu cuộc phục-thù. Đại-bản-doanh của nhà vua bấy giờ đóng ở cửa sông Tô-lịch (gần Hà-nội bây giờ), bao bọc xung quanh bằng một giải-tường thành bằng gỗ, giải-tường ấy vào khoảng góc đê Yên-phu chạy bọc quanh hồ Tây.

Phải chăng đội quân của Lý-Bí cũng là đội quân ô-hợp như đội quân của hai vị nữ anh-hùng họ Trưng xưa ? Nó không có căn-bản về quân-sự, nên rất dễ bị tan vỡ trước một đội quân của Trung-quốc có tổ-chức hẳn-hoi. Vả chăng cuộc thua quân buồm đầu dù làm nhụt cả chi chiến-dấu của binh-sĩ. Sự đỗ-ngã tinh-thần quân-đội ấy suốt thời-đại Lý-Nam-đế không lúc nào phục-hưng được.

Lý Nam-đế đóng quân ở cửa sông Tô-lịch lại bị quân Trần Bá-Tiên tiến đánh, nhà vua bị thua lui về đóng ở Gia-ninh. (huyện Yên-lãng tỉnh Phúc-yên). Tháng giêng mùa xuân năm Bình-dần (546), tức là năm thứ 3 của một quốc-gia độc-lập, Trần Bá-Tiên tiến quân lên vây Gia-ninh. Lý Nam-Đế bị bức phải trốn về Tân-vương (tức là đất Phong-châu cũ thuộc Vĩnh-yêu bây giờ) nơi ấy có rợ Liêu ở.

Mùa thu tháng 8 nhà vua đem 2 vạn quân mỏ trong đám dân Liêu ra đóng trên một cái bãi ở giữa đầm Điền-triết. Xung-quanh bãi san-sát chiến-thuyềն của nhà vua, sự canh-phòng rất cẩn-mật. Quân Lương đóng ở ngoài cửa hồ không dám tấn-công vào. Đám quân này tuy gấp tay tướng giỏi nhưng vào cảnh-huống bê-tha thảm-hai. Bệnh sốt rét, bệnh thời-khi đã làm chết hại rất nhiều, lại không được viện-binh. Trần Bá-Tiên khéo xoay cái sở-doản ấy của quân mình làm cái sở-trường đổi-dịch. Cũng như Hán-Tin, Quang-Trung dùng trận bối-thủy bỏ vào chỗ chết để tìm cái sống, lẩy

chí phẩn-quyết của một đội quân đau thương đánh vào sự dã tan vỡ của một đội quân ô-hợp và bắc-tập gồm có cả quân rợ Liêu và rợ Ô-hứa, cái thành-công đã nắm chắc trong tay.

Đêm hôm ấy nước sông lên cao đồ rót vào hố. Trần Bá-Tiên ra lệnh theo giòng nước tiến quân. Quân thuyền Trần Bá-Tiên xô vào như chớp nhoáng. Quân Lý Nam-dé chưa kịp giao-chiến đã bị tan vỡ.

Thua trận này nhà vua phải lui về giữ động *Khuất-liêu* (có sách chép là Khuất-lão hay Động mán).

Bấy giờ Lý Nam-dé đã thấy mồi-mệt về bao phen chinh-chiến thất-bại, tự liệu sức không còn đủ chí-khi giữ vững tinh-thần phẩn-dẫu của ba quân, bèn giao binh-quyền lại cho tay tướng tâm-phúc là *Triệu Quang-Phục*.

Theo sử ta, năm Mậu-thìn (548), Lý Nam-dé ở Khuất-liêu bị bệnh sốt rét, rồi mất ở đấy. Theo khảo-cứu của ông Maspero vào năm Bình-dần (546) mùa hạ, rợ Liêu vì muốn cầu hòa với Lương đã chém đầu Lý Nam-dé đem nộp Trần Bá-Tiên. Theo sách Tàu, Lý Nam-dé bị rợ Liêu giết và đem nộp Trần Bá-Tiên vào năm Thái-thanh thứ nhất tức là năm Đinh-mão (547). Theo khảo-cứu của ông Madrolle, Lý Nam-dé sau khi bị thua chạy vào xứ Thái ở Tuyên-quang và bị giết cũng vào năm 547. Cách Tuyên-quang 10 cây số trên đường đi Yên-bái hiện nay có một nơi đền thờ Lý Nam-dé ở trên núi, nơi ấy là nơi xưa Lý Nam-dé bị giết.

Cái chết của ông khai-nghiệp nhà Tiền-Lý trong sự ghi chép của các nhà làm sử và các nhà khảo-cứu so-le nhau 3 năm.

Nhưng ta thử đặt câu hỏi : cái chết của Lý Nam-đế vì bệnh-tinh hay vì hoạn-nạn ? Thuyết Lý Nam-đế bị bắt đầu kỳ từ là một thuyết có thể tin cậy được. Là vì sự phản-phục là một sự rất thường xảy ra ở trong đám dân-tộc trình-độ văn-minh còn thấp kém, chưa biết trọng tín-nghĩa. Cái xu-hướng của bọn dân lạc-hậu ấy chỉ theo chiều mạnh.

Cái cơ-nghiệp của nhà Tiền-Lý tuy không được lâu dài, nhưng cũng không phải đến năm 548 đã vào tịch-mịch.

Cái sống của một quốc-gia độc-lập dưới nhà Tiền-Lý sở-dĩ vất-vả mong-mạnh như vậy, là vì cái tinh-thần tự-chủ của dân-tộc ta chưa được trưởng-thành.

Song đem so-sánh cuộc độc-lập của nhà Tiền-Lý với cuộc độc-lập của Hai Bà Trưng xưa thì cuộc độc-lập kia còn tương-đối dài hơn cuộc độc-lập này gần nửa thế-kỷ. Đó cũng là một tiển-bộ của lịch-sử,

TRIỆU QUANG-PHỤC VÀ LÝ PHẬT-TỬ (3-4)

Theo sử ta trước khi Lý Nam-đế mệnh-chung một lực-lượng quân-sư mới đã được gây nên bởi một vị tướng « trảo-nha » của nhà vua, vị tướng ấy là TRIỆU QUANG-PHỤC. Nhưng cái công-nghiệp của nhà Tiền-Lý ở Triệu Quang-Phục đã bị giáo-sư Maspero bác-bỏ triệt-đè.

Trước khi nói đến điều khảo-cứu của giáo-sư, chúng ta hãy xem truyện Triệu Quang-Phục theo Việt-sử, ở đây ta thấy nhà vua đã nhiều phen cười khóc với Long-biên-thành.

Nguyên Triệu Quang-Phục là con quan thái-phó-Triệu-Túc, người ở Châu-diên, đã theo cha giúp Lý Nam-đế lập được nhiều công-trạng, được phong chức Tả-tướng-quân.

Khi Lý Nam-Đế bị thua lần cuối cùng lui về Khuất-liêu, giao hết binh-quyền cho Triệu Quang-Phục để chống với Trần Bá-Tiên.

Năm Đinh-mão (547), là năm có nhật-thực, (vào ngày 1 tháng giêng) Triệu Quang-Phục cầm-cự với Trần Bá-Tiên nhiều phen bắt phân thắng phụ.

Nhưng quân Trần Bá-Tiên dần dần khởi sắc còn quân Triệu Quang-Phục càng ngày càng gấp khó-khăn về đường tiếp-tế. May thay trong khi Triệu Quang-Phục đương lâm vào một tình-thế nan giải về quân-sư thì gặp ngay một điểm địa-lợi, vì đây mà quân-khi được phục-hồi.

Nguyên ở Châu dien quê hương ông có một cái trồm tên là *Dạ-Trạch*. Cái trồm ấy, xung quanh bùn lầy mọc um-tüm lau sậy, chỉ ở giữa nồi lên một khoảng đất-

rắn là nơi ông đóng quân. Người ngựa vào nơi ấy rất là khó-khăn nguy-hiểm.

Muốn vào phải đi thuyền độc-mộc len-lỏi trong đám lau-lách hoang-rợ. Người không thuộc đường sẽ bị lạc và bị rắn độc cắn chết.

Triệu Quang-Phục có 2 vạn quân đóng trên giữa miếng đất hiêm-trở trong trampus.

Ban ngày cấm không được đốt lửa trong trại, cấm không được động tĩnh. Nhưng đêm đến Triệu Quang-Phục tung quân ra đánh cướp lương-thực của Trần Bá-Tiên. Trần Bá-Tiên chỉ chịu sự thiệt-hại mà đổi lại không làm gì được.

Xét ra cuộc đánh dằng-dai này của Triệu Quang-Phục kháng-cự với quân Tầu là thế đánh DÙ-KÍCH. Lối đánh du-kích từ đời nội-thuộc nhà Tần, thời An dương-vương ta đã biết áp-dụng. Vì cuộc đánh du-kích của dân ta thời ấy mà hàng vạn quân Tầu đã bị tiêu-diệt. Thêm vào sự hao-tồn quân-số, một cái chết rất to lớn làm đỗ-ngã cả lòng ba quân, đó là cái chết của viên đại-tướng tông chỉ-huy năm đạo quân bình Bách-Việt là Đồ-Thur.

Sau này trong nhiều cuộc kháng-chiến với quân Tầu, ta đã phải dùng đến phương du-kích, vì thế đánh du-kích ta mới hạ nỗi quân thù. Lối đánh trên sông Nhữ-nghệ là lối đánh cầm-cự của đại-tướng Lý Thường-Kiệt. Nhưng về sau này sở-dĩ vua Lê-Lợi đã lùng-lẫy giang-san, thu-phục được chủ-quyền cho nước nhà ở trận Chi-lăng, trước cuộc thắng trận ấy ta đã phải dùng lối du-kích. Và chính trận Chi-lăng, nỗi tơm-lại cũng là phương thế du-kích rộng lớn.

« Biết người biết mình trăm trận đánh trăm trận thắng ».

Vua Alexandre le Grand nói :

« Ta không thắng trộm ». Nếu lời nói đó không phải là lời đã biết thủ thắng của tài đại-tướng thì đó chỉ là lời kiêu-ngạo. Trong cuộc giao-tranh, không dùng được phuơng thẽ ngay thắng tất phải dùng đến mưu quỷ-quyết. Đã muốn thủ thắng thì dù bậc đại-tài thao-lược phải dùng đến lối « thắng trộm » cũng chẳng nên câu-nệ. Xét những trận đánh của Hán-Tin xưa kia bình Sở, bắt đầu đều phải dùng lối « thắng trộm » cả.

Về việc binh tha hồ quyền-biển, ta chẳng nên cõ-chấp ở chỗ quân-tử cõ-hủ.

Trong những cuộc giành độc-lập của ta, vì mờ mắt trận hắn-hoi trong khi quân-lực còn ấu-trĩ, mà quân Hai Bà Trưng bị tan-nát ở Lãng-bạc. Sau này Lý Nam-dẽ chạy từ cuộc thua này đến cuộc thua khác cũng là vì không áp-dụng lối đánh du-kích. Lối đánh du-kích được gặp nơi hiêm-trở ta thấy ở Triệu Quang-Phục.

Vì địa-thể hiêm-trở của trầm Dạ-trạch, mà Triệu Quang-Phục làm hao-tốn được quân-số của Trần Bá-Tiên, một tướng tài. Và cũng vì trầm Dạ-trạch kết-hop với tài thao-lược của Triệu Quang-Phục mà người đương-thời tôn ông là « DẠ-TRẠCH-VƯƠNG ».

Nhưng xưa nay trong những chuyện của các bậc anh-hùng xuất-xứ ở những cuộc hiền-hách hay pha lãnh thần-quyền, nhất là ở câu chuyện của những bậc vĩ-nhân Á-dông.

Đời Hùng-vương có chuyện Phù-dông Thiên-vương cõi ngựa sắt bình giặc Ân. Đời An-đương-vương có chuyện thần Kim-quý giúp công cuộc xây Loa-thành và biến móng thần làm thần-nô thì đây lại có thần-quyền

Theo tục-truyền thì sở-dĩ Dạ-trạch-vương được nhiều

phen thắng trận là vì có vị thần ở trầm Dạ-trạch là Chử Đồng-Tử đã từ trên trời cõi rồng vàng xuống biến nhà vua một cái móng rồng, nhờ bảo-vật ấy Triệu Quang-Phục trở nên vô-dịch.

Năm Kỷ-ty (549), sau khi Lý Nam-đế chết, Triệu Quang-Phục làm lê tể-cáo trời đất, đội mũ có gắn móng rồng tự xưng là *Triệu-Việt-vương*.

Năm Canh-Ngọ (550), mùa xuân tháng giêng, vua Lương phong Trần Bá-Tiên làm thái-thú châu Giao, đó cũng là một phương-pháp khuyễn-kích thúc-duc Trần Bá-Tiên mau mau bình-dịnh đất Giao-chỉ.

Nhận chức phong, Trần Bá-Tiên đương nghĩ phương-pháp tiêu-diệt Triệu Quang-Phục, thì xẩy bên Tầu có loạn *Hầu-Cảnh*, Trần Bá-Tiên bị gọi về dẹp loạn, giao cả binh-quyền lại cho viên tùy-tướng là Dương-Sản đảm-nhiệm. Dương-Sản là người tầm-thường không đủ tài thao-lược. Thừa cơ-hội tốt, Triệu Quang-Phục ráo-riết khởi binh đánh bại được Dương-Sản. Cuộc thắng trận này đã mở một kỷ-nguyên mới cho họ Triệu, nó hợp-thúc-hóá được cái cơ-nghiệp mẩy năm trời vất-vưởng trước bàn tay lâm-le đô-hộ, nó hoàn-thành được cái nghĩa quốc-gia độc-lập mà Lý Nam-đế phải bỏ dở giữa đường. Đó là cái mộng đẹp nhất một đời mà Triệu Quang-Phục đã thành-tựu được. Và cái mộng ấy sở-dĩ thành-tựu được là nhờ ở sự chiếm lại được Long-biên-thành.

Long-biên-thành ! Cái tên đẹp-dẽ ấy trải năm thế-kỷ bị chìm đắm trong làn khói đô-hộ u-ám, đã tắm đầy ánh dương-xuân hối Lý Nam-đế đặt quốc-hiệu là Vạn-xuân. Và muốn bảo toàn cái tên quý báu ấy không bị mờ-ám bởi làn gió bụi xâm-lăng mà Lý Nam-đế đã bị thua đau-dớn ở Châu-diên, rồi bị chết hảm oan ở nơi rừng thẳm không còn bao giờ được nom thấy kinh-

thành nước cũ.

Triệu Quang-Phục lấy lại được Long-biên-thành tức là làm thành được cái cơ-nghiệp cho mình, lại bảo được thù, rủa được oán, rút được hòn' cho cố-quân.

Nhưng sau khi thu-phục được Long-biên-thành Triệu Quang-Phục lại bị ngập vào vẩn-dề tình-cảm, vì dấy mà mang luy.

Nguyên Lý Nam-đế có người em là Lý thiêng-Bảo. Khi Lý Nam-đế náu ở Khuất-liêu, Lý thiêng-Bảo cùng người họ là Lý Phật-Tử đem 3 vạn quân vào Cửu-chân bị Trần Bá-Tiên đuổi đánh. Quân thiêng-Bảo bị hao-hụt tới 1 vạn người. Thiêng-Bảo bị thua phải trốn, sang Ai-lao & nhờ rợ Liêu (Liêu-di). Thấy đất Dã-năng ở cửa sông Đào là một địa-thể thuận-tiện cho đường lập-nghiệp, liền đóng luôn quân ở đây tự xưng là Đào-Lang-vương, đặt nước là Dã-năng-quốc. Năm Ất-hợi (555), vua Đào-Lang chết không người kế, LÝ PHẬT-TỬ lên thay quyền.

Bấy giờ Triệu Việt-vương đã làm chủ được Long-biên-thành tức là đã làm chủ được nước ta đem lại độc-lập cho tộ-quốc.

Lý Phật-Tử liền đem quân về đánh nhau với Triệu Quang-Phục để tranh cơ-nghiệp. Cuộc chiến-tranh khởi ra giữa hai người ở huyện Thái-bình, nhưng cán cân vẫn thăng-băng cuộc thăng, bại chưa ngả đích-xác về bên nào.

Triệu Việt-vương không đánh ngã nỗi Lý Phật-Tử, mà Lý Phật-Tử cũng không chiếm nổi Long-biên-thành. Cuộc chiến không lợi, người ta nghĩ đến cuộc hòa. Bấy giờ Lý Phật-Tử mới nghĩ đến diệu-kế của Triệu Vũ-đế khi xưa, lấy hòa-biểu kết nghĩa thông-gia đồi oán

thành ân. Và Triệu Việt-Vương cũng nghĩ tình Lý là dòng-dõi Nam-dẽ khi xưa, muốn lấy cảm-tình giải-quyết vần-dẽ quân-sự.

Triệu Quang-Phục liền đem nửa giang-san chia cho Lý Phật-Tử. Lý Phật-Tử đóng ở Ô-diên. (nay ở vào làng Hạ-mỗ, huyện Tứ-liêm tỉnh Hà-dông) Triệu Quang-Phục đóng ở Long-biên lấy bãi *Quân-Thần* làm giới-hạn (bãi ấy thuộc làng Thượng-cát huyện Tứ-liêm).

Quốc-sử diễn ca :

« *Triệu về Long-dõi Nhị-hà*
« *Lý về Hạ-mỗ ấy là Ô-diên »*

Con trai Lý Phật-Tử là Nhã-Lang kết duyên với con gái Triệu Quang-Phục là Cảo-Nương. Vì vua Triệu yêu quý con gái lắm không nỡ dời nên Nhã-Lang được ở gùi rẽ (Nhuế-tẽ). Cuộc thông-gia của hai nhà ở Triệu là một cuộc giao-hảo thực-tinh nhưng ở Lý đã là một phương xảo-trá. Cuộc tình-duyên của Nhã-Lang với Cảo-Nương tốt đẹp bao nhiêu chỉ là một kế-hoạch lợi-dụng của một kẻ cõi-ý đối với người vô-tinh. Cảo-Nương ngày-thơ nhưng Nhã-Lang hữu-ý.

Năm Canh-dần (570), Nhã-Lang hỏi vợ :

« Trước kia phụ-hán chúng ta là cừu-dịch, chinh-chiến với nhau, chẳng hay phụ-thân nàng có phép mẫu gì mà không ai đương-cự nổi » ?

Cảo-Nương vô-tinh lấy móng rồng đưa cho chồng xem, Nhã-Lang liền nghĩ phương kế đối móng rồng giả lấy móng rồng thật đem về cho Lý Phật-Tử.

Năm Tân-mão (571) Lý Phật-Tử xóa bỏ hòa-ước cũ dung binh lên đánh Triệu Quang-Phục vua Triệu vẫn cậy có mủ rồng không sưa-soạn gì cả. Khi quân Lý

đến gần thành vua Triệu đem mũ ra thì cái mũ không còn linh-nghiệm nữa.

Nhà vua thua chạy về phía Nam đem con gái đi theo. Lý cho quân đuổi gấp. Đến cửa bờ Đại-nha cùng đường, nhà vua than :

« Đây là mồ chôn ta đây ! Rồi nhảy xuống bờ tự-tận. »

Nhà vua chết đi linh-thiêng lâm, dân-sự quanh đấy lập đền thờ, đặt tên nơi ấy là Đại-nha Hải-khâu.

Thế là Lý Phật-Tử vì mưu kế đã rút được Triệu Quang-Phục, lấy được Long-biên-thành và thống-nhất được toàn-quốc.

Xét ra khi Lý Nam-đế giao binh-quyền cho Triệu Quang-Phục là lúc nhuệ-khi ba quân đã tàn, cái thế-lực của nhà Tiền-Lý đã suy. Nhờ địa-lợi lấy tài thao-lược, và chí cương-quyết, lại biết chấp-dụng thời-cơ, Triệu Quang-Phục đã bại được quân Lương, thu-phục được Long-biên-thành, thì lẽ dĩ-nhiên được chính-thức làm chủ-nhân-ông Nam-Việt-quốc.

Vậy mà vua Triệu Việt-vương đã nghĩ đến tình tiên-đế khi xưa, nhường nửa thiêng-hạ cho người chỉ có tình qua-cát với tiên-đế, cái cảm-tình đối với Lý Phật-Tử thật là nồng-hậu.

Nhưng Lý Phật-Tử bị mờ-ám bởi lòng dục-vọng quá sâu, để đến chỗ tàn-nhẫn diệt người đã thi ân với mình. Cái lòng tham-vọng của Lý Phật-Tử về đất-dai đã toại, nhưng cái chí anh-hùng cao cả là giữ vững được nền độc-lập cho tổ-quốc thử hỏi họ Lý có thành.

Về sau Lê Đại-Hành lấy ngôi của nhà Đinh, nhà Trần lấy ngôi nhà Lý tuy đối với tiền-triều mắc tội tiếm

phạm, nhưng Hồi với lịch-sử vẫn được vào dòng chính-thống, vì hai nhà ấy đã có công thăng ngoại-xâm giữ vững nền độc-lập cho dân-tộc.

Lý Phật-Tử đã cướp nước của Triệu Việt-vương cuộc gìn-giữ bờ cõi thế nào ?

Lịch-sử chép sau khi Lý Phật-Tử đã lấy được Long-biên-thành rồi liền xung đẽ-hiệu đóng đô ở Liên-lâu-thành sai Lý Đại-Quyền giữ Long-biên và Lý Phồ-Đỉnh giữ Ô-diên.

Sở-dĩ Lý Phật-Tử tranh-chấp với Triệu Việt-vương và tung-hoành vùng-vãy ở Giao-châu được tự-do như thế là vì hồi ấy bên Tàu có loạn, có chiến-tranh giữa nhà Đường với nhà Tùy.

Về sau vua Văn-Đế nhà Tùy gồm cả Nam, Bắc, thống-nhất được Trung-quốc. Năm Nhâm-tuất (602), vua Tùy sai Lưu-Phương đem quân 27 doanh sang đánh nước ta. Bấy giờ Liên-lâu-thành, Ô-diên và Long-biên-thành là ba nơi liên-lạc chặt-chẽ với nhau để chống-cự với ngoại-xâm. Lưu-Phương đỗ quân từ Vân-nam xuống.

Lưu-Phương là một tay tướng tài trị quân rất nghiêm. Ai phạm tội bị trừng-phạt theo kỷ-luật, nhưng ai bị bệnh-hoạn rất được săn-sóc. Ba quân đã mến ông về đức lại trọng ông về uy.

Thật ra cuộc chinh-nam này làm cho Lưu-Phương là chủ-tướng phải nhiều phen vất-vả. Cuộc tiến quân từ Vân-nam xuống đã gặp bao gai-góc. Bệnh-tật, khí-hậu nhiệt-thấp đã giết rất nhiều quân-sĩ của ông. Lưu-Phương phải đóng quân lại ở đất Doãn, (bây giờ là đất Sở-hùng ở Vân-Nam). Ông phải để lại đầy một số lớn quân-sĩ, chỉ chọn những quân tinh-nhuệ.

Bắt đầu Lưu-Phương gặp vài ngàn quân tiên-phong

của Lý Phật-Tử ở gần Hà-giang đánh bại được đạo quân ấy, rồi theo dọc sông Lô đồ xuống.

Phải chăng một trận phủ đầu đã làm thất-dam Hậu Lý Nam-dế. (Lý Phật-Tử), mà nhà vua không dám giao-phong lần thứ hai nữa dã với xin hàng.

Lưu-Phương bắt Lý Phật-Tử giải về Tầu còn bao dữ-đảng đều bị chém cả. Nhưng sau này dân cũng lập đền thờ Lý Phật-Tử ở Tiêu-nha Hải-khẩu để đối với Đại-nha Hải-khẩu.

Vậy thì Lý Phật-Tử vì mưu-mô khôn-khéo đã cướp Long-biên-thành của người thi-ân với mình, lại không giữ nỗi được kinh-thành mới có quốc-hiệu để nó lại lọt vào tay ngoại-xâm, thân dành làm kẻ tù-dồ.

Câu chuyện bi-hùng giữa Lý Phật-Tử và Triệu Quang-Phục thấy chứng-thực ở sử ta nhưng đối với giáo-sư Maspero, đó chỉ là một câu giai-thoại kè cho vui chuyện.

Theo giáo-sư Maspero, Lý Phật-Tử quả là con người của lịch-sử, nhưng Triệu Quang-Phục chỉ cẩu-tạo nên câu chuyện hoang-đờng. Chuyện « móng rồng » của Triệu Quang-Phục giống như in chuyện nỏ thần của An dương-vương. Vào thế-kỷ thứ 15 Lê-Tung trong Việt-giám thông-khảo tông-luận cũng nói về sự tương-tự của hai chuyện. Ta không thể nói chuyện An dương-vương chép & chuyện Triệu Quang-Phục được, là vì trước khi có chuyện Triệu Quang-Phục đã có hai quyển sách nói về An dương-vương. Vậy thì ta phải nói chuyện Triệu Quang-Phục đã chép của chuyện An dương-vương. Cũng móng thần ban tặng, cũng sự linh-thiêng của bảo-vật, rồi cũng gửi rè cầu-thân, hữu ý lừa vợ, và vô-tinh tin chồng. Rồi cũng sự trẽ-nải của kẻ ý thế vật-thiêng. Giang-sau của kẻ tin-nghĩa tan-tành, hồng-nhan

bạc-mệnh, mắc tội bắt-hiếu mang theo tội bắt-trung, bảm-oan thiêん-cô.

An dương-vương phải mất Cồ-loa-thành thì Triệu Quang-Phục mất Long-biên-thành. Đến chuyện Triệu Quang-Phục rút quân vào trâm Dạ-trạch, cũng là sự nhắc lại cuộc rút quân của Lý Nam-Đế vào hồ Điện-triệt. Theo lý-luận ấy giáo-sư Maspero cho chuyện Triệu Quang-Phục chỉ là câu chuyện bịa-dặt.

Đại-việt sử-ký toàn-thư xuất-xứ vào thế-kỷ thứ 17 tức là năm 1665 có nói : « tiền-sử không nói đến vua Việt và vua Đào-Lang. Chuyện có ba thời vua là : Lý-Bí, Triệu Quang-Phục, Lý Phật-Tử là theo dã-sử. Còn chuyện Đào-Lang thêm vào cho trọng bộ ».

Nguyên quyền Đại-Việt sử-ký toàn-thư này có 2 phần : một quyền Đại-Việt sử-ký toàn-thư xuất-bản năm 1479 do Ngô sĩ-Liên biên soạn, một quyền Đại-Việt sử-ký toàn-thư tục-biên do Phạm Công-Trứ trước-thuật.

Trong sách của Ngô sĩ-Liên đã có nói đến Triệu Việt-vương : « Trong thời vua Triệu-Việt tuy Thiền-Bảo có được nước xưng vương. Nhưng cái vương-chiếc ấy bị vua Triệu lấn-áp. Vậy chuyện vua Thiền-Bảo chỉ là chuyện phụ-thuộc chuyện Triệu Việt-vương ».

Ông Ngô sĩ-Liên là người đầu-tiên nói về Triệu Quang-Phục trong Việt-sử. Ông Lê-Tung trong Việt-sử thông-giám tông-luận cũng nói như trong Đại-Việt sử-ký toàn-thư. Vua Đào-Lang thu-thập tàn-quân lui về Dã-năng. Lực-lượng của nhà vua rất yếu-duối. Vua Triệu kế-vị vua Nam-dế. Khi vua Đào-Lang chết, vua Triệu chia nước với Lý Phật-Tử. Vì được móng rồng nên vua Triệu đánh bại được quân Tầu.

Ta chỉ thấy nói về Triệu Quang-Phục ở hai tác-giả kề trên ; người đầu-tiên là Ngõ sĩ-Liên. Còn ra Đại-Việt sử-ký của Lê văn-Hưu (1272). Đại-Việt sử-ký của Phan phù-Tiên (1455) và An-nam chí-lược đều không nói đến Triệu Quang-Phục. Đối với các nhà làm sử này còn không có nhà Tiền-Lý nữa. Lý Nam-Đế chỉ được gọi bằng tên là Lý-Bí. Triệu Quang-Phục không có và Lý Phật-Tử là một tay phiến-loạn dời Tùy.

Nói tóm lại Việt-sử mãi đến thế-kỷ thứ 15 không nói đến Triệu Quang-Phục. Ông Ngõ sĩ-Liên cẩn-cứ vào đâu mà tạo nên lịch-sử ông vua ấy ?

Nguyên Triệu Quang-Phục, bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15 vào chinh-sử, nhưng từ thế-kỷ thứ 14 đã thấy chép ở một quyển dã-sử nhan đề là Việt-diện U-linh-tập của ông Lý tể-Xuyên. Chinh ông Lý tể-Xuyên cũng chép câu chuyện ấy ở một quyển sử-ký mà người ta không biết tác-giả là ai. Sau người ta truy-nghiên ở một quyển sách nói về Lý Phục-Man là tướng của Lý-Bí, hiện được làm thành-hoàng làng Mẽ-sở huyện Đông-an, (Hưng-yên) và làng Hoàng-Lưu huyện Phú-xuyên (Hà-dông) câu chuyện ấy trích ở quyển sử-ký tác-giả là Đỗ-Thiện. Vì vậy người ta biết được rằng tác-giả làm ra quyển Triệu Quang-Phục là Đỗ-Thiện.

Ông Lê quý-Đôn có nói về quyền Việt-diện U-linh tập. « Vào đầu năm Khai-Hữu nhà Trần (1329-1341) Phụng-ngự Lý tể-Xuyên có soạn quyền Việt-diện U-linh-tập, kể chuyện thần-thoại và các đền thờ của 8 vị vua và 12 vị thần, ông nói về cả nhân-tài và lương-tướng. Quyền ấy trích ở quyền Giao-châu-ký của Lô-Cồn, sử-ký của Đỗ-Thiện ; và Bảo-cực truyện (những sách này bây giờ mất cả) ».

Vậy thì câu chuyện Triệu Quang-Phục bắt đầu do

Ngò sỹ-Liên đã rút ở Việt-diện U-linh-tập. Việt-Diện U-linh-tập lại rút ở sủ-kỷ của Đỗ-Thiện. Đó chỉ là câu chuyện thuộc dã-sử mà người ta đã khéo tò-đièm thành chinh-truyện.

Đối với giáo-sư Maspero không có Triệu Quang-Phục, không có luôn cả nhà Tiền-Lý mà chỉ có ba thời loạn : Lý-Bi (541-548), Lý Thiên-Bảo (549-555), Lý Thiên-Long (theo Trần-thư) và Lý Phật-Tử (571-602).

Sử ta chép nhà Tiền-Lý được 60 năm từ năm 541 đến năm 602. Giáo-sư đã phủ-nhận điều ấy và cho trùng với nhà Tiền-Lý có tới 20 viên quan Tầu sang cai-trị châu Giao.

Năm 550, nhà Lương cho Trần Bá-Tiên sang làm thứ-sử châu Giao. có một sự sửa-sang chinh-trị quan trọng của Trần Bá-Tiên là cắt ở châu Giao ra quận Tân-xương và đặt hẳn thành một châu gọi là Hưng-châu.

Năm 551, bên Tầu có loạn Hầu-Cảnh, Trần Bá-Tiên bị gọi về và người sang thay là Hoàng Pháp-Cú. Có chỗ nói Viên Đàm-Noãn được sang thay Trần Bá-Tiên làm thái-thú cho tới năm 555 (chứng cớ là Viên Đàm-Noãn có gửi 500 lạng vàng cho Ôi, nhờ đưa cho thái-thú Hợp-phố 100 lạng, và cho con mình 400 lạng.

Rồi đến Âu Dương-Ôi làm thứ-sử. Âu Dương-Ôi trước có cự-dịch với Trần Bá-Tiên, sau được Trần tha phong cho chức An-nam tướng-quân. Thế là Âu Dương-Ôi trước coi Trần Bá-Tiên là cùu-dịch sau chịu tôn thờ-làm âu-nhân, dành chịu phận thần-tử. Bấy giờ Giao-châu vẫn còn dưới triều nhà Hậu-Lương. Âu Dương-Ôi dưới triều Trần được phong thứ-sử 19 châu, khi di cho bà con anh em tộc-thuộc di làm quan rất nhiều.

Sau Âu Dương-Ôi là Âu Dương-Hột kế chức của cha. Theo sử Tầu hai cha con họ Âu cai-trị trong xứ

dược yên-đòn 12 năm. Sau Dương Âu-Hột làm phản, Trần-Cao bèn Tầu sai Triệu-Đạt đem binh sang bắt được đem về Kinh làm tội.

Cái di-chính của Âu Dương-Hột để lại sau hắn là sự rối loạn ở châu Giao. Nguyễn-Trác và Trần-Lưu được phung-mệnh di sứ để chiêu-dụ dân-chúng châu Giao được thành-công mỹ-mẫn. Dời-Hoàng được làm thái-thú Minh-châu (cũng thuộc bờ cõi nước ta), dược yên-đòn mấy năm.

Năm 570, Phương-Thái tập tư-ớc Nam-khang tự-vương làm đô-đốc Quảng, Giao 19 châu, trong xứ cũng không bị quấy rối.

Trầm Quản-Cao (574), cai-trị Giao, Quảng 19 châu, vì ông là văn-quan không có tài võ-tướng, nên bọn tú-trưởng trong xứ nỗi lên đánh nhau luon. Ông lo phiền ở chức được 3 năm thì chết.

Dương-Tấn và Dương Hưu-Phố cai-trị châu Giao yên-đòn 12 năm. Dưới thời Vương-Dũng trước năm 588, có sự cải-tổ chính-phủ. Bấy giờ có cuộc khởi-nghĩa của người trong xứ tên là Lý-Xuân. Lý-Xuân tự xưng làm Đại đô-đốc chiếm giữ trong xứ làm chủ được tinh-thể vào năm 590. Sau Dương-Tố sang dẹp Giao-châu yên-đòn dược 12 năm.

Cơ-quan cai-trị bấy giờ cũng biến-dổi. Nhà Tùy thay chế-dộ cai-trị nước Tầu, cải quận thành châu. Phía Nam nước Tầu và nước ta đều theo chế-dộ ấy.

Bắc-Việt bấy giờ có hai châu là Giao-châu và Phong-châu. Phía vùng bờ bắc vịnh Hạ-long gọi là Hoàng-châu và Ngọc-châu.

Theo khảo-cứu của ông Nguyễn văn-Tố ở báo Tri-Tân căn-cứ vào sách Thái-Bình Hoàn-vũ ký thì nhà Tùy đánh bại nhà Trần bỏ quận Giao-châu gọi là châu

Giao. Năm 605 lại đặt là quận. Đến năm 622 mới đặt là *Ngọc-Châu*.

Nguyên-Hòa quận huyện-chỉ chép năm 590 *đổi quận Giao-chỉ làm Ngọc-châu*. Hai quyền khác nhau về niên hiệu. Nhưng quyền Thái-Binh Hoàn-vũ ký chép đúng hơn.

Theo hai quyền trên thì Ngọc-châu tức là Giao-châu. Phía Bắc Trung-việt có Ái-châu và Đức-châu mỗi châu lại chia ra làm huyện theo như chế-dộ cũ.

Về cuộc biến-đổi về châu quận này có cuộc biến-đổi về châu-thành. Phải chăng châu-thành Long-biên trải bao biển-cố đổi với con mắt cai-trị của người Tàu đã là một châu-thành không hợp phong-thủy, nó rất bất-lợi cho phương-pháp thực-dân, mà châu-trị của nhà Tùy ở Giao-châu bấy giờ đã đổi từ Long-biên về TỔNG-BÌNH. (Hà-nội bây giờ) (607). Người ta bảo cuộc cải-cách thiêu-di châu-thành này là một tai-hại cho người Tàu, vì đó mà cuộc cai-trị của người Tàu yếu hẵn đi. Từ lúc bắt đầu thành-lập kinh-thành Hà-nội (Tổng Bình) cũng là lúc gần cáo-chung cuộc đờ-hộ thịnh-vượng của Trung-quốc. Cái linh-thiêng của đất nước đã ngưng-tụ ở Hà-nội đặt nó vào lịch-sử làm quốc-dô mãi mãi của nước ta sau này. Thành Long-biên chỉ là kinh-thành đau khổ hy-sinh cho đất nước.

Trong thời thành Long-biên bị chìm dầm dưới chế-dộ đờ-hộ khắc-nghiệt, sự tàn-nhẫn của thời-đại đáng lẽ phải tiêu-diệt tinh-chất của dân-tộc Lạc-Việt, trái lại càng rèn đúc cứng rắn cái chi độc-lập cương-cường của một quốc-tinh mà ít có dân-tộc nào trên hoàn-cầu bì kịp.

Thành Long-biên bị đặt làm nơi phủ-trị hay châu-trị để thi-hành chế-dộ cai-trị hà-khắc của ngoại-tộc, họ đã hoàn-toàn lấy được thành Long-biên. Họ không hiểu

rằng họ chỉ lấy được hình-thức không lấy được dân-tâm, chỉ làm chủ được tinh-thể không làm chủ được nhân-sự. Cho nên dù cuộc chiếm đất lấy thành có đạt được cuộc thống-trị cũng không được trọn-tru. Luôn luôn có những cuộc khởi-nghĩa làm cho họ nhiều phen thất-bại. Thẩy chế-độ của mình luôn luôn bị khuynh-dảo họ lại luôn luôn nghỉ cách xê-dịch chau-thanh. Cái lợi thiền-cận đã che mắt không cho họ nhìn sâu vào tương-lai để hiểu rằng một phương-pháp chính-trị chỉ lấy sự sắc bén của binh-đao ra làm hậu thuẫn, lấy hình-thể hiềm-trở của thành-trì ra mà hộ-vệ, không đặt nền móng quy-thuận ở dân-tâm của thành-trì, thì cái nền móng cai-trị có bền vững tới bậc nào trước sau cũng là đồ ngã. Câu của Mạnh-Tử: « *Thiên-thời bất như địa-lợi, địa-lợi bất như nhân-hòa* » là câu châm-ngôn bất-hủ của cõi kim.

Thành Long-biên đã có cái địa-lợi của một quốc-gia, lại chung đúc được cái tinh-thần tự-lập của dân-tộc. Nhưng ở thời-kỳ ấy, tinh-thần tự-lập còn ấu-trí Đến Hà-nội nó đã trưởng-thành.

Bấy giờ phủ-trị đã biến-đổi, quan cai-trị cũng thuyên-chuyển luôn.

Sau Chu Pháp-Thượng có Linh Hồ-Hy (569), Linh Hồ-Hy là người tài giỏi, nhưng bấy giờ đã già 61 tuổi, nhiều tật bệnh không có người thay-thế, vì vậy mới có cuộc khởi-loạn của Lý Phật-Tử.

Lý Phật-Tử có được Tùy-dinh xuổng biều chiêu-du. Hoặc giả Lý lấy làm e sợ sự dữ hàng ngọt-ngào ấy, hoặc còn có ý-chắc hiên-ngang mà cuộc chiến Tùy-dinh không dàn xếp được đến cuộc hòa, Lý Phật-Tử dung binh lên chiếm đóng Long-biên. Long-biên bấy giờ đã thôi là nơi chầu-trị, nhưng vị-trí của nó vẫn quan-trọng.

Vì cuộc thắng thế này của Lý Phật-Tử, mà kẻ oán ghét Linh Hồ-Hy đã vu cho Linh ăn của đút của Lý Phật-Tử, Linh Hồ-Hy phải triệt quan gọi về và *Hầu-Mạc Trần-Dinh* được cử sang thay. (tháng ba năm 602 dương-lịch).

Thương hại cho Hy thân đã già da-bệnh về đến nứa dường thì chết, ông mệnh-chung ở Vĩnh-xuyên.

Những cuộc biến-chuyên về quan cai-trị ở thành Long-biên tài vừa kè trên phần lớn rút ở khảo-cứu của giáo-sư Maspero trong bài « Histoire des Lý antérieurs ». « Lịch-sử nhà Tiền-Lý ». Giáo-sư đã lấy tài liệu ở sử Tàu mà ông cho đúng sự thực hơn sử ta. Là vì những sử-liệu của ta chỉ là một mớ ảo-dạc, do sự chép lắn của thời-dai này với thời-dai khác.

Bảo rằng nước ta đời Tiền-Lý không xây-đựng thành một quốc-gia độc-lập là chủ-thuyết của kẻ có óc đố-hộ. Những bọn văn-sĩ Tàu xưa luôn luôn nom đất Giao-châu là thuộc-dịa của Trung-quốc, không ngần-ngại gì ngoi hút mà không cho những công-cuộc khởi-nghĩa của dân-tộc ta là những cuộc khởi-loạn.

Song lấy chứng cứ trong 60 năm có tới 20 ông thủ-sử được bồi sang Giao-châu mà xác-nhận rằng không có nhà Tiền-Lý quả là một vỗ-đoán.

Về Triệu Quang-Phục sách Tàu quả-nhiên ít nói đến, chỉ thấy trong Tùy-thư quyển 53 có câu :

« Lý Phật-Tử tác-loạn cù Việt-vương cô-thành ».

(Lý Phật-Tử làm loạn, chiếm cứ thành của Việt-vương).

Còn những ông quan Tàu sang cai-trị đất Giao-châu thời ấy theo ông Nguyễn văn-Tố viết trong báo Tri-Tận để đáp lại lời giáo-sư Maspero, chỉ là những ông quan

có danh không có thực.

Những ông quan Tàu đó được sai đi trọng-nhậm Giao-châu mà thường không đặt chân đến đất Giao-châu bao giờ.

Bảo rằng Viên Đàm-Noãn hồi ấy sang cai-trị nước ta làm Giao-châu thứ-sử thay Trần Bá-Tiền, chúng ta không thấy sách nào nói đến.

Năm 551 bên Tàu có loạn Hầu-Cảnh, Trần Bá-Tiền bị gọi về dẹp loạn. Theo Đại-Việt sử-ký quyển 5, hai người được sang trọng-nhậm châu Giao bấy giờ là Hoàng Pháp-Cu và Lý Cảnh-Thịnh.

Theo sử, nhà Lương có cho Hoàng Pháp-Cu sang làm thứ-sử Giao-châu, nhưng lại kiêm cả chức huyen-linh ở Tân-kim. « Thủ Giao-châu thứ-sử lĩnh Tân-kim huyen-linh » như thế thì chưa chắc Hoàng Pháp-Cu đã sang ta. Nhận Hoàng Pháp-Cu có làm thứ-sử Giao-châu, thuở ấy, Việt-sử cũng mắc vào một ngộ-diêm lớn.

Còn như Lý Cảnh-Thịnh không được sứ Tàu nó đến. Sử Tàu Trần-Thư quyển 9, có nhắc đến tên Âu Dương-Thịnh làm thứ-sử Giao-châu, mà chưa chắc đã đặt chân đến đất Giao-châu bao giờ.

Việt-kiều-thư chép năm 555 có Lưu Nguyên-Yền làm thứ-sử châu Giao. Sau Lưu Nguyên Yền có Võng-Dịch,

Tính ra từ năm Trần Bá-Tiền về Tàu đến năm Trần Bá-Tiền làm vua, (từ năm 551 đến năm 557) có 6 năm trời mà gộp lại, những ông thứ-sử đã được trọng-nhậm Giao-châu chép nhặt ở các sách có tới 5 ông. Như vậy thì người ta dù mệt nhọc về những cuộc thuyền-chuyền liên-tiếp, không còn lúc nào đậu chân mà trị nước an dân. Xem như vậy, dù biết rằng cuộc cất đặt các ông quan Tàu vào cai-trị đất Giao-châu phần nhiều

chỉ thấy chức-vị ở trên giấy tờ, nhiều người chưa hề đặt chân đến nơi mình phải cai-trị.

Về Âu Dương-Ôi, sử Tàu chép ông này trước là cùu-dịch của Trần Bá-Tiên. Hai người đã có cuộc tranh-chấp về binh-đao. Âu Dương-Ôi thua bị Trần Bá-Tiên bắt được. Vì lòng khoan-hồng của Trần Bá-Tiên, Âu Dương-Ôi không những được ân-xá lại còn được phong chức « An-nam tướng-quân, Hàng-châu thứ-sử » tức là thứ-sử châu Quảng coi cả địa-hạt Lĩnh-nam. Con Ôi là Hột đã dẹp được loạn ở huyện Thủ-yURRENT. Khi Ôi đến, dân Lĩnh-nam đều thiếp-phục Ôi ở Quảng-châu, oai khắp đất Việt, Trần Bá-Tiên phong cho Ôi làm đô-đốc Quảng, Giao 19 châu lĩnh chức thứ-sử châu Quảng vào năm 557. Xem vậy Âu Dương-Ôi có cai-trị châu Giao, nhưng vẫn đóng ở châu Quảng, chưa hề bao giờ đặt chân đến châu Giao. Con Ôi là Âu Dương-Hột làm thứ-sử châu Hành, được nối chức cha làm đô-đốc Giao, Quảng 19 châu (theo Trần-thư). Sau Âu Dương-Hột làm phản, Trần Bá-Tiên sai Chiêu-Đạt đánh, bắt được đem về Kinh chịu án tử-hình. Như vậy Hột vẫn ở châu Quảng. Theo Trần-thư và Việt-kiều-thư sau khi Âu Dương-Hột bị bắt, bọn di-lão & Giao-chỉ thường hay tụ-hop để cướp bóc. Nguyễn-Trác được phung chỉ đi hiều-du. Nhưng lĩnh-chức hiều-du, không có nghĩa là lĩnh-chức di cai-trị đặt nền móng đô-hộ ở một nước. Bảo rằng Đời-Hoảng làm thái-thú châu Minh, châu Minh thuộc nước ta không thấy sách nào chép.

Phương Thái lập trước Nam-khang tự-vương năm 572 theo Trần-thư và Nam-sử được làm đô-đốc Quảng, Giao 19 châu nhưng vẫn ở châu Quảng.

Năm 576 Trần Quân-Cao cũng làm đô-đốc Quảng-giao vỗ-vè được rõ phương nam, nhưng vẫn ở châu Quảng không hề bao giờ bước chân tới châu Giao.

Dương-Tấn và Dương Hữu-Phổ theo An-nam chí-lược và Việt-kiều-thư bản sao, thì hai người có nối-tiếp nhau làm đô-đốc châu Giao, châu Ái, cuộc tụu-chức của hai ông quan Tầu ấy không chép rõ về năm nào.

Còn Dương-Tổ thì Tùy-thư chép : Bọn Lý-Xuân ở Giao chỉ tự xưng đại-đô-đốc, đánh hầm châu huyện, nhà Tùy sai Thượng Tru-quốc nội-sử-lệnh Việt-quốc công Dương-Tổ sang đánh, nhưng đánh không được phải về. (*lai thảo vô công nhi hoàn*).

Chu Pháp-Thượng làm tông-quản châu Quế, kiêm chức Lĩnh-nam an-phủ đại-sứ vẫn ở châu Quế. *Linh Hö-Hy* làm chức tông-quản châu Quế coi việc 17 châu vào năm 589. Sử nói ông có tài chính-trị, kiêm tài tổ-chức khi đến châu Quế, thi nhân-chính mở trường dạy học, an-dân, lại xây thành đắp lũy, nhưng Hy cũng ở châu Quế.

Hầu-Mạc Trần-Dĩnh ở đời Trần Bá-Tiên làm Quế-châu tông-quản cai-trị 17 châu, đến đời Tùy Dạng-Đế (580-604) làm thái-thú quận Nam-hải, nhưng châu Giao vẫn không phải là nơi ông đặt gót trọng-niệm,

Những điều ông Nguyễn văn-Tổ biện-chứng có nhiều chỗ rất là xác-dáng. Những ông thứ-sử thời xưa ôm mang cái trọng-trách cai-trị Giao-châu, không những phải đảm-nhiệm về chính-trị, còn đảm-nhiệm về quân-sự nữa. Đất Giao-châu thời ấy đối với con mắt người Tầu là miếng đất có nhiều cửa-cải lại là một miếng đất đầy nguy-hiểm. Hạt trai lông công những đồ thô-sản phồn-mẫu không thể làm cho người ta quên tính hung-tợn quật-cường của bản-dân, những bệnh dịch-tê của khí-hậu.

Đã có biết bao nhiêu ông thứ-sử phải chùng chân trước sứ-mệnh.

Người ta e ngại sang đất Giao-châu lúc thăng-bình

huống hồ buỗi loạn-ly.

Và chẳng nước ta bấy giờ huộc vào làm nội-thuộc nước Tàu, chỉ là một châu một quận của một nước rộng lớn. Một ông thứ-sử được bổ-nhiệm có khi không phải chỉ để riêng cai-trị nước ta, mà cai-trị cả một giải Lĩnh-nam dồn xuống (tức là cả miền Nam nước Tàu và nước ta bây giờ). Lẽ dĩ-nhiên là trong cuộc thi-hành chính-trị ấy, ông thứ-sử chỉ tìm nơi nào yên-tĩnh nhất để đóng phủ-trị.

Quả có nhiều ông quan cai-trị của Trung-quốc, có nhận chức cai-trị nước ta mà không hề bước chân sang nước ta bao giờ. Và trong khi một ông thứ-sử lĩnh chức cai-trị một giải bờ cõi gồm bao nhiêu châu quận thì một miếng đất Giao-châu có nỗi lên xung vương xung bá cũng không đủ làm cho ông thứ-sử kia bị thiệt-thòi nhiều về quyền-lợi và uy-tin.

Nước ta quả có nhà Tiền-Lý, Thành Long-biên quả đã tắm gội một thời kỳ độc-lập. Đó là nơi ngưng-tụ chí tranh-dấu của dân-tộc, nó phát-sinh một thیر ánh-sáng huy-hoàng vẻ-vang về nghĩa sinh-tồn trên lịch-sử.

Chi tranh đấu độc-lập ràng buộc hệ-thống dân-tộc qua thời-dai. Khoảng có Hai Bà Trưng trước, chưa chắc đã có nhà Tiền-Lý sau này. Vì có nhà Tiền-Lý về sau mới có nhà Ngô nhà Đinh. Nhà Tiền-Lý đã gây dựng một thời-dai vẻ-vang cho nước ta trên giai-doạn bị nội-thuộc, nó đã làm lợn được sứ-mệnh trên bước đường phai-thai dựng-nghiệp của một quốc-gia. Có cuộc khởi-nghĩa quật-cường giá-trị ấy của thành Long-biên dân-tộc Lạc-Việt sau này mới xây dựng được một nước cường-lịnh ở phương Nam.

Sách Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục
« nói : Văn-lang kiến-quốc, thủ - tiêu vương-thống chí

« *nguyên, Đường-dé mệnh quan, minh yết Nam-giao chí
hiệu, Long-biên, Dạ-trạch tịnh sỉ quan hùng* » (Văn-lang
đựng nước đó là bắt đầu tiêu-biểu vương-thống, vua
Đường sai quan sang cai-trị ta gọi ta là Nam-giao. Long-
biên (Lý-Bi) Dạ-trạch (Triệu Việt-vương), đứng vào bậc
anh-hùng).

Có một điều kỳ-di là quyền sách ấy không chịu nhận
nhà Tiền-Lý vào « Vương-thống ». Những ông vua ở
triều-dai ấy mệnh - một chỉ viết chữ *hoàng* để phân
biệt với chính-thống như Đinh, Lý, Trần, Lê. v.v...

Nhà làm sử không nên quá nè ng Kami vào sự ngắn,
dài của triều-dai, mà phải nhìn vào công-lao khó-nhọc
của bậc « cùu-quốc ». Sự tiến-triển của một quốc-gia ví
như sự lưu-thông của một giòng nước. Bắt đầu phát
nguyên nó chỉ là cái suối nhỏ, rồi dần dần trên đường tiến-
hóa, nó được thửa hướong bao nhiêu thỉnh-khi của đất
đai đã thành ra tràng-giang chảy mênh-mang ra đại-hải.
Bảo rằng Hai Bà Trưng không dựng nước được lâu bền,
nhà Tiền-Lý cũng không giữ chắc-chắn được triều-dai
trong một thời-gian trường-cửu mà miệt-thị ; đó là một
ngô-diểm lớn của Khâm-dịnh Việt-sử thông-giám cương-
mục.

Thành Long-biên thời bấy giờ là kinh-dô của nhà
Tiền-Lý tức là kinh-dô của nước Việt-Nam ta. 80 năm
tự-chủ đã rời một ánh-sánh oai-hùng rực-rỡ trên lịch-sử
sau 500 năm bị lâm vào nội-thuộc. Thành Long-biên đã
cứa mình sau cơn đau-dớn của thời-dai.

Nhưng sau cái cửa mình vĩ-dai này thành Long
biên cũng bị đỗ ngã mãi mãi. Đến năm 621 thành
Long-biên đã thôi là phủ-trị của đất nước Giao-châu.
Nơi ấy đã là phủ-ly của Long-châu. Châu ấy gồm 3
huyện : Long-biên, Vũ-ninh và Bình-Lạc. Đến năm 627
Long-biên tùy thuộc vào Tiên-Châu.

Đến thế-kỷ thứ 7 thành Long-biên bị xóa hẳn tên trên lịch-sử. Hậu-Thế không còn biết đâu là di-tích thành Long-biên.

Xét ra thành Long-biên sở-dĩ bị tiêu-ma dấu-vết với hậu-thế là vì công-cuộc xây-dựng nó sơ-sài quá. Thành ấy xây-dựng lên không phải bằng đất hay bằng đá, mà bằng gỗ, đó chỉ là bức thành tạm-bợ để xứng-dung trong cuộc chiến-tranh.

Sự xây đắp tạm-bợ này còn tồn-tại mãi tới thời-kỳ Đại-la-thành. Khi đã có Đại-la-thành, sử chép đô-hộ là *Điền-Hạn* làm lũy bằng gỗ hàng năm cứ phải di dốc thuế dân. Công-cuộc ấy xét ra không chút chi ôn-thỏa.

Năm 858 *Vương-Thúc* sang làm Annam đô-hộ kinh-lược-sứ nhìn thấy sự bất-liên ở phuơng-pháp đó, nó đã gây táoán trong lòng dân, liền xử-dụng kế-hoạch khác trong việc xây thành. Ông tha hẳn thuế ngoại-phụ hàng năm cho dân khỏi vắt-vả, lấy hẳn thuế một qăm để mua thứ gỗ thích-mộc trồng khắp 12 dặm chu-vi, rồi sai đào hào đắp-lũy ở ngoài bọc tre gai thật kiên-cố.

Chỗ này ta thấy thành Long-biên tiêu-biểu cho một sự thoái-bộ của lịch-sử. Theo khảo-cố-học, người Việt xây mộ, xây thành bằng đá, và bằng gạch.

Theo Việt tuyệt-thư, nước Việt có rất nhiều thành lũy, đầu đời Hậu Hán di-tích thành-lũy của nước Việt vẫn còn; nghĩa là lõi-tiên của dân-tộc Tây-Âu hay Lạc-Việt đã có tài khéo-léo về công-cuộc xây lũy đắp thành.

Từ thời-dai Hồng-bàng công-cuộc xây-dựng của ta đã đến một trình-độ nghệ-thuật bền-bỉ.

Vào thời-dai Hùng-vương, ta đã có công-trình xây-dựng xác-mỹ ở ngôi đền làng Phù-dồng. Ta còn để lại hậu-thế hai công-trình xảo-mỹ nữa: ngôi đền *Tây-Thiên* và *Phù-Nghi* ở đốc Tam-dảo.

Trước thời-dai Long-biên-thành khoảng 500 năm ta đã có cái công-nghiệp kiến-trúc to-tát là Cồ-loa-hành, điều ấy chứng ta không phải không có tài kiến-trúc.

Liên-lâu-hành có trước Long-biên-thành cũng được xây dựng bền chặt còn đẽ lại di-tích với hậu-thế. Vậy thì vì lẽ gì Long-biên-thành lại có một công-trình đơn-sor với lịch-sử như vậy.

Ta nên hiểu lịch-sử thành Long-Biên là lịch-sử của cả một thời loạn.

Bên Tàu có những cuộc loạn liên-tiếp đẽ tranh nhau kế-vị, thì ở Giao-châu cũng có những cuộc biến-dộng liên-miên đẽ tranh-chấp quyền-hành. Thành Long-biên bị dở minh luôn không lúc nào ở được trong khung-cảnh yên-tĩnh. Một phủ-trị hay một châu-trị chưa thuộc chủ-quyền người này nồng chàn dã chuyển sang tay người khác. Người ta không còn có đủ thì giờ mà kiến-trúc nó vững-vàng. Nói rút lại thành Long-biên trong thời-kỳ ấy chỉ được xây-dựng một cách tạm-bợ, vì người ta không đủ thì giờ mà nghĩ tới sự trường-cửu ở đây tôi có một ý-niệm về sự tạm-bợ ấy.

Thành Long-biên sở-dĩ không dám nghĩ đến một công-cuộc xây-dựng bền-vững là vì nó là phủ-trị hay châu-trị của một thời-dai đô-hộ của Trung-quốc.

Một thành-lũy đặt làm cơ-quan cai-trị của ngoại-xâm trong khi chi độc-lập của dân-tộc đương lúc cựa mình thử hỏi cái thành-lũy ấy khỏi sao luôn luôn đỗ-ngã được. Nhà Tiền-Lý giành được độc-lập, thì cái thời-kỳ độc-lập ấy dã ngắn-ngủi lại nhiều giông-tổ quá. Trong thời-kỳ độc-lập nặng-nề liên-tiếp có những cuộc lo tinh chống ngoại-xâm: Bắc chống Trung-hoa, một nguồn đỗ-hộ rộng lớn, Nam chống Lãm-Ấp một dân-tộc hiếu-chiến lúc nào cũng tìm cách gây hấn với nước ta. Người

ta không đủ thì giờ nghĩ đến sự xây-dựng kiên-cố một kinh-thàuh của một quốc-gia mới phôi-thai thành-lập

Năm 767 Trương Bá-Nghi sở-dĩ xây nồi La-thành một cách kiên-cố là vì thời ấy dân Giao-châu đồng-ý tâm hiệp-lực chống-chọi với một cuộc ngoại-xâm khác còn tai-hại hơn cuộc đô-hộ này là giặc Đồ-Bàn. Sau thời-kỳ giặc cướp hung-dữ ấy La-thành lại độ-ngã trước cuộc kháng-chiến của dân-tộc.

Triệu-Xuong Trương-Đan đắp lại La-thành mẩy lần, mà đến đời Vương-Thúc còn nồi La-thành bằng gỗ đủ biết chi phẩn-đầu của dân-tộc không bao giờ dung-tung một chẽ-dộ cai-trị nào muốn ăn sâu bền rẽ trên đất nước. (5)

Thành Long-biên bị xóa dấu-vết trên cõi đất nước ta về phương-diện lịch-sử, ta cũng lấy làm tiếc một công-trình của một thời-đại tịnh-mịch đau-dòn quá, nhưng về phương-diện tâm-lý ta thấy vết thương lòng hàn dịu lại. Cái vết-thương đô-hộ 5 thế-kỷ quả thời-gian đã cố ý xóa-nhòa trong tâm-khảm ta.

Bây giờ thành Long-biên ở đâu ?

Người ta toàn ức-doán cả.

Có người cho rằng thành Long-biên ở về nơi có con sông Tháp chảy về phía Nam gần huyện Phong-khê, người ở đây gọi con sông ấy là Ngũ-huyện-khê. Có lẽ kinh-thành ở phía dưới Mai-động ở vào vị-trí làng Đông-yên gần bờ sông, làng ấy còn có người gọi là Đông-khang.

Thành Long-biên luôn luôn chịu luật xé-di của thời-đại. Đúng hơn hết, người ta cho thành Long-biên ở cách xa Tống-bình (Hà-nội) từ 17 đến 20 cây số,

về mé ấy, người ta còn thấy nhiều dinh chùa ở núi *Tiên-du*, *Long-khám*, *Tiêu-son*, *Tam-son* ở đây thực ra người ta cũng chưa rõ đâu là dấu-vết Long-biên thành. Nếu người ta tính Long-biên cách xa Hà-nội 45 dặm thì vào khoảng *Phú-khé* Từ-son là đáng chú ý hơn cả. Ta thấy ngôi chùa Bút-Tháp ở Long-tháp và ngôi chùa Long-Hoa ở *Long-biên*.

Long-biên-thành phải chăng khi xưa vị-trí ở nơi đây ?



CHÚ-THÍCH

(!). SỰ LẠM DỤNG DÂN-LỰC CỦA CÁC VUA CHÚA THỜI XƯA.— Theo Nho-giáo, các ông vua ngày xưa như Đường-Nghiêу, Ngu-Thuấn, cho tới Võ, Thang, Văn, Võ đều lấy dân làm trọng, khi phải dùng đến dân-lực rất là dè-dặt. Dù xây một cái lâu-dài, thành-quách nào cũng phải thuận theo ý dân. Ông Mạnh-Tử đã cực-tả cái nghĩa « dân vi quý » cho các vua đời Chiến-quốc nghe. Có một đoạn ông đã nói cái nghĩa của ông vua khi dùng dân-lực.

Hôm ấy « ông Mạnh-Tử yết-kiến vua Lương-Huệ-vương. « Vua đứng trên bờ ao, nom con chim hòng chim nhạn con « hươu con nai mà nói rằng : « Người hiền-giả có vui thế này « chăng » ? Ông Mạnh-tử đáp : « Chỉ có người hiền-giả mới vui « được thế này, người bất-hiền thì tuy có thế này cũng không « vui được, Kinh Thi có câu : « mới bắt đầu xây dựng Linh- « đài, nào kinh nào doanh, dân một lòng giúp công, chưa đầy « một ngày đã xong. Vua bảo làm chàm-chàm, nhưng dân đến làm « tặn-lực. Vua ở chốn Linh-viên, hươu nai ăn nấm yên-ôn, « hươu nai bèo phảy-phảy, chim bạch-điều trắng muôn-muốt, « vua ở tại Linh-chiều, có đầy cá nhầy. Vua Văn-Vương lấy « dân-lực làm lâu-dài, đào ao, mà dân lấy làm vui-vẻ, gọi « đài là « Đài-thiêng » gọi ao là « Ao thiêng », lấy làm vui rằng « vua có hươu, nai, cá, giải. Đangkan cõi nhán cùng dân cùng vui « nên được vui vây. »

« Thiên Thang-Thê nói : « Ông mặt trời kia bao giờ mất « để ta mất theo người ». (chỉ vua Kiệt) Dân đã muôn mất theo « vua. Thị dân có lâu-dài, ao cá, chim muông cũng không một « mình vui được ».

« Mạnh-tử kiến Lương Huệ-vương, vương lập ur chiêu_ « thương, cõi hồng, nhạn, my lộc, viết : «hiền-giả diệc lạc thủ hồ »? « Mạnh-tử đổi viết : « hiền-giả nhi hậu lạc thủ, bất hiền-giả tuy

« hữu thủ bát lạc dã. Thi văn : « kinh thủy Linh-dài, kinh chi
doanh chi, thır-dân công chi, bát nhật thành chi, kinh thủy vật
cúc, thır dán tử lıc, vương tại Linh-viên, my lộc du phục, my
lộc trạc trạc, bạch-diều hạc hạc. Vương tại Linh-chieu, ô
nhận ngư được ». Văn-vương dĩ dân-lực vi dàt vi chieu, nhí dân
hoan lạc chi, vị kỵ dài viết « Linh-dài », vị kỵ chieu viết « Linh-
chieu » lạc kỵ hữu my, lộc. ngư, miết. Cồ chí nhán dĩ dân gai
lạc cồ nǎng lạc dã.

« Thang-Thệ viết : « Thời nhát hật tảng, dư cấp nhữ gai
vong. Dân dực dĩ chi gai vong, tuy hữu dài trì diều thú
khởi nǎng độc lạc tai » ?

Về sau này những ông vua dù không độc-ác như « Kiệt,
Trụ » cũng lạm-dụng dân-lực xây đắp lòng ich - kỷ. Lâu
dần đó đã thành tập-tục.

Kim tự-tháp, Vạ n-ly-trường-thành, đèn Đế-thiên Đế-
thích đều là công - trình xương máu của dân dưới thời-đã
chuyên-chế.

Cái chẽ-độ « kiệt-dân-lực » để cung-cấp cho đời xa-xỉ
của vua chúa, ở nước ta mãi tới triều-đại Gia-Long vẫn còn
duy-trì.

(2) CHUYỆN SU-TỦ GIÀ ĐÁNH VOI THẬT. — Chuyện
sư-tử giả đánh voi thật do Tông-Xác nghĩ mưu để thắng Phạm
Đương-Mại cũng chẳng khác trận Trương-Phụ và Mộc-Thạnh
tướng nhà Minh thắng Hồ Quý-Lý.

Sử chép khi Trương-Phụ và Mộc-Thạnh kéo sang đánh họ
Hồ, sai viết hịch vào tấm ván thả xuống giòng sông, cho trôi về
các miền để phá tán dân-tâm.

Vì trận đòn cân-não ấy dân ta theo về với quân nhà Minh
rất nhiều, quân Minh được đại-thắng quân Hồ phải lui về giữ
thành Đa-bang.

Chỗ thành Đa-bang quân Hồ lập đòn ải liên-tiếp ở phía
Nam sông Thao và sông Cái (Hồng-hà, cho cắm cọc giữa giòng
sông để ngăn quấn địch, đợi địch mỏi mệt mới ra đánh.

Quân Minh mưu-đò cuộc tiến-binh, chỉ còn có thành Đa-
bang là bức tường cuối cùng kháng-chiến ngăn-cản. Mộc-

Thạnh bàn với Trương-Phụ :

« Quân An-Nam lập đồn đóng dọc theo bờ sông, quân ta sang không được. Thành Đa bang này lũy cao-hào sâu. Nhưng dǎng trước cò bãi cát rất tiện cho cuộc dǎo-bộ, ta lại có đủ « chiến-cụ đánh thành. Đánh, thành phải đỗ. »

Trương-Phụ bèn hạ-lịnh :

« Quân kia trông cậy có thành này, mà ta lập công cũng ở đó, hễ quân-sĩ ai lên được trước thì có thưởng to.

Ngay đêm hôm ấy, lửa sáng rực trời, tù-và thời inh-đi Trương-Phụ Hoàng-Trung đánh mặt Tây-Bắc, Mộc-Thạnh Trần-Tuấn đánh mặt Đông-Nam, dùng thang vàn-thê đê lên thành. Quân Hồ đương cự núng nhè phải lui vào thành. Sáng hôm sau đào thành cho voi ra đánh. Quân Minh lấy hình sư-tử giả trùm lên đầu ngựa-xung-phong và dùng súng bắn rất ráo, voi thấy vậy hoảng sợ quay đầu chạy vào, quân Minh theo chàm voi kéo đat vào thành. Thành vỡ, quân Hồ thua to, phải chạy về Hoàng-giang. Quân Minh thừa thắng đánh tràn xuống sông Cái, dốt sạch đồn ải, rồi tiến lên bức Đông-dò. (Thắng-long).

Vì vỡ trận này mà Hồ-Quý-Lý bị bại-vong, phải bắt làm tù-binh và bị giải về Trung-quốc.

Trận sư-tử giả thắng voi thật này Tông-Xá chủ-trương vào năm Bình-Tuất (468) Trận Mộc-Thạnh và Trương-Phụ theo quy-mô ấy cũng vào năm Bình-Tuất, (406) Hai trận cách xa nhau gần 10 thế-kỷ, rất giống nhau về kết-cấu là cùng đánh một đòn quyết-liệt vào địch-thủ làm cho địch-thủ tan vỡ cơ-dồ không còn phượng khôi-phục.

Phải chăng cuộc chủ-trương này Trương-Phụ và Mộc-Thạnh đã đánh cắp của Tông-Xá.

(3) TRIỆU QUANG-PHỤC. — Chuyện Triệu Quang-Phục do ông Hồ-Thiện lấy ở chuyện thần-thoại làng Đốc-bộ thuộc huyện Đại-an tỉnh Nam-định. Trong vùng ấy hiện Triệu Quang-Phục làm Thành-hoàng 15 làng trên bờ sông Đáy. Những làng ấy bây giờ thuộc hạt Ninh-bình và Nam-định. Đền thờ ở đây có từ rất xưa. Sự-lịch của nhà vua nghe nói ở vùng Bắc-ninh, được làng Đốc-bộ chép lấy. Bây giờ tại địa-hạt Vũ-ninh-san cũng có đền thờ, tương-truyền rằng kinh-thanh nhà vua xưa ở gần đây.

Nhưng từ đầu đời Lê, chính-tử là ở làng Đốc-bộ (hiện bày

giờ hãy còn). Đến thế-kỷ thứ 16 đèn thờ ấy bị phá mất nửa. Năm 1555. Cậu Mạc phúc-Nguyên là Mạc kinh-Điền khi vào Thành-hóa qua nơi này thấy đèn thờ tồi-tàn liền sai đại-tướng quân Tuy Quận-công Tạ vĩnh-Dịch coi sóc việc xây-dựng lại.

Tuy Quận-công thấy đèn thờ ở gần bờ sông không được lợi-địa liền sai xây lui từ vị-trí cũ về ít chút. Cái đèn thờ ấy bể thế rộng lớn 12 đường cột làm trong 3 năm (1555-1558) mới hoàn-thành và sau còn trải nhiều cuộc trùng-tu bây giờ là đình làng Đốc-bộ.

Hiện bây giờ ngoài đèn thờ nhà vua ở làng Đốc-bộ, người ta còn thờ nhà vua ở làng La-phù, làng Bạch-cử thuộc tổng La-mai, Tiên-yên và xóm Mai-thôn làng Phương-mai, thuộc tổng Yên-ninh, huyện Yên-khánh (tỉnh Ninh-binh). Làng này ngay trước mặt làng Đốc-bộ bên kia sông Đáy. Ở đèn thờ nơi đây còn phô 3 vị công-chúa của nhà vua.

Hiện có 3 lần hội :

- 1-) Hội Đản-sinh của đức vua.
- 2-) Hội Đản-sinh của 3 vị công-chúa.
- 3-) Hội kỷ-niệm ngày mệnh-chung của nhà vua và 3 công-chúa.

Hai ngày hội trên ở các làng có nơi vào ngày 6 tháng giêng, có nơi vào ngày 3 tháng 5. Hai kỳ hội ấy đều tổ-chức tương-tỷ nhau. Nhưng kỳ thứ 3 ở các nơi có khác.

Ở Đốc-bộ, hội mở vào ngày 13 tháng 8. Những làng ở-tổng La-mai mở vào ngày rằm tháng 7. Những làng ở-tổng Duyên mậu mở vào ngày 14 tháng 8. Lễ mệnh chung là lễ chính ở làng La-mai, nên họ giết một con lợn (con heo) đen.

Vào ngày hội sinh-nhật của các vị công-chúa, trai gái đua nhau lên tiếng hát ghẹo nhau. Những làng ở tỉnh Bắc-ninh đều theo thủ-tục của làng Đốc-bộ.

Năm Trung-hưng thứ I đời Trần (1285), nhà vua được truy-tặng « Minh-dạo hoàng-dế » năm thứ IV (1288) thêm hai chữ khai-cơ. Năm Hưng-long thứ 2f (1314) thêm 4 chữ : « Thành-liệt thắn-vũ ».

« Minh-dạo khai-cơ thành-liệt thắn-vũ hoàng-dế ».

Về đời Trần, Triệu Việt-vương rất được nhiều người sùng-

bái. Đền thờ nhà vua là cái nguồn chảy hội tấp-nập của khách thập-phương. Họ đến đây cầu-tự và cầu khôi bệnh-tật, vì theo tục-truyền thì thời ấy Ngài rất hiền-linh.

Có lẽ thời ấy, người ta chảy hội đền thờ vua Triệu, cũng như ta chảy hộ Kiếp-bạc (đền thờ đức thánh Trần) bây giờ. (thuật theo Maspero).

(4) LÝ PHẬT-TỬ. — Theo sử thi Lý Phật-Tử sau bị bắt làm tù-binh và mệnh-chung ở bên Trung-quốc. Đền thờ chính của nhà vua ở cửa sông Hồng-hà tên là *Tiều-nha* tại xóm *Bắc-thôn* làng *Quán-xá* tỉnh Ninh-bình. Sở-dĩ người sau làm đền thờ ở đây để đổi chiếu với đền thờ Triệu Việt-vương ở Đại-nha. Ở nơi kinh-thành cũ của nhà vua là nơi nhà vua đã tranh-chấp chính-quyền với Triệu Việt-vương cũng có đền thờ con cháu. Ở làng *Thượng-mỗ* và *Hạ-mỗ* thuộc huyện *Tử-liêm* (nay là phủ Hoài-đức) có mả người con thứ tám của Lý Phật-Tử và có cả đền thờ vị hoàng-tử ấy. Nhã-Lang thì có đền thờ ở làng *Bạc-xuyên* huyện *Gia-lộc* tỉnh *Hải-dương* đó là nơi sinh-quán của thân-mẫu Hoàng-tử và cũng là nơi Hoàng-tử đã chống quân Tầu.

Nhã-Lang còn có đền thờ ở làng *Đồng-lư* huyện *Yên-sơn* tỉnh *Sơn-tây*. Đó là nơi Hoàng-tử đã vất gươm kháng-địch. Có con rồng xuồng đón ở làng *Chu-tràng* huyện *Tiên-phong* nơi ông về ở lần sau khi phụ-thân mệnh-một.

Nơi thờ Hoàng-tử Nhã-Lang ở làng *Đồng-lư* có lẽ là nơi trọng hơn nơi trên. Vì những làng bên kia bờ sông Nhị như làng *Bồng-mạc* huyện *Yên-lãng* tỉnh *Phúc-yên*, làng *Bàn-mạch* huyện *Bạch-hạc* đều hướng cả về nơi này coi đó mới là chính-tử.

Năm Trung-hưng thứ I nhà Trần (1285), Lý Phật-Tử được truy-tặng là *Anh-liệt Hoàng-dế*. Năm thứ IV (1288) thêm hai chữ «*nhán-hiếu* ». Năm Hưng-long thứ 21 (1314) thêm 4 chữ *khâm-minh, thánh vũ* : « *Anh liệt nhán hiếu khâm minh thánh vũ Hoàng-dế* ». (theo Maspero).

(5) SỨC ĐỒNG-HÓA CỦA NGƯỜI TẦU, VÀ TÌNH-THÂN ĐỘC-LẬP MẠNH-MẼ CỦA DÂN-TỘC TA. — Cuộc mưu-dò đồng hóa dân-tộc Bách-Việt ở phương Nam người Tầu đã thi-hành triệt-đè.

Trong đời Trần-thủy Hoàng-dế, 5 đạo quân Nam-chinh hầu như đã làm lợn được sú-mệnh. Đồng-việt trung-tâm-diểm là

Vĩnh-gia (thuộc Ôn-châu trong tỉnh Chiết-giang ngày nay). Mân Việt trung-lâm-diêm là Mân-huyện, (thuộc Phúc-châu tỉnh Phúc kiến ngày nay) đều bị thiếp-phục. Nam-Việt chưa có tinh-thần quốc-gia chặt-chẽ nên cũng bị cai-trị một cách dễ-dàng. Đến dân-tộc Lạc-Việt, Hán-tộc đã vấp vào một thất-bại nặng-nề : quan Đồ-thư chết, và hàng vạn quân-sĩ chết theo.

Đến đời Hán năm thứ 3 đời Võ-dế, đối với những dân-tộc bị chinh-phục, Hán-tộc đã làm lợn sứ-mệnh, mà đối với dân-tộc ta, họ lại vấp ngã đau thương.

Năm (138 trước T.C.) Nghiêm-Trợ lấy cớ cứu nạn đói di một phần lớn dân-tộc Đông-Âu hay Đông-Việt đến miền Giang, Hoài, 15 năm sau Đông-Việt bị tiêu-diệt. Mân-Việt thì bị quân Nhà Hán uy-hiếp trừng-phạt tội không đem quân ứng-tiếp cho « thiên-hình » để đánh Lã-Gia. Có cuộc di dân to lớn : đem một số lớn dân-tộc Mân-Việt đến vùng Giang, Hoài. Vì vậy dân-tộc Mân-Việt cũng mất nốt.

Còn dân-tộc Nam-Việt trong thời-đại Triệu-Dà, Tân-dinh đã lấy cớ giúp việc may áo cho quân-sĩ gửi tới thành Phiên-ningung 15.000 dân-bà. Dân-tộc Nam-Việt vì vậy cũng bị đồng-hóa một cách dễ-dàng trước khi bị chia làm quận, huyện về đời Hán.

Đến như dân-tộc Lạc-Việt, từ đời Hán trở đi đã bị đô-hộ rất nặng-nề khe-khardt trong 10 thế-kỷ. Vậy mà dân-tộc Lạc-Việt lúc nào cũng chối vây đời độc-lập. Có cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng, lại có cuộc khởi-nghĩa bần-bĩ của Lý-Bi.

Rồi sau nhà Ngô, nhà Đinh dựng cờ độc-lập. Rồi có cuộc phạt Tống, kháng Nguyên, chém Liễu-Thăng, đuổi Tôn-Sĩ-Nghị và cuộc Nam-tiến.

Những sách tham-khảo

- | | |
|--|-----------------|
| 1 — Le Tonkin ancien. | Madrolle. |
| 2 — L'Indochine. | Maspero. |
| 3 — Essai d'Histoire d'Annam. | Patris. |
| 4 — Études d'Histoire d'Annam. | Maspero. |
| 5 — Les premières conquêtes chinoises des pays annamites | Aurousseau. |
| 6 — Les pagodes de Hanoi | Dumoutier. |
| 7 — Hanoi. | Gaden. |
| 8 — Triệu vũ-Đế. | Dumoutier. |
| 9 — Les Annales impériales de l'Annam. | A. des Michels. |
| 10 — Premières études sur les sources des annamites de l'Histoire d'Annam. | Cadière. |
| 11 — Albrégé de l'Histoire d'Annam | Schreiner. |
| 12 — Histoire nouvelle et curieuse des royaumes du Tonkin | Marini. |
| 13 — La dynastie des Lý antérieurs | Maspero. |
| 14 — Les annamites avant la dynastie des Hán. | Aucourt. |
| 15 — Histoire ancienne et moderne de l'Annam. | Launay. |
| 16 — L'Empire d'Annam. | Gosselin. |
| 17 — Collection de textes et documents sur l'Indochine | Gaspardonne. |
| 18 — L'Indochine dans le passé. | Boudet. |
| 19 — L'Archéologie du Tonkin et les fouilles de Đông-son. | Golouben. |
| 20 — Légendes historiques de l'Annam et du Tonkin. | Dumoutier. |

- 21 — Histoire ancienne des peuples de l'Orient classique. Maspero.
- 22 — Indochine Nord. Maspero.
- 23 — Histoire des relations de la Chine avec l'Annam. Deverla.
- 24 — Abrégé de l'Histoire d'Annam. Patris.
- 25 — Les archives des Empereurs d'Annam et l'Histoire annamite. Boudet.
- 26 — Introduction à l'Etude de l'Annam. Yves Claeys.
- 27 — Les anciennes fortifications de Saigon. Malleret.
- 28 — A la barre de l'Indochine. Amiral Decoux.
- 29 — La sociologie d'une guerre. Paul Mus.
- 30 — Le Pays d'Annam. Luro.
- 31 --- Hanoi pendant la période historique. Masson.
- 32 --- Hanoi et ses environs. Madrolle.
- 33 --- Đại-nam nhất-thống-chi.
- 34 --- Hoàng-Việt địa-dư-chi
- 35 --- Khâm-dịnh Việt-sử thông-giám cương-mục.
- 36 --- Tạp-chi Nam-Phong.
- 37 --- Tạp-chi Tri-Tân.
- 38 --- Việt-nam sử-lược. Trần Trọng-Kim.
- 39 --- Lý thường-Kiệt. Hoàng Xuân-Hãn.
- 40 --- Quốc-sử diễn ca. Lê Ngõ-Cát.
- 41 --- Nguồn gốc dân-tộc Việt-Nam. Đào Duy-Anh.
- 42 --- Lịch-sử xã-hội Việt-Nam. Hoàng Thúc-Trâm.
- 43 --- Việt-nam văn-hóa sử-cương. Đào Duy-Anh.

Mục - lục

	Trang
TỰA.	5
LỜI NÓI ĐẦU	
Định nghĩa HÀ-NỘI	7
*	
NHIỀNG TRANG LỊCH-SỬ CÓ TRƯỚC HÀ-NỘI.	63
Thành Cô-Loa	95
*	
THÀNH LIÊN-LÂU VÀ THÀNH LONG-BIÈN.	111
THÀNH LIÊN-LÂU.	115
— Cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng hay là sự đánh chiếm Liên-lâu-thành.	125
— Sự hấp-thụ văn-minh Trung- quốc của nước ta dưới thời Sĩ-Nhiếp cai-trị thành Liên-lâu.	138
THÀNH LONG-BIÈN.	163
— Thành Long-biên và nhà Tiền-Lý.	192
— Triệu Quang-Phục và Lý Phật-Tử.	200

CẢI - CHÍNH

Trang	giờng	Những chữ và câu sắp sai	Xin đọc là :
35	3	Hồ chí-Minh	Hồ chí-Minh
42	cuối cùng	dứt	dứt
65	31	Nghiêu-diễn	Nghiêu-diễn
75	10	souveraineté	suzeraineté
91	19	Tiêm Cù nghĩa thư	Tiêm Cù nghĩa thủ
101	5	., công thùy thanh sử. Thành quách do tồn. .	Công thùy thanh- sử. Tát sóc Tư- long, Hải-nam sùng tự. Thành quách do tồn... .
123	6	Hòa phong-pháp	Hòa phong-tháp
199	16	gần nửa thế kỷ	già nửa thế-kỷ.
222	3	Điều ấy chúng ta	Điều ấy chúng tớ chúng ta

Xin đón xem :

Quyền nhì

THÀNH DAI-LA

Và

THÀNH THĂNG-LONG

Cuốn Hà-nội in lần thứ nhất 2.000 cuốn
1.500 cuốn thường, 500 cuốn loại đặt-biệt
dành riêng cho những người yêu sách đẹp
và 30 cuốn in trên giấy thượng-hạng (không
bán) đều có chữ ký của tác-giả.

Giấy phép số : 474 T. X. B. ngày 28-5-53

In tại nhà in
THANH - LONG
150/9 đường Frère-Louis Saigon.
Tél. 23.501

SAP PHAT-HANH



ĐÒ'I NGU'Ò'I
TRONG
NÉT
BÚT

của

HUỲNH - MINH

Giấy phép số 474 T.X.B. ngày 28-5-1953

GIÁ { Nam : ~~45.000~~
Trung Bắc : ~~45.000~~